VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

XUÂN NHÂM THÂN

SỐ 70 VÀ 71 THÁNG 12-91 VÀ 1-92

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

BAN CHỦ BIÊN:

Nguyễn Mộng Giác ✡ Nguyễn Xuân Hoàng ✡ Cao Xuân Huy ✡ Hoàng Khởi Phong ✡ Trịnh Y Thư ✡ Khánh Trường ✡ Trương Vũ

•

Chủ bút: Trịnh Y Thư

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Mỹ thuật: Khánh Trường

•

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912

•

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow N.S.W. 2211 Australia. Tel: (02)771.1770

•

Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học

P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA

Phone: (714) 898.9074

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

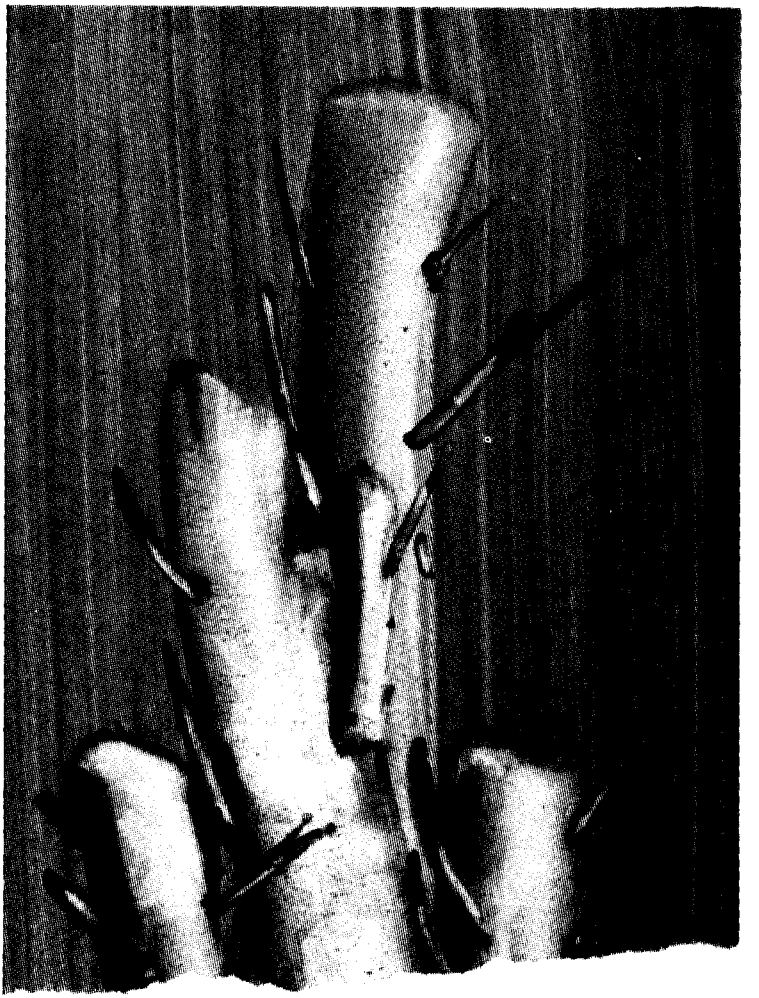

Cung Chúc Tân Xuân

Văn Học xin kính chúc quý độc giả, văn, thi hữu
một mùa xuân an khang và hạnh phúc

HUỲNH HỮU ỦY

một loại tranh tôn giáo dân gian miền nam *

Kho tàng nghệ thuật của đất nước ta dần dần đã được hệ thống hóa toàn bộ. Tuy thế có một số tài liệu, di tích, di vật còn nằm rải rác nhiều nơi, đặc biệt ở các vùng nông thôn, nơi các chợ quê, giữa các khu đình miếu, chùa chiền hoang vắng, giữa các lễ thức tôn giáo còn rơi rớt hết sức mờ nhạt của một thời cũ kỹ, lạc hậu, vẫn chưa được hoàn toàn để tâm nghiên cứu một cách đúng mức.

Trong địa bàn Sàigòn, Gia-định và vùng ngoại vi, nói rộng hơn là vùng Nam-bộ của tổ quốc, chúng ta ghi nhận được một mảng tranh với những đường nét hết sức mộc mạc, giản dị, chân chất mà vô cùng độc đáo, một loại tranh mộc bản thuộc tín ngưỡng dân gian đã tồn tại từ bao nhiêu đời qua, là một số hình vẽ bày bán nơi các cửa hàng vàng mã, hôm nay xin chọn riêng ra vài tấm giữa một sưu tập bề bộn để giới thiệu ở đây, cốt yếu có được một sự thống nhất, hài hòa về ý nghĩa, nội dung cũng như hình thức và xin có vài ghi chú nhỏ.

Tranh dân gian của ta có một nguồn gốc sâu xa lâu đời được nhân dân vô cùng yêu chuộng, đặc biệt là dòng tranh miền Bắc với làng Hồ (Hà-bắc) và Hàng Trống (Hànội). Dòng tranh ở Huế không được phát triển mạnh nhưng cũng rất đáng lưu tâm vì những biểu lộ địa phương đáng kể. Dòng tranh dân gian Nam-bộ cũng thế, trong quá trình lịch sử, chưa trở thành một nhu cầu nghệ thuật phổ biến và cao cấp của nhân dân nhưng đã biểu

H.9- Nhà cửa, thủy binh, voi, ngựa...

lộ được tính cách và màu sắc của một vùng văn hóa địa phương, giữa nền văn hóa thống nhất chung của toàn bộ đất nước.

Trong tinh thần ấy, các tấm tranh giới thiệu ở đây được gọi chung là *Đồ Thế*, dân chúng mua cúng rồi đốt vào những ngày đầu năm, hay để *cúng sao, giải hạn* vào những *năm xung tháng hạn*, nghĩa là vào thời kỳ có nhiều điều không may, thời kỳ có tai ách dở trong sổ tiền định của mỗi người (1).

Loại tranh này cũng rất phổ biến ở miền Trung, chỉ khác ở tên gọi và cách thể hiện tạo hình mà thôi. Tại Huế có làng Sình, một làng ven biển, cách trung tâm thành phố 7 km, vẫn chuyên in ấn các tấm tranh cúng *thế mạng* ấy gọi chung là các "*Con ảnh*", dùng để cúng rồi đốt đi để chịu mọi tai ách thay người.

Các hình vẽ trong bộ *Đồ Thế* trình bày ở đây có nhiều điểm thực hết sức độc đáo, thích mắt, rất Việt Nam mà lại rất miền Nam.

Hình *Người Nam* và *Người Nữ* (Hình I và II) vẽ một người đàn ông đội mũ văn quan, người đàn bà bím tóc, cầm quạt với hai chữ chú thích nơi góc: *Nam, Nữ*. Trên tranh vẽ người nam có một mảnh hình chữ nhật tựa như chiếc bài ngà, trên tranh vẽ người nữ có một mảnh hình thuẫn tựa như chiếc kim bội. Không những chỉ có ý nghĩa của một dấu hiệu hay đồ trang sức, hai mảnh hình này cũng có thể gợi cho ta ý niệm *vuông – tròn* trong tư tưởng người Việt cổ. Cũng như hình I và II, trong cùng một ý nghĩa, đôi lúc lại được nghệ nhân biểu đạt theo một lối khác (Hình III và IV).

Nếu ở Á Đông, chữ viết đã là một nghệ thuật thì điều ấy cũng có thể thấy được ở đây: Hai chữ *Nam* và *Nữ* với những đường nét gãy khúc của nó, khi cứng khi mềm, điểm xuyết cho bức tranh, đối xứng với chiếc kim bội và cái bài ngà mà tạo cho bố cục bức tranh thêm chặt chẽ. Toàn bức tranh vẽ được dựng bằng những đường nét mộc mạc, ngô nghê bởi các đường viền chung quanh khá mạnh mẽ và chắc nịch (*contours fermes*). Tuy rất trầm nhưng lại sống hẳn trên tấm nền màu đỏ ngả sậm, dễ đưa đến một thế giới đầy sự hòa hợp kỳ lạ giữa đường nét ngây thơ và màu sắc đơn giản ấy.

Hình V vẽ *Bà Mẹ Độ (Thánh Mẫu)* với *Kim Đồng, Ngọc Nữ* đứng hầu hai bên, phía đàng sau là thiếu nữ chăm sóc cảnh vườn của bà đang tưới nước lên chậu hoa kiểng. Toàn cảnh được một *Ông Hổ* trấn giữ.

H. 1- Người nam

H.2- Người nữ

H.5- Bà mẹ độ

H.4- Bản vẽ khác của người nữ

H.3- Bản vẽ khác của người nam

Cách bố cục tấm tranh vẫn nằm trong truyền thống của nghệ thuật mộc bản dân gian, chú trọng vào ý nghĩa mà sắp xếp và nhất là cốt thế nào để làm đầy được bức tranh trong một trật tự hợp lý và mỹ thuật. Tất cả đều xuất hiện trên một bình diện, từ trên cao nhìn xuống (*plan cavalier*), nhưng thay vì vẽ theo quy tắc viễn cận, với những nhân vật gần to, xa nhỏ, người ta lại vẽ lớn nhỏ tùy ý, có thể lớn gần bằng nhau dù xa hay gần và lại chồng lên nhau thành nhiều tầng. *Thánh Mẫu* ngồi đàng trước lớn nhất, vì là nhân vật quan trọng chủ chốt; *Kim Đồng, Ngọc Nữ* nhỏ hơn; người nữ phía sau còn nhỏ hơn nữa. *Ông Hổ* là nhân vật quan trọng hơn người nữ chăm sóc vườn tược phía trước, nên phải lớn hơn người nữ ấy. Với lối bố cục đó, mặt phẳng của toàn tấm tranh thực hết sức đầy đặn, tránh được những khoảng trống, cách sắp xếp hồn nhiên này cũng như lối trình bày những hình người và các con vật trên bờ thành cũ của nền văn minh Ai-cập, hay là những hình ảnh mô tả cảnh sinh hoạt của nhân dân, những cảnh chiến đấu trên các chiến thuyền mà những chiến sĩ, chiến thuyền, các đàn cá bơi lượn chồng lên nhau lớp lớp ở Ăng-ko Thom chạm đá từ đầu thế kỷ XIII của những nghệ nhân Khmer trên đất nước láng giềng Kampuchea, tất cả đều gợi lên một thứ nghệ thuật trang trí gắn liền với sinh hoạt đời sống của con người.

Trên tấm tranh này, ngoài *Thánh Mẫu* thì *Ông Hổ* là một hình tượng rất đáng lưu ý. Hổ là con vật hung mãnh của núi rừng, đặc biệt trong vùng khí hậu nhiệt đới như xứ ta, núi cao, rừng rậm chiếm một diện tích lớn trải dài theo suốt chiều dài đất nước, Hổ gây nhiều tai họa cho con người, Hổ tượng trưng cho sức mạnh và cũng vì thế Hổ được thần thánh hóa trong các tôn giáo dân gian. Giữa nơi am miếu, nhất là ở các nơi thờ phượng của tín đồ đạo đồng bóng, bao giờ cũng có *Ông Hổ* trấn giữ. Trong dòng tranh dân gian Bắc- bộ, tranh *Ngũ Hổ Thần Tướng, Hắc Hổ Thần Tướng, Bạch Hổ Thần Tướng*, đã khẳng định một giá trị nghệ thuật khá cao, đã được thanh lọc và bền vững qua thời gian. Không chỉ xuất hiện nơi tranh dân gian, nơi các chạm khắc gỗ của các đình làng miếu mạo, Hổ cũng còn có mặt giữa các lăng tẩm chính thống của các triều đại phong kiến quá vãng như ở lăng mộ Trần Thủ Độ, giữa lăng mộ các vua Lê (Lê Thái Tổ, Lê Thái Tông) ở vùng Lam-kinh. Hình tượng Hổ quả là hết sức quen thuộc với đời sống tinh thần và nghệ thuật của đất nước. Ở đây cũng thế, *Ông Hổ*

xuất hiện cũng trong chiều hướng chung đó, trong một thế động rất uy mãnh, đứng tấn vững chắc, đuôi vẩy cao, sẵn sàng bảo vệ mình, bảo vệ khu vườn Thánh Mẫu và tấn công kẻ thù. Để quân bình với nét động của *Ông Hổ*, phía bên dưới người họa sĩ dân gian đã hết sức tài tình đặt thêm vào một hình thoi rất tĩnh gồm hai đường viền chồng lên nhau và một vạch ngang đậm dưới chân Hổ, cắt ngang tấm tranh, tạo cho toàn bộ tấm tranh một vẻ hài hòa tuyệt đẹp.

Về mặt nội dung, xin có một nhận xét nhỏ: Các nhân vật trên tấm tranh này xuất hiện gần như trong không khí của những vị thánh nhân, của các nhân vật được thờ trong đạo đồng bóng trước đây, nhưng đã giản lược bớt đi nhiều (2). Và nếu quả thật đạo đồng bóng có một nguồn gốc sâu xa gắn liền với sự sinh thành của nền văn minh Nam Á, là tín ngưỡng cổ sơ của tinh thần vật linh ma thuật (*aminisme magique*), chúng ta có thể nghĩ đến nguồn gốc xa xôi của các tấm tranh này chăng? Hơn thế nữa, còn có thể đẩy vấn đề đi xa, suy nghĩ về những tấm tranh cùng loại, mang nội dung tương tự miền Trung và miền Bắc, khởi nguyên là tranh vẽ bùa, tranh thờ cúng, để thấy rằng tất cả tranh dân gian của ta đều khởi đầu từ một nguồn gốc chung như trăm cành của một cội.

Trước khi trở thành nhu cầu thẩm mỹ thì tự thân nó đã là một nhu cầu thiết thân dù đầy vẻ thần bí nhưng là thực dụng của con người. Trước khi trở thành tranh trang trí, làm đẹp cho đời sống, phải là tranh tôn giáo đáp ứng cho những đòi hỏi cao nhất của con người. Vậy nên, tranh dân gian của ta không phải chỉ bắt đầu từ thế kỷ XI – XIII như nhiều nhà nghiên cứu xác định, mà có lẽ còn xa xôi hơn nhiều trong thời gian và lịch sử đất nước. Trở lại với tấm tranh này, tất nhiên phải được hiểu là đã thiên di theo dòng sinh hoạt của đất nước từ cái nôi gốc ở miền Bắc, thay đổi qua một thời kỳ dài ở miền Trung, dừng lại ở miền Nam rồi tự biến chuyển và định hình thành một thế giới riêng.

Hình VI vẽ *mười hai vị thần* chi phối theo thập nhị chi (Tí, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi). Những ảnh hưởng trong trời đất đối với con người, giữa thế giới vô hình và đời sống hữu hình, được thực hiện hóa bằng mười hai vị thần (*thập nhị thời thần quan sát*) có nhiệm vụ quan sát và chăm nom đời sống loài người; có quyền định tội và giải tội cho mọi người. Nhìn vào hình vẽ này, chúng ta thấy ngay một điểm rất rõ

ràng, vào những thời quá vãng xa xăm trong lịch sử, khi mà ánh sáng khoa học chưa đủ chiếu tỏa khắp nơi, cái nhìn của con người còn nhiều hạn chế trước thiên nhiên, chưa thể giải thích được thiên nhiên, thì vũ trụ huyền bí bấy giờ vẫn chỉ là một cái gì gần gũi, thân mật, được hình tượng hóa qua cuộc sống bình thường, khi thì đầy lo âu, trắc trở, bi thảm nhưng có khi hết sức vui tươi, lạc quan, yêu đời và cũng không kém phần ngộ nghĩnh. Cho nên thời gian trong một giáp đã hiển hiện trở lại trong tâm trí con người thành mười hai vị thần và rất gần với con người, chỉ là mười hai quan viên ta thường gặp nơi chốn cung đình, triếu miếu, phủ huyện hay ở cả giữa các đình làng, họ tộc.

Hình VII, vẽ nhà cửa, thuyền bè, một số vật dụng: gương, lược, quạt, kéo, bình rượu, đao, bát, súng, võng nằm, một số thú vật tính theo 12 chi của một giáp: trâu, ngựa, rồng, rắn, lợn, gà, chó, mèo, khỉ, chuột, cọp, dê. Tất cả các con vật này đều nhỏ bằng nhau, chỉ có con *Rồng* là được vẽ thật lớn, bởi quan niệm *Rồng* là một linh vật hùng vĩ, tượng trưng cho Hành đầu tiên trong Ngũ Hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ). Rồng rất uy mãnh, đứng đầu trong hàng Tứ Linh (Long, Lân, Quy, Phụng), với một hình dáng khác thường, đầu giống đầu đà, sừng giống sừng nai, mắt giống mắt thỏ, tai giống tai bò, cổ giống cổ rắn, móng giống móng chim ưng, chân giống chân cọp, trên lưng lại có 81 cái vảy, số 81 là 9 x 9 là số cực dương, nên dưới các triều đại phong kiến cũ, Rồng được tầng lớp thống trị chọn làm biểu hiện cho đỉnh cao quyền lực, biểu hiện của Vương Đế. Rồng là loài vùng vẫy dưới nước, lại có thể theo các vầng mây mà bay lên, tung lượn trên bầu trời và phun các cơn mưa xuống đất đai, mang lại sự tươi mát cùng sức sống cho đất. Gặp lúc trời đại hạn, người ta làm lễ cầu đảo là chính để cầu Rồng xuất hiện phun nước, tưới rải ơn mưa móc nhuần nhụy cho đời.

Về mặt tạo hình, tất cả vật thể ở đây được ghi nhận theo một cách riêng của nó, đều nhằm vào tính chất gợi ý và tượng hình. Người nghệ sĩ vô danh của đại chúng, không vẽ bằng mắt nhìn mà là theo nếp gấp của ký ức. Bằng sự nhớ lại. Hình thể rất giản dị, lược bỏ chi tiết, đến chỗ gần như là biểu tượng. Cũng những hình thể ấy, nếu gạn lọc và lược bỏ chi tiết thêm một chút nữa, có lẽ chúng sẽ gợi dậy thế giới của những bức cổ họa trên các hang động tiền sử. Ở đây, hình thể là thiên nhiên nhưng là một thiên nhiên được thanh lọc qua cảm quan sơ khai, chìm ngập dưới một cảm thức

H.6- Thập nhị thời thần quan sát

H.7- Nhà cửa, thuyền bè và một số vật dụng khác

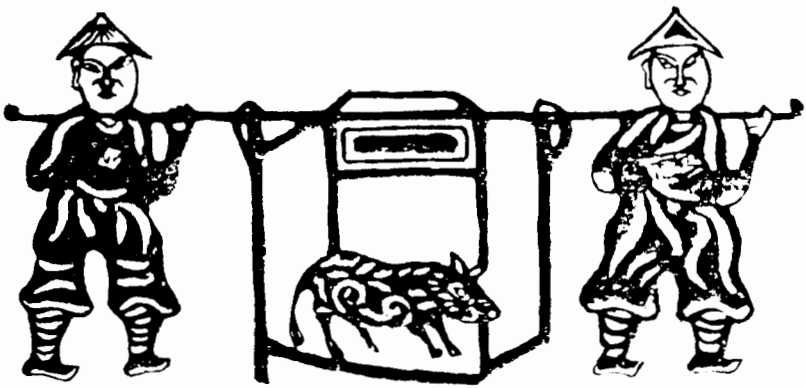

H.15- Hai người lính hầu khiêng một cỗ heo sống

đầy bí ẩn về vũ trụ siêu nhiên, mờ ảo, chưa được khai phá. Hình thể các con vật dễ gây cho chúng ta liên tưởng đến nền nghệ thuật Da Đen (*Art Nègre*), hay nghệ thuật Da Đỏ của Mỹ-châu hoang sơ, như các tác phẩm nghệ thuật bàng bạc trong cuộc sống thường ngày của những thổ dân Caduvéo, đàn ông là điêu khắc gia và đàn bà là họa sĩ, họ vẽ trên đồ gốm, trên da người, da thú, và điêu khắc trên gỗ cứng, trên sừng bò rừng mà Claude Lévi-Strauss đã đề cập đến trong tập du ký *Nhiệt đới buồn hoang (Tristes Tropiques)* (3). Cũng thế, chúng ta có thể hình dung bằng những khái niệm tỷ giảo, về nền nghệ thuật của thổ dân (*Aboriginals*) đang sinh cư trên đất đai Úc-châu, nơi còn đầy những vết tích nghi thức tôn giáo của thời kỳ dài sơ sử và tiền sử. Nền nghệ thuật của những hình thể điêu khắc, chạm vẽ trên các vật dụng thường ngày, trên đồ gốm, đá đẽo, gỗ, vỏ cây, sừng hay xương, trên da thú và thân người, trên các đồ trang sức, trên các kiểu thức trang trí, là nền nghệ thuật của thần linh, huyền thoại và thiên nhiên trùm lấp lên nhau.

Hình VIII cũng vẽ một số thú vật như gà, ngựa, trâu, bò và nhà cửa. Nhìn vào mô thức kiến trúc, nhà cửa này đúng là những ngôi miếu hay đền, mà càng đúng là những đền miếu của miền Nam, nhưng dầu là gì thì cũng là nhà cửa của Chư vị, có thể là của *Thánh Mẫu Thiên Phủ* (Nữ thần cõi trời), tức công chúa Liễu Hạnh, có thể là *Thánh Mẫu Thượng Ngàn* (Nữ thần rừng núi) hay *Thánh Mẫu Thủy Cung* (Nữ thần dưới nước) cũng được gọi là *Mẫu Thoải* do chữ *Thủy* đọc trại ra.

Hình các con thú được kiểu thức còn hơn ở cả bức trên nữa, các đường nét hết sức mộc mạc và ngộ nghĩnh, trông như tranh của trẻ con sáng tác, nghĩa là chưa có bàn tay người họa sĩ chuyên nghiệp nhúng vào, chưa có sự tỉa vẽ chi ly, tỉ mỉ. Cách nhìn của người họa dường như đã dừng lại trên những cảm thức bằng biểu tượng, chưa đi đến chỗ phân tích cơ cấu, mổ xẻ thực tại để có một quy luật khách quan, tựa như một họa sĩ mới ngày nay vừa muốn trừu tượng hóa đối vật, nhưng vẫn còn luyến tiếc vật thể, là một thứ bán trừu tượng, giằng co giữa hai chiều hướng vận hành. Đập ngay vào mắt người xem một thế giới rất ngây thơ, sơ khai, hồn nhiên, có lẽ cũng nên đối chiếu và so sánh với không khí nghệ thuật của những tượng gỗ và chạm khắc kỳ lạ trên các buôn làng của những dân tộc anh em Tây Nguyên, là những tượng gỗ và chạm khắc người, vật, chim chóc, mặt trời, hoa lá

chung quanh các nhà mồ, những hình trang trí trên bờ nóc của các nhà rông, những con rối được làm bằng gỗ và tre đan, ngoài khoác áo quần bằng vải là vật hiến tế trong ngày lễ bỏ mả, hay những hình tượng đục đẽo trên các vật dụng thường ngày như tẩu thuốc lá, tang trống, cán giáo, cái ná, cái nỏ... (4)

Hình IX vẽ một ngôi nhà, những tảng đá bên đường, dao trống, một đám thủy binh trên chiến thuyền, lính khiêng võng, voi, ngựa.

Tấm tranh gợi lại những phương tiện vận chuyển của binh tướng và quân sĩ một thời nào, có đủ cả bộ binh, tượng binh và chiến thuyền giao lưu trên sông nước, biển cả.

Chiếc thuyền với con mắt vẽ ở đàng trước mũi là một tập tục đặc biệt của người Việt xưa, thường chuyên về sinh hoạt dưới nước, rất thạo thủy chiến và rất quen dùng thuyền, xâm mình để không còn sợ giống giao long làm hại. Sách *Việt Tuyệt Thư* có ghi: "*Họ ở núi mà đi đường thủy, lấy thuyền làm xe, lấy chèo làm ngựa, đến thì như gió thoảng, đi thì khó đuổi theo*" (5). Ngay cả trên những trống đồng cổ xưa khai quật được, cũng có khắc các hình người mang cung, đeo lông chim quanh mình trên các chiến thuyền, hình ảnh mà Louis Finot cho là từ đó ta phải hình dung đến một dân tộc hàng hải khi khởi cuộc ra đi chinh phục viễn phương, mặc thứ y phục lông chim với ước mong cũng như loài hậu điểu, nhân theo đường gió mà cất cánh bay xa, thực hiện những cuộc hành trình dài (6). Ở đây, con mắt được vẽ ở đầu thuyền cũng là nằm trong đặc tục và truyền thống đấu tranh sâu xa này.

Với nền văn hóa của ta vốn xây dựng trên một căn bản Anh-đô nê-diêng, nghĩa là gần gũi với nền văn hóa Đông Nam Á và rất phi Trung-hoa, mặc dù định chế, văn tự và tư tưởng Trung-hoa đã chi phối toàn bộ cổ sử, trung sử và cận sử dân tộc, văn minh Việt Nam vẫn có riêng những nét hoàn toàn cá biệt. Nghệ thuật dân gian thường là những phát biểu độc đáo về đặc chất đó, ví dụ ngay nơi bức tranh này, chưa kể đến hình ảnh người lính với y phục hoàn toàn Việt Nam, với nón dấu và áo trấn thủ, hình ảnh chiếc thuyền và con mắt đàng mũi là một khẳng định, một dẫn chứng cụ thể.

Cách sắp xếp những chi tiết, hình ảnh trên tranh thì hết sức vui mắt và

buồn cười, phải xem đến hai chiều, lật chỗ này để xem voi, ngựa... rồi phải lật chỗ kia để xem lính khiêng võng và đội thủy binh đang ngồi trên thuyền.

Tấm tranh cuối cùng trong bộ *Đồ Thế* ở đây, hình X, dùng để cúng *Tam Tai*, hình dung ra các vị thần thường gây tai họa cho con người. *Tam Tai* là ba thứ tai họa vẫn giáng xuống đầu nhân loại, đại tam tai: gió, lửa, và nước; tiểu tam tai: đói, giặc và dịch.

Lúc thiên nhiên còn là một bí mật chưa được vén màn trước con người, tất cả đều bị trùm lấp, bao phủ bởi một vũ trụ quái đản, đầy kinh dị. Hỗn mang là một sân khấu vô cùng sinh động của những huyền thoại hùng tráng, đầy bi kịch hay thảm kịch.

Mỗi năm, những cơn thiên tai từ trời đổ xuống, những trận bão dữ, những cơn địa chấn, những trận hồng thủy dâng lên cuốn ngập con người vào dòng nước hung hãn chảy phăng ra biển cả. Thái dương mang lửa đến, cống hiến cho con người sức sống, trí tuệ, văn hóa, nhưng cũng từ đó, có những lúc dưới bầu trời nóng rát, lửa dấy lên và thiêu hủy, đốt phá bao nhiêu công trình con người đã nỗ lực kiến tạo nên.

Chữ *Tai* trong lối tượng hình và tượng ý của người Trung-hoa, do vậy, được ghép bằng bộ *Xuyên* (nước) và chữ *Hỏa* (lửa). Gió, bão, lụt lội chỉ là hậu quả do sự vận hành của hai yếu tố trên mà ra. Các tai họa thiên nhiên ấy đã được thần hóa: *Bà Thủy, Bà Hỏa, Bà Gió*. Đói kém, giặc giã, ôn dịch là ba tai họa khác tuy hậu quả thực khủng khiếp nhưng về mặt nguyên lý thì cũng chỉ do sự sinh hành biện chứng từ các yếu tố trên mà thành.

Các vị thần gieo họa này được vẽ lại ở đây, vậy nên không thể nào có được dáng vẻ, khí chất dôn hậu, hiền hòa như các tấm tranh trước mà là rắn rỏi, nghiêm nghị, cứng cáp, pha đôi tí hung bạo. Các vị thần mặc y phục phụ nữ vì họ đều là *Bà*, là *Mẫu*, đứng bên một số khí giới như mã tấu, rìu, dao, thương, kích, chùy, súng, giá để vũ khí.

Trên diễn trình tiến hóa cơ cấu tư tưởng con người, thiên nhiên trước mắt người sơ khai trước tiên phải là đất. Đất sản sinh ra tất cả, đất là mẹ muôn loài, cho nên chết đi cũng có nghĩa là trở về với bà mẹ thực đời đời, *qui ư thực mẫu*. Ý niệm *Địa Mẫu* chính là bắt nguồn từ đó. Và từ *Bà mẹ đất* đã đi đến các hình ảnh khác xây dựng trên mẫu nữ: *Cửu Trùng Thánh Mẫu Thiên Đình, Cửu Thiên Huyền Nữ, Thiên Tiên Thánh Mẫu, Bà Hỏa, Bà Thủy, Bà Mộc, Bà Gió.*

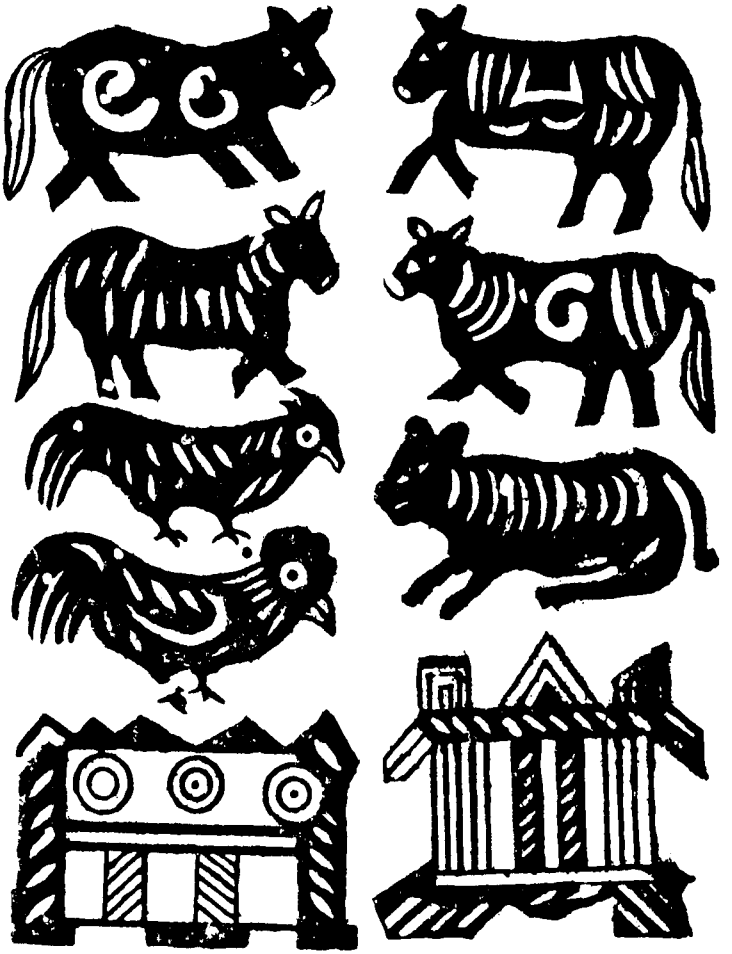

H.8- Nhà cửa và gia súc

Ở đây, ác thần cũng là một loại *Mẫu*, và để tránh sự nổi giận của các bà mẹ hung ác này, dân chúng cúng lễ, van lạy, cúng sao, cúng hạn, dâng *đồ thế* để cầu xin qua thoát hoạn nạn.

Bộ tranh *Đồ Thế* vừa được trình bày có thể xem như là tạm đủ, tuy nhiên chúng tôi xin giới thiệu thêm dưới đây vài tấm khác nữa cũng chỉ nằm trong vòng ý nghĩa của những tấm trên, nhưng về mặt hình họa và in ấn mộc bản thì lạ hơn, thô sơ và giản phác hơn.

Hình XI: Vẽ cọp và trâu.

Hình XII: Vẽ gà, vịt, lợn, nai, trâu.

Hình XIII: Lính cáng võng một quan viên, trong chiều ngược lại vẽ chiếc thuyền rồng chở một số thủy binh.

Hình XIV: Hai người lính hầu khiêng một chóe rượu.

Hình XV: Hai người lính hầu khiêng một cỗ heo sống, lễ vật trong một đám rước xưa để cúng xin, hiến tế.

Tỷ lệ xộc xệch, nét vẽ ngô nghê, rất đáng yêu của người vẽ nghiệp dư, vẽ bằng lòng mình nhìn thấy chứ không dựa vào thực tại bên ngoài mà ghi chép lại trên tranh theo một qui luật tạo hình khách quan. Chúng ta nhớ đến những bậc thầy lớn của hội họa hiện đại như Matisse, Picasso, Chagall, Rousseau, khi đứng trước giá vẽ, dường như đã muốn quên đi sự hiểu biết, tri thức, trí tuệ, để thiết lập một thế giới của đường nét và màu sắc hoàn toàn mới mẻ. Chúng ta không ngạc nhiên gì thấy họ đã tiếp thu, học tập rất nhiều nơi các tác phẩm của những dân tộc cổ sơ cũng như từ nền nghệ thuật trước đây chưa có tên gọi nhưng vẫn tồn tại trong đời sống dân gian của nhiều khu vực. Tranh dân gian Việt Nam nói chung, bộ tranh *Đồ Thế* nói riêng, đối với chúng ta hẳn cũng là một kho tàng cần được khám phá, nghiên cứu và học tập.

*

Trước thời điểm 30-4-75, rất bình thường, không có gì là hiếm có, người ta vẫn thường bày bán nhan nhản trên các đường phố, chợ búa, trên khắp các nẻo từ thành thị đến thôn quê, khắp các hang cùng ngõ hẻm, đặc biệt nhất là vào những ngày cuối năm nhộn nhịp, tất bật, ồn ào, cho mãi đến buổi chợ tàn của chiều ba mươi Tết. Cùng với tranh *Đồ Thế*, có một số vàng mã và tranh *cúng ông Táo* cũng được bày bán vào dịp này. Theo cổ lệ,

ngày 23 tháng Chạp âm lịch, chuẩn bị đón năm mới, nhân dân cúng đưa Ông Táo (Thần Bếp) về Trời để tâu trình với Ngọc Hoàng Thượng Đế về tình hình trong năm qua của từng gia đình, việc tốt, việc xấu của từng người dưới mỗi mái nhà do ông vẫn giám sát trong năm. Ở Bắc-bộ và Trung-bộ, nhân dân cúng một con cá chép sống là cỗ xe để chở Ông Táo về Trời. Trong Nam, ngoại trừ một số gia đình miền ngoài vào còn giữ nếp cũ, phần nhiều chỉ cúng tấm tranh vẽ chim cò và ngựa quen gọi là *ngựa bay, cò bay* (tranh XVI). Ông Táo sẽ cưỡi ngựa hay cò bay giữa những đám mây la đà từng khóm, bay lên trời làm nhiệm vụ cuối năm, rồi mấy hôm sau lại trở về trần.

*

H.12- Gà, vịt, lợn, nai, trâu

Nhìn vào mấy tấm tranh trình bày ở đây, chúng ta thấy dường như hết thảy đều bày ra một vẻ rất cá biệt, là một thế giới của một miền Nam hoàn toàn, nơi đã rời xa đời sống văn hóa của các thủ phủ, thị trấn và kinh thành phương Bắc, nơi mà cuộc sống hoang sơ đã chế ngự trên nhiều sinh hoạt của con người. Miền Nam là một đất đai mới, điểm gặp gỡ của những cơn gió tinh thần thổi đến từ những dân tộc lâu đời sống trong vòng ảnh hưởng

của văn hóa Ấn-độ, quê hương các đạo Bà-la-môn, đạo Phật. Đời sống văn hóa của dân tộc ta, với căn bản Anh-đô-nê-diêng, tất nhiên chúng ta không loại trừ yếu tố Bắc phương, đã lập được một thế đứng vững chãi bằng sự hòa hợp trên miền đất mới này. Có lẽ cũng do thế mà chúng ta sẽ nhận ra ngay sự khác biệt giữa loại tranh này và các tranh mộc bản, tranh thờ ở miền Bắc và miền Trung (Bắc-ninh, Hànội, Huế).

Trên phương diện dân tộc học hay nhân loại học, loại tranh dân gian này có thể gợi nên một đề tài lớn cho người ngiên cứu, từ những dấu vết ít ỏi này vẫn là bàn đạp để ngược dòng quá vãng, nỗ lực truy tầm và phác vẽ trở lại con đường của một ý thức dân tộc hay nhân loại.

Trên lĩnh vực nghệ thuật, nó cũng có thể gợi hứng rất nhiều cho các nghệ sĩ mới đương thời, lại có thể là một đề tài sâu sắc cho các nhà thẩm mỹ học, với những mô thức, đường nét, kết cấu vô cùng phong phú. Một thế giới rất lạ, mang lại nhiều cảm giác trầm lắng, hoan lạc, có thể đáp ứng nhiều cho những đòi hỏi của chúng ta ngày nay trong việc kết hợp dân gian, dân tộc với khoa học và hiện đại.

Nhịp chuyển của lịch sử và thời gian sẽ xóa nhòa một số tập tục đã trở thành hủ tục lạc hậu, việc sưu tập và giới thiệu loại tranh tôn giáo dân gian này ở đây chắc chắn sẽ là một ghi nhận kịp thời về những mảnh vụn độc đáo của thời quá vãng. □

---

(1) Theo định nghĩa từ *hạn* của *Từ Điển Việt Nam*, nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 1977 và *Việt Nam tự điển*, Khai Trí Tiến Đức, Hànội, 1931.

Xem thêm *Đào Duy Anh: Việt Nam Văn Hóa Sử Cương. Phần phong tục, nhà xuất bản Bốn Phương, Sàigòn, 1951.*

(2) Xem thêm *Maurice Durand: Technique et Panthéon des Médiums Viêtnamiens (Đồng). Publication E.F.E.O. Volume XIV, PAris, 1959.*

Trần Thị Ngọc Diệp: Tín Ngưỡng Đồng Bóng Việt Nam khảo cổ tập san, số VII-VIII, Sàigòn, 1971-1974.

(3) Nguyễn Văn Trung dẫn lại trong *Đặt lại vấn đề Văn Minh với Claude Lévi-Strauss. Tạp chí Bách Khoa Thời Đại, số 222, 223, tháng 4-1966.*

(4) Xem thêm *Nghệ thuật tượng gỗ dân gian Tây Nguyên. Nguyễn Tấn Cửu sưu tầm và giới thiệu, nhà xuất bản Văn Hóa, 1983.*

(5) Dẫn lại trong *Việt Sử Tân Biên*, Phạm Văn Sơn, quyển I, trang 43, nhà xuất bản Trần Hữu Thoan, 1956.

(6) Đào Duy Anh trích dẫn, *Việt Nam Văn Hóa Sử Cương* sđd., trang 26.

KHOA HỮU

NGƯỜI TÙ

★

I.

Khai quật những nấm mồ vô chủ
đào sâu đãi đất như tìm vàng
hồn ô nhục còn hàu tử xứ
dất khách quê người giữ nắm xương

Cánh dĩ vãng khuất về mé núi
ngẩng nhìn trời đủ mấy mươi năm
mấy mươi năm thân danh hóa bụi
cỏ xanh mấy lớp cỏ xanh tàn

Vẫn tưởng quả tim kia là thép
lá gan này là sắt là gang
vẫn tưởng non sông là gấm vóc
bốn nghìn năm trụ vững như đồng

Từ giải đất phù sa châu thổ
người chen lau sậy mọc thành rừng
đất hào phóng nuôi người cùng khổ
mỏi ngược xuôi chọn đất dung thân

Mười ba đời ông cha nhắm mắt
vẫn rừng mình nhìn lũ cháu con
chung một đất chôn lòng son sắt
chia từng đời vai nặng quê hương

Ăn miếng cơm dư còn ơn đất
uống ngụm nước sông nhớ lượng trời
đổ máu rửa nghìn năm nội thuộc
ngọn giáo đầu gươm hiến thân phơi

Tám mươi năm dài trong sử tích
lại chen vai sát cánh lên đường
chân bước chuyển đất trời gầm thét
lửa quê nhà cháy máu hoàng hôn

Bẻ bút, bỏ công danh, đốt sách
rừng thiêng nước độc họp thành nhà
đời vong quốc làm ma rừng rú
ngậm thù, nuốt nhục sống cho qua

Mười năm tóc sớm chen sợi bạc
vẫn đau như muối sát từng ngày
dăm bẩy kẻ còn người sống sót
mồ hoang bầu bạn với cỏ cây

Đời bỗng già theo rừng Việt Bắc
trán nhăn đá xếp lớp u sầu
ngày đội trời đêm nằm gối đất
núi xa người núi oán bể dâu

Hạt gạo ẩm ăn đong ngày tháng
miếng đường chua cắn vỡ làm đôi
quê mẹ nửa quê cha một nửa
chia chút long đong chút ngọt bùi

Đốt lửa rừng thiêng chiều ám khói
vai kề đầu bạc nhớ đầu xanh
người câm hến lửa chừng biết nói
lúc chia tay lửa lạnh tro tàn

Bốn năm giặc cầm trong địa ngục
Hỏa Lò, Côn Đảo biệt khơi xa
vẫn tội lớn vì lòng yêu nước
tội da vàng và huyết ông cha

Đêm đen đảo, đen trời, đen biển
bịt tai nghe sóng gió gầm gừ
giờ trong cũi giờ trong cùm sắt
thân tù, hồn trong máu tự do

Miếng cơm đói chia tình bạn hữu
giọt nước xin khao khát lòng nhau
con dế gáy nặng lời không dứt
nghĩa đồng bào thao thức cơn đau

Dứt cơn mê thảng lòng trộm nhớ
đến xóm làng thân thích vợ con
đời có số người sinh có thuở
trời quê xưa gãy cánh đại bàng

Ngày về thân gầy khô như trúc
cháy lửa đời còn chẳng tiếc than
ngày về như hồn ma về khóc
trong mắt sâu tối nét bàng hoàng

Trở về ơi người tù phóng thích
cổng đóng nhà im tiếng vợ con
thôn xóm lạ như về đất trích
dân làng quen đã nhạt ân tình

À ra thế người về chịu tội
tội sinh ra trên ruộng đất này
tội nhà ngói tội từ gia phả
một thân lầm thất đến mấy tay?

Tá túc cùng vợ con ở đậu
nhà của dân đâu phải nhà mình
cót thóc vại khoai ngô chum gạo
ơn còn cho quần tấm áo manh.

Mùa rét đến cắt da khoét thịt
bếp lửa thưa sao ấm lòng già
ngồi vuốt mặt buồn như trấu cắn
tiếng thở dài thấm bước đường xa

II.

Mười sáu năm thêm như vuốt mắt
giải phóng miền nam lại đi tù
cái rét chết da rừng Việt Bắc
đón tên tù về chiến khu xưa

Cuộc sinh sống ăn lông ở lỗ
đã nhừ xương đâu quản nông sâu
râu tóc trắng đau hồn phu tử
chim kêu vượn hú khản trong đầu

Mắt sớm nhạt nhòa sương muối mặn
nắng trưa cháy xót thịt da vàng
vắt muỗi hút máu còn chưa thỏa
tháng ngày mòn rút đến gân xương

Ngày về như sau ba lần chết
đội mồ lên nhìn mặt anh em
lòng da ấy đèn trời soi xét
Tổ quốc ơi gan mật đã mềm

Thầy ạ, nghiệp cha truyền con nối
đường thầy đi con bước khác đâu
đem tâm huyết mình làm vũ khí
lấy cuộc đời đền đáp mai sau

An giấc nghìn thu thầy yên nghỉ
đất thuê nhà mới một ngôi mồ
đời mượn thân vay thôi đừng nghĩ
đến ngày về đất Tổ quê Cha.

QUỲNH GIAO

khúc ca xuân bất hủ của phạm duy

*

"Thấm thoát vậy mà lại Tết đến nơi". Cứ mỗi khi nghe lời thảng thốt về chuyện năm hết Tết đến, mình lại thấy âm vang câu thơ đã thành ước lệ:

Ngày Xuân con én đưa thoi...

Người xưa dùng thoi dệt vải mang hình chim én, thoăn thoắt chạy trên khung cửi. Câu *Tuế nguyệt như thoa* được chuyển sang ý Việt thành thời gian vùn vụt như thoi đưa.

Những người yêu truyện Kiều thì lẩm nhẩm tiếp: *Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*. Ba tháng Xuân đã hết mất hai... Riêng tôi, mỗi lần nghe thấy *Ngày Xuân con én đưa thoi*, tôi lại nhớ tới khúc *Xuân Thì* của Phạm Duy, một bản Xuân ca tôi yêu thích nhất.

*

Phạm Duy viết bài này vào đầu thập niên 1950, có lẽ do chiến sự tạm lắng đọng trước khi kết thúc thật thảm khốc tại miền Bắc. Tôi ngờ là mùa Xuân nở hoa trong lòng người nghệ sĩ khi hòa bình mong manh ló dạng giữa đêm. Đây là một bài hát Xuân chưa có ánh trời hồng ấm áp của buổi bình minh.

Bài này làm trên âm giai Mi thứ, với hai đoạn chuyển cung Mi trưởng.

Vào đầu, dòng nhạc mang âm hưởng Nhật Bản (si do mi fa# sol) man mác nét cổ sầu ở những nửa cung và nốt láy, nhưng lại chuyên chở một ý

Xuân khá bất ngờ: Tình Xuân chớm nở, ban đêm, *Khi mùa chinh chiến đã lui ra ngoài đời.*

Trình bày đoạn nhạc mở đầu này, ca sĩ phải hát liền hơi theo phép "niêm" (*légato*) để diễn đạt được nỗi niềm quyến luyến, bịn rịn nhớ thương cái gì gần gũi, quý báu, vẫn còn xa mà đã rất gần.

Khi chuyển sang *Có người nhớ tới những lời yêu mến nhau*, nhạc điệu chợt mềm mại tươi sáng, không gian như giãn mỏng nhờ âm giai Mi trưởng diễn tả tiếng kinh chiều mơ hồ vọng lại. Nỗi sầu và cả tiếng kinh cầu đều lãng đãng trong hư vô. Có cảnh chiều Xuân nào thê thiết và nhuốm mùi tâm linh đến như vậy không?

Nhịp ba bốn dìu dặt khoan thai của ý nhạc rất thích hợp với cấu trúc lục bát của lời ca, điểm xuyết ở nốt láy trong các câu tám được Phạm Duy diễn thành chín hay mười chữ. Về ý thơ, tác giả thần tình vẽ ra hình ảnh màu hoa đào nở hồng trên vết mòn chiến xa. Chiến tranh đã tan, đã khuất, nhưng hình ảnh cây súng cô đơn và đóa hoa lung linh trên vết hằn bình lửa của thiên nhiên để lại cho ta xiết bao ngậm ngùi... Tôi yêu hình ảnh "giã từ vũ khí" rất Đông phương này và thấy Phạm Duy khéo chọn nét nhạc da diết âm hưởng Nhật Bản để diễn tả.

Qua đoạn chuyển cung thứ nhì, Phạm Duy đưa cung La trưởng trong sáng (*Đường đi êm quá!*) trở về Mi trưởng, từ giấc mơ thanh bình sang tiếng thơ ngợi ca mùa Xuân thái hòa và lại đột ngột chuyển qua La thứ (*Trời không mưa gió*) làm ý nhạc dồn dập phong phú và gợi cảm hơn lên: Mùa Xuân Thái Hòa của Phạm Duy mang hình ảnh người mẹ cho con bú (ta nhớ thơ Hoàng Cầm trong "*Đêm Liên Hoan*"), nhưng hình ảnh hiền hòa đó bị nhòa trong nét nhạc sát phạt (La thứ), rất chối với ý thơ, như một nhắc nhở về phong ba bão táp bên ngoài cõi êm đềm của trẻ thơ say sưa bú mẹ (chuyển về âm giai trưởng).

Trở về điệp khúc với ý nhạc đầu âm hưởng Nhật Bản, ông khéo dùng những nốt láy:

Tình ra núi Bắc (ý) non Đông,

Duyên về tới chốn (ý) Nam sông Tây (y) rừng.

Gọi đàn chim trắng (ử) như bông,

Tin lành mang xuống (ử) khắp vùng trên nước ta.

Nghệ thuật của Phạm Duy giúp người hát dễ trình bày nhẹ nhàng uyển chuyển cho đúng tinh thần (*légato*) của bản nhạc. Lời ca Phạm Duy trong đoạn này là một tổng hợp tuyệt vời của ca dao Việt Nam, với *tình* và *duyên* trải rộng trên không gian đất nước, gọi một đàn chim trắng đưa tin Xuân đến mọi người. Trong bài Xuân ca này, tôi chỉ thấy màu phơn phớt hồng của hoa đào trên rãnh bùn chiến xa và những đốm bông trắng của bầy chim báo tin vui. Chỉ có hai màu rất nhạt mà cảnh Xuân đã rực rỡ hẳn lên.

Vì ước mơ thanh bình đã sáng dần, sáng dần. Làm ánh trăng tà cũng mờ nhạt trong nỗi khát khao tình yêu trên phím nhạc, khi mùa Xuân vừa ló dạng.

Và lời ca của đoạn kết thật thích hợp với nét nhạc diễn tả sự thăng hoa của tình thương, thể hiện qua câu:

Người ôm nhân loại trong mình,
Cười tuôn nước mắt cho Xuân tình dấy men.

*

Với riêng tôi, chưa có lời ca và nét nhạc nào của Phạm Duy lại hòa hợp tuyệt vời như câu kết ở trên. Mỗi lần trình bày tôi lại muốn rưng rưng nước mắt vì cảm xúc. Nỗi hân hoan trước cái *Đẹp* khiến ta muốn cười lên rạng rỡ; nhưng cái *Đẹp* quá mong manh và trông đợi quá lâu khiến ta phải "cười tuôn nước mắt"...

Xuân Thì của Phạm Duy khởi sự từ một cảm quan bất chợt đến giữa đêm. Khi trời gần sáng tỏ, tình Xuân đã trải rộng trên đất nước, chan hòa trên cả nhân loại, thành tình yêu nhân thế.

Phạm Duy có rất nhiều tuyệt phẩm và chúng ta ai cũng nâng niu, trân quý... Riêng tôi khi các bạn văn hỏi về khúc hát Xuân mình yêu thích nhất, tôi nhớ đến *Xuân Thì*, một bài ca được cả ý lẫn nhạc. Ngày Xuân hát lên khúc *Xuân Thì* của ông, mình còn như ôn lại bài học đầu đời: hãy yêu mến người, rồi được đời mến yêu... □

KHẾ-IÊM

XUÂN TÙ

*

Lửa mắt, hôn tóc sao
Chảy và khóc
Lời kinh mưa

Như trái tim kịch, lòng co quắp
Như bất ưng chiều run phiêu linh
Như chim bay xa rừng hát huyên náo

Ta, sâm thương nguồn gió đau đớn
Bên quán xưa men rượu còn chờ
Thấy man di có tiếng hờn oán
Sông cuối sông về, hoa tinh mơ

Ngăn ngắt quanh ngực núi càn rỡ
Khuya liếp tranh hồn quê siêu sinh
Ta cắn răng cùng đá gầm rú
Trong nước trôi ngoài trăng lân tinh

Soi, bỗng nhiên dòng nổi lam lũ
Đang cuốn đi từng cơn phiếm du
Thiêm thiếp hơi gặm miếng tình cũ
Bao phế hưng ta mùa xuân tù.

VÕ ĐÌNH

nói chuyện vẽ

*

Tháng 5-1985, tạp chí *Văn Học Nghệ Thuật*, vốn đã đình bản từ sáu năm (1979) trước, lại ra đời. Ông chủ nhiệm có thư nhắc tôi viết một bài về hội họa. Tôi hồi âm, nói rằng hội họa là "nghề" của tôi, nhưng tôi không khoái viết về hội họa. Chủ nhiệm thông cảm: không khoái thì thôi nhưng có thể viết một bài có dính líu xa gần đến hội họa chăng? Ví dụ, "Tôi dạy vẽ cho người Mỹ". Dạy vẽ thì tôi cũng có dạy một hai khóa nào đó tại trường đại học trong vùng. Khổ nỗi, dạy dăm ba tuần lễ trong cuộc đời trên 30 năm cầm cọ, tôi đâu phải là một người "dạy vẽ".

Văn Học Nghệ Thuật tục bản, rồi lại đình bản, hay nói đúng hơn, trở thành tờ *Văn Học*, tháng 2-1986. Tôi vẫn chưa có một bài về "dạy vẽ". Thế rồi mấy năm gần đây, có lúc tôi ngồi lẩn thẩn nghĩ rằng: Nếu một người dở về văn phạm, cú pháp, mà làm thơ được, viết tiểu thuyết được, thì một người không rành nghề vẽ, cũng có thể vẽ được. Mà đã vẽ được thì một ngày có thể vẽ hay.

Nghĩ như vậy và tôi đem cái thuyết đó ra thử nghiệm. Nhiều lần. Lần nào cũng chứng tỏ được rằng bất cứ ai cũng có thể vẽ được mà không cần học "nghề" vẽ! Với điều kiện là có một đời sống nội tâm tương đối phong phú (hay đừng quá nghèo nàn). Có óc tưởng tượng và tò mò. Và đừng khăng khăng nắm cứng lấy những quan niệm hay thiên kiến đã có về nghệ thuật nói chung, về hội họa nói riêng.

*

Căn nhà đồ sộ xây toàn gỗ sồi và đá tảng, có hai tầng, có gác lộ thiên bao quanh, tất cả mênh mông cả chục ngàn bộ vuông. Tầng trên trưng bày

đồ gốm của nữ chủ nhân. Bên dưới, kệ cao kệ thấp, hàng hàng lớp lớp điêu khắc phẩm gốm (*ceramic sculptures), và nơi làm việc: bàn xoay, hầm đất, vại nước, lò nung... Bốn bề vách đá, cửa sổ cao, rộng, nhìn ra một vùng bao la. Những cổ thụ trơ trụi vào đông, những nhà kho chứa củi, bắp, máy cắt cỏ, máy cày, chuồng ngựa, ga-ra. Con đường rải sỏi trắng chạy từ căn nhà gỗ (shop)* vòng qua ngôi nhà ở kiểu cổ, dọc theo dãy tường đá đến tận cổng chính ra vào có bảng gỗ đề danh hiệu dinh cơ. Hai dặm nữa thì vào xa lộ 28, hướng đông chạy về siêu lộ 270 và Rockville, Maryland, thị trấn "tiểu muội" của thủ đô Hoa-thịnh-đốn.

Ngày 29 tháng 11 năm 91, những tác phẩm đồ gốm của nữ chủ nhân đã được dọn đi. Thế chỗ ở tầng trên là cuộc trưng bày tập thể các họa phẩm mới nhất của "Nhóm Nam Sơn" (*The South Mountain Group*). Gọi là "nhóm" cho tiện. Mỗi người là một thế giới cá biệt.

Có Marie, nữ chủ nhân, 56 tuổi, gốc Anh, quê Nam Hoa-kỳ, trước là vợ một kỹ nghệ gia triệu phú, hơn 20 năm xa lánh cuộc sống thượng lưu trưởng giả, đeo đuổi nỗi đam mê là nghề gốm mỹ thuật (*creative ceramics*). Có Mark, 48 tuổi, bác sĩ y khoa, gốc Do-thái, thích chơi dương cầm, và đọc sách triết, một vợ bốn con. Có Katrina, 57 tuổi, sinh trưởng ở Pirmasens (Palatina), Đức-quốc, chồng Mỹ, sau 30 năm ở Hoa-kỳ vẫn còn giữ quốc tịch Đức, tín đồ của Thông-thần giáo, cháu nội cháu ngoại đùm đề. Có Janine, 37 tuổi, gốc Pháp, ly dị, tốt nghiệp về lịch sử hội họa, hành nghề... làm bánh mì toàn thời gian. Có Erik, 25 tuổi, gốc Ba-lan, học đại học được 3 năm, sống "giang hồ" làm việc "bậy bạ", vừa đủ nuôi miệng để vẽ tự do (tức là không làm nghề "mỹ thuật thương mãi", *commercial art*). Có Ingrid, 50 tuổi, gốc Thụy-điển, Irene, 41 tuổi, gốc Do-thái, cả hai là "nghệ sĩ dệt" (*fiber artists*). Có Meg, gốc Ái-nhĩ-lan, 52 tuổi, nguyên giáo sư hội họa tại một đại học tư danh tiếng hàng đầu Mỹ-quốc ở Midwest, mang bệnh tâm thần, ra vào dưỡng trí viện dăm lần, thất nghiệp dài dài, hiện sống độc thân như một họa sĩ toàn thời gian. Nghèo xác xơ. Có Betty, 30 tuổi, con dâu của Katrina, hành nghề dạy "thủy vũ" – *aquadancing, danse aquatique* – Có Rob, 67 tuổi, kỹ sư về hưu, chồng của Ingrid...

Mỗi tháng họp mặt một lần, tại nhà Katrina, dưới chân núi Nam Sơn. Ít thì 5, 6 người, đông thì 9, 10 người, thất thường. Tất cả khác nhau về mọi phương diện: tuổi tác, học vấn, tình trạng gia đình, tài chánh, tôn giáo,

dòng giống. Chỉ đồng tình với nhau về một điểm: yêu nghệ thuật nói chung, hội họa nói riêng. Và tất cả muốn đạt tới, như đốc-tờ Mark đã có lần ngông nghênh phát biểu, *the Tao of the Brush*, cái "Đạo của cây cọ"! Tất cả muốn vẽ mặc dù – ngoại trừ Meg, nguyên là giáo sư hội họa cấp đại học – không một ai trong nhóm có một căn bản tối thiểu về... vẽ cả!

Và kẻ hèn viết bài này là người dẫn lối đưa đường, giúp cho họ thực hiện giấc mơ đó. Không biết vẽ mà lại vẽ hay.

*

Không biết vẽ mà lại vẽ hay? Thoạt nghe mâu thuẫn quá. Thường thường muốn làm cái gì hay thì phải biết. Biết rồi, biết mãi rồi mới đi đến cái xuất sắc, cái độc đáo, cái tuyệt kỹ. Muốn biết vẽ phải học vẽ. Học đến một mức nào đó thì vẽ giỏi. Vẽ giỏi mãi thì vẽ đẹp, tức là vẽ hay. Không biết vẽ mà đòi vẽ hay là không có bột mà muốn khuấy nên hồ.

May thay, ở dây có đôi điều ngộ nghĩnh về ngôn ngữ.

Trong khi Việt Nam chúng ta dùng từ *vẽ* cho tất cả mọi sinh hoạt về hình thái hội họa thì người Pháp quan niệm có sự khác biệt giữa *dessiner* và *peindre*. Trong Anh-ngữ cũng có sự khác biệt giữa *to draw* và *to paint*. Xin bàn sơ qua về sự khác biệt này, mặc dù trong khuôn khổ của bài viết (không hẳn có chủ tâm riêng cho hội họa) phải hết sức vắn tắt.

Dessiner (Pháp) và *to draw* (Anh) có nghĩa là vẽ một hình tượng nào đó, dùng những họa cụ có đường nét (bút lông, bút sắt, bút chì, than...) Không dùng mầu, hoặc chỉ dùng một mầu. *Peindre* (Pháp) và *to paint* (Anh) có nghĩa là dùng mầu hay sơn (danh từ) mà sơn (động từ). Dùng sơn (dầu, nước...) mà họa hay sơn nhà, sơn bàn ghế đều là *peindre/to paint*. Người Pháp gọi hội họa là *la peinture*, không phải *le dessin*, và gọi một họa sĩ là *un peintre*. Ở những xứ thuộc vùng Anh-ngữ, người ta gọi hội họa là *painting*, và một họa sĩ là *a painter*, không phải *draughtsman* hoặc *draftsman*.

Có sự phân chia như vậy, không phải vô cớ. Cái cớ quan trọng nhất là tiến trình đào tạo một họa sĩ dựa theo nền giáo dục mỹ thuật *Tây-phương* tuyền thống. Ở Á-đông không như vậy. Tôi muốn nói Á-đông cổ truyền. Từ xa xưa, đời nhà Thương, nhà Ân, Trung-quốc đã có văn tự tuy còn rất thô sơ. Và bắt nguồn từ đó, đến đời Hán thì có nghệ thuật thư pháp

(*calligraphy*). (Thư pháp chứ không phải bút thiếp như có người tưởng). Giữa thư pháp và hội họa, chẳng cách bao xa. Cũng như tiếng Việt *vẽ*, tiếng Hán *họa* có cả hai nghĩa: *dessiner – to draw* và *peindre – to paint*. Viết chữ Hán cũng đã là một thứ *vẽ*. Hai dạng thái của một nghệ thuật: Nghệ thuật của những hình tượng "sinh động và uyển chuyển" (Vương Duy).

Chính sự xúc tiếp với Tây-phương và chịu ảnh hưởng các nền mỹ thuật Tây-phương về sau đã làm cho người cầm bút Đông-phương xao lãng hay đánh mất cái ý niệm về hình tượng vốn là biểu hiện của tinh thần hơn là mô tả sự vật.

Nói rằng "không biết vẽ mà lại (có thể) vẽ hay", thoạt nghe vô lý. Nhưng nếu chúng ta quay về với cái nhìn Đông-phương thì "không biết vẽ" lại có thể được coi như một thuận lợi. "Biết vẽ" có thể bị coi như đã "hư hỏng" rồi, đã vướng mắc với một số thiên kiến rồi. Nói cho ngay, ở các nước Tây-phương, người ta cũng không đòi hỏi một tiểu thuyết gia hay một thi sĩ phải là một nhà ngữ học, một người giỏi về văn phạm, một chuyên gia về văn chương đối chiếu... Người ta cũng không đòi hỏi một nhạc sĩ sáng tác phải là một nhà chuyên môn về nhạc lý. Ấy vậy mà vẫn dựa theo nền giáo dục mỹ thuật truyền thống Tây-phương, người họa sĩ tương lai phải bước qua các cửa ải của *dessiner – to draw* trước khi đi sâu vào *peindre – to paint*. Nghĩa là phải thu thập một số kiến thức về cơ thể học (*Anatomy*), về các luật viễn cận (*Perspective*), về kiến trúc học căn bản (*Architecture élémentaire*), về *dessiner* các điêu khắc phẩm cổ điển Hy-La, các người mẫu lõa thể, v.v... Những phương pháp đào tạo nên một số giáo sư hội họa hằng năm để cung cấp cho nền giáo dục truyền thống. Hay, tệ hơn, tạo nên những ông công chức vẽ, những anh thợ vẽ.

*

Một tối họp mặt dưới chân núi Nam Sơn, tại nhà Katrina. Hai bàn lớn, dài, trải giấy báo để khỏi hư gỗ quí. Giấy, mực, mầu nước, chai, lọ, đủ thứ cọ lớn nhỏ. Tôi cầm một cây cọ mềm, nhúng nước, thấm một chút mầu vàng, bôi lên giấy một hình tròn. Và hỏi mọi người: Cái gì đây?

Ingrid: Một trái chanh.

Janine: Không, một trái mận vàng.

Katrina (trầm ngâm): Mặt trăng... Mặt trời...

Mark (cười lớn): Lòng đỏ của một cái trứng ốp-la!

Erik: Trứng? Ngó giống cái bông tai của mẹ tôi.

Tôi nói: Sai hết!

Mọi người (nhao nhao): Thế là cái gì? Cái này là cái quỉ gì?

Tôi (chậm rãi): Chanh, mận, mặt trăng, mặt trời, lòng đỏ trứng gà, bông tai vàng, v.v... là những thiên kiến, những *preconceived ideas*, những *préjugés*. Những sự vật các bạn gán cho mầu vàng này. Thật ra, đây là một vũng NƯỚC nhỏ, một vũng (*puddle*) nước hình TRÒN, có hòa SƠN nước (*aquarelle/watercolor paint*) mầu VÀNG. Đó là thực tại.

Mark (vốn thích đọc sách triết): Vậy thì những thiên kiến, những mặt trăng, chanh, mận, v.v... sai ở đâu? Tại sao sai?

Tôi nói: Vì các bạn cho vũng nước mầu vàng này một ý nghĩa mà chính nó không có. Nó là một thực tại khách quan. *To draw* một hình tròn, rồi tô mầu vàng lên, rồi gọi đó là trái chanh, cũng được, không ai cấm. Nhưng đó không phải là hội họa, *painting*. Đó là tô mầu, *coloring*. Họa là bôi mầu vàng lên giấy hay lên vải, rồi cho phép nó biến hóa. Là chơi giỡn, là làm việc với thực tại này, vũng nước mầu vàng này, là làm cho nó đầy, ướt thêm, làm cho nó khô, nhỏ bớt đi. Là kéo nó dài ra, là rút nó ngắn lại, quét nó đi, đồ nó lại, là thêm một chút đỏ vào cho nó ửng sắc cam, là thêm một chút xanh vào cho nó đậm sắc lục, v.v... Cho phép nó, xúi dục nó, biến hóa thành hình tượng khác. Cho nó hiện hữu một mình hay giao tiếp với những mầu khác. Theo dõi, điều nghiên, chuyển hóa những mầu sắc, và tương quan giữa chúng để tạo thành hình tượng, đó là cốt tủy của hội họa, *painting*.

Tôi nhúng ngọn bút lông mập mạp vào dĩa mầu nâu đỏ, quẹt một đường ngoằn ngoèo. Lại hỏi. Mọi người nhao nhao: Một đường ngoằn ngoèo mầu nâu đỏ! Tôi nói: Tốt lắm! *Very good!* Các bạn mới học xong bài học căn bản nhất của hội họa. Trước kia, thế nào cũng có bạn trả lời: Đó là một con đường làng đất đỏ, hoặc đó là một con giun, một con rắn *copperhead*, một khúc dây thừng, v.v...

Tôi lại lấy bút nhỏ, chấm mực xạ, vạch một đường nhỏ rí, từ trái sang phải. Tất cả nhìn nhau, cười cười. Có lẽ họ tự thấy hơi... quê. Tôi nhắc: Sao? Lúc lâu, cô bé Betty (thật ra là *bà*, đã có chồng, hai con) mới cóc mở miệng: Một đường thẳng mực đen nằm ngang... Tôi nói: Đó, *my friends*,

may chưa! Không thì các bạn đã bảo đó là chân trời xa thẳm, đó là sợi chỉ trên bàn, đó là dây điện trên trời, v.v...

Một vũng nước mầu vàng, một đường ngoằn ngoèo mập mạp nâu đỏ, một đường thẳng nhỏ rí nằm ngang... Thấy, *see*, như vậy là đã bắt đầu biết nhìn, *look*, Cái thấy này là thấy thật, thấy thực tại. Cái thấy không bị chi phối bởi thiên kiến. Lấy cái thấy đó mà nhìn thế giới vạn vật thì bất cứ gì cũng có thể trở thành mới mẻ, hấp dẫn, thú vị, tuyệt vời. Vẽ, *peindre/to paint*, là tập cho bàn tay cầm cọ đi theo cái *nhìn*, cái *thấy* đó.

*

Từ ba năm nay, "nhóm Nam Sơn" gặp nhau hằng tháng, nếu không có gì quá trở ngại. Thỉnh thoảng, một hai người rút lui, không đến nữa, vì lý do này hay lý do khác. Lại có người đến thế chỗ. Mỗi lần thêm "lính mới", lại có một buổi "tham vấn" ngắn ngủi.

Người Hướng dẫn (tôi vẫn chỉ xem mình, và yêu cầu "nhóm" xem tôi như một người hướng dẫn, *un guide/a guide*, không như một vị thầy, *un maitre/ a teacher*) hỏi: Tại sao bạn đến với chúng tôi?

"Lính mới": Bởi vì tôi muốn học vẽ.

Người hướng dẫn: Theo bạn, vẽ nghĩa là gì?

Lính mới: Có gì đâu, tôi thấy tranh, tôi thích, tôi muốn vẽ tranh như vậy. Chân dung, phong cảnh, tĩnh vật, v.v...

Người hướng dẫn: Bạn đến lầm chỗ rồi. Ở đây không có lớp dạy "vẽ tranh" (*lessons on picture-making*) đâu.

Lính mới: Thế các bạn làm gì ở đây?

Người hướng dẫn: Chúng tôi *vẽ*. *Vẽ* khác với *vẽ tranh*.

Lính mới: Thế *vẽ* là gì vậy?

Người hướng dẫn: Vẽ là nhìn và thấy với giấy, mực, mầu, sơn... Vẽ là phiêu lưu với hình ảnh. Vẽ không phải là làm ra một bức tranh. Vẽ là tạo nên sự vật. Không phải mô tả sự vật.

Lính mới: Thế chung qui, vẽ trong nghĩa *you* nói, vẽ để làm gì?

Người hướng dẫn: Vẽ để mà sống. Khát thì uống. Đói thì ăn. Thèm hình ảnh thì ngắm vạn vật quanh mình. Hay ngắm những họa phẩm mình yêu thích. Hay, thú hơn nữa, vẽ. Thú hơn vì mình chủ động. Vẽ là trầm tư với hình tượng. *To paint is to meditate upon forms*. Trong một thế chủ động.

*

Có những ngày hè nóng hừng hực, "nhóm" họp mặt ngoài trời, trong khu vườn mênh mông đẹp đẽ của vợ chồng Katrina. Có những chiều cuối thu, gió lốc từ phía Tây dãy Blue Ridge thổi qua đèo Gapland, cây cỏ lao đao xơ xác, lá rụng đầy trời, và Rex, chồng Katrina, lui cui nhóm lò củi đầu tiên trong mùa lạnh. Hơi nóng tỏa ra từ cái *woodstove* làm cho tôi cảm thấy như trong sự ấm áp thoải mái đã có chút gì lo âu ngơ ngác trước khi Đông thật sự trở về. Và có những tối tuyết đổ tầm tã, tuyết xuống tới bời...

Hai bên dãy bàn dài trải giấy báo, người người ngồi vẽ. Những đầu tóc bạc, đen, vàng, dài, ngắn, thẳng, quăn... Tôi dừng lại bên Janine.

VĐ: Chận nó lại.

J: Chận cái mầu xanh ấy à?

VĐ: Đúng rồi. Phải chận nó lại, kẻo nó chạy xuống đụng phải đường ngang mầu lục là hỏng cả.

J (ngần ngừ): Ừ... Chắc không?

VĐ: Chắc. Một trăm phần trăm. Nhưng cái đó không quan trọng. Vấn đề là, chính *you* phải thấy như vậy. Không tin thì cứ thử đi. Hỏng thì biết.

Tôi đặt một tay lên vai bác sĩ Mark, thầy thuốc của vợ chồng Rex và tôi.

Mark: *Hi, Professor!* (Mark tếu lắm).

VĐ: *Again! I'm no professor. Certainly less of a professor than you are a doctor*! (Nữa! Giáo sư cái khỉ gió. Anh mới là bác sĩ, chứ tôi có là giáo sư gì đâu!)

M (nghiêng người qua một bên cho tôi nhìn thấy rõ hơn bức họa của anh): Sao! Thấy sao?

VĐ: Không tệ lắm. *Not bad*. Nhưng anh còn nặng nợ với ước lệ quá.

M: Đâu? Nặng nợ chỗ nào?

VĐ: Anh vẽ khuôn mặt này mà anh còn cho bóng tối dưới cái lỗ mũi là hỏng kiểu. Quên cái bóng tối đi. Bóng tối là phù du. Cái mặt mới là thật. Nói đúng hơn, cái vũng mầu hồng hồng này mới là thật. Cái mầu hồng nằm ở đây có vẻ lẻ loi quá. Anh kiếm cho nó đứa bạn nhé.

Với người ngoài cuộc, những câu trao đổi kiểu này có thể bị xem như

kỳ cục. Tôi không ngạc nhiên nếu quả thật có như vậy. Nhưng với chúng tôi, và những ai thẩm thấu ngôn ngữ hội họa, những điều chúng tôi nói ra rất thật, rất nghiêm chỉnh và đúng đắn.

Sau một thời gian, không cần lục lạo tìm tòi, vò đầu bứt tóc gì cả (như chính tôi đã làm, những năm còn là "họa sĩ trẻ"), mỗi người trong "nhóm" tự nhiên có một đường đi riêng. Bút pháp mỗi người một khác. Vô tình mà có người gợi nhớ Klee. Có người không biết rằng mình làm nghĩ đến Braque. Người thì Pollock. Kẻ thì de Kooning. Lại có người, như "bà lão" Katrina, đôi lúc vẽ như một thiền sư Á-đông (mặc dù không biết gì đáng kể về Thiền, hoặc về hội họa cổ truyền Hoa, Nhật). Có người hỏi: Vì sao vậy? Tôi trả lời: Bởi vì mỗi người, khi cầm bút vẽ, đã có sẵn những hình tượng cá biệt ấy trong thâm tâm. Những *master-image*, những *archetype*, nói theo Jung. Trầm tư với hình tượng, thì chúng hiển lộ. Thế thôi.

*

Ba ngày sau, 1 tháng 12, 1991, cũng là ngày cuối cùng của cuộc trưng bày, trên đường về nhà ở vùng quê, từ Hoa-thịnh-đốn, tôi ghé lại dinh cơ của Marie. Trời mưa rả rích, khách khứa có vắng bớt đi. Trong *fireplace*, lửa cháy rừng rực.

Tôi đứng xoay lưng lại lò củi, tận hưởng hơi ấm tỏa ra ngùn ngụt trên lưng, trên vai. Hơi ấm củi tạ tuyệt vời, thấm râm ran vào toàn thân, như vỗ về, như an ủi. Không ấm kiểu máy móc, xa cách như *central heating*. Tôi đảo mắt một vòng. Và thầm nghĩ: Washington, New York, Paris, ở các *galleries*, dễ gì thấy được những mầu sắc tinh tế, những nét vẽ sinh động, những hình tượng cá biệt như vậy. Các tác giả là những người leo núi, những Sir Edmund Hillary. Và tôi chỉ là người dẫn đường, tôi chỉ là Sherpa Tensing cùng họ leo lên đỉnh Everest. Không phải đỉnh Everest bên Tây-tạng của nghệ thuật. Everest của mỗi tâm hồn mà thôi.

Tôi nhìn lại các tác phẩm. Mầu sắc, nét vẽ, xuất phát từ những tâm hồn phong phú, những tâm hồn biết yêu đời, yêu người, yêu lá cây ngọn cỏ, yêu cả cái vỏ sò nhỏ mọn, cánh bướm khô tàn, yêu cả viên sỏi nằm bên lề đường. Những tâm hồn của chốn trời Tây có cơ duyên tắm gội trong con suối róc rách chảy sâu dã lâu từ nguồn Đạo của phương Đông... □

PHẠM VIỆT CƯỜNG

GỬI MỘT NGƯỜI PHỤ NỮ NÀO ĐÓ

*

một ngày nào đó chúng ta sẽ yêu nhau
lòng vô cùng bình thản
sau bao nhiêu mùa thu ảm đạm
sẽ tiếp tục đi trên những dấu tích tang thương
với những nấm mộ trong tim phủ kín lá vàng
như dấu mốc trên con đường băng ngang quá khứ
sẽ tiếp tục trôi theo dòng năm tháng quạnh hiu
dòng thác đã mang đi ngọn lửa tin yêu
và nụ cười ước vọng
những mất mát khổ đau sẽ được chia sẻ cùng nhau
như món quà buồn bã
như vòng hoa cay đắng
trao tặng cho sự hạnh ngộ muộn màng
trên bầu trời mông mênh những đêm còn lại
sẽ nhớ bao nhiêu vì sao đã rơi mất
cùng những hình bóng xa vời trong giấc mơ tuổi trẻ

một ngày nào đó chúng ta sẽ yêu nhau
nếu chưa kịp tự sát
vào những năm mười bảy hai mươi lăm hoặc ba mươi sáu tuổi
có lẽ trong những bài thơ đã bị lãng quên
hoặc trong những căn phòng đầy khói thuốc
vẫn còn lẩn khuất đâu đó
những đồ vật ghê tởm
đoạn dây thừng khẩu súng lọ thuốc ngủ
chúng ta sẽ ngồi xuống bên nhau

nhớ lại những vực sâu đầy quyến rũ
nhớ lại những ảo vọng một thời
và cùng ngắm nhìn cái chết
như những kỷ niệm còn cháy đỏ
nhảy múa trong lò sưởi
trái tim yếu đuối của chúng ta
đã từng như ngọn lửa kia
đã từng là tro than kia

một ngày nào đó chúng ta sẽ yêu nhau
lòng cực kỳ dửng dưng
sau bao nhiêu mùa đông tàn bạo
những rừng hoa vẫn đột ngột nở bừng trong nắng
hơi thở chúng ta còn ấm nồng sự sống
dù những chân trời vẫn câm nín xa xôi
ngày đêm vẫn qua đi trong cơn mộng du lãng đãng
chính mùi hương khắc khoải của năm tháng
chính bóng hình mải miết mây bay
chính âm vang của biết bao nhiêu lời từ biệt
đã trói buộc chúng ta
vào sự giao ước đã mỏi mê này

một ngày nào đó chúng ta sẽ yêu nhau
như cái hệ luận thảm sầu của số mệnh
có lẽ chúng ta sẽ nhìn nhau trong đời
như trong những bức ảnh cũ phai mờ tới tả
những quãng đường còn lại của chúng ta
sẽ nhẹ nhàng ung dung hơn
vì đã ném bỏ đi cái hành lý nặng trĩu và xa hoa
là lòng hy vọng
chúng ta không đợi chờ gì nữa
trong bóng đêm kia
sau những trôi giạt này
trên con tàu đang chìm đắm

một ngày nào đó chúng ta sẽ yêu nhau
hồn nhiên khờ dại
như những đứa bé đứng trước ngưỡng cửa đời lần thứ nhất
như những giọt lệ lăn đuổi nhau trên gò má non tơ
tươi đẫm môi cười
sẽ khám phá trở lại
nỗi buồn thảm của thế giới con người
nếm trải lần nữa men đắng cay của niềm khao khát
và lắng nghe lời thầm thì của tuổi thơ u uất
ở bên này con dốc đìu hiu
ở bên này mùa thu đời sống
có lẽ chúng ta chỉ còn có thể dâng hiến cho nhau
sự dịu dàng của lòng tuyệt vọng

một ngày nào đó chúng ta sẽ yêu nhau
rất đỗi bình thường
như những trái cây thối ủng
rụng xuống mặt đường sau đêm mưa gió
nâng lên môi
chén rượu đời đã nhạt
chúng ta sẽ uống cạn cùng với sự lặng lẽ của hoàng hôn
những khát khao oán hận
những đau đớn mê cuồng
rồi trong cơn say tỉnh thức này
chúng ta rơi ngã vào nhau
như sự biện minh yếu ớt sau cùng
trước lời phán quyết khốc liệt và lặng thầm
của cái chết

một ngày nào đó chúng ta sẽ yêu nhau
như thể không biết phải làm gì khác nữa

THẾ UYÊN

khi người mỹ làm thơ về việt nam

*

1.

Trong những giờ Anh-văn cuối cùng của cấp trung học, giáo sư Anh-văn của tôi, một linh mục đã du học ở Âu-châu, đã nói đại khái như thế này về thơ và những người làm thơ trên nước Mỹ: Khi một chàng hay nàng dưới hai mươi tuổi mà làm thơ, thì bố mẹ hoảng hốt đã đành, mà thầy cô cũng kinh hoàng. Lý do bởi thành kiến cho rằng tâm hồn có trục trặc bất thường, thì mới... làm thơ. Lời giảng dạy kiểu ấy làm cho cả một thế hệ đồng thời với tôi nghĩ rằng dân tộc Mỹ hoàn toàn thực tiễn, chỉ biết có hùng hục lao động và hưởng thụ vật chất mà thôi. Không biết thế nào là yêu thương, mây bay gió thổi lãng mạn trong cuộc đời.

Thành kiến trên của tôi đã thay đổi nhiều khi đến sinh sống tại nước Mỹ. Dân Mỹ thực tiễn thì quả có thực tiễn, nhưng lãng mạn thì lãng mạn không thua kém ai – đâu có như ông thầy linh mục của tôi nhận định những ngày xa xưa. Dân Mỹ cũng làm thơ tới nơi tới chốn, nhưng không làm nhiều như người Việt Nam thôi. Thơ ca vẫn được giảng dạy trong học đường và mở bất cứ một tờ báo sinh viên nào ra, cũng thấy có dăm ba bài. Nhưng có điều tôi không ngờ là người Mỹ làm rất nhiều thơ về Việt Nam.

2.

Người Mỹ làm rất nhiều thơ về Việt Nam? Ai làm vậy? Và câu trả lời thông thường của một người trung bình thường là: Ai cũng có thể làm trừ

những người lính Mỹ đã đến chiến đấu ở Việt Nam. Từ đã quá lâu, phía Việt Nam cũng như phía Mỹ đều quen với thứ *stereotype*, thứ khuôn mẫu sáo cho rằng lính Mỹ đến Việt Nam chỉ biết có bắn súng, uống rượu, chơi gái rồi... về quê. Về quê theo nghĩa là về với ông bà ông vải luôn, hay về quê là hồi hương, cũng đều đúng cả. Những anh *Vietnam Veteran* này (từ ngữ này không áp dụng cho các cựu chiến binh Việt Nam Cộng Hòa) có thể là bất cứ cái gì, trừ làm thi sĩ.

Vậy mà chính những anh GI ấy đã trở thành thi sĩ, làm rất nhiều thơ về Việt Nam. Theo nhà biên khảo W.D. Ehrhart trong cuốn *Carrying the Darkness, the Poetry of Vietnam War* (Texas Tech., University Press, 1989), thì nếu không tính những tập thơ còn dưới hình thức bản thảo, thì đã có 70 thi phẩm về Việt Nam, khoảng 5.000 bài hay trên trung bình – nếu tính cả những bài dở, thì số lượng không biết là bao nhiêu.

Nhìn vào số lượng thơ khá hùng hậu này, người viết chóng mặt bởi vì trình độ Anh-văn còn lâu mới cho phép thưởng thức và thẩm định được giá trị nghệ thuật của những bài thơ ấy. Chỉ còn cách, nếu dùng một thành ngữ khá phổ thông ở Việt Nam hiện nay, là rủ nhau "cưỡi ngựa xem hoa". Ngồi trên mình ngựa cao ngất nghểu, ngựa ngứa chân phóng ào ào, thì người thưởng hoa chỉ còn thấy được những chấm phá rực rỡ, những hình ảnh tổng quát mà thôi.

Chúng ta hãy bắt đầu bằng hai thi sĩ có tên vần A để có một ý niệm sơ khởi:

– Michael Anania: tập thơ *Màu của Bụi (The Color of Dust)*.

– Philip Appleman: thi phẩm *Khung Cửa Mở (Open Doorway)* với hai bài nổi tiếng là: *Hòa bình trong danh dự* và *Trong khi chờ khai hỏa.*

Danh sách các thi sĩ còn dài, nên người viết dưới đây chỉ nêu ra những ai đã làm những bài thơ có nhan đề liên quan trực tiếp tới Việt Nam thôi, để người đọc có một ý niệm khái quát về những nguồn cảm hứng đã tạo ra những bài thơ ấy.

– John Balaban đã làm những bài: *Tặng cô Tín ở Huế; Phiên gác trên cầu Bình-thủy; Mậu Thân; Bên dòng Mekong.*

– Jan Barry: Địa ngục xanh chết xanh; Những đêm ở Nha-trang; Vùng phi quân sự; Người nữ tu ở Ninh-hòa.

– D.C. Berry: thi phẩm *Nghĩa trang Saigon.*

– Hayden Carruth: "*Bị yêu cầu làm một bài thơ chống chiến tranh Việt Nam*".

– Ron Carter: *Giấc mơ Việt Nam.*

– Horace Coleman: Night Flare Drop, Tân Sơn Nhứt; Ở Cà-mâu.

– Yusef Komunyakaa: *Tại một nơi nào đó gần Phú-bài; Cái chết ở Quảng-trị; Thuyền nhân; Sau khi Sàigòn thất thủ.*

– Herbert Krohn: *Nông phu Song ở Cần-thơ; Anh chèo đò Song ở Bình-minh.*

– McAvoy Layne: thi tập *Audie Murphy Đã Chết Như Thế Nào ở Việt Nam.*

– David Mura: "*Huy Nguyễn: Brothers, Drowning Cries.*"

3.

Những thi sĩ ấy đều là những người dân của một nước quyền tự do tư tưởng và ngôn luận được bảo vệ tối đa, nên đề tài và nội dung các bài họ làm thường rất phong phú. Không đơn điệu với những đề tài đã trở thành sáo như thi ca Việt Nam hải ngoại, quanh quẩn với tình hoài hương, nỗi buồn di tản, tị nạn sầu bi, phục quốc trong mơ...

Người viết bài này chưa đủ khả năng Anh-văn để giới thiệu những bài dài, phức tạp, đầy chữ nghĩa kiểu Bùi Giáng. Do đó chỉ giới thiệu một vài bài, vài đoạn hiểu được và thấy hay.

Những đêm Nha Trang của Jan Barry

Những cô gái
những cô gái của
Nha trang
miệt mài bán buôn
mỗi đêm
trên bờ biển
Đậu phộng
những cô gái,
mười hai
và mười ba

hát
Tất cả
bán
trái cây
của Nha
trang
hằng đêm
dọc theo
bãi biển cong
lưỡi liềm trong
bóng tối
"Monique,
Monique lại đây
tí ti
Monique
lại đây em
tí ti"
"Ông mua
xoài,
ông mua tôi?
Ông mua
xoài,
ông mua tôi?
"Ông mua
Saigon tea,
ông mua tôi?
Ông mua cho tôi
một
Saigon tea?

Cũng vẫn tác giả Jan Barry ấy đã làm những đoạn thơ như thế này:

Ở nơi mà một người lính Lê dương Pháp
từng bước đi tuần
quanh vòng đai phi đạo
ở Nha trang,

mười năm sau tôi cũng từng bước,
một người lính Mỹ lực lượng viễn chiến
một người lính một đêm trực gác
ở
Nha trang,
chiếm đóng hai mươi năm
về trước
(một năm nhiều hơn tuổi tôi)
bởi một người lính Nhật.

(Theo bước chân Thành Cát Tư Hãn)

Thật là một cảnh tượng cho một chàng trai tới từ Tennessee:
một nữ tu Phật giáo đang mặc áo lửa
ngồi kiêu hãnh giữa một đám đông nghiêm túc,
đám đông câm nín,
lửa và khói dứt từng mảng y phục ghê rợn
Bà ngồi mỉm cười như chế giễu làn lửa
Hai bàn tay, hai bàn tay đang chắp lại nguyện cầu
bỗng từ từ mở ra...

(Người nữ tu ở Ninh Hòa)

Anh nông dân Nguyễn của W.D. Ehrhart

Khi chúng tôi quét qua làng của anh nông dân Nguyễn,
có người nói với chúng tôi rằng anh Nguyễn
đã tiếp tế gạo cho Việt Cộng
Này anh Nguyễn, anh đã chọn nhầm phe rồi
Chúng tôi phải bắt anh, và đánh anh,
rồi nhốt anh vào chuồng cọp kẽm gai.
Khi Việt Cộng trở về làng anh Nguyễn,
có người nói rằng anh Nguyễn
đã cung cấp tin cho lính Mỹ mắt tròn.
Này anh Nguyễn, anh lại chọn nhầm phe rồi
Việt Cộng tịch thu gạo của anh, và đánh anh,
rồi bắt anh đi dân công chiến trường.

4.

Những người Mỹ đã làm thơ như thế đó. Họ không phải chỉ là những người lính ngây thơ chỉ biết bắn súng uống bia và chơi gái. Họ đã chìm đắm vào trong cuộc chiến Việt Nam, đất nước và con người Việt Nam. Phải chăng kể từ đó họ đã mắc phải thứ bệnh mà nhiều nhà văn Pháp trước đây, đặc biệt là Jean Larteguy, đã phải gọi là "*Le mal Jaune*" (Bệnh vàng, hay bệnh da vàng): "Việt Nam không phải là một nước nhạt nhẽo tầm thường: động vào nó là... 'lên mây', hay nếu không sứt mẻ thì cũng có thể điên khùng".

Chẳng biết có *điên khùng* hay *sứt mẻ* hoặc *lên mây* hay không, nhưng thơ văn của những người Mỹ làm vì Việt Nam đã có nhiều và có giá trị đến độ hiện nay tại một số đại học lớn của Hoa-kỳ đã có những lớp giảng dạy về *thơ văn Vietnam War*, dĩ nhiên là *Vietnam War* của người Mỹ. Còn bao giờ thì đến lượt người Việt có những công trình nghiên cứu về *thơ văn chiến tranh của chính mình*, một cuộc chiến tranh dài gấp bốn lần thứ *Vietnam War* của người Mỹ? □

TRỊNH Y THƯ

CHÉN ĐẮNG

*

xòe tay năm ngón còn nguyên
còn tôi chén đắng lời nguyền thất sơ
bao nhiêu năm vẫn còn ngờ
như người tử tội ngồi chờ hồng ân

LÊ BI

NGƯỜI LÀM RUỘNG MUỐI

*

Phải đem vào bao nhiêu nước biển mới tạo thành một nhúm muối
Bao lâu phơi giữa nắng trời
Chẳng lẽ vì những hạt muối nhỏ nhoi
Người ăn muối mấy khi nhớ người làm ruộng muối.

Kẻ làm thơ cũng giống người làm ruộng muối
Cũng lùa biển trời và đem cả chiều sâu chiều rộng ra phơi
Trang giấy trắng hóa thành ruộng muối
Để thơ được mặn với đời.

May ra đọc hết một dòng thơ, đâu cần nhiều,
cũng như vài hạt muối
Ta sẽ nhớ những đắm chiêu chất tự biển trời.

TẤM LỊCH TREO TƯỜNG

*

Năm cũ chưa qua, có thêm tờ lịch, cứ treo lên tờ lịch
Những đứa trẻ tươi cười đủ loại màu da
Trái đất này liên tiếp nở hoa.
Những đứa trẻ đâu biết ở thế giới người già

Đang dối lòng bóc từng tờ lịch
Mặt bên kia, chỉ khẽ lật qua
Mỗi ngày bốn mươi ngàn em chết yểu.

Chẳng phải chỉ một năm nay, thế kỷ này,
mà cả thiên niên kỷ này ta cầu cho chóng hết
Để những bông hoa thoát khỏi những người già
Và những đứa trẻ không phải đánh lừa con em chúng nó.

NGUYỄN MẠNH TRINH

phỏng vấn cuối năm

*

Lời tòa soạn: *Để giúp độc giả có cái nhìn tổng quát về các vấn đề liên quan đến văn học trong nước cũng như ở hải ngoại trong năm vừa qua, Văn Học hân hạnh giới đến quí độc giả ý kiến, quan điểm của một số văn thi sĩ hải ngoại qua bài phỏng vấn dưới đây do nhà thơ Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện. Tuy nhiều vấn đề được đặt ra, nhưng tựu trung, chủ điểm chính xoay quanh nhận định của nhà văn Nguyễn Mộng Giác về tình trạng trì trệ của văn học Việt Nam ở hải ngoại trong thời gian mấy năm gần đây, đăng trên giai phẩm Văn Học Xuân năm Tân Mùi.*

Nhà văn BÙI VĨNH PHÚC

– Theo anh, văn học Việt Nam hải ngoại đã thể hiện được những điều cần thiết trong năm nay?

– Anh có suy nghĩ gì về nguyên nhân tạo thành sự khựng lại sau một thời kỳ có khá nhiều khởi sắc những năm trước?

– Hai câu hỏi đặt kế tiếp nhau như thế, mới trông qua, tưởng là hai câu riêng biệt, nhưng đọc kỹ lại thấy là câu sau "tiền giả thiết", hay rõ hơn là khuôn định, chỉ định câu trước. Và chính cái câu sau đó có lẽ cũng đã được đặt ra một cách "tiền chỉ định" nữa. Như thế, có nghĩa là, xét dưới "mạch ngầm" (chữ của Lý Đông A), đây là những câu hỏi đóng. Người trả lời chui vào thì bẫy sẽ... sập xuống, và con đường đi thì chỉ có... một chiều đèn đỏ!!!

Thật sự, khi nói "*có sự khựng lại của văn học Việt Nam hải ngoại trong năm vừa qua*", người ta trước hết phải xác định cho rõ thế nào là "khựng lại", thế nào là "bước tới", là "phát triển"... Ngoài ra, ngữ động từ "*thể hiện được những điều cần thiết*" cũng làm cho người phải trả lời bối rối. Thế nào là "những điều cần thiết". Có phải cứ có sách báo ra đều, các tác giả sáng tác hăng hái, độc giả hứng khởi bàn luận về các bài báo, về các tác phẩm... là những dấu hiệu cho thấy một nền văn học đã làm được những điều cần thiết của nó. Hay là điều cần thiết mà một nền văn học phải làm là ngoài

những sáng tác của những nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình..., ngoài sự theo dõi và thưởng ngoạn của quần chúng, của độc giả, nền văn học đó còn phải cho thấy sự tự ý thức về mình, về cái hướng đi, hướng tới, sự phản tỉnh, sự tự nhìn lại để đánh giá cái hành trình, hành trạng của mình nữa. Tôi cho rằng sự tự ý thức của một nền văn học qua những sáng tác thơ văn, và, đặc biệt, qua những vấn đề được đặt ra liên quan đến sự chuyển mình, đến hướng đi của nền văn học ấy, những vấn đề được người cầm bút suy nghĩ chín chắn qua sự thao thức về vị trí của nền văn học mà mình đang ở trong, quy chiếu với những hệ giá trị bao quanh nó, mới là những điều xác định được tính cách của một nền văn học. Tôi cũng cho đó là sự cần thiết của bất cứ một nền văn học nào, trong hay ngoài, trên hay dưới, lớn hay bé, "chính thống" hay "không chính thống".

Đối với chúng ta là những con người lưu vong, hay là những con người sống bên ngoài đất nước (điều này tùy vào tâm cảm và hoàn cảnh sinh sống, lớn lên, tham dự vào đời sống... của mỗi người), những hệ quy chiếu mà ta phải dùng, nếu muốn tự ý thức về mình và về nền văn học trong đó mình đang sống, đang tự thể hiện, có thể là những biến chuyển ở quê nhà, là hoàn cảnh sống của đồng bào trong nước, và cũng có thể là môi trường xã hội, văn hóa đang vây bọc lấy ta trong đời sống hiện tại, những khía cạnh đặc sắc, bất ngờ, nổi bật hay rất bằng phẳng mà bền bỉ của những môi trường sống ấy. Dĩ nhiên là có nhiều hệ quy chiếu đối với chúng ta nói chung, là những người lưu vong hoặc sống ngoài đất nước, và đối với những người cầm bút nói riêng, là những người thường có những suy nghĩ đậm và sắc hơn những người khác. Điều đó tùy vào tâm cảm và đời sống của mỗi người.

Tôi nghĩ để trả lời hai câu hỏi được nêu ra, tôi không thể chỉ nói một cách tóm gọn ở một hai trang báo dành cho phần trả lời này. Tôi sẽ viết một bài khác, kỹ hơn, để bàn về một số khía cạnh của hai câu hỏi báo Văn Học đặt ra cho tôi ở đây. Lúc này, tôi chỉ muốn nói tóm là: trên bề mặt, có sự chậm lại trong sáng tác nói chung; sự chậm lại này có thể có nhiều nguyên nhân mà ta không có giờ bàn kỹ ở đây. Nhưng nền văn học của ta ở ngoài nước vẫn cho thấy có sự tự ý thức. Sự tự ý thức đó có hoàn toàn đúng hay không, hoặc có lý hay không, qua những câu hỏi được đặt ra về nó – và những cố gắng tự trả lời những câu hỏi ấy – từ những người cầm

bút ở đây lại là một vấn đề chúng ta nên suy nghĩ và thảo luận thêm. Nhưng những nỗ lực tự ý thức như thế, theo tôi, là những điều tích cực nổi bật của nền văn học Việt Nam ngoài nước năm vừa qua.

Nhà văn ĐỖ KH.

– Theo anh, bây giờ có hay không một con đường văn chương riêng biệt ở hải ngoại? Con đường cũ của văn học miền Nam trước 75 có ảnh hưởng gì lớn lao với bây giờ hay không?

– Tôi nghĩ có một con đường văn chương hải ngoại, có chứ, và dĩ nhiên là riêng biệt, theo cái nghĩa hạn hẹp (và đáng tiếc) của nó. Như là (chắc phải) có một văn chương Trương Minh Giảng (nối dài), văn chương cổng xe lửa Số Sáu, văn chương tỵ nạn, văn chương di tản, văn chương H.O., v.v...

Con đường này có đi đến một tập thể nào lớn hơn được hay không? Đó mới là điều nên lưu ý.

Đối với văn học lập cập của miền Bắc trong thời kỳ chiến tranh thì miền Nam đã có một vị trí xứng đáng lớn, nhất định. Ảnh hưởng của nó, biết đâu, đối với văn chương quốc nội hiện nay, lại là đáng kể? Tôi không biết. Văn chương, tính nó vốn cứng đầu, nó đi đây đi kia, không phải bố mẹ nó cứ truyền lại là được, không phải bố mẹ nó bảo là nó nghe.

– Có hiện tượng bức phá nào từ những ý thức làm mới trong văn học Việt Nam hải ngoại không? Anh nghĩ gì về hiện tượng nhiều người cho rằng có trì trệ văn học?

– Tình trạng phường tuồng ở hải ngoại, có phông có cảnh, xiêm y, áo mũ và đầy đủ đào kép lẫn chổi phất trần (để làm ngựa cỡi). Có cả diễn viên mới tập việc vô cùng hăng hái. Người hát không thiếu, chỉ thiếu người nghe. Những cô Điêu Thuyền rụng răng quen bài bản cũ thì vẫn hí được những ông Lã Bố bụng phệ nhưng chúng tôi lính hầu, vàng dạ nhìn xuống sân khấu không thấy có nổi dăm ba đứa bé thò lò rớt rãi đứng xem thì... buồn.

Vậy thì ý thức làm mới để le với ai bây giờ, cho dù có làm được mới đi chăng nữa. Làm mới, khác với làm dáng (chẳng hạn) ở chỗ không phải chỉ ý thức được là đủ. Khổ thật, tôi rẽ tóc ngược hay tôi rẽ tóc lệch.

Văn học hải ngoại, nếu chỉ là nối tiếp tỉ tê của văn học miền Nam

trước đây thì tôi nghĩ giấy giụa như vậy cũng đã là kỷ lục. Nhưng con đường, vẫn là của mọi người. Ai mỏi chân thì cứ ngồi, nó trở thành con đường còn lại. Ai dỗi thì cứ đi thụt lùi, nó sẽ là đường không bao giờ tới. Ai khập khiễng vì những vết thương từ thời chiến tranh (chiến tranh, bị thương là chuyện thường) thì cứ việc lò cò. Con đường, của chung, ai không đi thôi.

Nhà thơ LÊ BI

– Bằng tất cả những điều anh được đọc, anh có thể đưa ra một vài nét nhận định và so sánh hai nền văn học ở trong nước và hải ngoại trong thời điểm năm nay?

– Tình hình sinh hoạt văn học trong nước có vẻ khá hỗn loạn. Số báo chí và nhà xuất bản ở cả trung ương lẫn địa phương lên tới khoảng 500, nghĩa là một con số rất lớn nếu so với hiện trạng độc quyền chính trị tại Việt Nam. Ảnh hưởng bởi việc bỏ chế độ bao cấp nên việc sinh hoạt báo chí, văn học cũng phải chiều theo một khuynh hướng tự nhiên của luật cung cầu là thị hiếu của độc giả. Nhưng xã hội Việt Nam hiện đang là một xã hội suy đồi đạo lý, vô luật pháp, kinh tế thị trường theo lối mánh mung, chụp giựt, nên các loại sách giật gân như vụ án, kiếm hiệp, dâm thư tràn ngập và lấn áp. Các tác phẩm văn học giá trị đều khó tiêu thụ, mỗi lần in đều dưới 2.000 cuốn. Sách biên khảo và thi ca còn khó hơn nữa, kể cả những tác giả nổi tiếng. Chỉ cách đây vài năm, các tác phẩm của Dương Thu Hương đều có số bán hàng vài chục ngàn. Truyện dài của Nguyễn Mạnh Tuấn, có quyển số bán lên tới trăm ngàn.

Hội Nhà Văn Việt Nam đã công bố giải thưởng Văn Học 1991 cho ba truyện dài là *Thân Phận Của Tình Yêu* của Bảo Ninh, *Bến Không Chồng* của Dương Hướng và *Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma* của Nguyễn Khắc Trường. Về thơ có *Tặng Riêng Một Người* của Lê Thị Mây, *Khúc Hát Người Xa Xứ* của Trương Nam Hương. Về lý luận phê bình là quyển *Lý Luận và Văn Học* của Lê Ngọc Trà.

Riêng về phần văn xuôi, quyển *Thân Phận của Tình Yêu* đã gây ồn ào và tranh cãi nhiều hơn cả. Tác giả, nguyên là một bộ đội từng tham dự chiến tranh trước 1975 tại miền Nam, ba lần là thương bệnh binh, nên tác phẩm này có nhiều chi tiết sống động, trung thực, khó mà có thể tưởng

tượng ra được nếu không tham dự trực tiếp vào cuộc chiến. Trong một cuộc phỏng vấn của ký giả Murray Hiebert, *Far Eastern Economic Review*, tác giả cho biết đã phải viết (mải mê trong hai năm) để có thể nhìn lại và đánh giá cuộc chiến, xem cái giá dân tộc Việt Nam phải trả có xứng đáng hay không. Ở đây, có vài điểm nhỏ, chúng ta có thể lưu ý. Một là, Ủy viên Thường Trực Hội đồng Chung khảo của giải văn học này là Nguyên Ngọc, cựu Tổng biên tập báo *Văn Nghệ*, một người có công rất lớn với văn học đổi mới tại Việt Nam. Hai là, truyện dài nói trên, lúc đầu đã đăng báo với tên *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, sau này có thể vì sợ "có vấn đề", nên tác giả phải cắt bỏ khá nhiều cũng như đổi tên cho có vẻ nhẹ nhàng hơn thành *Thân Phận của Tình Yêu*. Sau khi trúng giải, quyển sách được tái bản với tên cũ.

Nói chung, về phần sáng tác, văn học ở Việt Nam đang trăn trở với vấn đề trung thực, tôn trọng những cảm xúc và cái nhìn tự phát của người nghệ sĩ, nghĩa là họ đang khai phá, tìm hiểu và trình bày lại sự thật. Sau một khoảng thời gian dài, với sự lấn lướt của ý thức hệ, văn học trong nước sau thống nhất và đặc biệt miền Bắc trước 75, đã chỉ có thể xuất hiện được một loại văn học cung đình, đầy tính phác họa những cái sẽ là chứ không phải là những cái đang là. Bởi thế, trong những năm qua, văn học Việt Nam phải quày quả trở lại với những đề tài như cải cách ruộng đất, đấu tố, quan liêu bao cấp, và đặc biệt nhất, chiến tranh, là những đề tài mà trong suốt những thập niên qua, đã không được trình bày như nó là.

Nhưng chính quyền hiện hữu ở Việt Nam vẫn độc quyền chính trị, nên trình bày sự thật vẫn có thể bị đàn áp. Như trường hợp Kim Hạnh báo *Tuổi Trẻ*, Hà Dăng báo *Nhân Dân*, khi dám công bố bằng chứng Hồ Chí Minh có vợ, hoặc tác phẩm *Sống Lừng* của Triệu Bôn về những tệ trạng hủ hóa của cán bộ, nên văn học Việt Nam vẫn còn phải mất một thời gian khá dài, trước khi phát triển thêm hai tiêu chuẩn khác là thiện, mỹ. Những truyện của Nguyễn Huy Thiệp, hay thơ của Trần Vàng Sao, hoặc một số các sáng tác sau này, đã đặt nặng việc phơi bày quá nhiều cái ác, cái xấu, cái đói, cái băng hoại của xã hội, mà ít có khía cạnh xây dựng tích cực. Không những các văn nghệ sĩ phải trăn trở với cái sợ, cái lách trong việc bị đàn áp, mà cũng còn phải vượt qua chính bản thân của mỗi tác giả, bởi nỗi ám ảnh quá khứ của chính họ. Nhưng cũng nhờ việc đặt trọng tâm khai phá vào sự

thật, một cách tự nhiên, văn học Việt Nam đã mất gần hết tính chất ý thức hệ. Tôi nghĩ đây là những khởi đi đầy can đảm, đáng đón nhận một cách trân trọng. Bởi đó là những đóng góp lớn lao, tiếng chuông báo hiệu cho những chuyển biến sâu xa ý thức thân phận con người, dân tộc, tạo những điều kiện cho sự thay đổi xã hội và chính trị sau này. Có một lúc, ông Hoàng Ngọc Hiến, dựa vào nhan đề một truyện ngắn của Tạ Duy Anh, đã hy vọng đó là tín hiệu của một "nền văn học bước qua lời nguyền". Tôi nghĩ đây là một sự hy vọng quá sớm, nhưng dù vậy, tôi vẫn tin là trong những năm tháng tới, khi văn học Việt Nam đã bớt phải đối phó với vấn nạn của sự thật, để cùng tìm tới cái thiện, cái mỹ, Việt Nam sẽ hứa hẹn nhiều tác phẩm lớn hơn. Đó là thời điểm, chúng ta có thể an tâm vượt qua những ranh giới của quá khứ, nghi ngại, để có cơ hội thưởng thức "nền văn học bình thường", với những giá trị chân, thiện, mỹ của chính nó.

Riêng phần văn học ở hải ngoại, tôi không theo dõi được hết như sự mong muốn. Vì đây là một nền văn học viết bằng Việt ngữ, nên tôi không nghĩ là có khả năng hòa nhập vào đời sống cộng đồng của người địa phương. Không biết ở các quốc gia khác thế nào, riêng ở Mỹ, những người tị nạn Việt Nam, sinh ra ở nước mình, dù hiện giờ đã có quốc tịch bản xứ, vẫn được gọi là thế hệ số không. Những đứa con cháu chúng ta, khi được sinh trưởng ở xứ này, mới được gọi là thế hệ thứ nhất. Không thể hy vọng thế hệ thứ nhất này sẽ tiếp tục một nền "văn học lưu vong" của cha anh.

Một hạn chế khác nữa của việc hội nhập, là hình như hầu hết các nhà văn lưu vong đều không có khả năng sáng tác trực tiếp bằng ngoại ngữ. Thế nên, nếu viết về đời sống hải ngoại, sẽ là nét lạc lõng vong thân. Ở một số người, thí dụ như Nhật Tiến, đã chối từ hoàn toàn viết về đời sống hội nhập. Thế nhưng, khi quay lại viết về quê hương, sẽ là sự hoài niệm, thiếu mất những rung cảm máu thịt, ngoại trừ những chắt chiu, đôi khi vụn vặt, từ quá khứ. Đó là chưa kể đến những giới hạn về thành kiến, ác cảm chính trị, mà nơi một số văn nghệ sĩ cũng chưa muốn vượt cao hơn. Chúng ta đã may mắn qua rồi cái thời lấn át của những tác phẩm "cái nồi ngồi trên cái cốc", đầy tính chế giễu hả hê, hoặc văn học hồi ký, tù cải tạo khá nhiều tính ta thán và tố cộng. Kế nữa là những thay đổi về chính trị quốc tế và những biến chuyển quốc nội trong những năm gần đây, đã làm những cảm hứng chủ đạo của văn học hải ngoại mất định hướng. Có thể, chúng ta sẽ phải

mất thêm một thời gian nữa, để tranh cãi, xác định lại chỗ đứng và trách nhiệm của mình. Một giới hạn nữa, là hầu như tất cả các tác giả tại hải ngoại đều không sống được bằng ngòi bút của mình, dù đời sống vật chất cao hơn người trong nước xa, nhưng hiếm ai dành được toàn thời gian cho sáng tác. Ai nấy đều bận áo cơm mờ người. Tôi rất cảm phục những say mê, đến độ hy sinh, của những người làm văn học Việt Nam tại nước ngoài, nhưng với tất cả những yếu tố khách quan lẫn chủ quan, nền văn học hải ngoại này có gặp phải những giới hạn của nó cũng là điều dễ hiểu, nếu chúng ta không vượt cao hơn những định kiến về chế độ, để đặt nặng vào việc xây dựng những giá trị lâu dài của văn học là chân thiện mỹ. Dĩ nhiên, cũng có những cố gắng và trường hợp ngoại lệ.

– Anh nghĩ gì về hiện tượng những dòng văn học đã có khuynh hướng đi lại gần nhau?

– Tôi không rõ ý câu hỏi này lắm. Nếu cho rằng có những dòng văn học, thì tại sao phải đi lại gần nhau? Văn học, cần phải có phong phú, đa dạng, trăm hoa, phát triển trọn vẹn sức của nó một cách tự nhiên. Văn học lãng mạn, thì cần gì phải đến gần văn học xã hội hiện thực. Nếu gọi văn học là một dòng, như một dòng sông, thì sông Hồng cần gì phải xích lại gần sông Cửu. Sông Thu- bồn chắc cũng chẳng cần bị ép đến với sông Hương.

Tôi thấy đây không phải là khuynh hướng xích lại gần nhau của tự thân văn học, mà là việc tiếp cận văn học giữa hai khoảng cách địa lý và chính trị. Xu thế này phản ánh rõ nhất nét chủ yếu của thời đại chúng ta. Đây là một thời đại thế giới nhỏ lại, những thí nghiệm về ý thức hệ đã thất bại, cùng lúc với việc bùng nổ thông tin và kinh tế thị trường. Mọi dân tộc, xã hội, nền kinh tế, an ninh đều có những liên hệ hỗ tương với nhau. Tôi không nghĩ có một nền văn hóa nào có thể đóng cửa cô lập mà có thể tồn tại và phát triển được trong thời đại này. Trong tình trạng giao lưu đó, hình như các lằn ranh cũ ngày càng mờ dần. Một thí dụ cụ thể, như trường thiên *Sông Côn Mùa Lũ* của Nguyễn Mộng Giác, in tại hải ngoại năm 1991, nhưng tác phẩm này đã được viết trong nước cách đây hàng chục năm, dưới một bối cảnh khác xa bây giờ. Hoặc gần đây hơn là truyện dài *Tiểu Thuyết Vô Đề* của Dương Thu Hương, một tác phẩm được chuyển lén ra in tại Mỹ lần đầu. Nếu nói *Sông Côn Mùa Lũ* thuộc về văn học trong nước, thì có thể xảy ra tranh cãi, vì cả tác giả lẫn việc xuất bản đều ở nước

ngoài. Nếu nói rằng *Tiểu Thuyết Vô Đề* thuộc về văn học hải ngoại, tôi e rằng đó là sự vơ vào có thể làm phiền lòng tới chính tác giả. Nếu Nguyễn Mộng Giác còn ở Việt Nam (thí dụ thôi) hoặc Dương Thu Hương không bị bắt vì chống đối chế độ, thì với hiện tình bây giờ ở trong nước, cả hai quyển nói trên đều có thể được in ra một cách bình thường.

Bởi thế, sự phân chia của chúng ta chỉ là một sự phân chia tạm thời. Việc lại gần với nhau, tiếp cận một nền văn học khác là một phong cách vượt cao hơn những tranh chấp chính trị và thành kiến, một sự phát triển tự nhiên để học hỏi, tìm biết của những con người muốn đạt đến chỗ tốt đẹp hơn. Nếu đứng từ vị thế của người nước ngoài, tôi nghĩ, thì chính bản thân chúng ta, cũng phải tự mở cửa để đón nhận, thưởng thức tất cả những khuynh hướng văn học khác nhau, trong một giá trị chung là trung thực, nhân bản và nghệ thuật.

Nhà văn MAI THẢO

– Trong thời điểm thăng trầm của văn học Việt Nam hải ngoại năm nay, anh có nhận xét tổng quát nào?

– Tôi vừa đọc một số bài báo cuối năm trên mấy tờ tuần báo lớn nhất ở Pháp như ba tờ *Le Point, L'Express* và *Le Nouvel Observateur*, về tình trạng thị trường sách báo ở Âu-châu và ở Hoa-kỳ. Bằng những phân tích kỹ lưỡng, căn cứ vào những con số thống kê chính xác, những bài báo ấy đều là những hồi chuông báo động và cùng đi tới một kết luận xám ngắt. Về năm 1991 như một năm mất mùa trầm trọng của sách báo và ngành xuất bản toàn cầu. Với hai nguyên nhân chính. Một là tình trạng kinh tế suy thoái kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề tới thị trường chữ nghĩa, mọi người đều phải thắt lưng buộc bụng không còn thể tiêu tiền cho sách báo một cách dễ dàng như trước. Hai là sự tràn ngập vào đời sống càng ngày càng ghê gớm của truyền thanh và truyền hình, với những chương trình 24 giờ trên 24 giờ, khiến quần chúng đổ xô hết vào nghe và coi, không cảm thấy nhu cầu phải đọc nữa. Do đó, năm 1991 là năm sút giảm hẳn về số lượng sản xuất và tiêu thụ sách báo, kể cả những tờ báo có nhiều người đọc nhất, kể cả những cuốn sách của những tác giả danh tiếng và được coi là những *best-sellers*. Tình trạng ngưng đọng và suy thoái cùng khắp vừa nói

cũng đã đến với sách, báo và ngành xuất bản của Việt Nam hải ngoại, năm 1991. Như một điều không thể tránh và không chỉ nói riêng ta.

Chỉ mong sao tình trạng chung không mấy tốt đẹp này đừng quá kéo dài với chúng ta. Vì báo chí và xuất bản ta đều thuộc hạng "nhà nghèo", sức cầm cự và chịu đựng rất là hữu hạn.

– Nếu có bế tắc, anh có thể phân tích một vài nguyên nhân chính yếu? Nếu không, anh phác họa một vài dự đoán cho những năm sắp tới của văn học Việt Nam hải ngoại.

– Theo tinh thần câu trả lời trên của tôi thì có thể nói là có bế tắc ở năm qua. Nhưng tôi giới hạn hai chữ bế tắc, chỉ ở sự ngưng đọng của thị trường mà thôi. Và đó là một ngưng đọng chung và không do chúng ta gây ra. Còn nếu nói đến một số bế tắc sáng tác nào đó thì tôi không thấy có. Nhìn chung, những người làm văn học chúng ta ở hải ngoại, với năm 1991, vẫn duy trì được một sự khai thông tốt đẹp với tâm hồn và cõi viết của mình, thực hiện được những tác phẩm có nội dung và phẩm chất tốt, mà nếu nhìn thấy ở đó có những bế tắc thì chỉ là tưởng tượng hoặc quá khe khắt mà thôi. Hoặc nữa là vì sự bế tắc của riêng mình mà thấy mọi người đều bế tắc. Đương nhiên có một số cõi viết đang ở thời kỳ sung mãn chợt như ngừng đứng lại. Nhưng tôi cho chỉ là tạm thời. Một mặt, vì trước thị trường bị thu hẹp lại bởi một suy thoái kinh tế chưa chấm dứt, phần lớn các cơ sở xuất bản và báo chí đều phải ở yên trong một mức sinh hoạt cầm chừng, khiến một số sách mới còn phải "nằm ụ" chưa được in ra. Mặt khác, ở nhiều người, còn vì sinh kế đã lấy hết thời giờ. Như trường hợp nhà văn Trần Diệu Hằng, năm qua. Bà kể cho tôi về những công việc chồng chất ở sở, ở nhà, từ sáng tới khuya, kể cả mấy ngày nghỉ cuối tuần, nên đành phải tạm thời cho văn chương đi chơi chỗ khác. Do vậy mà đã không có được bài cho *Văn* số Xuân như mọi năm.

Còn về một chuyển hướng mới lạ hoặc một đổi thay lớn lao nào sẽ tới với văn học hải ngoại ta trong một tương lai gần, so với hiện giờ thì tôi chưa nhìn thấy một dấu hiệu báo trước nào hết. Nó vẫn nằm trong giới hạn của một dòng văn học lưu vong ở thời kỳ khởi đầu, vẫn đứt lìa với quê nhà lầm than và chưa mở được một cửa ngõ đáng kể nào vào văn học thế giới.

Nhà thơ NGUYÊN SA

– So sánh với tình cảnh nhà văn lớp trước ở thập niên năm mươi, sáu mươi... tình cảnh của nhà văn Việt Nam hải ngoại trong thập niên 80, 90 ra sao? Môi trường sống ấy có ảnh hưởng nhiều đến nền văn học ở hải ngoại?

– Căn bản của dòng văn chương hải ngoại hôm nay là đời sống lưu vong. Người cầm bút ở đây, lúc này là những người dân mất nước. Họ phải bỏ nước ra đi vì không chấp nhận một chế độ độc tài hình thành bởi những tay sai bản xứ của đế quốc Nga. Niềm cô đơn của những nhà văn Việt Nam nơi hải ngoại trong thập niên này lớn lao và sâu xa gấp bội so với niềm cô đơn của những người cầm bút thập niên năm mươi, sáu mươi ở Việt Nam. Anh em trong thế hệ năm mươi, sáu mươi chỉ mất có phân nửa đất nước, chỉ bị chặt đứt phân nửa những người đồng hành bị kẹt lại ở miền Bắc không còn điều kiện căn bản để sáng tạo là tự do. Người cầm bút ở hải ngoại hôm nay bị mất luôn toàn thể một thế hệ những người sáng tạo bị kẹt lại trong nước. Doãn Quốc Sỹ, Hoàng Hải Thủy, Thảo Trường, Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Hoàng Chương... người bị sát hại, kẻ bị bẻ gãy ngòi bút một cách thô bạo. Sự cô đơn của người cầm bút hải ngoại hôm nay, theo tôi, tỷ lệ với sự thô bạo trong cách thế cai trị bất kể nhân quyền của những người Cộng sản điên rồ ở Hànội hiện còn đóng vai thái thú địa phương của một đế quốc, trớ trêu thay, vừa sụp đổ.

– Trong tương lai (gần hoặc xa) anh có dự phóng rằng hai dòng văn chương trong nước và hải ngoại sẽ nhập chung làm một?

– Có hai trường hợp:

Trường hợp thứ nhất: nước Việt Nam có cơ may trở thành một quốc gia dân chủ tự do, thì không có vấn đề "hai dòng văn chương trong và ngoài nước nhập một". Các quốc gia Mỹ, Anh, Pháp... cũng có những công dân sống ở hải ngoại, trong số đó, có những người cầm bút. Hemingway, nhà văn Mỹ, sống ở nước ngoài nhiều năm trong thời tuổi trẻ. *Hồi chuông báo tử cho ai*, chẳng hạn, là một chứng tích những ngày tháng Hemingway tham dự cuộc nội chiến Tây-ban-nha. Văn chương Pháp không phải chỉ có những tác phẩm của những người cầm bút sống ở Paris. Chateaubriand sống nhiều năm bên Anh quốc. Có nhà văn Pháp sống ở bên Mỹ. Có người cầm bút của văn chương Pháp da đen, sống ở châu Phi. Aimé Cesaire, J.P. Senghor, những thi sĩ đã được ca ngợi bởi Sartre trong *Situations*, bài

Poesie Noire, như những nhà thơ lớn của văn chương Pháp. Những nhà làm văn học sử Pháp có nhiệm vụ tìm hiểu cuộc đời và tác phẩm của các nhà sáng tạo, vì nhu cầu phân loại, có làm những chương riêng cho những người sáng tạo bằng tiếng Pháp thuộc những quốc gia nói tiếng Pháp bên ngoài Pháp quốc, những nhà văn gốc Pháp sống xa quê hương. Nhưng không thấy có vấn đề "nhập một" bao giờ.

Trong nước Việt Nam dân chủ tự do tương lai người Việt ở trong nước cũng như người viết ở hải ngoại đều có quyền mang tác phẩm mình cho tới 70 triệu người đọc.

Trường hợp thứ hai: Nếu như chế độ Cộng sản sắt máu còn tồn tại ở Việt Nam, tôi không tin điều này, thì vấn đề "chia hai" và "nhập một" sẽ chỉ là một dạng thức của lừa dối, một chiêu bài. Chính ở trong nước còn không có giao lưu hay hợp lưu, nói gì trong và ngoài nước. Trong nước không có nhân quyền, không có những quyền tự do căn bản. Những nhà văn không Cộng sản sống tại miền Nam không được phép ấn hành tác phẩm. Các tác phẩm trước đây bị tịch thu và cấm chỉ. Cái gọi là dòng văn chương phản kháng hiện nay chỉ là cuộc đối thoại giữa những người cầm bút ở trong đảng, giữa hai phe bảo thủ và cải cách, giữa những công dân hạng nhất. Còn những người không theo Cộng sản, những công dân hạng nhì, hay không có quyền công dân, những ngụy dân thì không có quyền cất tiếng gì cả thì làm sao giao lưu cùng hợp lưu. Những chiêu bài "giao lưu", "hợp lưu" mà Cộng sản sử dụng chỉ là những hỏa mù, những chiêu bài để tung những sản phẩm văn hóa của họ ra ngoại quốc bán trước để tuyên truyền, sau để kiếm ngoại tệ. Lúc này họ hướng về việc kiếm ngoại tệ nhiều hơn là tuyên truyền vì những người ngồi ở Bắc Bộ phủ cũng biết rằng quyền hành của họ được đếm từng ngày.

Nhà văn NGUYỄN ĐỨC LẬP

– Đời sống hiện nay có ảnh hưởng đến sự sáng tác của anh? Một cách khách quan, anh có nhận xét chung nào cho đa số những người cầm bút ở hải ngoại?

– Đời sống nầy khó khăn và phức tạp vô cùng. Những hệ lụy cơm ăn, áo mặc, nhà ở ai cũng phải chịu như ai, "*giúp lời chớ không ai giúp của, giúp đũa chớ không ai giúp cơm*", tôi có tài ba gì đâu mà chạy trời khỏi nắng

được. Tuy nhiên, về ảnh hưởng của nó, tôi phải mừng mà nói rằng nó đã không làm chậm được sức viết của tôi. Có những hệ lụy đương nhiên mình phải chịu, giới hạn được chừng nào, mình đỡ khổ chừng nấy. Còn có những hệ lụy phải "chiêu" thì nó mới đến. Tôi luôn tự nhủ là đừng vô cớ mà "tự chiêu kỳ họa".

Tôi không dám phát biểu một cách tổng quát về ảnh hưởng của cuộc sống hiện tại đối với tất cả các nhà cầm bút ở hải ngoại. Tôi chỉ nhận xét vấn đề chung quanh những bạn bè của tôi. Nhiều người, vì cuộc sống hiện tại, tiêu hao rất nhiều thời giờ và sức lực, đã bị giảm sút sức viết rất nhiều. Không có thì giờ để ngồi vào bàn viết, không có thì giờ để tìm tòi và nghiên cứu đề tài. Rồi, những khó khăn của cuộc sống làm cho tinh thần không yên, không thể bình tâm để sáng tác được.

– *Theo anh, người cầm bút phải sửa soạn thế nào cho một tương lai của Việt Nam dân chủ?*

– Nếu cần có sửa soạn, người cầm bút phải sửa soạn từ khi chưa cầm bút.

– *Nếu có tác giả phát biểu rằng nguyên nhân trì trệ của văn học hải ngoại và tâm cảnh sống trong "ghetto"* của người cầm bút và những tác phẩm trong nước gửi ra làm chùn tay người viết ở hải ngoại, anh có đồng ý không? Nếu có, hoặc không, tại sao?

– Đối với tôi, cả hai nhận xét nầy đều không đặng đúng.

Nhiều lần, tôi đã xác định rằng tôi chỉ là "người kể chuyện", giống như mấy người ở bến xe, bến đò, kéo đờn cò, kể thơ Sáu Trọng, hay vè cô Thông Tầm, vậy thôi. Tôi thấy gì kể nấy, không bị ràng buộc, đóng khung vô trong một cái "ghết-tô, ghết-tiếc" nào hết.

Đã cầm viết, tại sao lại để mình tự cầm tù mình?

Hồi đó, Nghi Biểu hầu Nguyễn Cư Trinh, trong truyện *Sãi Vãi*, có viết: "*Thiếu chi điều lạ, hiếm mấy chuyện kỳ... Chuyện xa xa... trong kinh chép đã nên xe; chuyện gần gần... trong sử chép đà nên đống*". Rồi lại, "*chuyện phụ tử làm đầu, chuyện quân thần rất hệ*". Nào là chuyện "*quân sử thần dĩ lễ, thần sử quân dĩ trung*", chuyện "*vi nhân bất phú, vi phú bất nhân*", "*tài tụ tắc dân tán, tài tán tắc dân tụ*", v.v... Thiếu gì chuyện để viết... Ông Tú Tài Nguyễn Đình Chiểu "*gẫm cười hai chữ nhơn tình éo le*". Nội cái chuyện

nhơn tình éo le cũng đủ viết cả đời rồi. (Ông Nguyễn Du nói, "*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*", cái cuộc bể dâu nầy, đang xảy ra trước mắt, kể tới chừng nào mới hết chuyện cho, nhứt là cái dâu bể ở lòng dạ con người).

Tôi không hiểu được tại sao những tác phẩm trong nước gởi ra lại làm chùn tay người viết ở hải ngoại. Nói tôi ngu thì tôi chịu, chớ thật sự tôi không hiểu. Tại sao lại không làm cho người viết ở hải ngoại say sưa hơn, hăng hái hơn?

Nếu đặt mục tiêu là dân tộc thì đứng ở góc cạnh nầy hay góc cạnh khác, ở chỗ nầy hay ở chỗ khác, ở lãnh vực nầy hay lãnh vực khác, lên tiếng nói đều là cần thiết như nhau. Vấn đề chính là cái mục tiêu đó phải nằm ở tận thâm tâm của mình vì đó là lý tưởng đeo đuổi của đời mình.

Còn viết mà để mong "*đài gương soi đến dấu bèo*" hay "*mũi tên để trên cung, không bắn không được*" như kiểu Trần Lâm thời Tam Quốc thì là chuyện khác.

Nhà thơ NGUYỄN HOÀNG NAM

– *Tiêu biểu cho lớp cầm bút lớn lên và hấp thụ giáo dục ở xứ người, anh có nhận xét gì về văn học hải ngoại năm nay, 1991.*

– Câu hỏi này thường được trả lời một cách chung chung, vô thưởng vô phạt. Tôi xin mạn phép được chọn một cách khác, và có lẽ tôi không bị bạo lực đến từ bất cứ phía nào (những chữ này nghe hơi quen đấy nhỉ):

1. Quý độc giả: Xin lại gần, kề sát tai vào, để tôi tiết lộ bí mật, nhớ đừng nói lại với ai nhé: quý vị nào có 1.000 đô-la cũng ra sách hoặc làm báo được cả.

2. Quý nhà xuất bản: Sách dịch và sách in lại bán rất chạy.

3. Quý phê bình gia: Xin xem số (1) và số (2).

4. Quý phe ta: Tình trạng "chậm chạp hẳn lại" của năm 1991 đáng được chúng ta ghi nhận như một dấu mốc quan trọng. Số lượng thơ văn loại "Hùm thiêng sa cơ tại trại Suối Máu";"Chuyến vượt biên hào hùng của tôi"; "Thằng Joe hàng xóm kỳ thị mùi nước mắm nó đánh con tôi"; "Màu áo xuân năm ấy"; "Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời"... đã quá nhiều và ứ đọng như người tỵ nạn Haiti ở trại Guantanamo Bay. Đã đến lúc chúng ta vận dụng đến sự sáng tạo thật sự của mình, theo sự tiến hóa của văn chương và

đời sống. Mười mấy năm, người ngư phủ năm xưa nay đã dùng máy *sonar* để dò cá, bánh tráng đã làm bằng máy, tiệm cà-phê đã có *karoke*, tường Bá-linh đã đổ, thật tình, cây viết của chúng ta chẳng bắt kịp cái gì cả. Đã vậy, chúng ta còn nhân cơ hội "văn chương phản kháng" để chiêng trống phèng la như là chúng ta có làm một cái gì đó trong mấy tháng trời. Những bài đả kích, bênh vực những người chúng ta chưa hề có liên lạc trực tiếp nào thật buồn cười như hai luật sư thất nghiệp, bày trò cãi nhau mà không hề có thân chủ. Còn vấn đề tác quyền của số sách bị tự động đem in lại? Xin lỗi, tôi quên mất, thói quen xài nguyên con tác phẩm của người khác đã trở thành một phong tục tập quán của người Việt Nam, ngay cả giữa chính phe ta.

– *Theo anh, sẽ có sự dung hòa giữa nền văn hóa ở xứ tạm dung và văn hóa truyền thống để phát sinh một nền văn chương riêng biệt của những thế hệ di dân (như trường hợp các cộng đồng Trung-hoa, Đại-hàn...)?*

– 1. Quý độc giả: Xin dành thời giờ theo dõi con cái đọc sách báo gì.

2. Quý nhà xuất bản: Xin xem số (1).

3. Quý phê bình gia: Xin xem số (1).

4. Quý phe ta: Áp lực của cha mẹ và xã hội ốc đảo cộng đồng Việt Nam đã tạo ra một thế hệ thứ hai đa số là người máy lắp ráp dây điện hoặc nấu ăn sinh con. Đời sống văn hóa của họ, nếu tôi được gọi như thế, gồm có nhạc Tuấn Vũ và phim bộ Hồng Kông. Họ là khối độc giả của chúng ta trong thời gian tới, nếu chúng ta có muốn tiếp tục một nền văn chương gì đó. Nhưng tôi chưa hề thấy một nỗ lực nào của chúng ta cho khối độc giả này. Ngay cả con cái của các nhà văn, nhà thơ cũng không biết (hoặc không cần biết) bố mẹ mình viết cái gì. Tại sao họ phải đọc của chúng ta khi chúng ta không hề viết, hoặc không hề biết một mảy may nào về họ?

Ngoài đa số người máy, có một số ít theo các ngành nhân văn trong đại học. Họ sẽ sáng tạo và tham gia vào nền văn chương nguồn chính (*mainstream*). Sự hiểu biết về Việt Nam của họ cũng tùy thuộc vào nỗ lực lôi cuốn của chúng ta, từ đó ảnh hưởng đến các tác phẩm của họ. Nếu chúng ta không dang tay tìm đến họ, thì họ cũng chẳng cần gì đến chúng ta cả. Cần lưu ý: Họ có thể đoạt giải Nobel giùm chúng ta đấy.

Nhà văn NGUYỄN MỘNG GIÁC

– Nhìn lại văn học Việt Nam hải ngoại từ 1975 đến nay anh có thấy nền văn học đó trải qua những thăng trầm nào không? Một cách chủ quan, xin anh giải thích những hiện tượng thăng trầm ấy.

– Tôi có viết về vấn đề này nhiều lần trên tạp chí *Văn Học, Văn Xã*. Đại ý tôi cho rằng văn học hải ngoại từ 1975 đến nay đã trải qua ba giai đoạn: giai đoạn một từ 1975 đến khoảng 1980 là thời kỳ in đậm tâm trạng những người di tản; giai đoạn hai từ khoảng 1981 đến 1988 chịu ảnh hưởng của những đợt thuyền nhân vượt biên; và từ 1988 đến nay thì đà phát triển của nền văn học đó có khựng lại, như trăn trở dò tìm một bản sắc mới.

Gọi "thăng trầm" như anh hỏi tức là hàm ý xác định giá trị. Tôi cho rằng còn quá sớm để nói tới chuyện thăng trầm, giá trị cao hay thấp. Khi chia ra các giai đoạn, tôi chỉ muốn nói sinh hoạt văn học hải ngoại theo cái nghĩa của "trào lưu", của "dòng sống" mà thôi.

Tôi cũng đã tìm cách giải thích các biến chuyển của dòng sống ấy trong bài *"Góp ý về một cách nhìn..."* đăng trên *Văn Học* số Xuân năm ngoái. Cách giải thích nào (nhất là căn cứ trên biến chuyển xã hội chính trị) cũng chủ quan, tạm bợ. Xã hội, chính trị trực tiếp ảnh hưởng lên sinh hoạt văn học, điều đó không ai chối cãi được. Nhưng không thể ảnh hưởng lớn đến độ quyết định mức thăng trầm của văn học. Có những giai đoạn bi đát xáo trộn về xã hội nhưng sản sinh được một nền văn học rực rỡ, ngược lại "được mùa cách mạng thì lại mất mùa văn chương". Làm sao giải thích được tại sao văn chương Nga đột nhiên xuất hiện một loạt những cây đại thụ cỡ Tolstoi, Đostoievsky, Tchékov, Gorki...? Và lý luận ra sao để giải thích sự nở rộ toàn bích của thơ mới Việt Nam thời tiền chiến, của thơ Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử...? Tôi đánh bạo đưa ra một cách giải thích phổ quát: bất cứ ở vào thời kỳ nào, hễ người cầm bút tự tin ở mình, ở bản sắc của mình, ở giá trị của chữ viết, thì văn chương "thăng". Thời nào nhà văn đánh mất mình, a dua theo thời, tự nguyện làm việc nô bộc cho một chiêu bài giai đoạn nào đó, thì văn chương "trầm". Xuân Diệu thời tiền chiến tuyên bố "hách" lắm:

Ta là con chim đến từ núi lạ

Ngựa cổ hát chơi!

Cái khí phách đó, giới cầm bút Việt Nam nói chung đã đánh mất nhiều lắm! Ở trong nước đánh mất vì sợ đã đành, mà ở hải ngoại hiện nay, cũng ít ai còn "ngứa cổ hát chơi", tuy chẳng phải sợ ông to bà lớn nào cả!

Nhà văn NGUYỄN XUÂN HOÀNG

– Anh có nghĩ văn học Việt Nam hải ngoại đang thời kỳ trì trệ như nền kinh tế Hoa-kỳ bây giờ? Nếu có, xin anh nêu một vài biểu hiệu. Nếu không, xin anh nêu một vài thành quả.

– Anh thử phân tích một vài nguyên nhân gây ra tình trạng ấy. Ví dụ như có người giải thích vì tâm trạng "ghetto" của người cầm bút ở hải ngoại hay tác phẩm trong nước gửi ra làm chùn tay người viết?

– Tôi nghĩ là hai câu hỏi trên nên gộp làm một. Không thể nào trả lời câu một mà không dính vào câu hai.

Dù sao, câu hỏi văn học Việt Nam hải ngoại có đang trong thời kỳ trì trệ như nền kinh tế Hoa-kỳ bây giờ không, đó là *một câu hỏi cần hỏi lại*. Thế nào là sự trì trệ của một nền văn học? Và tại sao tác phẩm trong nước (gửi ra?) lại làm chùn tay người viết (hải ngoại)?

Văn học nghệ thuật tự nó có một bầu không khí riêng, một thổ ngơi riêng, nó hút thở, thẩm thấu, phát triển theo phong thổ dưỡng chất riêng biệt của nó.

Một nhà ngôn ngữ học có nói bầu trời trong xanh của Địa Trung Hải đã đóng góp một phần trong sự sống của ngôn ngữ các dân tộc sống quanh đó. Cũng vậy, xứ sở của những vùng đất chằng chịt cây rừng, mây giăng ngập trời thì chắc cũng khác thứ ngôn ngữ Địa Trung Hải. Không phải ở Địa Trung Hải hay hơn ở những vùng đất mưa mù khí đất, nhưng là nó khác hơn. Đừng nói chi xa, ngay ở Việt Nam mình Hànội đã khác Huế, Huế càng khác Sàigòn. Văn học bột phát mạnh mẽ chỗ này mà nẩy nở "cách thế khác" ở chỗ kia. Vả lại viết cho 67 triệu người phải khác với viết cho không tới một triệu người. Những vấn đề của 67 triệu người bị xâu xé trong một môi trường chính trị, kinh tế, xã hội nóng hổi chắc cũng khác với những vấn đề trong một xã hội yên bình chỉ bị bon chen vì những kỹ thuật và tiện nghi của đời sống.

Nếu có những lúc người ta viết được, cũng không có nghĩa là không có những lúc người ta không cầm bút được.

Thứ diệp lục tố nào sẽ làm cho người cầm bút thở được ra chữ nghĩa?

Nhà văn PHẠM QUỐC BẢO

– Theo anh, văn học Việt Nam hải ngoại năm nay và những năm trước có chuyển biến nào rõ rệt? Tình hình chính trị có ảnh hưởng nào trực tiếp đến văn chương bây giờ?

– So với những năm trước, năm nay số lượng sách xuất bản nói chung ra nhiều hơn về đủ mọi loại. Riêng cá nhân tôi nhận được có tới gần 40 cuốn sách. Tôi cho đó là chuyển biến đáng mừng. Dù ảnh hưởng nạn suy thoái kinh tế và nạn mất việc đe dọa nặng nề, sách vẫn tương đối bán chạy.

Sự sụp đổ của các chế độ Cộng sản ở Đông Âu, Liên Sô của hai năm trước (1989-1990) bây giờ mới ảnh hưởng đến văn chương Việt Nam, đặc biệt ở các tác phẩm liên quan đến chính trị nhất là cuốn *Thân Phận của Tình Yêu* của Bảo Ninh (trong nước) và *Hoa Xuyên Tuyết* của Bùi Tín (hải ngoại).

Tình hình xáo trộn chính trị tại Đông Âu và Liên Sô trong năm nay (1991) ảnh hưởng quyết định chọn lựa chính sách Trung-cộng của giới lãnh đạo Cộng sản Việt Nam: cởi mở mọi thứ bao nhiêu thì xiết chặt chính trị bấy nhiêu. Có lẽ vì thế mà dù có nội dung phủ nhận giá trị "kháng chiến chống Mỹ" của Cộng sản Việt Nam, *Thân Phận của Tình Yêu* vẫn được trao giải thưởng và được công khai phổ biến?

Hoa Xuyên Tuyết, một thứ hồi ký của một đảng viên Cộng sản Việt Nam, Bùi Tín, đưa ra một số sự kiện cận đại mà lịch sử Việt Nam sau này sẽ phải tái xét lại, qua hình thức văn chương.

– Anh có nghĩ đang có tình trạng trì trệ trong văn học Việt Nam hải ngoại? Nếu có, xin anh phân tích vài nguyên nhân. Nếu không, xin anh nêu vài thành tựu đạt được.

– Tôi không nghĩ là hiện đang có tình trạng trì trệ trong văn học Việt Nam hải ngoại.

Theo tôi nghĩ có hai yếu tố thể hiện dễ thấy nhất của một nền văn học: số lượng sách phát hành và tình trạng sách tiêu thụ.

Năm 1991, qua những sách tôi nhận được, số lượng sách mới xuất bản còn nhiều hơn năm trước. Tình trạng tiêu thụ sách có hơi chậm nhưng vẫn nhiều sách bán chạy.

Nhà văn THẾ UYÊN

– Anh có nhận xét gì về những hiện tượng văn học Việt Nam hải ngoại trong năm vừa qua?

– Các anh hỏi riêng về năm vừa qua thì hơi khó trả lời. Vài năm vừa qua thì dễ nói hơn.

Hiện tượng đầu tiên đáng chú ý là sự tái bản tại hải ngoại những tác phẩm của các nhà văn nội địa, như Trần Mạnh Hảo, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp... Đó là chưa kể tuyển tập *Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương* chuyên về phong trào văn chương phản kháng trong nội địa. Riêng trong năm 1991 có sự xuất hiện của tạp chí *Hợp Lưu* đăng bài đồng đều của các tác giả nội địa và hải ngoại. Trên một số tạp chí khác, tôi cũng thấy lác đác hiện tượng tương tự.

Ý kiến của tôi về vấn đề này khá giản dị: Văn chương thực sự là văn chương thì không bị giới hạn bởi chế độ chính trị, không gian và thời gian. Tại bất cứ quốc gia nào cũng vậy (ngoại trừ các chế độ Cộng sản giáo điều nặng, thí dụ như Trung-quốc, Cuba, Bắc Hàn, Việt Nam hiện nay), một tạp chí văn học vẫn đăng những bài văn xưa cũng như nay, của nước mình và của nước ngoài. Nhìn lại thời sinh tiền của Việt Nam Cộng Hòa cũng vậy. Khi Pasternak, Solzenitsyn, Cholokov, Ivo Andric được giải Nobel về văn chương, chính quyền hồi đó đã cho phép xuất bản những bản dịch của các nhà văn nói trên, mặc dù họ đã viết và sống trong chế độ Cộng sản. Một thái độ như vậy hoàn toàn là hiểu biết và hợp lý.

Riêng tại hải ngoại, đặc biệt là tại hai nước Bắc Mỹ, có một thành phần phản đối việc đăng tải những tác phẩm của nội địa. Theo tôi nghĩ thì thành phần này bao gồm những người ngay từ trước tháng 4, 1975 đã không thích tự do dân chủ. Họ thích độc tài, dù là độc tài Công-giáo hay độc tài Phật-giáo. Họ bị thúc đẩy bởi lòng ao ước có quyền lực để làm khó làm khổ người khác. Bởi thế họ mượn danh nghĩa cống Cộng để khống chế dân Việt hải ngoại để thỏa mãn khuynh hướng *sadistic* tiềm ẩn mà thôi – nhìn

vào lý lịch của những người thuộc thành phần này, thường dễ thấy họ ít khi chống Cộng thực sự lắm.

Ngoài thành phần trên cũng có một số người cầm bút sợ bị các tác phẩn nội địa "cạnh tranh bất chính", làm sách hải ngoại bán không được. Theo tôi nghĩ những người bạn này không hiểu rằng trong văn học khó có mục cạnh tranh lắm bởi vì mỗi nhà văn là một thành phẩm riêng biệt, không ai có thể giống ai. Mai Thảo viết kiểu Mai Thảo, Võ Phiến viết kiểu Võ Phiến, hai vị này chẳng bao giờ phiền lòng vì sự xuất hiện của những Thế Uyên, Phan Nhật Nam. Và những Thế Uyên chẳng bao giờ thắc mắc về sự xuất hiện của Nguyễn Ngọc Ngạn, Kiệt Tấn, Khánh Trường, Trần Vũ và các nhà văn nữ xuất hiện khá đông đảo sau này. Bởi thế thái độ tốt nhất là nếu chúng ta thích phở, bún bò... thì cứ việc thích tiếp, nhưng không vì thế mà không ăn đồ Tàu, đồ Mỹ. Vấn đề chính nên đặt ra là làm sao có đồ ăn cho thật ngon thôi.

Các nhà văn nội địa khi viết họ sử dụng chất liệu trong nước và với tâm tư nguyện vọng của người trong nước. Họ tố cáo mọi phi lý áp bức đọa đầy, họ chống những chủ nghĩa ngoại lai làm khổ dân tộc, họ nói lên những dự phóng và ước mơ về tương lai. Do đó nếu văn chương của họ thường mạnh mẽ, nhiều sức sống hơn văn chương hải ngoại, thì cũng là điều tự nhiên thôi. Ngay tại châu Mỹ chúng ta cũng thấy hiện tượng tương tự: Các nhà văn Trung và Nam Mỹ viết những tác phẩm đầy sinh lực, trong khi các nhà văn Hoa-kỳ nhạt nhẽo hơn nhiều với những tác phẩm lấy chất liệu từ một xã hội kỹ nghệ hóa cao độ, giàu có và thanh bình.

Bởi những suy nghĩ như trên, ở hải ngoại chúng ta không nên đặt vấn đề cấm cản việc phổ biến những tác phẩm nội địa. Không nên đòi hỏi phải có hai chiều như điều kiện tiên quyết cho việc phổ biến này. Trước khi bức tường Berlin đổ thì việc trao đổi văn hóa giữa Đông Âu và Nga với thế giới Tây-phương cũng mất quân bằng lắm, dầu có hai chiều đồng đều. Nhưng điều đó đâu có quan trọng gì nếu nhìn bằng chiều dài lịch sử vài ba thế hệ trở lên. Bức tường Berlin của Việt Nam chưa bị phá đổ nhưng đã lung lay hủng lỗ um xùm, bức màn tre bị xé rào thiếu gì... Bởi thế nên vấn đề là làm sao tại hải ngoại chúng ta phải có được nhiều tác phẩm có giá trị trước đã. Toàn thứ phở tồi, hủ tiếu lạt nhách thì hai chiều hay một chiều cũng vậy mà thôi.

Hiện tượng thứ hai đáng chú ý của văn học hải ngoại trong những năm gần đây là sự xuất hiện của dòng văn hiện thực và *erotic*. Những tác phẩm lấy chất liệu từ cuộc sống nóng hổi trước mặt (chứ không phải chỉ lấy từ quá khứ Việt Nam Cộng Hòa nữa) đã bắt đầu xuất hiện nhiều. Những *Share Phòng, Share Tình* của Lâm Tường Dũ, *Ba Chàng Tỵ Nạn Độc Thân* của Hoàng Việt... mặc dù nghệ thuật viết chưa đủ cao, nhưng nội dung rất đáng chú ý và khuyến khích. Những người viết này đã cố gắng lao vào cuộc sống trước mặt, từ đó mà viết.

Cũng cần nói thêm một chút về truyện *erotic* (và cả *pornography* nữa). Sự xuất hiện của *Mười Truyện Tân Liêu Trai* của Vũ Huy Quang, bản dịch *Nhục Bồ Đoàn* cùng tác giả này, truyện của Lâm Tường Dũ, truyện dâm ô *pornographic Qua Khe Hở* của Tống Ngọc... đều là hiện tượng đáng chú ý. *Chúng ta ở hải ngoại chỉ có ưu thế là nhiều tự do hơn nội địa*, nên *sử dụng tối đa* thứ tự do ấy, kể cả tự do viết truyện dâm ô. Lý do không có gì tức cười bằng bắt tất cả những người lớn tuổi chỉ được đọc thuần một thứ văn chương nhi đồng lành mạnh – đảng Cộng sản Việt Nam đã làm như thế, nhưng kệ họ vì họ là Cộng sản, và chúng ta chẳng có lý do gì để bắt chước họ.

– Anh có những dự phóng gì cho tương lai? Hỏi cho rõ hơn, anh nghĩ rằng nên duy trì một nền văn học hải ngoại riêng biệt, hay sát nhập văn học hải ngoại vào văn học nội địa, thành một nền văn học Việt Nam chung?

– Hỏi thật các anh, có bạn nào đổ tô phở vào tô bún bò rồi thêm một tô hủ tiếu nữa để thành một món ăn, gọi là "Việt Nam thống nhất" chăng? Văn học cũng vậy thôi. Hoàn cảnh xã hội, lịch sử nào thì cho văn chương ấy. Những Trần Mạnh Hảo, Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, v.v... có một quá khứ khác hẳn chúng ta, do đó những dự phóng, những thị kiến của họ cũng phải khác luôn. Vậy hãy để họ viết theo kiểu của họ, chúng ta viết theo kiểu chúng ta. Nếu chúng ta chẳng thể thò bàn tay xuyên đại dương để chỉ dẫn cho họ là nên viết thế này hay thế kia, thì chỉ còn một vấn đề, một vấn đề mà tôi đã nói tới hơi nhiều, là ở hải ngoại chúng ta nên viết sao cho hay mà thôi. Nên học hỏi những kỹ thuật viết văn mới, chọn những đề tài mới khung cảnh mới – đừng có viết văn xuôi kiểu tiền chiến, đừng có làm hoài thơ lưu vong với tạm dung phục quốc quang phục nữa để tránh rơi vào sáo ngữ – trừ phi bản thân bạn đã có gan rời bỏ xứ Mỹ tiện nghi an

bình về Việt Nam vô rừng cầm súng bắn nhau với công an bộ đội Cộng sản Việt Nam như chàng Rambo trên điện ảnh Hoa-kỳ.

– Một số người đã nói tới hiện tượng trì trệ của văn học hải ngoại. Anh có đồng ý như vậy không, và theo anh thì nguyên nhân vì sao?

– Đồng ý quá chứ sao không. Trì trệ, bế tắc là những tĩnh từ chính xác để mô tả văn học hải ngoại gần đây. Lý do là chúng ta đã để thành phần quân phiệt và viên chức bảo thủ cực đoan khống chế văn học, xây những lớp tường *ghetto* văn hóa bao quanh. Thành phần này đã sử dụng quyền lực kinh tế là chính. Họ thường là nhà giàu di tản 75, giàu do buôn bán hay giàu do tham nhũng trước đây, thì cũng có vốn mở các cơ sở thương mại đủ loại ở hải ngoại. Chính họ chi tiền quảng cáo để cho các báo chợ hải ngoại có thể tồn tại. Các bạn chủ báo vì tồn vong của tờ báo, thường phải ngả theo đường lối chống Cộng cổ điển và văn hóa bảo thủ của thành phần này, ít quan tâm đến độc giả, nhất là độc giả trẻ và đi sau.

Đa số dân hải ngoại, thành phần vẫn được gọi là đa số thầm lặng ấy, rất ấm ức vì tình trạng này, nhưng chưa gỡ ra được. Nhất là khi nhìn vào quá khứ của những người quân phiệt, rất dễ thấy bản chất thực sự của họ gồm nhiều trốn chạy, thiếu trách nhiệm làm quân nhân viên chức trước đây... Đã yếu về tư cách như vậy mà vẫn tìm cách lãnh đạo cộng đồng và khống chế dư luận thì văn học không đi đến chỗ trì trệ, bế tắc mới là điều đáng ngạc nhiên.

Muốn thoát ra khỏi sự kềm kẹp này thì vừa dễ vừa khó. Dễ vì dù muốn hay không người Việt đâu có nắm chính quyền và công an cảnh sát ở hải ngoại. Hơn nữa các chính quyền Bắc Mỹ do truyền thống tự do dân chủ nên lúc nào cũng sẵn sàng bảo vệ quyền tư tưởng và ngôn luận của bất kể ai sống trên đất nước họ. Chỉ có điều phiền là cả cảnh sát lẫn FBI đâu có bảo vệ nổi 100% chính các tổng thống của họ thì làm sao bảo vệ an toàn 100% cho ai khác. Bởi thế những người Việt cầm bút hải ngoại có cái khó là mình *có dám nhận trách nhiệm và tư cách của một người cầm bút tự do* hay là không – bất kể mọi xuyên tạc, chửi bới, chụp mũ và các sát thủ.

Một vài người cầm bút đơn độc thì dễ bị bắt nạt. Nhưng nếu nhiều người cầm bút cùng cương quyết sử dụng quyền tự do tư tưởng, ngôn luận (và các tự do khác như tự do đi chuyển) thì thành phần quân phiệt bảo thủ sẽ phải lui vào bóng tối của lịch sử.

Riêng phần tôi thì trong thời gian gần đây đã cố gắng hết sức phá những bức tường *ghetto* văn hóa ấy. Và dĩ nhiên đã gặp khá nhiều khó khăn trong việc phổ biến bài văn cũng như sách đã viết. Kể cả nón cối cũng đã bị chụp một vài cái nho nhỏ (không vừa đầu chút nào). Dĩ nhiên tôi không đổi thái độ vì nếu tôi rời bỏ quê hương cũ thì chỉ vì *tôi đi tìm tự do* và cơm no áo ấm cho bản thân và tương lai cho con cháu. Cơm no áo ấm và tương lai con cháu đã kiếm ra đủ ở Hoa-kỳ rồi. Chỉ còn vấn đề tự do cho ngòi bút nữa mà thôi. Trong hai năm đầu tiên lập nghiệp ở Hoa-kỳ, tôi có lúc hơi buồn vì không tìm thấy tự do viết theo ý muốn. Nhưng sau đó thì *tôi chấp nhận là tự do, đối với cộng đồng Việt*, không phải là một món quà có sẵn, chỉ việc lấy ăn, mà *phải tranh đấu cẩn thận và gay go mới có.*

Nói thật với các anh (và cả độc giả nữa) là nói nhiều chuyện dao to búa lớn kinh bang tế thế quá nên lắm lúc tôi cũng mệt và chán. Bởi thế tôi đang thử phá bức tường *ghetto* văn hóa Thanh giáo. Tôi đang dịch một loạt truyện loại *erotica* do các nhà văn nữ Hoa-kỳ viết gần đây, đặt tên chung là *Tuyển tập dâm tình của các nhà văn nữ Hoa-kỳ*. Khi làm công việc này, tôi muốn gửi một thông diệp nhỏ tới tất cả như sau: đàn bà con gái người ta còn viết bạo như vậy, thử hỏi nam nhân gốc Việt tính sao. Với cuốn này, chắc tôi lại sẽ bị nhiều ông già mắng mỏ đây, nhưng nói thật, tôi không hề định viết cho mấy ông bà già trầu đó đọc.

Năm cùng tháng tận tôi có một điều chót để nói với các anh (và độc giả) về một số dư luận gần đây kết án tôi là "một nhà văn tả khuynh". Kết án đó khá đúng. Nhưng làm sao được. Trước hết là tại truyền thống. Đứng về phương diện văn học sử mà xét, các tiền bối của tôi là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam đều là những nhà văn tả khuynh cho đến ngày cuối cùng của đời họ. Mặt khác tôi vẫn nghĩ rằng một nhà văn đích thực thì chỗ đứng của họ phải là về phía những người đang đói khổ, bị áp bức đọa đầy. Làm nhà văn không lẽ đi bênh vực ca tụng những ông nhà giầu, những vua quan cũ mới, những ông *boss* độc tài và ưa bóc lột, dù họ thắt cà-vạt hay mặc áo cán bộ bốn túi, hay sao?

Nhà thơ TRẦN SA

– Chị có nghĩ văn chương Việt Nam hải ngoại đã phát biểu được những điều cần thiết phải diễn tả?

– Câu hỏi rộng ghê. Nếu muốn trả lời một cách tương đối đầy đủ và chính xác có lẽ phải cần đến một tiểu luận chia làm ba phần đàng hoàng. Phần 1: Thử xác định những điều cần thiết mà văn chương Việt Nam hải ngoại cần phải diễn tả. Phần 2: Tạm tổng kết những phát biểu chính yếu của văn chương Việt Nam hải ngoại trong mười sáu năm qua. Phần 3: Kết luận. Nhưng như vậy thì sẽ làm tốn thì giờ của quý độc giả và giành giấy quá. Tôi thật không dám. Thôi chỉ xin trả lời không đầy đủ cho lắm và hơi hơi lạc đề. Và xin được lượng thứ.

"*Nghệ thuật sinh ra trong bức bách...*" (Xin lỗi, lại Gide!) Mười sáu năm nay văn chương Việt Nam hải ngoại đã tỏ rõ phản ứng chính trị và tâm lý cũng như đã ghi lại khá đầy đủ tâm trạng và hoàn cảnh sống của con người Việt Nam – còn ở trong nước hay đang lưu lạc bốn phương – trước họa ác Cộng sản.

Phát biểu sự chống đối của mình về một bức bách chính trị (trong đó kéo cuốn theo nhiều thảm trạng tâm lý, xã hội khác), văn chương Việt Nam hải ngoại đã có, và chắc chắn sẽ vẫn tiếp tục cho đến khi sự bức bách ấy không còn nữa.

Nhưng nghĩ rộng hơn chút đỉnh, trong thế giới con người chưa bao giờ được coi là hoàn chỉnh này, bức bách chính trị nhiều khi chỉ là một hệ quả hoặc tác động dây chuyền của một chuỗi những bức bách, và ngược lại. (Những bức bách về những vấn đề thuộc tâm linh, tâm lý, xã hội, văn hóa... Những mặc cảm ám ảnh, thù hận, bản năng, thú tính, đau khổ, nô lệ, cô đơn, tình yêu, tình dục, v.v... Những bức bách khác nhau và những khủng hoảng liên hệ hỗ tương, tha hồ đặt tên gọi tên, phân loại chia phạm trù, và tiếp tục khám phá, cho đến khi nào trần gian được hớn hở coi là thiên đường và không còn ai thấy bức bách bởi một điều gì cả!)

Tôi e là văn chương (ngôn ngữ tinh lọc – và có tác dụng trực tiếp – vào bậc nhất của trí tuệ và cảm xúc con người) Việt Nam hải ngoại (có điều kiện và cơ hội để tìm tòi học hỏi và sáng tác một cách thoải mái, tự do hơn những người trong nước gấp bội) chỉ đang dụng chạm cái bề mặt của những vấn đề khác cũng vô cùng hệ trọng đối với sự tồn tại tốt đẹp của nhân loại. Chưa nhiều những sáng tác đi sâu thẳm vào những vấn đề hệ trọng khác của sự sống con người ấy.

Thêm nữa, tôi nghĩ phát biểu là một chuyện, còn tác dụng của những

sự phát biểu ấy là một chuyện khác. Nó tùy thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có cách thế phát biểu nữa. Nhiều người vẫn đang băn khoăn: Chúng ta chưa có những tác phẩm mang tầm cỡ thế giới! Cùng viết về chiến tranh và bạo lực – mà thảm kịch chiến tranh bạo lực của Việt Nam phải nói là đứng hàng đầu trong tất cả những bi kịch chiến tranh bạo lực khác trên thế giới – nhưng văn chương Việt Nam hải ngoại vẫn chưa truyền được những tác phẩm của mình đi khắp trái đất như những nền văn chương ngoại quốc cùng hoàn cảnh.

Một vai trò nữa của văn chương là Sáng Tạo. Nói những điều mới, những giá trị mới, một cách mới. Mười sáu năm nay và mười sáu năm xưa, chúng ta chưa nói được *nhiều* điều mới mẻ một cách mới mẻ hơn. Thưa cũng có dấy, nhưng chưa lắm đâu. Phần này liên hệ đến câu hỏi thứ hai.

– Hiện giờ chị có thấy nguồn sinh lực nào mới tiếp nối vào nỗ lực làm mới văn học Việt Nam hải ngoại?

– Với số lượng người viết cũng khá đông ở hải ngoại hiện nay tôi lạc quan là có. Một số nhà văn, nhà thơ, nhà biên khảo, dịch giả... nam cũng như nữ chỉ mới bắt đầu viết (hay thực sự viết đều hơn) khoảng mười năm nay làm tôi thấy sung sướng hãnh diện lây vì đã sinh cùng thời hoặc được viết cùng thời. Những người này văn tài lộ rõ, có thể đóng góp rất quan trọng trong việc làm mới văn học Việt Nam hải ngoại. Có một số xuất hiện một thời gian rồi đột nhiên im bặt hẳn làm tôi tiếc nhớ. Một số khác viết ít hoặc viết dần làm tôi đợi với chờ.

Vâng tôi lạc quan là có. Nhưng tôi ngại là chưa được tràn trề mạnh mẽ lắm, nguồn sinh lực ấy. Số người tạo nguồn sinh lực cho văn học Việt Nam hải ngoại còn lại (không đột nhiên im bặt mà vẫn viết rất mạnh rất nhanh) tôi tạm chia ra hai thành phần, một thành phần thản nhiên cương quyết làm mới, một thành phần khác làm mới một cách chậm rãi e dè. Sáng tác bằng tiếng Việt trong điều kiện sống ở ngoài nước (dù có lợi thế hơn, là có tự do, có nhiều phương tiện tìm học, hoặc xuất bản, nhưng vẫn có nhiều khó khăn khác như số độc giả không đủ để nuôi người viết, thì giờ bận rộn với mưu sinh, học hành, thích nghi hội nhập...) là một nỗ lực. Làm mới văn học là một nỗ lực lũy thừa. Những nỗ lực ấy đang có, và có cả (hoan hô!) những vỗ tay khích lệ đáng quý nữa. Nhưng cũng lại có những chê bai dè bỉu vạch lá tìm sâu hơi đáng buồn. Có người nghĩ buồn ảnh hưởng đến sức

khỏe nên e dè chăng? Có người hát đường ta ta cứ đi. Kết quả cũng có một số sáng tác (và phải kể thêm dịch thuật, dù số lượng sách truyện được dịch còn ít lắm) khá mới mẻ, gây một không khí mới và trẻ trung hơn cho văn học Việt Nam hải ngoại. Tuy nhiên chỉ mới là *một số*, và chỉ *khá mới mẻ*.

Biết đâu "những người mấy năm cũ" sẽ trở lại. Biết đâu những người viết ít dần sẽ viết lại nhiều dần (khi thu xếp xong những công việc khác). Sẽ có thêm nhiều người bắt đầu viết. Những người đang viết rất mạnh rất nhanh. Những người e dè sợ buồn ảnh hưởng sức khỏe lại hát đường ta ta cứ đi. Và mười sáu năm (hoặc ba mươi hai năm) sau, văn học Việt Nam hải ngoại sẽ mới hơn nhiều nữa.

Văn học Việt Nam hải ngoại có tiềm lực sẽ làm tràn trề nguồn sinh lực đang còn non yếu hiện nay. Tôi vẫn lạc quan quá?

Nhà thơ PHẠM VIỆT CƯỜNG

– Anh nghĩ sao về tình hình văn học Việt Nam hải ngoại trong năm vừa qua?

– Nói chung, tôi thấy không có gì phấn khởi cho lắm. Không có biến cố nổi bật nào trong cái không khí văn học vẫn trầm lặng uể oải từ mấy năm trở lại đây. Một số sách báo vẫn ra mắt cầm chừng, nhà xuất bản vẫn in sách cho có mặt hàng và số độc giả nghiêm chỉnh chắc vẫn nằm ở con số vài trăm người như trước. Dường như mức tiêu thụ sách báo chậm hẳn lại, dù có sự gia tăng đông đảo những người mới qua theo diện H.O. gần đây, vì nhiều lý do kinh tế, xã hội, tâm lý... nào đó. Những biến chuyển chính trị trên thế giới mà mới đây nhất là sự cáo chung của Liên bang Xô Viết vào cuối năm 91 này cùng với những thay đổi từng bước ở Việt Nam đang dần dần đặt lại ý nghĩa, chỗ đứng, vai trò... của dòng văn học hải ngoại. Sự đổi thay thầm lặng đang xảy ra trong tâm thức người viết cũng như người đọc hải ngoại là điều không tránh được.

Trong năm qua, ngoài việc các văn hóa phẩm trong nước được phổ biến rộng rãi hơn ở ngoài này, cũng đã có sự du nhập ngược lại, dù còn rất giới hạn. Không kể một số sách bị cắt xén hoặc sửa đổi khi in lại trong nước, mới đây tác phẩm *Thềm Hoang* của nhà văn Nhật Tiến đã được một nhà xuất bản lớn trong nước chính thức tái bản. Điều này cho thấy là ranh

giới ngăn chia hai dòng văn học trong và ngoài nước đang được xóa bỏ dần. Viễn tượng nhập chung dòng này, tôi nghĩ, có thể gây hào hứng kích thích hơn cho người cầm viết hải ngoại, đồng thời cũng sẽ đặt họ trước những yêu cầu mới trong sáng tác. Điều này có thể dẫn đến tình trạng khủng hoảng tạm thời trong việc viết lách trong thời gian tới đây. Về tình trạng sáng tác tương đối trì chậm của nhà văn hải ngoại, có lẽ những phân tích của nhà văn Nguyễn Mộng Giác trong bài "*Góp ý về một cách nhìn*" đăng trên *Văn Học* số Xuân Tân Mùi năm ngoái, vẫn còn đầy đủ giá trị ở thời điểm cuối năm 91 này. Những bài viết sau đó xoay quanh vấn đề này của Thụy Khê, Trần Vũ... cũng cho thấy có sự quan tâm khá lớn, tuy còn thụ động, của những người cầm viết hải ngoại về sự bế tắc chung này, đồng thời cũng nhắc nhở mọi người đến sự thiếu vắng nghiêm trọng của sinh hoạt lý luận phê bình trong dòng văn học hải ngoại. Ngoài ra, sự hy vọng trông chờ một lớp người viết trẻ dưới ba mươi tuổi có vẻ đang mòn mỏi dần. Lực lượng bổ sung đó có lẽ sẽ từ trong nước ra, chứ lớp người trẻ sống rải rác trên thế giới từ mười, mười lăm năm qua còn muốn cầm viết đóng góp cho văn học Việt Nam quá hiếm hoi. Sau cùng, hai quyển sách gây thích thú và xao xuyến nhất mà tôi được đọc trong năm qua đều là tác phẩm trong nước, đó là *Nỗi Buồn Chiến Tranh* của Bảo Ninh (in 1991) và *Mê Lộ* của Phạm Thị Hoài (in 1989).

– *Riêng về lãnh vực thơ ca, anh có nhận xét gì thêm không?*

– Sáng tác thơ dường như còn gặp bế tắc nhiều hơn so với văn xuôi. Chưa nói về những bế tắc trong tư tưởng, cảm xúc, ngôn ngữ, phong cách biểu hiện... Lâu nay, sinh hoạt thơ ở hải ngoại vẫn không được đánh giá đúng mức, và phải chịu sự hất hủi lãnh đạm từ nhiều phía. Thơ vẫn được ngầm xem như một sự hiện diện không cần thiết lắm bên cạnh những bài viết văn xuôi trên các báo. Đa số các vị chủ bút không quan niệm thơ đúng theo vai trò của nó trong sinh hoạt văn học, không xem thơ như một đóng góp đáng quan tâm mà chỉ nhìn thơ như một thứ phụ tùng để lấp đầy khoảng trống hoặc chỉ có công dụng trang trí. Tâm lý thông thường của các vị này vẫn thích nhận những bài viết vài chục trang giấy hơn bài thơ vỏn vẹn mươi dòng. Và vì sự choán chỗ của bài thơ trên tổng số trang bài quá khiêm tốn, nên cũng chẳng ai nghĩ đến việc thù lao. Thơ đương nhiên là không có nhuận bút. Kế đó là việc in thơ. Dĩ nhiên là tác giả phải bỏ tiền

túi ra in, để rồi chỉ dùng tặng không cho bạn bè mà thôi. Gần đây, có nhiều tiệm sách báo còn không nhận bày bán thơ, nghĩa là không cho phép thơ có được một chỗ trên kệ sách để mà nhện giăng bụi đóng. Người ta phải chừa chỗ cho các loại sách khác, về tử vi hoặc hồi ký chẳng hạn. Về giới thiệu phê bình thơ thì lại không có người đảm nhận. Trong khung cảnh đó, thơ hải ngoại không thể gợi hứng cho sinh hoạt tìm đọc hay sáng tác được.

Năm qua không phải là một năm được mùa của các nhà thơ. Số lượng thơ đăng rải rác trên các báo và tạp chí khá nhiều, nhưng vẫn chưa có những bài hay. Tuyển tập thơ xuất bản trong năm cũng không phải là ít so với những năm trước, nhưng thực sự không có tác phẩm nổi bật. Thậm chí có nhiều tập thơ tôi nghĩ là chưa đủ tiêu chuẩn để mà in ra. Tình trạng "phồn vinh giả tạo" và mất phẩm chất này dường như cũng đang xảy ra cho việc sáng tác thơ trong nước. Dù sao, tôi vẫn đặt kỳ vọng vào các nhà thơ trẻ như Thường Quán, Chân Phương, Đỗ Kh., Trân Sa..., những người đang nỗ lực phá vỡ sự tù đọng, bày tỏ một thứ ngôn ngữ thi ca mới cho dòng văn học Việt Nam hải ngoại. □

Chung Vui

Trân trọng chúc mừng anh chị Bùi Nhật Tiến
đã cử hành lễ vu quy cho thứ nữ là cô:

BÙI MAI KHANH

đẹp duyên cùng cậu

TRẦN THANH TUẤN

Tại Orange County, California ngày 27 tháng 12 năm 1991

Ban Chủ biên Tạp chí Văn Học

TRẦN MỘNG TÚ

ĐÊM 1

*

Những ngọn đèn đã tắt
hãy cùng em
chia sẻ một bóng đêm
bóng đêm như tấm chăn lụa đen
đắp mơ hồ
trên da thịt chúng ta

Như người mù
chạm những ngón tay
dọc
trên mặt chữ nổi

Dưới tấm chăn lụa đen mịn màng
anh chạm
những ngón tay
trên mắt môi em
anh đọc được
một
bài thơ

ĐÊM 2

*

Đêm
như một miếng thạch đen
hãy cùng em
cắt ra
mời mọc

Hãy chia phần thạch
trên môi nhau
như
chúng ta
từng chia nhau
ân ái

Vì
khi buông nhau ra
mỗi chúng ta
sẽ đi về một phương trời
ôm
một hạnh phúc riêng
con sóng đam mê vẫn âm thầm
len vào giữa
sóng tương tư đổ ập
cả
hai miền

ĐÊM 3

*

Đêm
thăm thẳm
như dĩ vãng em
dĩ vãng
anh không hề
tham dự

Đêm
ngậm ngùi
như hiện tại em
hiện tại
anh không thể
vươn tay
chạm tới
vì
bằng cách nào
sao hôm
có thể vuốt ve
âu yếm được
sao mai

Đêm
huyễn hoặc
như tương lai chúng ta
anh chia cho em
chiếc gối
dồn đầy mơ mộng
em đắp cho anh
tấm chăn
dệt bằng những sợi ngọt ngào phù dụ
lấy ra
từ những bài thơ

Và tình yêu đôi ta
chỉ là
những tiếng động đen
thăm thẳm
ngậm ngùi
huyễn hoặc
phát ra từ chiếc gậy trắng
của người mù
dang
quờ quạng và
ôm thật nhiều hy vọng
khua thức
một
bình minh

VÕ PHIẾN

đối thoại về kiện cáo

*

– Kìa, bạn đi chưa đến nơi miệng đã mấp máy. Bạn mót nói quá tang. Định nói chuyện gì vậy?

– Chuyện kiện cáo.

– Thấy người ta trúng mười sáu triệu, bạn nhấp nhổm đấy phỏng? Đừng có thế.

– Đây là chuyện người Mỹ kiện nhau. Tôi có cảm tưởng chúng ta vượt biển đến đây đúng vào lúc người Mỹ bắt đầu phát khùng.

– Thế à? Ý kiến của bạn, tôi có cảm tưởng... xin lỗi... bạn vào quốc tịch Hoa-kỳ từ lâu, gọi bạn là người Mỹ cũng không sai đâu nhé.

– Không đùa. Này xem: Một bà nọ ở quận Ventura (California) nuôi con kỳ đà để cưng; cục cưng lâm bệnh, bà mang đến thú y; không biết thú y chữa chạy thế nào mà kỳ đà bị gãy lưng, chuyện xảy ra hồi 1989. Bà lôi thú y ra tòa, kiện, bảo rằng kỳ đà đau đớn tức là bà đau đớn, sầu não, trăn trở, quằn quại, bà đòi bồi thường thiệt hại chừng một triệu đồng cho cả hai nạn nhân.

Tháng 3 năm 1991, một đám cảnh sát Los Angeles dùng gậy nện thật kỹ một thanh niên da màu. Có kẻ quay phim cảnh ấy. Phim được chiếu đi chiếu lại mãi trên Ti-vi, cả nước cùng xem, tắc lưỡi, xuýt xoa. Một số cảnh sát viên nhiều từ tâm của quận Los Angeles đâm đơn đòi quận bồi thường, vì họ trót xem phim nọ, xúc cảm nặng, bị hại sức khỏe.

Năm 1987, trong một tiệm chạp phô ở ngoại ô Portland (Oregon) có

thày từng khậu này kiện thày từng khậu kia, đòi bồi thường trăm nghìn Mỹ kim. Lý do là thày kia cứ cố tình phát trung tiện trước mặt thày này, làm cho thày này cảm thấy bị hạ nhục, thấy tinh thần bị thương tổn trầm trọng. Ngược lại, thày kia nhất định viện dẫn quyền tự do "phát biểu" được ghi trong tu chánh án của Hiến pháp để bào chữa hoạt động chính đáng của mình...

– Tốp! Yêu cầu tốp ngay.

– Bạn có vẻ... không thích câu chuyện?

– Bạn nói nữa, tôi kiện. Không một người lành mạnh nào lại "thích" nghe chuyện như thế, chuyện xảy ra giữa những kẻ phát trung tiện và bị phát trung tiện vào mặt. Tôi long trọng tuyên bố: Không một người nào bỏ xứ liều mình vượt trùng dương muôn dặm đến bến bờ tự do để ngồi nghe những cái bẩn thỉu như thế. Bạn cố tình hạ nhục tôi. Tôi kiện.

– Ấy chết! Bạn có nóng nảy quá chăng? Thày từng khậu ở tiểu bang Oregon nghe nói đã nhẫn nhục chịu đựng một thời gian đến nỗi tâm thần suy sụp mới hạ quyết tâm đi tìm luật sư. Còn bạn, tôi vừa mở mồm bạn đã quyết định cái một: kiện...

– Lần này bỏ qua. Nhưng từ rày không được mở mồm nói những cái như thế nữa. Nhé.

– Tôi hiểu: Bạn không thích những cái có mùi. Dù sao chúng ta cần những trường hợp cụ thể để chứng minh cái quá đáng của người Mỹ. Bạn nên nghe thêm vài câu chuyện nữa. Tôi cam đoan những việc sau đây không bốc mùi. Chẳng hạn mùa hè năm nay một bà nọ ở Chicago tuổi quá băm lăm tuy chưa đến tứ tuần, chợt vẽ họa đồ tố cáo oang oang rằng bà nhớ thuở bà còn tí oe oe, ông nội quấy nhiễu bà vào những dịp thay tã cho cháu. Đây là nói về những quấy nhiễu có tính cách... tính dục. Rồi sau đó một phụ nữ hăm tám tuổi nổi lên kiện cụ cố nội của nàng đã chết từ mười ba năm, đòi kẻ thừa kế là bà cố phải bồi thường cho nàng về những thiệt hại nặng nề do thái độ loạn luân của cụ cố xưa kia đối với nàng. Cụ cố qua đời năm 1978, bấy giờ đã hưởng thọ 93 tuổi. Cụ là một doanh gia giàu lớn, từng là bạn thân của cựu tổng thống Nixon. Thuở bị cụ cố "quấy nhiễu" kiểu loạn luân, nàng đầy tuổi thôi nôi chăng?

– Tốp! Tốp! Không được kể nữa.

– Bạn sắp kiện?

– Ông với cháu, chắt với cố... Tình đời kinh tởm. Nghe những cái như thế, khủng hoảng tinh thần mất. Tôi...

– Bạn kiện? Theo như tôi biết hồi ở Việt Nam bạn đâu có thế. Trước kia, giá có đứa nào hỗn láo, bất quá bạn chửi thề, bạn mắng nó, quát đuổi nó, cùng lắm mới đấm nó một quả. Hình như sau khi đến bến bờ tự do bạn có đổi tính. Tôi lấy làm lo.

– Có phải bạn muốn nói về cái lẽ trạch lân? Bạn cho rằng mình gần gũi người Mỹ đâm ra giống họ?

– Không. Ham kiện không phải là bệnh truyền nhiễm.

– Nào, chúng ta nghĩ lại xem. Bạn đúng phần nào: Chung chung, sang đây chúng ta có thay đổi đấy. Không phải riêng tôi đâm nóng tính. Đại khái bà con ta trong cộng đồng xa xứ cũng ham kiện cáo dữ đa. Kiện chủ sở kỳ thị, kiện mất việc oan ức, kiện hãng bảo hiểm đòi bồi thường về những thiệt hại, những thương tật có thật hay không có thật liên quan đến các tai nạn xe cộ hoặc thật hoặc giả, kiện vì làm việc quá căng, vì trượt ngã, kiện báo chí, kiện ông mắng qua, kiện bà chửi lại... Càng kiện càng hăng. Kiện cáo như thể một niềm hứng khởi vừa tìm thấy trong cuộc sống mới. Không do truyền nhiễm thì do đâu?

– Bạn đã vui lòng quên cái rắm và cái giống mà tiến sang một vấn đề của cuộc sống cộng đồng. Đó là cái tôi muốn đem ra tán gẫu với bạn cho vui.

– Ờ. Vấn đề đó thì nói được. Do đâu mà có? Tốt hay xấu? Vừa rồi bạn bảo người Mỹ đang phát khùng. Bây giờ ta đến đây, cũng muốn khùng theo. Vậy đất này không tốt chăng? Tại cái thế đất bị kẹp giữa hai đại dương chứ gì? Đất này không phải đất lành nhé.

– Theo tôi xứ này ham kiện nhau vì sẵn luật sư. Xài vừa tiện vừa lợi. Tiện vì luật sư trong tầm tay, lợi vì lắm khi trúng được món tiền lớn. Sống ở một xứ thế này, sống mà không kiện nó... phí đi.

– Cớ thể. Nhưng luật sư là món hay ho thế, tại sao ở các nơi khác không sản xuất cho thật nhiều mà xài? Bộ các nước khác không lập nổi trường luật, các giống người khác không học nổi môn luật sao? Do đâu mà Mỹ nhiều luật sư? Hả?

– Vì ở Mỹ đông người kiện. Có dạy, có học, rồi tốt nghiệp xong ế ẩm cả đám thì luật sư nhiều sao được?

– Bạn đùa đấy à? Bạn định chế nhạo tôi hả? Hỏi tại sao Mỹ ham kiện, đáp vì nhiều luật sư. Hỏi tại sao Mỹ nhiều luật sư, đáp vì dân ham kiện. Thế là thế nào?

– Xin lỗi bạn. Quả nhiên chúng ta chưa đi vào thực chất của vấn đề. Nhiều thầy kiện cũng như nhiều người đi kiện đều là sự kiện, chưa phải là lý do. Những sự kiện ấy chứng tỏ ở Mỹ có một sinh hoạt pháp luật rộn rịp. Hoạt động mà rộn rịp ấy là vì hoạt động có hiệu quả. Nếu kiện tụng mà chẳng đi tới đâu thì ai cũng sinh chán: Hoạt động uể oải, trì trệ, chết dần.

– Bạn lẩm cẩm. Nói như vừa nói là bạn có ý khen guồng máy tư pháp Mỹ: nó hữu hiệu. Thế nhưng lúc mới gặp tôi, bạn kêu rằng Mỹ nó khùng... Bên khùng bên lẩm cẩm, bên nào đáng thương hơn.

– Bạn nghiệt ngã quá. Bạn chê tôi trong khi bạn vẫn nhất trí với tôi, bám theo tôi sát sạt: Bạn công nhận đến Mỹ bà con ta tìm thấy niềm hứng khởi kiện cáo, tức bạn công nhận kiện cáo ở Mỹ có hiệu quả tốt; mặt khác vừa nghe tôi kể qua dăm ba chuyện Mỹ kiện Mỹ bạn đã kêu toáng lên là hết chịu thấu, bạn đòi kiện tôi, như vậy tức bạn cũng chê người xứ này. Vậy mà bạn mắng tôi, bạn áp bức vừa thôi chứ.

– Tôi tình nguyện chừa hẳn áp bức. Sự tình có lẽ nên giải thích thế này: Ở Mỹ luật pháp được tôn trọng thực sự, guồng máy tư pháp hoạt động tốt, dân chúng tin tưởng ở công lý, cho nên ai nấy hồ hởi. Đến đây thì hay. Cái dở bắt đầu từ khi có hồ hởi quá đà. Cái rắm của thày từng khậu, cái giống của đứa chắt gái còn quấn tã, v.v... là những cái quá đà bẩn thỉu.

Bà con ta ở Á Đông mới sang, thoạt đầu vẫn còn ngờ vực tính hữu hiệu của luật pháp nên âm thầm nén nhịn mỗi khi bị tấn công. Dần dần họ cũng thấy ra cái hay của sự kiện cáo cho nên sẵn sàng kiện cáo dù không bị tấn công. Riết rồi bây giờ chúng ta đã có kẻ sống về nghề đi kiện.

– Bạn khỏe tưởng tượng nhỉ.

– Hầy. Bạn có vẻ không mấy quen biết trong cộng đồng. Nên đọc báo Việt ngữ, bạn ạ. Cuối tháng 9 vừa qua trên một nhật báo nọ có ông Huy Phương kể chuyện về một "chàng trai nước Việt" làm nghề dụng xe. Lôi chiếc xe cũ ra, lái cho khéo, dụng những vụ thật "đẹp", nghĩa là dụng mà

người khỏi què chân gẫy tay vỡ mặt dập mũi nhưng xe thương tổn khá nặng, rồi đi kiện, đòi bồi thường những khoản tiền lớn. Đụng xe mà đẹp là nghề tinh, nghề tinh thì thân phải vinh. Chàng trai nước Việt nọ không làm công việc nào khác mà lúc nào cũng nghất nghểu, lúc ở quán cà-phê, lúc ở tiệm ăn Tàu, khi vũ trường, khi dạ hội, lúc chở đào rong ruổi bằng xe *sport* màu đỏ, v.v...

Ông Huy Phương gọi đó là nghề dụng xe, tôi tạm thêm cái nghề đi kiện. Vì dụng xe mà không kiện tụng được thì ăn cái giải gì? Đem xe qua Congo, Nga Xô, Trung-quốc, tha hồ dụng, chỉ thiệt thân thôi, không thể thành một nghề được. Ở Mỹ, đụng xe rồi kiện là nghề thơm, lẽ nào chỉ có một người, bạn của ông Huy Phương, hành nghề? Phải nhiều chứ. Cần gì tưởng tượng.

Đụng xe để kiện kiếm tiền tiêu là một thí dụ...

– Thí dụ về cái gì?

– Về sự tai hại của chế độ pháp trị. Kiện mà sinh lợi, mà hốt bạc, thì là nghề tốt. Nghề tốt ai chẳng ham. Cả nước đâm ra mê kiện cáo. Trên báo chí Mỹ có tiếng than thở lo lắng: tự dưng sao dân Mỹ lại có tâm lý của trẻ khóc nhè (*crybaby*)? "Nó lấn tôi nè, nó hiếp tôi nè. Bắt đền tôi nè, tôi khổ muốn chết nè", v.v... Nghe thảm thương quá.

Sự thực không nên thương. Gian dối. Những mè nheo như thế làm cho cuộc đời rối rắm, công việc tư pháp bận rộn ngập ngụa. Giỏi kiện bảo hiểm xe thì bảo hiểm xe tăng giá; giỏi kiện bác sĩ thì bác sĩ càng bảo hiểm hành nghề cẩn thận, càng cho làm nhiều khám nghiệm linh tinh, rốt cuộc bảo hiểm nào cũng tăng cao muốn ngợp luôn. Dân lành – như tôi với bạn – rốc túi đài thọ cho cái hoạt động náo nhiệt đầy gian ý nọ.

Trên bình diện cao hơn, kiện tụng còn làm cho quốc gia lụn bại. Ông Quayle, cả vợ chồng cùng là luật sư mà cũng đến kêu trời về nạn lạm phát luật sư ở Mỹ. Cái gì mà cứ toàn thể thế giới có mười luật sư thì Mỹ chiếm mất bảy vị? Những mè nheo, kiện tụng lằng nhằng gây tốn kém, làm hao phí rất nhiều thì giờ và tiền bạc, làm cho Mỹ giảm sút khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Pháp trị bậy quá.

– Nước Mỹ đón bạn vào không thiệt thòi nhé. Bạn lo cho dân Mỹ, bạn

lo cho nước Mỹ, bạn lo trên bình diện thấp, bạn lo trên bình diện cao. Coi bộ bạn tha thiết và hung hăng hơn ông phó tổng thống Mỹ. Nghĩ đáng đời cho Nhật-bản. Nhật khắt khe, không dung nạp người ngoài vào nước, họ tha hồ lố bịch chẳng ai... lo cho.

– Bạn định nói chuyện quái quỉ gì vậy?

– Tại Kyushu, một vùng sơn cước hẻo lánh, một nhà máy luyện kim của công ty Sumitomo phun ra chất khói độc gây hại cho dân làng. Bốn mươi mốt người đứng tên kiện. Chuyện kiện cáo kéo dài suốt mười lăm năm chưa đi đến đâu. Trong thời gian ấy hăm ba nạn nhân trong số đứng tên nguyên đơn đã lần lượt chết vì độc hại. Số còn lại bây giờ đã già nua còm cõi, đâm nản lòng. Năm ngoái họ vừa bàn nhau một giải pháp dàn xếp với công ty Sumitomo cho xong.

– Xong như thế, dở quá.

– Dở ẹt. Dở một cách lố bịch. Chẳng qua vì người dân Nhật không được một guồng máy tư pháp hữu hiệu phục vụ. Hừm! Cả nước chỉ có hai nghìn tám trăm ông chánh án, con số đứng nguyên suốt một thế kỷ, không tăng. Tây Đức, dân số ít bằng nửa mà số chánh án tới mười tám nghìn vị. Ở Nhật cứ 9.300 người dân mới được một luật sư; ở Tây Đức, 1486 người dân là một luật sư. Còn ở Mỹ tất nhiên món đó dồi dào: 360 người dân một luật sư. Đó là nói chung cả nước, chứ ở chỗ sang trọng văn minh như thủ đô Hoa-thịnh-đốn, ông Bùi Bảo Trúc khoe rằng láng giềng của ông cứ 21 người có một luật sư. Nếu tính luôn những ông luật sư Hoa-thịnh-đốn mà không nhất thiết sống tại Hoa-thịnh-đốn thì cứ 11 người dân một luật sư đấy. "Bạn chỉ cần bước ra ngoài cửa, đợi một chút xíu là có một luật sư đụng vào bạn cái rầm."

Trong đám các quốc gia thịnh vượng như nhau, Nhật dở thấy rõ. Độc một luật sư làm sao bênh vực nổi ngót cả vạn người? Dân lành tha hồ bị ức hiếp. Thương quá.

– Bạn thương dân Nhật à? Đừng có thế.

– "Đừng có thế, đừng có thế..." Bạn làm tôi nổi dóa. Cái giọng trịch thượng, dễ ghét lạ. Không thương những kẻ bị hiếp đáp mà thiếu che chở, những kẻ lẽo đẽo kêu kiện cho tới ngày chết mà chưa được xét xử, thì thương ai? Thương bạn à?

– Vâng. Nên thương tôi. Thương tôi, thương bạn, thương tất cả đồng bào ta, dân tộc ta từng sống một thời kỳ lịch sử dài dằng dặc không từng có một ông luật sư nào.

– Ủa!

– Ai cãi cho Nguyễn Trãi? Ai cãi cho bố con Nguyễn Văn Thành? Ai cãi cho bà Thị Kính, v.v... Đó toàn là những trường hợp oan ức của các bậc tài danh lẫy lừng. Nói gì đến dân đen, đến hạng khố rách áo ôm ở hang cùng ngõ hẻm. Từ đời nọ đến kiếp kia, ai bênh vực họ hả?

– Ủa!

– Tôi chúa ghét cái ngơ ngác của bạn. Cái ngơ ngác mất gốc. Thì xưa nay ở ta, ở Á Đông ta vẫn vậy, có gì lạ? Trong xã hội Đông phương ngày trước vạn bất đắc dĩ mới phải kiện nhau. Ai mà ham? KIện cáo là chuyện xấu hổ, nhục nhã. "Vô phúc đáo tụng đình". Ở Mỹ ngày nay ông hành nghề đụng xe ngẩng cao đầu mà đến tụng đình, cô chắt gái bị cụ cố quấy nhiễu tấm tã hất mặt câng câng lên mà đến tụng đình. Đến mà đòi hỏi công lý. Ở Á Đông ta xưa kia đâu có chuyện đòi hỏi; họa chăng là đến xin chút công lý, xin đèn trời soi xét. Xin xỏ như thế phải co ro khúm núm, phải khấu đầu van lạy từ tên lính lệ trở lên, phải sẵn sàng chịu mắng chịu đòn, và nhất là chịu mất tiền. Mất nhiều đa: cứ coi ông viên ngoại họ Vương thì rõ, phải bán con gái đi mới tạm đủ. Cho nên người có phúc ai mà lại kiện cáo bao giờ?

– Thế có phúc thì khi bị ức hiếp cứ nằm im chịu chết à?

– Trong hoàn cảnh nào có giải pháp nấy. Xung đột ở ta ngày xưa có những giải quyết ngoài vòng pháp luật. Tranh chấp nhỏ thì gia trưởng thu xếp. Lớn hơn thì hội đồng gia tộc, thì tộc trưởng phân giải. Tranh chấp gay go quá, họ hàng không giải quyết được, thì hoặc mời làng xã hoặc trình các bậc nhân sĩ địa phương phân xử.

Tôi nhắc, chắc bạn nhớ ngay: Trong cuốn *Nhà Nho*, Chu Thiên kể chuyện bà vợ ông nghè Tiến bị chồng phụ rẫy, bèn đến nhà cụ hoàng giáp Nguyễn là thầy học cũ của chồng và là người đạo cao đức rộng xin can thiệp. Cụ hoàng giáp bắt chồng phải lạy vợ để xin lỗi, phải bị nọc ra đánh ba roi. Ấy là gặp ông nghè Tiến ngoan ngoãn. Nếu không thế, cụ hoàng

giáp còn đòi lôi ra văn miếu đánh lớn và thu lấy áo mũ cờ biển tiến sĩ dâng trả nhà vua...

– Xử như thế, tôi mà ở triều, tôi nọc cụ hoàng giáp ra đánh ba mươi roi. Xử thế là loạn phép nước, là đặt luật ra để xử. Căn cứ vào luật nào cụ đánh roi, ai trao cho cụ cái quyền tịch thu bằng tiến sĩ của người ta? Không căn cứ vào luật pháp nào, mỗi cụ hoàng giáp xử một cách, còn ra cái gì nữa? Loạn mất!

– Cách xử lý các tranh chấp xung đột ở đây thực ra nó không nhằm làm sáng tỏ công lý. Từ người gia trưởng cho đến cụ nhân sĩ địa phương đều xử việc trong tinh thần dạy dỗ đạo lý. Kẻ trên dạy người dưới, kẻ khôn dạy người dại.

Dù cho việc đến đây chưa giải quyết được, đám vô phúc phải kéo đến tụng đình, thì sự phân xử cũng theo một tinh thần ấy thôi: quan là cha mẹ dân. Quan hệ quan dân cũng như quan hệ cha con. Một mình quan xét, một mình quan xử; chẳng có thày cãi thày cò trạng sư trạng siếc gì ráo.

Trong chế độ nhân trị, người ta giả thiết bậc quân tử cai trị dân là kẻ có đức.

– Kìa! Chúng ta đang nói về Mỹ về Nhật của hiện tại, tại sao khi nói đến dân tộc ta bạn lại thừa cơ tôi lơ đễnh mà nhảy ngược về thời ông hoàng giáp đét dít ông tiến sĩ? Đó là cái ta phong kiến, cái ta của một thời xa xưa, qua lâu rồi. Nhắc tới những cái ấy tức là đồng hóa ta, đồng hóa Đông phương với chế độ phong kiến, với tình trạng lạc hậu. Bạn có khiếu đay nghiến dân tộc.

– Nhắc chuyện cũ chứ không động tới cái mới, chẳng qua tôi có ý muốn tránh đề cập đến một sự ô nhục.

Trong chế độ phong kiến bất quá chỉ có giả thiết rằng kẻ lãnh đạo có đức; dưới chế độ Cộng sản ngày nay (vẫn ở ta!) lại có những giả thiết hoang đường rằng lãnh đạo có lòng nhân lại có trí tuệ, có cả... lương tâm nữa. Cán bộ định đoạt tất cả. Trong một tác phẩm của Dương Thu Hương cán bộ không chỉ xét xử khi nạn nhân đưa việc đến xin xử mà còn can thiệp vào việc người từ đầu chí cuối, từ trước khi có chuyện kiện cáo. Huyện hội trưởng là Hồng Thắm tưởng tượng rằng chị Lựu bị chồng phụ bạc, nhất định khuyên chị làm đơn; chị gượng gạo, cán bộ cau mày, to tiếng, giận dữ.

Lựu đành vâng lời, Hồng Thắm xông thẳng đến tòa, phó chánh án bảo "có nhiệm vụ kết hợp" với cán bộ. Thế là cán bộ muốn sao tòa xử vậy. Chồng chị Lựu tan nát cái hạnh phúc bên Hạnh Hoa, chị Lựu mất cái hạnh phúc bên cạnh anh Mộc (*Chuyện Tình Kể Trước Lúc Rạng Đông*).

– Ai mà xui ngành tư pháp nước ta đi "kết hợp" với cán bộ vậy không biết nữa. Tai hại quá chừng.

– Bạn nói gì kỳ vậy? Không kết hợp mà được à? Năm 1975, hồi mới bị đuổi ra khỏi nước, ông Solzhenitsyn nói chuyện lần đầu với nghiệp đoàn AFL-CIO của Mỹ đã kể lại câu chuyện một công dân Nga đi Mỹ về bảo rằng ở Mỹ có xa lộ xe chạy thật ngon lành, thế là cán bộ bảo tòa án xử anh ta mười năm tù. Tòa ngần ngại, hỏi thêm chứng cớ tội lỗi cho rõ ràng, thế là chính ông tòa bị đày đi Sakhalin. Chứng cớ cái gì? Đảng lãnh đạo dân, cán bộ làm việc vì dân, do dân, cán bộ giáo dục dân, xử lý mọi việc vì quyền lợi của dân, đảng lo cho dân còn hơn cha mẹ, không kết hợp hả? Đi tù.

Nước ta dưới chế độ mới chẳng qua là cái đuôi của nước Nga dưới chế độ cũ. Nga Xô tiên tiến làm sao, ta làm vậy, các nước trong khối anh em rụp rụp làm vậy hết. Nước Nga cũ là tương lai của Việt Nam mới mà. Cái ta phong kiến cũ kỹ bạn không chịu; vậy cái ta hiện tại, chịu không?

– Cái cũ coi vậy mà khá hơn. Thời nay phía đảng trị có cái thối tha của đảng trị, phía pháp trị có cái lố lăng của pháp trị. Cái nào cũng do Tây phương nghĩ ra. Không biết dầu óc Tây phương họ nghĩ ngợi làm sao mà ra thế.

– Theo tôi, họ cũng nghĩ ngợi như Đông phương nghĩ ngợi thôi. Trước Tây phương, cách đây hăm mốt hăm hai thế kỷ, những Thân Bất Hại, Thương Ưởng, Hàn Phi Tử đều đã nghĩ ra chế độ pháp trị, đều cổ súy nhất hình pháp. Họ nghĩ mạnh mẽ, họ làm cực đoan. Cho nên gặp phản ứng mãnh liệt. Khi thất bại, phần lớn họ bị cực hình, chết thảm thương.

– Cực đoan... Có dăm bảy đường cực đoan. Cái cực đoan của các pháp gia cổ Trung-hoa đã đưa họ tới cái chết; nhưng về một phương diện khác tôi không nghĩ là Tây phương kém cực đoan đâu. Nhất là Mỹ. Tây phương không nghĩ ra trước tiên, nhưng họ đã chọn pháp trị. Mà Mỹ thì – về mặt này họ chọn ở cái mũi chót cùng của Tây phương. Chẳng hạn trong trường hợp Clarence Thomas. Chuyện Thượng viện Mỹ đưa ông Thomas với cô Hill ra bêu riếu trước ống kính vô tuyến truyền hình, trước con mắt của

quần chúng khắp hoàn cầu, ngay đến cả báo chí Âu châu cũng xúm nhau giễu cợt. Tờ *Basler Zeitung* ở Thụy-sĩ. Tờ *Sunday Times* ở Anh, tờ *Le Monde* ở Pháp, v.v... cười dân Mỹ trẻ con. Làm chính trị đâu phải dạy luân lý trong nhà thờ? Đạo đức vừa thôi chứ. Hết chuyện Watergate của ông Nixon đến chuyện ghẹo gái của ông Thomas, cái gia tài Thanh giáo truyền lại từ thời các đấng tiền hiền khai quốc đến nay vẫn ám ảnh dân Mỹ. Thời buổi này, trông họ ngô nghê, buồn cười quá cỡ. Không những thế, lại có vẻ đạo đức giả nữa. Xã hội thì đầy dẫy tội ác, ở đâu chẳng thấy cảnh giết chóc, dâm ô, mà thỉnh thoảng lại lôi ra một nhân vật, trịnh trọng xoi mói inh ỏi cả lên...

Sự thực, đây đâu phải chuyện đạo đức? Đây là chuyện pháp luật, chuyện say mê pháp luật, là vấn đề tinh thần thượng tôn pháp luật đến cực đoan của người Mỹ. Không phải họ quá bận tâm tìm người hiền đức, không phải họ nghĩ kẻ ghẹo gái không đủ đức hạnh vô Tối cao Pháp viện; cái họ muốn được sáng tỏ là xem người Mỹ nam ấy đối xử với người Mỹ nữ có đúng với luật pháp, với hiến pháp Mỹ chăng? Đại khái, cũng như chuyện cái rắm của hai thày từng khậu. Là muốn đi cho đến cùng kỳ lý, chứ không phải đạt kỳ đạo.

– Lý sự đến thế thành ra là sự cà khịa, nhảm nhí. Chẳng ra làm sao cả. Xã hội mất cả nghiêm chỉnh. Xã hội muốn tồn tại cần một nghiêm chỉnh tối thiểu. Nếu cứ đà này, riết rồi không khéo xã hội Mỹ rối loạn...

– Rối loạn vì luật, rồi sụp đổ vì luật? Bạn muốn nói thế phải không? Các ông pháp gia Tàu ngày xưa mất mạng vì cực đoan, bạn nghĩ dân Mỹ cũng đến mất xã hội vì cực đoan? Cái nghĩ ngợi của bạn cũng là một sự cực đoan nhảm nhí đấy nhé. Có điều quả nhiên là chúng ta, người Việt Nam di cư chúng ta, đi từ thái cực này sang thái cực kia quá xa và quá nhanh. Từ một nước không có luật sư (họa chăng chỉ có ông Nguyễn Mạnh Tường vừa mới mở cửa hàng) sang một xứ say luật. Như thế, khoảng cách văn hóa rộng như một đại dương. Về phương diện này, cũng là một cách vượt đại dương nữa.

Cái cực đoan nào cũng dở. Liệu bạn có ý kiến xây dựng nào không?

– Thoạt đầu tôi đã bảo trước: "Tán gẫu cho vui", bạn nhớ không? Bạn vi phạm giao ước nhé. Ý kiến? Ý kiến cái gì. Ngữ tôi với bạn mà đòi có ý kiến gì để chấn chỉnh tình trạng luật pháp ở các xã hội đó đây? Hả? □

Tranh Ngọc Dũng

TRỌNG LAI

lão pánh pò

*

Chiếc hộc bánh nặng nề làm oằn vai lão bởi sợi dây bằng vải bạt đã xỉn màu thời gian. Hai mép chỉ – đen nhánh màu mồ hôi lưu cửu – te tua chạy song song vắt chéo qua vai lão xem ra rất nóng lòng chập làm một, khiến lão phải vươn cánh tay khẳng khiu đen đủi của mình ra làm thứ móc tươi sống phụ lực với cái hộc nặng nề chỉ lăm le muốn tuột. Đó cũng là cách "tăng tuổi thọ" cho sợi dây cũng như cho cái vai khốn khổ của lão.

Lão đi sát vào hàng hiên dãy hộ hơi nhô ra lòng đường, thế mà cái nóng tháng năm nồng nồng vẫn cứ hừng hực táp vào mặt lão. Chiếc mũ vải già nua bị nắng, mưa, sương, gió làm cho nhũn ra, vài chỗ đã bục chỉ, lõng thõng rũ xuống vầng trán chằng chịt vết nhăn nheo.

Lão lặng lẽ bước. Quãng đường này, thỉnh thoảng lão cũng thử rao vài tiếng nhưng suốt mươi năm nay, chưa một lần công rao của lão được đền bù. Chốc chốc, lão lại phải dang mình ra ngoài nắng, vòng tránh mấy vồng khoai lang hoặc rau mồng tơi, rau muống, rau dền. Vòng qua các rẻo đất thừa thẹo ấy luôn luôn là điều khá bực mình cho lão. Dường như bất cứ lúc nào, bên trong các bức tường vây xây thoáng ấy cũng chực sẵn những đôi mắt ít thiện cảm lom lom dõi theo những bước chân nhọc nhằn của lão để buộc tội lão phá hoại hoa màu của họ. Thật ra, lão đặt bước vốn ý tứ, chưa bao giờ làm gãy một ngọn dền hay làm bầm một đọt lang, dù những thứ đó

có "cá chể chủ nghĩa" nhoài tít ra tận mép đường đi nữa. Thế nhưng lão vẫn phải"mang tiếng chịu lời" bao lần mà gẫm ra chưa phải là oan, vì đàng sau lão, bao giờ cũng kéo theo một cái đuôi dài lê thê, lốc nhốc đủ loại, đủ cỡ trẻ con. Giữa những mái tóc đen di động hỗn độn ấy, lác đác nhô lên đây đó một vài mái tóc xoăn tít hoặc óng ánh màu tơ tằm.

Lũ trẻ mê cái trò chạy theo lão – đứa này chưa bỏ cuộc đã có đứa khác nhập thêm – tất cả đều chung một mục đích nhại tiếng rao ngộ nghĩnh của lão: Pánh Pò!

Hai tiếng rao đó, dám đồng nghiệp của lão vẫn thường rao thật ngân nga, kéo dài theo cả năm, sáu bước đi, còn kiểu rao của lão thì lại dồn cục trong một bước, bất kể người ta có nghe kịp hay không. Bù lại câu rao chán ngấy đó, vẫn có những phút vui cao nhất của lũ trẻ, ấy là khi lão rao đến cái câu đặc biệt, mang nhãn hiệu riêng của lão. Giọng lão vút cao, trải dài ra rồi trầm lại dần dần:

– Ê... ế... ng... o... on... on...! Càng ê... ế... càng... ng... o... on...!

Lũ trẻ chạy theo lão chỉ để chờ mỗi câu đó để nhao nhao nhại theo rồi phá lên cười khoái trá. Còn lão, đôi lúc lão đột nhiên dừng lại, từ từ rướn cái cổ màu gà chọi của mình lên, nhăn mặt hít vào một hơi dài, báo hiệu một cú rao thật tầm cỡ, tức thì bọn trẻ xúm quanh, đứa nào đứa nấy nín thở, lên gân, há miệng sẵn sàng, chỉ chờ lão cất giọng lên là chúng "đồng ca" ào theo ngay. Nhưng lão ta đột nhiên lặng phắc, lúc lắc cái đầu rồi nín bặt. Bọn trẻ đớ người, nhìn sững vào mồm lão, không rõ nó hỏng hóc bộ phận nào trong đó. Bấy giờ lão mới xoay mình nửa vòng, trừng mắt nhìn chằm chằm như xuyên qua từng đứa, rồi trong lúc chúng cảm thấy như nghẹt thở, căng cứng từng thớ thịt đường gân thì lão vụt cười ré lên, rung bần bật cả người, xi xô một tràng tiếng Tàu. Lũ trẻ chả hiểu mô tê gì, chỉ biết ngờ nghệch cười theo.

Mồ hôi đã tươm khắp chiếc trán rám nắng. Lão lơ đãng đưa tay kéo chiếc mũ tàng quẹt qua một nhát rồi thở dài ngao ngán. Mọi khi, nhằm ngày mưa đi nữa, giờ này lão cũng đã nhẹ đi được nửa hộc. Lũ trẻ vẫn đông thêm ra kia mà. Chúng đổi khẩu vị rồi ư? Vô lý!

Lão trở vai cho bớt mỏi. Từ bên kia đường, một đứa bé lũn đũn, mình trần, băng băng chạy sang. Đứa bé miệng thở phì phò, một tay níu sợi dây

vải bạt, tay kia xòe ra đồng bạc kền. Thế là lão hiểu. Lão luồn tay dưới lớp vải dậy, vừa chạm đến bánh thì chợt có tiếng hỏi:

– Nị pú mại cô tí cẩu pỉn? (Ông không bán bánh nguội đấy chứ?)

Lão sững sờ, không tin vào tai mình. Mắt lão dáo dác tìm kiếm chung quanh. Bàn tay lão như bất chợt bị khóa cứng vào hộc bánh. Thằng bé cứ giật giật cái dây vải bạt. Lão mải nhìn quanh nhưng lại không trông vào cái gì. Miệng lão hé ra nhưng lại không rao. Mấy giây sau lão mới sực giật mình, móc bánh ra trao cho đứa bé, mặt lão vẫn thẫn thờ như cũ. Đứa bé ném đồng bạc kim khí vào hộc bánh lão cũng không để ý. Bên kia đường, sau một quãng rào căng sơ sài bằng những đoạn dây thép gai tái dụng, một người đàn ông dong dỏng cao, tay cầm chiếc búa con không rõ đang làm gì, miệng anh ta hơi mỉm cười, chăm chú quan sát lão.

Đoán chừng lão đã bắt đầu sốt ruột, anh ta lặp lại câu hỏi. Mắt lão sáng rực lên, vẻ hớn hở toát ra khắp khuôn mặt. Lão xăm xăm băng qua đường. Một chiếc xe đạp bất thần trờ tới, quẹt mạnh vào góc hộc bánh. Lão hơi lạng người đi nhưng vẫn không đổi nhịp bước, mặc cho người đi xe đạp lầu bầu mắng lão câu gì không rõ.

Thay vì phải trả lời câu người đàn ông vừa hỏi, lão hỏi lại anh ta:

– Xếnh xáng hù xự dành? (Tiên sinh người miền nào?)

– Tôi quê ở Ngọc-hội ạ. Người đàn ông đáp bằng thứ tiếng lão đang dùng.

Ánh mắt lão đăm chiêu:

– Ngỏ húi à? Koỏng tông hay Hú nần nhỉ?

Người đàn ông cười ranh mãnh:

– Chả phải Quảng-đông mà cũng chả phải Hải-nam đâu. Nị đoán đúng có mỗi tiếng "nần" mà thôi. Lão vỗ trán, soát nhanh trong trí vốn kiến thức về môn địa lý – đã lâu không hề dùng đến – của mình. Mắt lão sáng lên:

– Ô... tận Yún nần kia à?

Người đàn ông lại cười:

– Làm gì đến tận Vân-nam kia lận? Ngọc-hội ở sát phía nam thành phố này thôi, cách chưa đầy vài cây số chứ mấy.

Lão trố đôi mắt ngạc nhiên:

– Ủa? Té ra tiên sinh là người Duyt đấy ư? Sao lại nói tiếng của chúng tôi tự nhiên đến thế?

Người đàn ông đáp chậm rãi:

– Vâng, tôi đúng là người Việt, nhưng trước đây có học tiếng Trung-quốc và thỉnh thoảng cũng có dịp dùng đến. Chà, có lần tôi còn sang xứ nị tận nửa năm đấy chứ!

Lão nói như reo lên nhưng giọng lại pha vẻ xuýt xoa:

– Chà, thích quá nhỉ? Tiên sinh sang tận nước tôi kia à?

Vẻ mặt lão chợt thờ thẫn, nhìn xa xăm như cố tìm lại cái dĩ vãng mơ hồ khuất sau màn sương khói thời gian. Lão nói tiếp trong tiếng thở dài ảo não:

– Đã hơn bốn mươi năm rồi, tôi đâu có được về thăm lại quê hương mình... À, mà tiên sinh sang xứ tôi làm gì thế hả?

– Chả làm gì cả. Xem thắng cảnh, rồi đi thăm đó đây. Thế thôi.

– Ủa? Tiên sinh là người Duyt kia mà! Có ai ở bên ấy mà thăm?

– Chà, tôi nói nghe úp mở quá nhỉ? Chả là hồi ấy tôi có chân trong một đoàn được mời sang tham quan nước bạn...

Lão thở hắt ra:

– Hà hà... Té ra là thế.

Lão đã ghếch một góc hộc bánh lên hàng rào từ lúc nào. Nhờ cái thế thoải mái đó, tay lão đôi lúc lại hươ lên phụ họa cho lời lẽ. Lão bắt đầu cuộc tâm sự:

– Tiên sinh có đi thăm Quế-lâm không nhỉ? Quê tôi đấy!

Rồi chẳng đợi câu trả lời, lão tiếp:

– Tôi rời quê tận hồi năm hai kia.

Người đàn ông cảm thấy bị cuốn vào cơn bộc bạch, nhưng chính anh ta cũng thích thế:

– Nị đi một mình hay cùng với gia đình?

– Đi cùng với gia đình thì có gì đáng nói đâu. Vả lại bấy giờ tôi đâu còn gia đình để mà đi cùng? Tôi đi một mình thôi, tiên sinh ạ. Vốn là thế này:

Gia đình tôi bấy giờ cũng thuộc hạng có máu mặt trong miền. Bố tôi xưa kia giữ một chức quan nhỏ ở Bắc-kinh. Lúc trí sĩ, lập nghiệp ở

Quế-lâm từ hồi tôi còn chưa ra đời kia. Quế-lâm là quê ngoại của tôi, còn quê nội thì tôi chưa kịp biết. Nhà tôi cách thị trấn đâu chừng mười cây số. Năm tôi đang học lớp Cao-chung-xan, tức là lớp cuối chương trình Trung học xứ tôi thì chiến tranh nổ ra rồi lan đến quê tôi. Gia đình và cơ nghiệp bố tôi làm mồi cho lửa đạn ngay từ ngày đầu. Chỉ có tôi còn sống sót nhờ đang trọ học tại thị trấn. Tôi bỏ học nhưng không dám về quê, thành thử bao nhiêu sách quý rồi đến quần áo, cứ phải bán lần hồi đến hết sạch. Nhà trọ thì cứ chuyển dần vài tháng một. Từ phố lớn tôi dời về phố nhỏ, rồi từ phố nhỏ tôi dời vào ngõ hẻm. Nếm mùi vài ba ngõ hẻm gì đó, tôi lại dời ra phố lớn...

Người đàn ông nói như reo:

– Ha ha, hay quá rồi còn gì! Biết được bao nhiêu là nhân tình thế thái, lại còn nghiệm đúng chân lý thánh nhân nữa chứ! Vật cực tắc phản đấy!

Lão cười hềnh hệch:

– Trong cảnh ngộ ấy của tôi, hơi đâu mà quan sát nhân tình thế thái? Với lại, nó có "phản" về mức cũ đâu! Ở ngõ hẻm thì tôi còn là anh học trò, lại con quan. Tuy rõ vẻ "xuống chân" thật đấy nhưng vẫn có thể tự dối mình và dối người rằng đây ta chỉ tạm gặp khó khăn nhất thời, rồi ta sẽ có cơ hội vùng vẫy đâu ra đấy kia! Hà hà, "tiềm long" hẳn hoi đấy chứ? Nhưng khi trở ra phố lớn thì tôi là gì, tiên sinh có đoán ra không? Là công nhân học việc hạng bét cho một tiệm bánh chả lớn mấy. Cùng đọc là công, nhưng từ công tử chuyển ra công nhân, tôi phải mất hơn một năm trời lao đao, chật vật đủ điều...

Người đàn ông bắt đầu thấy thích chuyện, bèn đùa một câu:

– Ô hô, thế thì "tiềm long" nhà ta bị mắc cạn thật sự rồi nhỉ? Có bị "ngư hà hí" không đây?

Lão cười:

– "Hí" hay "hố" tôi cũng chả mấy quan tâm. Bấy giờ chỉ lo sống cho nổi đã. Trong hiệu, ngoài tay thợ già vào hàng cha chú ra, số còn lại đều thuộc loại "tiềm long" như tôi cả. Lắm đứa còn "tiềm long" gấp mấy tôi nữa kìa! Hê hê...

Người đàn ông đùa thêm:

– Nghĩ mà thương cho ông chủ tiệm ấy của nị. Bao nhiêu là tiềm long, hẳn có muốn phát đạt cũng phải chờ lâu...

Lão cười to:

– Ha ha ha... Cái vụ ấy thì khỏi phải bàn! Toàn là học trò, lại đang còn tuổi hay ăn chóng lớn. Hà hà, thế nhưng cũng có ngoại lệ đấy tiên sinh ạ. Tiên sinh có biết vì sao thế không?

Người đàn ông vẫn tiếp tục giọng đùa cợt:

– Ngoại trừ nị chứ gì. Sợ mất chỗ làm hay bị vị y sĩ "gian ác" nào buộc phải ăn kiêng để... giữ eo...?

Lão lại cười:

– Hì hì, dù tiên sinh có nói cho nghiêm chỉnh cũng không đoán nổi đâu. Tôi không động đến bánh chỉ vì muốn giữ chút thể diện trước tiểu thư con ông chủ đấy thôi.

Người đàn ông tặc lưỡi, trêu:

– Úi chà chà, rắp tâm đến thế kia à? Sự hy sinh ấy của nị, liệu có bõ công không?

Mắt lão ánh lên vẻ tinh quái khá trẻ trung:

– Cũng có ăn thua chút đỉnh đấy ạ. Tiên sinh thử nghĩ xem: trong khi đồng nghiệp của tôi bạ gì ăn nấy – chiến tranh dù ở xứ nào thì cũng là anh em ruột của cái đói – có lắm đứa mới nhồi bột vài phút đã giả đò đi kiếm dụng cụ để gặm tay lia lịa, có đứa cắt bánh xong, cạo sạch dụng cụ, vo viên ném tọt vào mồm, trông thật nhơ nhuốc. Ấy là chưa kể những vụ lấy cắp chính qui: thồn bánh vào bất cứ chỗ nào giấu được trong người, kể cả những chỗ tởm nhất, bất ngờ nhất. Thế mà chỉ có riêng tôi là làm ăn sạch sẽ, không tơ hào theo cung cách đê tiện ấy, kể cũng đáng chú ý lắm chứ! Thế cho nên mỗi khi ông chủ xuống xưởng là đi thẳng đến góc tôi làm việc, móc thuốc ra mời cẩn thận. Ấy là thuốc ông ta dành riêng mời khách đấy nhé, chứ còn ông ta chỉ hút tẩu, loại tẩu dài ngoẳng dài ngoẳng cả nửa thước ấy mà. Ông ta thường thân mật vỗ vai tôi, khen tôi là người đàng hoàng. Có lúc ông ta còn kín đáo truyền nghề cho tôi nữa kia. Giới chủ nhân xứ tôi, phần nhiều đều có trải qua đời công nhân, dù họ có là con cái chủ hãng lớn đi nữa. Chẳng bao lâu, cô con gái ông ta cũng dành cho tôi ít nhiều biệt nhãn. Hà hà... Tiên sinh biết tôi đã dùng cái kế gì đây không

nhỉ? "Cách san tả ngâu" một trong ba mươi sáu chước của Đàn Đạo Tế hẳn hoi, chả phải xoàng đâu nhé!

Lão kéo dài tiếng nhé một cách thích thú. Người đàn ông giả bộ thắc mắc:

– Cách sơn đả ngưu à? Đứng bên này núi mà nện chết con trâu ở bên kia núi lận ư? Xác vóc cô ta... dễ nể lắm hả? Còn nị thì quyết... ngả thịt cho được kia ư?

Lão cười ré lên bằng cái giọng khao khao:

– Hô hô... Tiên sinh đùa hóm hỉnh chết người thật! Nhưng nói thế là chưa hiểu gì tâm lý tuổi trẻ thời chúng tôi đâu. Bấy giờ, tôi mới mười tám, còn nàng thì đôi tám. Chỉ ước ao được má tựa vai kề thủ thỉ tâm tình kể đã là hạnh phúc tuyệt trần, làm gì có ý đồ ăn tươi nuốt sống như đám trai trẻ thời này đâu!

Với lại, cô ta mà tiên sinh hiểu là trâu theo nghĩa đen thì phản thực tế vô cùng đấy! Đáng giận nữa ấy chứ! Cô ta thon thả, thanh tú như Venus de Milot, lại có nụ cười thoang thoảng như có mà như không, ngắm thật là mê hồn, hệt như nụ cười Mona Lisa. Mỗi lần xuống xưởng để gọi bố về tiếp khách – thường ông ta đang bận chuyện trò với tôi – nàng đều đền bù cho tôi bằng một nụ cười nhẹ nhàng ấy, thật là "nhiếp hồn" kinh khủng. Thế là chỉ ăn ở vừa lòng ông chủ, tôi giành được thiện cảm của tiểu thư, chả phải "cách san tả ngâu" là gì?

Người đàn ông theo dõi câu chuyện đã có phần vất vả. Những cái tên Tây, phiên âm ra tiếng Tàu thật chả dễ gì nhận ra ngay. Cách ăn nói văn hoa, chứa một lượng thông tin phong phú, chứng tỏ lão ta thuộc hạng người có trình độ văn hóa vượt xa cái mức Cao-chung-xan như lão đã nhận. Nhìn con người tàn tạ trước mặt, anh ta cố hình dung dáng dấp hào hoa một thời của lão nhưng vô hiệu. Sau phút trầm ngâm, anh ta hỏi tiếp:

– Rồi... hạ hồi phân giải, "ngưu" của nị trở thành... thợ bánh phu nhân đấy chứ?

Lão ta làm ra vẻ cau mặt khó chịu nhưng giọng lại pha vẻ nũng nịu kiểu nữ giới:

– Gì... mà vội đến thế? Truyện còn dài kia mà. Dễ gì đến chương cuối ngay được? Bấy giờ, tôi tuy là thợ bánh thật đấy, nhưng thợ gì thì cũng có

năm bảy hạng chứ! Phần tôi, thực tình bấy giờ tôi không hề nghĩ rằng có ngày mình sẽ cam phận với cái nghề mà chỉ có trẻ con, hoàn toàn là trẻ con mới tưởng đây là nghề sung sướng. Lương tháng, tôi dành phần lớn để mua sách đọc. Những giờ nghỉ trưa tại xưởng, tôi không cờ bạc gì mà chỉ dồn thì giờ cho việc đọc sách. Khoản chi tiêu lớn thứ nhì là tiền thuê nhà trọ. Nhìn cái cảnh nhem nhếch của bọn thợ ăn ở luôn tại xưởng – sáu vị "tiềm long" nhét vào một phòng kế nhà bếp, vừa chật chội, vừa ám khói – tôi nản quá, không dám xen vào làm người thứ bảy, thế nên bóp bụng dành ra ngót nửa số lương hằng tháng để thuê một căn gác xép cạnh mé đường, chỉ cách chỗ làm chừng vài trăm thước. Chỗ thuê ấy thật là đáng tiền vì từ cửa sổ phòng tôi trọ, nhìn chếch một tí là cửa sổ phòng nàng, chỉ phải cái hơi xa và tầm nhìn bị cản một phần vì cái tàn dừa. Cái cây quái ác ấy thật là trêu ngươi: nó chậm lớn kinh khủng! Tuy vậy, cũng là an ủi chán. Xét cho cùng, có lẽ nó làm tăng biết bao thơ mộng ấy chứ! Nàng Hằng Nga ở cung quế thì cũng thế thôi chứ hơn gì?

Người đàn ông cười:

– Ô, nị thật là đa tình! Ngày ấy chắc làm được khối thơ ấy nhỉ? Mong rằng dẫu gì thì nàng ta cũng không đến nỗi rơi vào cảnh "hồng nhan bạc mệnh, lưu thủy đào hoa"...

Giọng lão ngậm ngùi:

– Cái nỗi ấy, xem ra nó có thật đấy, tiên sinh ạ! Chẳng riêng gì nàng, cả đến tôi xem chừng cũng thế mới thật là tệ, mặc dầu tôi thì chỉ có "hắc nhan" chứ hồng nhan cái quái gì!

Lão cười một cách khổ sở, giọng trầm hẳn đi:

– Năm tôi hai mươi tuổi, nàng vừa mười tám thì xảy ra một biến cố làm xoay hẳn đời nàng lẫn đời tôi. Đúng là một trăm tám mươi độ, thật là kinh khủng! Bắt đầu là người biểu huynh của nàng, vốn là Hoa kiều từ Việt Nam về thăm. Chao ôi! Nghĩ lại chuyện ngày ấy mà tôi còn tê tái cả lòng, mặc dầu tuổi tác và nhất là cảnh ngộ của tôi ngày nay, nhắc lại loại chuyện ấy nghe thật lố bịch. Tiên sinh ạ, cô nàng tự nhiên tươi tắn hẳn ra, ban phát nụ cười khá hào phóng. Những ngày đầu, tôi thật là phấn kích nhưng rồi tôi kịp nhận ra mình nhầm: thì ra nàng cười với lòng nàng chứ có phải cười với tôi đâu. Thế là tôi thất cả ruột gan. Rồi cái hôm anh chàng biểu huynh ấy mang ô-tô đến đón cô ta đi chơi suốt ngày, chiều về lại còn chơi violon

cho cả nhà nghe, và sau đó – dù vướng ngọn dừa quái ác, nhưng tôi vẫn nhìn thấy mồn một hai người gắn môi nhau trước cửa phòng cô ta nữa... Trời ơi, tôi ngã bệnh vào cái ngày kinh khủng đó...

Ngày nay, chuyện đã thuộc về quá khứ, tôi mới nhận ra rằng mình thật là vô lý. Giữa cô ta với tôi, nào đã có ràng buộc gì! Cho dù là có ràng buộc bằng hình thức gì và đến mức độ nào đi nữa thì tôi vẫn không có quyền gì trách cô ta. Trời sinh ra cái đẹp đâu phải dành cho kẻ yêu cái đẹp hay kẻ lắm tiền? Kẻ yêu cái đẹp không đủ sức đền bù cho cái đẹp. Còn đồng tiền chỉ mua được cái đẹp nhân tạo, còn cái đẹp tự nhiên thì đồng tiền chỉ đủ sức thuê nó tạm thời chứ không thể mua được nó vĩnh viễn. Nếu mua vĩnh viễn thì cái đẹp đó đã phần nào hoen ố, không còn là cái đẹp nữa! Giai nhân thì phải dành cho tài tử chứ! Tôi cho rằng dứt khoát phải thế. Mà so về mặt tài tử, thì đem cái mẽ cầu thủ bóng rổ của tôi đọ với chàng ta, chỉ như con cú đặt cạnh con công, so sánh chỉ chướng mắt. Này nhé, chàng ta là người lịch duyệt, lại đẹp trai như tài tử màn bạc, chao ôi, lại chơi đàn, lại soạn nhạc nữa chứ! Nhìn vẻ duyên dáng của anh ta chơi violon, thật là đá cũng phải mềm lòng! Anh ta có soạn bản nhạc gì mà ngày nay tôi vẫn thấy người ta còn đàn hát. Cái bản gì mà... Lổ lốc lô lô lô lô lốc... ấy mà!

Nghe cái giọng rao hàng lâu ngày, cứ nhừa nhựa, khàn khàn kiểu tây say của lão, người đàn ông phải phì cười:

– A... bài "Xuân và Tuổi Trẻ" của nhạc sĩ La Hối...

Lão đánh đét hai tay vào nhau:

– Ô, đúng đấy! Lô Húi! Té ra tiên sinh cũng có quen anh ta?

Người đàn ông có dịp trêu lão:

– Việc gì tôi phải quen chàng ta? Chàng ta có động gì đến người yêu của tôi đâu? Chẳng qua tôi có biết bản nhạc ấy đấy thôi.

Lão gật gù:

– Ừ nhỉ! Tôi thì lại chả hiểu mô tê gì về âm nhạc, thế mà nghe bài ấy tôi cũng cảm thấy lòng mình náo nức, dào dạt tình xuân. Mãi sau này tôi mới nhận thấy thế thôi, chứ lúc bấy giờ ấy à, cứ mỗi khi điệu nhạc nọ lọt vào tai, tôi cảm thấy mình cứ ngầy ngật như bị bệnh, lưỡi cứ đắng nghét, phải gượng ăn nhưng không biết mình nhai món gì. Thậm chí tôi phải đi

vòng gấp bội để tránh xa những ngôi nhà có máy hát, đề phòng họ mở máy bài ấy đấy!

Người đàn ông xúc động muốn chảy nước mắt. Chao ôi! Lại có kiểu chung tình cao thượng đến mức ấy được sao! Thường ở đời, mỗi khi thật tình, kẻ hèn nhát chạy trốn cuộc sống theo kiểu ngu ngốc, kẻ thô bỉ thì trả thù tình bằng cách liều lĩnh, côn đồ, kẻ đối phó phải chăng hơn, cũng không thể coi là có thái độ quân tử được. Hoàng Yến "tế" người yêu ôm cầm thuyền khác:

Giai tế hình dung nghe cũng khá: tóc rễ tre, da đồng điếu, mặt nổi rang, tuổi độ bốn tuần còn lẻ nữa...

Nguyễn Du thì "tế" trực tiếp hơn:

Tháng bảy này tệ bạc làm sao, bỗng tống táng một tuần hai ả...

Tản Đà thì "chơi ác" hơn nhiều, đặt hẳn ra một bài hát xẩm để bôi nhọ cùng một lúc cả tình địch lẫn người mình yêu (chứ không phải là người yêu mình), mặc dầu anh tình địch chỉ phạm một thứ "tội" là cưới phắt cái người đẹp mà ông đã bị khước hôn:

Nước (trong) xanh lơ lửng (con) cá (thì) vàng,

Cây ngô cành biếc (con chim) phượng hoàng (nó lại) đậu cao.

Anh tiếc (cho) em (là) phận má đào,

(Em) tham đồng bạc trắng dấn (mình) vào (lấy chú) tây đen!

(Cái sợi) tơ hồng ai khéo (mà) xe duyên?

Bức tranh tố nữ treo bên (anh) tượng đồng!

Chị em ơi! ba bảy đường chồng...

Tản Đà thật đáng trách: nếu ông ngông, coi mình là con phượng hoàng, chẳng màng đến nàng Đỗ thị, thì ông cứ việc mà đậu cao, việc gì bêu riếu kẻ này tham bạc, kẻ khác đen da? Thủ đoạn ông lại thật kém quân tử, thua ít mà gỡ quá nhiều. Bao nhiêu anh xẩm chốn Hà-thành, trả thù hộ cho ông đến lúc nào mới dứt?

Thất tình thì thế đấy! Người ta phóng tay hành động, bất chấp hậu quả, bất chấp đạo công bằng. Nhưng anh Tàu già này hoàn toàn trái lại, bằng lòng nhận đau khổ chính đáng, tôn trọng tình địch, tôn trọng sự hợp lẽ. Tinh thần cầu thủ bóng rổ có dự gì vào đấy không? Thật là cao thượng! Trong đám thất tình, anh ta xứng đáng được phong thánh!

Người đàn ông quay vào nhà gọi con, sai sang bên kia đường mua mấy điếu thuốc.

Khói thuốc lá chừng như làm tăng cho lão cơn bộc bạch:

– Tiên sinh ạ, trong lúc tôi bị trận ốm cả hồn lẫn xác ấy thì họ cưới nhau. Rồi cô ta theo chồng sang Việt Nam. Tôi trở lại tiệm bánh với cõi lòng tan nát. Anh chàng Thôi Hộ ngày xưa, ngót cả năm sau mới quay lại chốn cũ một cách tình cờ, lại chỉ có mỗi món hoa đào gợi nhớ, còn tôi, ngày ngày qua lại chốn cũ, và bất cứ cái gì cũng gợi nhớ da diết. Vả lại, cái vụ "bất tri hà xứ khứ" xem chừng nhẹ lòng cho Thôi Hộ chứ không như tôi, chỉ cần một món hàng nào thường bán cho Việt Nam hay thường mua của Việt Nam, tôi cũng đều tưởng chừng tay nàng đã có chạm vào để rồi nhớ nhung quặn thắt cả ruột gan...

Tôi xin thôi việc, rồi trả nốt chỗ trọ. Tuy vậy, thỉnh thoảng tôi vẫn tìm một dịp nào đó để trở lại chốn cũ, cái hiện trường mối tình đầu đời của tôi. Kể cũng bõ công, một trong những lần đó, tôi xoáy được một tấm ảnh cũ của nàng.

Tôi ra làm ăn riêng và cũng nếm chút mùi phát đạt. Lạ một điều là ông chủ cũ của tôi cứ xuống chân dần dần. Người Tàu chúng tôi tin rằng trong mỗi gia đình, thường có một đứa con nào đó nắm giữ vận may và khi đứa con ấy ra đi thì vận may cũng đi theo nốt. Ông chủ cũ của tôi có vẻ lâm vào trường hợp ấy. Nhiều lần ông gạ tôi quay về với ông nhưng tôi không thể nhận lời. Chắc cũng có đứa bạn cũ nào của tôi mách lẻo sao đó nên mỗi lần đến chơi tiệm tôi, ông đều làm quà bằng những tin tức về cô con gái đi xa ấy, và bao giờ ông cũng dành câu nói sau cùng – trước lúc từ giã – để khuyên tôi lo chuyện vợ con mới rảnh chân cho việc kinh doanh. Tôi đã bắt đầu xiêu xiêu và đã theo chân ông đến làm quen với một cô gái – nhan sắc không đến nỗi tệ – cháu gọi ông ta bằng cậu. Chuyện đã sắp ngã ngũ thì trong lần gặp ông cuối cùng, ông sụt sùi kể cho tôi nghe cái chuyện mà sau đó nó thay đổi hẳn đời tôi: người con rể tài hoa của ông đã bị hiến binh Nhật xử tử về tội làm gián điệp cho phe Đồng Minh. Thì ra, ngay cái lần anh ta về thăm quê rồi cưới vợ cũng là công chuyện nghiệp vụ.

Lập tức, tôi sang tên cửa hiệu mình cho anh chàng phụ việc. Tiếng là sang tên, kỳ thực gần như tôi biếu không, đúng ra là tôi đánh đổi cơ nghiệp

mình, chỉ mang đi một va-ly nhỏ hành lý để lấy một chân bồi tàu do anh ta xin hộ ở công ty vận tải đường biển Hong Kong – Bangkok.

Tàu ghé bến Sàigòn, tôi chuồn ngay lên bộ. Chiến tranh đã làm cho việc đi lại ở xứ này đầy nguy hiểm khó lường. Thế nhưng tôi bất chấp tất cả, lên đò ra Hội-an. Thị xã này không lớn mấy nên việc tìm địa chỉ nhà chồng nàng không khó. Trớ trêu thay! Tôi chỉ trễ có một ngày! Nàng vừa đi Sàigòn hôm trước để thu xếp việc làm ăn nào đó với người chú họ trong ấy.

Lỡ nói dối với nhà chồng nàng rằng tôi là chỗ bà con cho nên tôi không thể lờ việc thắp hương cho chồng nàng. Thật ra thì tôi cũng sẵn lòng thực hiện nghĩa vụ ấy với đầy đủ chân tình. Có ai đi đắn đo một nén hương với một nghĩa sĩ quốc tế bao giờ!

Nhìn tấm ảnh phóng lớn của anh ta ẩn hiện sau lớp khói hương huyền ảo, tôi chỉ muốn trách móc thành lời:

– Lô Húi ơi! Anh ôm đồm chi lắm thứ đến thế? Âm nhạc, giai nhân, lại còn chí nam nhi nữa? Người Pháp đã chẳng bảo "Ai ôm nhiều thứ thì ôm không chặt" đấy sao?

Tôi chợt cảm thấy xấu hổ: liệu ôm như tôi lúc này thì có vừa sức và có đủ chặt hay không đây?

Vẻ đẹp trai của anh ta lồ lộ trên chiếc ảnh bán thân khiến tôi chợt nhận ra rằng việc nàng bỏ đi Sàigòn chưa chắc là để lo chuyện làm ăn, biết đâu nó tương tự việc tôi rời nhà trọ hồi hai năm trước.

Tôi còn lâm vào cảnh "đã chót thì đành phải chết" ấy là tham gia cuộc viếng mộ Lô Húi theo lời mời của mấy bạn thân anh ta. Ngày nay gẫm lại, tôi thấy có lẽ đấy là việc làm có ý nghĩa hơn cả trong suốt cuộc đời vô vị của tôi.

Sắp đến nơi tôi mới biết là mình dính líu vào một trò mạo hiểm. Mộ anh ta đang còn bị hiến binh Nhật theo dõi. Đó là một nơi khá vắng vẻ, nằm cạnh trục giao thông Đà-nẵng – Hội-an, có địa danh là Hòa-cầm. Chúng tôi cải trang thành những nông dân địa phương đi làm rẫy về, nghĩa là phải đánh một vòng rộng đến tận chân núi Phước-tường để ra đến nơi vào lúc chạng vạng, như thế vừa hợp lý vừa dễ đối phó với bất trắc nếu có.

Bốn ngôi mộ – tổ công tác của Lô Húi trong lúc sống – chôn lấp sơ sài

nép bên khóm lau rậm. Chung quanh không có nhà cửa, gà chó gì. Đã thế, lại nhằm lúc hoàng hôn, âm khí phảng phất, nguy hiểm cận kề, còn là nơi mình đặt chân tới lần đầu, nghĩ đến những điều ấy, tôi cảm thấy có đôi chút tự hào.

Chúng tôi phải bố trí người quan sát ở hai đầu đường, số còn lại nấp sau bụi lau để lén lút thắp hương, lấm lét khấn vái qua loa rồi hấp tấp rời nơi nguy hiểm. Kể ra, phải hy sinh vào lứa tuổi đôi mươi như anh ta, lại trong giai đoạn hạnh phúc đang nồng, nghĩ cũng đáng tiếc, nhưng biết đâu những tấm bản đồ anh vẽ phục vụ cho phe Đồng Minh, chúng từng được anh coi là bản nhạc hay nhất, là người yêu say đắm nhất cũng nên.

Tuy tôi đã khá mỏi mệt do chuyến đi từ Sàigòn ra, cộng thêm cuộc đi viếng mộ căng thẳng, hồi hộp, người tôi gần như phát ốm, nhưng tôi vẫn quyết định quay gấp lại Sàigòn. May sao, chiều hôm ấy tôi tìm được chiếc ghe bầu cần thiết cho chuyến đi của mình. Tôi phải nài mua lại chỗ của người khác bằng giá đắt gấp ba.

Tối hôm ấy, thuyền nhổ neo. Ra khỏi cửa Đại, chiếc ghe như lầm lũi đi vào âm phủ. Chung quanh thuyền, bóng đêm đặc quánh tưởng chừng có thể cắt được bằng dao. Trong thuyền chỉ có một ngọn đèn bão liu hiu che bằng giấy bóng sẫm màu, rợn rợn như trên một con đò đưa xác. Té ra ấn tượng ấy chuyển thành hiện thực không mấy chốc. Qua hải phận Phan-thiết thì thuyền bị oanh tạc chìm nghỉm. Tai nạn xảy ra giữa đêm khuya tại một vùng biển khá vắng nên chỉ riêng mình tôi sống sót. Tôi bị thương nhưng không hiểu sao lại tấp vào bờ. Tôi bơi lội trong cơn ngất hay hồn thiêng Lô Húi đã đền ơn?

Hai tháng sau, tôi rời bệnh viện. Những gì tôi mang theo từ Quế-lâm đều cùng chung số phận với chiếc ghe bầu bất hạnh ấy, kể cả tấm ảnh của nàng. Nhưng nào có hề gì! Tôi sắp gặp chính nàng bằng xương bằng thịt kia mà!

Tôi trở thành kẻ trắng tay giữa một chốn xa lạ tột cùng. Tôi còn mang thêm cái tội không nói được tiếng Việt, cái ấy mới thật là gay. Tôi mà rơi vào tay bọn hiến binh Nhật thì cái lũ Kempetei ác ôn nổi danh đó sẽ đón tiếp tôi còn tệ hại hơn cái cách chúng dành cho anh chàng Lô Húi nọ cũng nên. Ngay đến bạn bè, người ta cũng khó tin vào cảnh ngộ, vào ý đồ trong sáng của tôi, huống chi kẻ thù?

May một điều là người Tàu chúng tôi đến xứ nào cũng dễ dàng tìm ra đồng hương. Ở Phan-thiết, tôi gặp được vợ chồng một ông chủ vựa mắm khá lớn. Vợ chồng ông ta cũng là dân Quế-lâm. Vợ chồng ông ta hết lời can tôi đừng tiếp tục cái trò ngông cuồng tuổi trẻ đó, nhưng những lời khuyên thì ăn nhằm vào đâu trước ngọn lửa bồng bột của lòng tôi hồi ấy? Cuối cùng, họ phải nhượng bộ kẻ lì lợm có thừa như tôi. Họ còn giúp tôi một món tiền khá lớn, và điều quý hóa nhất – có lẽ cũng tốn kém khá bộn – là họ xoay được cho tôi lá bùa hộ mệnh này đây.

Lão móc ví, ren rén, nhẹ nhàng lấy ra trao cho người đàn ông bên kia rào một mảnh giấy đã nhũn, ố vàng, nét mực chữ viết mờ mờ tỏ tỏ. Lão bảo:

– Chắc là khó đọc lắm nhỉ? Tuy chả cần gì đến nữa nhưng tôi vẫn giữ làm kỷ niệm một quãng đời sôi nổi của mình. Tôi đã thuê người tô lại nhiều lần lắm rồi đấy. Dễ chừng đã có đến ba thế hệ đặt bút lên miếng giấy cỏn con ấy chứ chả vừa đâu.

Người đàn ông khó nhọc lắm mới nhận ra từng chữ lờ lờ. Tuồng chữ xiên xiên, cao lêu nghêu của lối viết cách đây hơn nửa thế kỷ. Anh ta căng mắt theo từng chữ như trẻ mới tập đánh vần:

Hòa Đa ngày 20 tháng 5 năm Bảo Đại thứ 17

Tri huyện Hòa Đa thông tri cho dân chúng bản hạt này rằng:

Tên Khổng Tường Sinh này là ngư dân Trung-quốc. Thuyền của y bị bão giạt vào địa phận bản hạt. Y phải vào Chợ Lớn để tìm người thân và việc làm. Y không nói được tiếng An Nam. Vậy sức cho dân chúng bản hạt – nơi y đi qua – phải giúp đỡ y về lương thực cùng chỗ nghỉ ngơi.

Nay sức,

Tri huyện huyện Hòa Đa,

Tôn Thất T...

Người đàn ông trao lại lão miếng giấy. Lão loay hoay mãi mới gấp lại thật vừa ý. Nhìn mấy ngón tay run run, vuốt gấp thật gượng nhẹ, người ta mới vỡ lẽ vì sao mảnh giấy bé nhỏ nọ nâu nương trong chiếc ví tàng của lão được nhiều năm trời đến thế. Nhét ví vào túi thật cẩn thận, lão tiếp:

– Tuy có lá bùa hộ mệnh này, tôi vẫn chả dám đi theo đường cái quan như lúc từ Sàigòn ra Hội-an đâu. Tôi phải chọn toàn những lối đi vòng,

băng qua các xóm làng quạnh vắng để đỡ đụng đầu bọn Nhật. Cũng may mà bọn chúng ra đường bao giờ cũng quân phục chỉnh tề, vũ khí tua tủa, chó sủa nhặng đường cho nên tránh mặt bọn chúng chẳng phải là chuyện khó khăn chị lắm. Dù lá bùa nọ có xin cho tôi chỗ nghỉ ngơi, nhưng tôi chỉ nghỉ vạ vật những chỗ vắng vẻ và giữa ban ngày thôi. Thời loạn lạc, ai người ta vui vẻ chứa chấp mình, thành thử tôi cứ đi suốt. Ban ngày thì còn đỡ, chứ ban đêm thì tim cứ đập thình thịch từng hồi, ấy là những lúc hàng đàn chó lạ vừa sủa vừa rượt theo mình bén gót. Thế mà mình không được phép rảo bước, dễ gây nghi ngờ, hạch hỏi lôi thôi. Cứ lững thững mà đi, không biết lúc nào chó mới cắn mình. Lại còn hầu như không có đêm nào mà tôi không bị lạc vài lần vào ngõ cụt. Thật là lắm ngõ cụt trên đời! Cũng có vài lần gặp cướp nhưng tôi chả có gì để thiệt hại.

Tôi sút có đến non chục cân vì không hề được ngủ cho đẫy giấc, lại ăn uống thất thường. Có những ngày tôi chỉ nhá toàn khoai lang sống, của người ta cho cũng có mà của tôi xoáy bên đường cũng có. Tôi chỉ muốn mọc cánh để bay thẳng đến Sàigòn, đâu có thì giờ để nấu nướng nhiêu khê.

So với ở Hội-an, việc tìm địa chỉ ở Sàigòn vất vả hơn nhiều. Mất đứt hai ngày mới biết rằng nàng đã đi Nha-trang vào đúng cái ngày tôi rời nhà thương Phan- thiết. Thế là đáng lẽ tôi đi về hướng Bắc để tìm nàng thì tôi lại đâm đầu đi về hướng Nam với chừng ấy công phu!

Người đàn ông chêm một câu, ý chừng cho đỡ tẻ:

– Chà, gian nan nhỉ? Nị mang cái nghiệp của con dã tràng cũng nên...

Giọng lão ngán ngẩm:

– Xét tình trạng "lao nhi vô công" thì đúng là dã tràng đấy, nhưng dã tràng đâu biết sự ray rứt của thất tình?

Người đàn ông khoái trá lặp lại ý của Huệ Thi:

– Nị không phải là dã tràng, sao nị biết là nó không biết?

Chừng như nắm được trò "tập cố" đó của người đàn ông, lão cười khà khà, nói tiếp:

– Tất nhiên là tôi tìm đường ra Nha-trang để phát hiện một điều làm tôi suýt bật ngửa: tôi là người Quảng-tây đầu tiên đến đấy lúc bấy giờ. Đa số người Trung-quốc ở nơi ấy đều gốc Hải-nam và Quảng-đông. Tình hình ấy làm sức khỏe tôi suy sụp nhanh chóng.

Một buổi chiều, tôi đang lang thang nghĩ không ra cách gì để đi tiếp, lại cũng chưa biết đi đâu. Đã thế, mấy đồng bạc cuối cùng của vợ chồng ông chủ vựa mắm ở Phan-thiết, tôi đã tiêu xong từ buổi sáng. Ngang qua một tiệm sách nhỏ, tôi lóng cóng thế nào lại va phải một ông già, tung tóe cả chồng sách ông đang cắp nách. Tôi nhặt lên và ấp úng mấy lời xin lỗi. Ông ta bỗng dưng rạng rỡ:

– Ồ...! Chẳng có gì. Cám ơn anh bạn trẻ. Mời anh bạn theo chân tôi tí đã.

Tôi tuân lệnh như cái máy. Với tôi bấy giờ, Phật hay ma, thiên đàng hay địa ngục đều vô nghĩa như nhau. Tôi đói quá. Tôi đi theo ông với thứ hy vọng thật thấp hèn nhưng đáng thông cảm.

Đặt chân vào một quán nhỏ, ông kéo ghế mời tôi ngồi, dõng dạc gọi:

– Ông chủ ơi, cho hai cái "xây chừng" và một tô mì ba vắt nhé! Chất lượng nghe.

Có tiếng sau quầy vọng ra:

– Đặc biệt lớ?

– Vâng, đặc biệt. Tôi đãi khách bên nhà mới sang mà.

Tôi tròn mắt nhìn ông, ông xua tay:

– Chẳng cần phải ngạc nhiên. Nhìn anh, tôi đoán ra ngay. Chất giọng chưa hề pha tạp. Nhưng hãy ăn đi đã. Sức khỏe ở đây đấy. Mọi chuyện khác, ta còn khối thì giờ.

Tôi "đánh" hai tô mì liên tiếp. Ông ta chỉ nhâm nhi cà-phê. Trong lúc tôi ăn như rồng cuốn, ông ta tự giới thiệu:

– Tôi rời quê ta từ ba chục năm nay. Tôi theo nghề viết báo. Ấy là thời còn ở trong Chợ Lớn kia. Anh chắc có nghe cái tên Chợ Lớn chứ? Một Trung-quốc thu nhỏ đặt gọn vào xứ này đấy!

Tôi đáp giữa hai đũa mì bự:

– Thưa ông, tôi vừa từ Chợ Lớn ra đây ạ.

Ông giật mình sửng sốt:

– Anh nói sao? Chà cái đôi tai phế phẩm của tuổi già...

Không để cho ông ta tiếp tục hiểu nhầm, tôi lật đật thanh minh:

– Thưa ông, tôi từ Chợ Lớn ra đây thật, nhưng tôi đến đây chưa quá một ngày.

Ông ta gần như reo lên:

– Ô...! Có thế chứ!

Rồi ông ta giục tôi:

– Thêm một tô nữa đi! Nhờ trời, tôi chưa nghèo đâu. Xong ta về nhà. Cạnh đây thôi.

Tôi đứng lên, giành ôm hộ ông chồng sách. Chúng tôi đi vào một con hẻm tương đối sạch và rộng.

Tối hôm ấy, trời đầy trăng. Chúng tôi ngồi bên ấm trà trước hiên thượng, thoang thoảng mùi hoa dạ hợp. Bao nhiêu chuyện lòng của mình, tôi dốc ra bằng hết. Không phải là mấy tô mì của ông ta tạo cho tôi niềm phấn khích đó, mà thật ra, như Aristoteles đã nói, "Con người là con vật xã hội" đấy thôi, nghĩa là lòng tôi đang bị thôi thúc bởi thứ nhu cầu bầy đàn, vui hay buồn chẳng thể để một mình trong lòng mà chịu được. Nghe xong, ông ta bảo tôi:

– Được nghe anh kể chuyện, tôi mang ơn anh nhiều. Có lúc tôi nhắm mắt lại để thấy như mình còn ở nhà, chưa hề phiêu bạc. Cái giọng nguyên chất của anh nghe thật thú vị, thật là an ủi. Rồi ra sẽ có lúc anh cảm thông điều đó. Đồng bào ta ở đây, giọng nói đã biến chất đi nhiều. Có lẽ việc sử dụng hai thứ tiếng trong sinh hoạt hằng ngày góp phần tạo nên tình trạng đó. Còn về câu chuyện anh kể, chất lượng không tồi đâu. Tiếc là nó chưa có chương kết. Anh tạm an dưỡng ở đây, lúc nào thật khỏe hãy lo cái phần kết ấy. Hãy coi đây như nhà anh, và chúc mừng anh đạt được một đoạn kết như ý muốn.

Thật tình thì tôi cũng đã đuối, không còn sức để tiếp tục cuộc tìm kiếm mơ hồ của mình. Người mà tôi thiết tha tìm, quả là không có mặt ở đấy. Muốn tiếp tục theo vết chân nàng, tôi phải kiếm lại chút ít sức khỏe đã.

Ông ta cắt cho tôi mấy thang thuốc bổ. Tôi hồi sức khá mau chóng. Nằm một mình, chuyện lòng lại dằn vặt tôi quá đỗi. Ông đưa sách cho tôi xem để khuây khỏa. Cơ khổ! Mắt tôi nhìn sách nhưng tâm trí tôi cứ vơ vẩn tận đâu đâu. Tôi ghen với ba cặp uyên ương trong truyện, mãi đến một hôm tôi đọc một truyện ngắn thật tàn ác...

Người đàn ông đưa mời lão một điếu thuốc khác. Đến lúc này lão mới chợt thấy ấy náy về chuyện quấy quả thì giờ người bạn mới quen. Lão vội vã hỏi:

– Chết thật! Tôi làm mất của tiên sinh nhiều thì giờ quá. Tiên sinh đang bận gì thế?

Người đàn ông từ tốn:

– Nị chớ bận lòng. Tôi còn có cả kho thì giờ. Dân "cải tạo" mới về đây mà! Chỉ bận chút ít chuyện bếp núc thôi. Thú thật, chuyện nị kể hấp dẫn chả kém các danh phẩm đâu. Hay là mời nị vào nhà nghỉ một lúc cho dã nắng đã?

Lão gạt phắt:

– Chả nên đâu, tiên sinh ạ. Đứng với nhau thế này, ta nói chuyện suốt ngày đi nữa, ai chợt thấy cũng chỉ tưởng là mới nói chuyện sơ sơ. Còn vào nhà thì ngược lại, dù trao đổi đôi câu tầm phào, kẻ ác ý nhìn thấy, dám tâng công là ta bàn bạc cả ngày những chuyện âm mưu ghê gớm cũng nên. Người kiều cư chúng tôi lúc này có lắm cái phải dè dặt, mà người vừa đi cải tạo về như tiên sinh càng phải dè dặt hơn nhiều, phải thế không? Dang nắng một lát thì nào đã nguy hại gì! À, mà tôi kể đến đâu rồi nhỉ?

– Đến chỗ nị đọc phải cái chuyện tàn ác... Người đàn ông nhắc lão.

Lão tần ngần một lát, chắp lại cơn hứng:

– À à... Cái chuyện ấy như một nhát búa bổ thẳng vào tim tôi, tiên sinh ạ. Thật là một cú choáng.

Người đàn ông cười:

– Làm gì có thứ chuyện đáng sợ đến thế? Của ai?

– Lâu ngày quá, tôi chẳng còn nhớ tên tác giả lẫn người dịch. Truyện kể một đôi lứa ở hải đảo nọ, yêu nhau tưởng chừng ghê gớm lắm nhưng rồi bị chia ly, nàng khắc khoải mong tin chàng, nhưng khi gặp lại, họ dửng dưng chẳng hề nhận ra nhau ấy mà!

Người đàn ông reo khẽ:

– A... Truyện ấy có lẽ tôi cũng đã đọc. Chắc là truyện *Chàng Đỏ* của Somerset Maugham, một nhà văn Anh phải không? Có phải nội dung chuyện ấy như thế này:

Ở một đảo vắng kia, có hai kẻ trẻ tuổi yêu nhau tha thiết, sống chung

thật tuyệt vời. Một hôm chàng trai đi bán quà trên tàu thì bị cưỡng ép làm thủy thủ. Nàng đau đớn đợi chờ nhiều năm nhưng Chàng Đỏ ấy vẫn biệt tăm. Rồi một người đàn ông khác đến đảo, yêu nàng và thành vợ chồng nhưng tâm hồn nàng vẫn dành cho Chàng Đỏ.

Một ngày nọ, người đàn bà đi vắng. Một chiếc tàu lạ cặp bến, có người đàn ông tóc hoe, tìm đến nhà họ một cách thành thạo. Hai người đàn ông làm quen rồi hiểu rõ vai trò nhau. Người đàn bà về, chào khách nhưng lại không nhận ra người mà nàng đợi chờ bao năm. Người đàn ông kia thì nhận ra người cũ nhưng tình xưa đã chết tự bao giờ. Anh ta từ giã, trở về cuộc sống của mình không chút vấn vương.

Sự tình đó đã đánh thức người đàn ông đến sau trên chuyến đò tình. Té ra, cái gọi là tình yêu của anh Chàng Đỏ mộc mạc, của cô thổ dân hồn nhiên lẫn của người trí thức như ông ta, chỉ là cái trò... tự kỷ ám thị thê thiết. Ông ta kiếm cớ ra đi không hẹn ngày tái ngộ trước sự dửng dưng của người đàn bà nọ...

Người đàn ông ngừng kể, hỏi lão:

– Chắc nị định nhắc chuyện ấy đấy chứ gì?

Lão bánh bò đang đắm mình trong cơn thẫn thờ chợt bừng tỉnh, gật đầu lia lịa:

– À... vâng, vâng. Quả là chuyện ấy đấy, tiên sinh ạ. Ngày ấy, chuyện cứ như một cây đinh lớn đóng thẳng vào đầu tôi, không sao nhổ ra được, cứ động lay thử đã đau buốt cả người... Tôi thử soi gương, và Trời Phật ơi! Ngay tôi cũng không nhận ra cái kẻ tàn tạ trong gương ấy nữa... Tôi run rẩy cả người! Thế thì nàng ta trông đã ra sao rồi nhỉ? Than ôi! Thời gian nào có tha ai? Giai nhân, danh tướng rồi cũng bạc đầu...

Mấy câu cảm khái ấy của lão làm đôi bên trầm ngâm một lúc lâu. Lão chợt mơ màng nói tiếp:

– Tôi không hiểu nhà văn ấy tàn nhẫn như thế để mà làm gì? Thời trẻ, tôi có đọc một truyện mà mãi bây giờ cũng còn thấy thích. Một truyện truyền kỳ Phần-lan.

Người đàn ông thắc mắc:

– Văn chương Phần-lan mà cũng có truyện truyền kỳ ư?

Lão cười hề hề:

– Có hay không có, cũng là chuyện "nội bộ" của họ. Đây là tôi xếp loại theo quan điểm của mình. Truyện như sau:

Một miền nọ ở Phần-lan, có chàng trai yêu cô gái bên kia vịnh. Họ lập một nề nếp định kỳ khá lãng mạn: đến ngày hẹn, chàng bơi qua vịnh để gặp nàng chờ đón ở đấy. Một lần nọ, biển động, thế là cả hai người đúng hẹn đã không gặp nhau. Nàng liền đi tìm chàng ở thế giới bên kia. Khi biển lặng, dân quanh vịnh vớt được hai thi thể không còn nguyên vẹn. Chính quyền bèn đúc một đợt tiền mang hình nổi của đôi uyên ương, tay trong tay, kẻ trên bờ, người dưới nước. Quả thật, yêu như họ xứng đáng đi vào cõi bất tử và cái cách chính quyền ngày ngày nhắc dân chúng nhớ họ như thế là tuyệt vời nhất. Viết chuyện họ là tô đẹp cho cuộc đời biết bao nhiêu! Cuộc đời này vốn sẵn bao nhiêu chuyện đáng buồn rồi, Somerset Maugham còn viết như thế làm gì? Thật là hết chỗ nói!

Người đàn ông cười:

– Sao nị cho là hết chỗ nói được nhỉ? Sự đời còn có thể tàn nhẫn hơn thế nữa chứ! Giả dụ nhà văn ấy cứ để cho hai người nhận ra nhau, rồi thì oán trách, cãi cọ, thậm chí còn cầu cứu pháp luật, dư luận can thiệp thô bạo cho ngã ngũ để hai người chịu đựng lẫn nhau chuỗi ngày nặng nề, dửng dưng, thế mới là tàn nhẫn trọn vẹn chứ!

Lão la hoảng:

– Ô hô...! Tiên sinh lại có kiểu nghĩ ác đến thế kia được ư? May mà tiên sinh không cầm bút để "đầu độc" tình đời theo kiểu ấy! Còn cái ông nhà văn kia rõ là đã vò nát những quả tim trung hậu của cuộc đời này. Viết như thế chả ích gì cho cõi nhân thế phù sinh này cả.

Người đàn ông cãi:

– Tôi thì nghĩ trái lại. Nị đừng quên rằng Somerset Maugham là bác sĩ đấy nhé! Nếu cứ đeo đuổi cái nghề ống nghe ống chích, bất quá ông ta cũng chỉ chữa các thứ bệnh thông thường như bao đồng nghiệp khác, còn quay ra cầm bút, viết như thế ông ta đã chữa nổi cả bệnh thất tình, thứ bệnh từng giết những người mạnh khỏe nhất, giết cả sự nghiệp lớn lao nhất, những tương lai hứa hẹn... Cái truyện kia có lẽ đã cứu được lắm anh hùng, có khi cứu cả nị nữa cũng nên. Kể ra, chương cuối cuốn truyện tình của nị khá bi đát đấy chứ nhỉ?

Lão thở dài:

– Dấy chưa phải là chương cuối đâu, tiên sinh ạ. Sự thực còn rắc rối hơn kia. Người Trung-quốc chúng tôi nhìn bên ngoài có vẻ xuề xòa nhưng bên trong éo le phức tạp lắm kia. Một vấn đề thường phải giải quyết nhiều lần, nhiều cách cũng vẫn chưa chịu cho là thỏa đáng. Tiên sinh thấy đấy: đã có kinh Xuân Thu của Khổng Phu tử nước Lỗ thì cũng có kinh Xuân Thu của Lã Bất Vi nước Tần, rồi hàng loạt kinh Xuân Thu của Công Dương Cao, Cốc Lương Xích, Tả Khâu Minh, Tống Tôn Phục, Hồ An Quốc, Triệu Dục, Ngụy Thôi Hồng... Có Tây Sương Ký của Vương Thực Phủ thì phải có Tục Tây Sương Ký của Tra Kế Tá, Nam Tây Sương của Lục Thể, Cánh Tây Sương của Chu Thản Luân, Phiên Tây Sương của Nghiên Tuyết Tử, Huyền Sách Tây Sương của Dổng Giải Nguyên... Thế đấy! Chúng tôi thường khó thể giải quyết dứt điểm một vấn đề.

Bất giác lão hạ giọng như nói riêng với mình:

– Tôi có gặp lại nàng. Tiên sinh à.

Người đàn ông nhướng mắt:

– Cơ khổ! Nị nhờn thuốc của Somerset Maugham đấy ư?

Giọng lão buồn buồn:

– Kể ra thì bài toán giải đã xong, nhưng có lẽ tôi muốn rà lại cái đáp số. Ái tình thì rắc rối. Con người thì phức tạp. Hình như cái công lặn lội gian nan tự nó sinh ra một sức mạnh riêng lái con người tôi, bất chấp cả Somerset Maugham chăng. Và ước mơ cũng có sức hút riêng của nó, nếu không, e cuộc đời đơn điệu quá chăng?

Người đàn ông tán đồng:

– Cái đức ngoan cường của nị cũng đáng nể đấy. Đến truyện ấy mà còn không tác động nổi nị, cái gì dẫn dắt "chuyến đi cho ra lẽ" của nị lần cuối cùng?

Lão cười buồn:

– Các nhà tâm lý học luận rằng trong tình yêu, chỉ giai đoạn đầu là người ta chịu chi phối bởi đối tượng, còn về sau thì bị chi phối bởi Tình Yêu. Nhận định ấy khá chính xác, ít ra thì cũng đúng cho trường hợp tôi. Lần đi cuối cùng của tôi rõ là bị thôi thúc bởi những lần đi trước đây.

Ở Nha-trang, sau bao lần soi gương ngắm mình mãi, tôi cam phận vào

làm công cho một tiệm bánh. Làm ở đây nhiều ngày tôi mới được biết là có một số đông hương gốc Quảng-tây đang sống tại Tuy-hòa. Thì ra Tuy-hòa bấy giờ là địa danh chưa đủ tên tuổi nên ở Sàigòn người ta gộp luôn nó vào Nha-trang. Năm ấy, tôi đến Tuy Hòa vào những ngày giáp Tết. Đó là giai đoạn thu nhập khá nhất của nghề chúng tôi, thế nhưng tôi không thể nấn ná được.

Tuy-hòa bấy giờ mới chỉ có hai dãy phố nhỏ lèo tèo, hầu hết là những kiến trúc của nhà nước. Đi giữa phố, chỉ cần nhìn thấu qua một cánh cửa của ngôi nhà nào đó tất thấy ngay đồng ruộng, trâu bò. Tiệm bánh của nàng khá đông khách vào ra. Tôi vờ chọn bánh để lại gần nàng hơn. Phải mất mấy phút cố gắng tôi mới nhận ra được vài nét cũ mơ hồ, còn sót lại trên gương mặt nàng. Nếu tình cờ gặp nàng ngoài phố, dù nàng có xưng tên, chắc tôi cũng nhầm là kẻ trùng tên nào khác. Trước mặt tôi bấy giờ là một người đàn bà đã trổ dáng sồ sề, vừa uể oải gói hàng, trao hàng cho khách, vừa cất giọng khàn khàn xướng tên hàng cùng số lượng. Phía trong, ngồi sau chiếc bàn cũ kỹ là một người đàn ông gầy gò, già nua, vừa lặp lại lời nàng xướng, vừa gõ bàn toán lách cách, báo kết quả cho nàng nhận tiền. Chợt ông ta nhắc lại không đúng một con số người vợ vừa xướng, nàng gặng lại rồi mắng té tát. Tôi đoán rằng có lẽ ông ta có hơi phân tâm khi nhận thấy vẻ lân la của một kẻ rất đáng ngờ vực như tôi.

Tôi chọn mua vài loại bánh cho có chuyện. Nàng hơi ngớ một chút khi tôi dùng tiếng Tàu nhưng rồi nhanh chóng bỏ qua. Khi nàng gói hàng, tôi hỏi:

– Xin lỗi, bà có phải là Lệ Quyên ở tiệm Hưng Phát bên Quế-lâm xưa kia không?

Nàng giật mình nhưng không đáp ngay, hỏi lại:

– Ồ, sao ông biết? Ông là ai?

Chao ôi! Quả là nàng không nhận ra tôi! Tôi lại hỏi tiếp:

– Ai ngồi tính tiền đấy?

– Chồng tôi.

Tôi vờ nhầm lẫn, vỗ nhẹ trán mình:

– Trời đất! Lô Húi mà tôi không nhận ra kìa!

Nàng đính chính:

– Không phải Lô Húi đâu. Xái Kìn đó. Lô Húi chết lâu rồi mà!

Chắc là tôi đã tái mặt khi nhận ra một chi tiết quan trọng: nhắc tên Lô Húi hai lần, thế mà âm sắc nàng vẫn không mảy may chuyển giọng! Nàng lại hỏi:

– Ông là ai mà biết rõ chuyện của tôi đến thế hả?

Tôi buồn bã đáp:

– Có hồi tôi là thợ ở tiệm bên nhà...

Nàng reo lên, ý chừng phấn khởi về trí nhớ của mình:

– Ô...! Đúng rồi! Anh là A Xến chứ gì! Phải không?

Không đợi tôi đáp, nàng quay sang phía chồng, nói luôn một hơi:

– Mình à! A Xến xưa kia là thợ chính bên nhà đấy. Giờ thì sang đây, ngộ nghĩnh chưa?

Trời đất ạ! Thì ra mấy năm nay tôi chỉ làm cái việc ngộ nghĩnh thôi đấy! Người chồng xem chừng chưa nguôi cơn bực bội lúc nãy, nhưng cố dịu giọng bảo:

– Thế à? Sang đây lâu chưa? Ở đâu? Làm gì? Ở lại ăn cơm nhé?

Tôi chẳng muốn trả lời câu nào, chỉ lật đật thoái thác:

– Xin tiên sinh dành cho dịp khác. Tôi vừa từ Phan-thiết ra, cùng đi với mấy người bạn. Họ đang chờ tôi ngoài chợ để cùng về.

Nàng vồn vã một cách miễn cưỡng:

– Vội về ăn Tết chớ gì! Lần sau có ra, ở lại chơi vài hôm nhé!

Tôi quay về Nha-trang, ngao ngán đầy lòng. Mấy tháng sau, tôi lấy vợ, vợ tôi không biết tiếng Tàu nào.

Người đàn ông ngạc nhiên:

– Sao lại thế được? Chỉ nói chuyện bằng tay mà vẫn tiến tới hôn nhân được?

Lão cười:

– Hôn nhân à? Làm gì mà to chuyện đến thế? Nguyên cách tiệm tôi làm một quãng, có một hàng quà vặt. Chủ là một người đàn bà góa chồng, không con cái gì. Mụ thường đến tiệm mua hàng, đổi tiền lẻ... lâu ngày thành quen. Một đêm nọ, tôi về ngang quán mụ thì trời đổ mưa thình lình. Tôi tạt vào trú, thế là thành vợ chồng.

Thấy người đàn ông mỉm cười, lão tự bình phẩm:

– Nhảm quá tiên sinh nhỉ?

Người đàn ông tránh câu trả lời:

– Hạnh phúc chứ?

Lão trầm ngâm:

– Biết trả lời sao đây? Nếu quan niệm đơn giản rằng sống chung dưới mái nhà cùng một người khác phái đủ coi là hạnh phúc thì tôi cũng hạnh phúc như ai. Còn cho rằng yêu nhau, tôn trọng nhau, hài lòng về nhau mới là hạnh phúc thì tôi bất hạnh tột cùng. Có lẽ người chồng trước của mụ qua đời vì nỗi bất hạnh ấy cũng nên.

Cứ mỗi kỳ lương ngày ấy cũng như mỗi chuyến đi bán về ngày nay là tôi gần như thất thần vì mụ ta. Mụ lục soát bằng tay, bằng mắt, đủ cả. Người đời gọi người chồng thô bạo là vũ phu, sao không đặt thêm một tiếng nào để gọi người vợ như mụ nhỉ? Có ngày nào mà mụ chẳng chửi bới, xô xát với tôi? Lại còn chửi bằng tiếng Tàu nữa kia chứ! Thật là tức cười!

Người đàn ông cãi:

– Nị vừa mới bảo là bà ta không biết tiếng Tàu nào kia mà!

– Thì vẫn là không biết! Thế mới bực! Giá mụ ta chửi tôi bằng tiếng Tàu, chửi cho đàng hoàng, không chừng tôi còn mang ơn mụ nữa là khác! Đằng này chẳng biết cái đứa chết tiệt nào truyền cho mụ vỏn vẹn hai câu ngu ngốc, không ra đanh đá, chả ra tục tĩu, lại còn sai giọng một cách thảm hại nữa. Có lần tôi chỉnh lại giọng cho mụ, mụ tưởng tôi chửi lại nên làm già. Chắc tiên sinh cũng nghe chuyện mụ Mã Thiên Kim, vợ Khương Tử Nha trong truyền thuyết xứ tôi đấy chứ? Mụ vợ tôi dư sức trên tài...

Người đàn ông cố an ủi con người tội nghiệp này:

– Dù là thế cũng đâu đến nỗi nào? Đàn ông thiếu gì người còn hơn thế? Thậm chí có kẻ còn cầm thế cả vợ để đánh bạc như anh chàng Trọng Quỳ trong Kim Cổ kỳ quan, hay như Lương Hữu Tài trong Liêu Trai chí dị đấy đã sao?

Lão gân cổ lên:

– Cái chuyện cầm vợ để đánh bạc, tôi cho rằng chẳng qua là hư cấu. Tuy nhiên, đã say mê một thứ thú vui tốn kém nào, tình huống xấu nhất vẫn có thể xảy ra, kể cả việc sát nhân hay các việc đại ác khác. Còn sự lăng

loàn của mụ vợ tôi thì ngay Xanthippe của Socrates, Phan Kim Liên trong Kim Bình Mai cũng thua xa.

Người đàn ông bảo:

– Dù thế nào đi nữa thì nị cũng vẫn chưa phải là bất hạnh tuyệt đối đâu. Này nhé, nếu nị hiểu hết những câu của bà ta chửi bằng tiếng Việt hằng ngày thì mới ra sao nhỉ?

Lão gật gù:

– Chao ôi! Nếu tôi hiểu cả những câu chửi bằng tiếng Việt thì thật quả là chả còn ra làm sao!

Người đàn ông tiếp:

– Cũng nên thử xét thêm điều này nữa: nếu nị gặp lại nàng Lệ Quyên và nàng đáp ứng tâm tình tha thiết của nị để rồi có ngày chính nị đóng vai người đàn ông sống với nàng ta ở Tuy-hòa, trong trường hợp ấy, liệu nị có tìm được hạnh phúc không?

Lão thở dài:

– Đến nông nỗi ấy, có lẽ tôi đến phải tự tử mất, tiên sinh ạ! Chao ôi! Cái cuộc đời!

Chợt "phựt" một tiếng, cái hộc bánh trượt khỏi chỗ tì và bứt luôn quai mang. Người đàn ông nhanh tay đỡ kịp. Tay anh ta sướt một vệt rướm máu nhưng vẫn giữ cho lão loay hoay nối lại sợi dây vải bạt. Vừa làm việc, lão vừa nói tiếp câu chuyện:

– Hôm nay tôi kể như rủi mà lại hóa may. Bán tuy ế nhưng được một buổi tâm sự thả cửa. Hồi còn trẻ, đọc một truyện của nhà văn Pháp – Mérimé – tôi thấy ông ta cho nhân vật của mình nói rằng ngôn ngữ xứ anh ta, xứ Basque, hay đến nỗi khi sống ở đất khách, nghe có người nói thứ tiếng ấy của xứ mình, anh ta cảm động đến run lên. Bấy giờ, tôi cho là Mérimé cường điệu quá lố, thế nhưng trong mấy năm qua, từ khi đồng bào tôi rời bỏ xứ này ngày càng nhiều – hợp pháp và bất hợp pháp – thì tôi mới thật sự thấm thía điều nhận xét của nhà văn nọ, nhất là lời tâm sự của ông nhà báo già, hồi tôi mới đặt chân đến Nha-trang này.

Lúc nãy, nghe câu tiên sinh hỏi, tôi chợt cảm thấy muốn rướm nước mắt. "Lão nhân khấp vô lệ" đấy mà. Tục ngữ xứ tôi có câu "Phùng nhân khả thuyết tam phân thoại, Vị khả toàn phao nhất phiến tâm", thế nhưng

với tiên sinh, tôi không thể chẳng "toàn phao" được, tuy lòng vẫn nghĩ rằng như thế là bất nhã, là lợi dụng tấc lòng ân cần, lịch thiệp của tiên sinh. Nhưng biết làm sao được! Hai năm nay, tôi thèm nói chuyện bằng tiếng mẹ đẻ biết bao nhiêu! Chỉ có thể nghiệm mới cảm thông được hết nỗi bất hạnh ấy thôi. Tôi giống như kẻ lặn sâu dưới nước, khi ngoi lên cần phải thở thật sâu, thật nhiều cho lại sức đấy thôi. Thế nên chuyện tôi kể tự nãy giờ bất quá chỉ là thở kiểu ấy. Dù tiên sinh có rộng lượng cho là nó hay ho, có giá trị gì gì đi nữa thì thực chất nó cũng không có cái giá trị đó. Tôi cho rằng các chuyện tình ngày nay chỉ có giá trị khi nó gắn liền với một nhân vật có giá trị ở một lãnh vực nào đó mà thôi, chứ còn loại ái tình thuần túy thì đã cáo chung từ khá lâu rồi. Nhân loại đã "xin đủ" với Roméo – Juliette, với Paul – Virginie, với Tristan – Yseult, v.v... và v.v... Cho nên tôi kể chuyện chẳng vì cái giá trị bản nhiên của truyện – nó làm gì có được? – mà chỉ là để xử lý cái cơn nín thở quá lâu ấy đấy thôi. Suốt hai năm nay, tôi có nói tiếng mẹ đẻ thì cũng để mình nghe một mình – cô vọng ngôn chi, cô thính chi – mà! Chao ôi! Đâu phải là chẳng có phiền hà! Ở nhà, mỗi lần tôi thử cất đôi lời là mụ vợ bắt đầu lầm bầm. Chắc là tôi kể xấu mụ ta điều gì đây, rồi mấy câu chửi bằng tiếng Tàu quý hóa của mụ có dịp tung ra...

Người đàn ông bảo:

– Nị đi bán bánh suốt ngày thế này, thiếu gì dịp để "cô vọng ngôn chi, cô thính chi"?

Lão nhăn mặt, rướn cái giọng lê thê:

– Tr... ời ... ơ... dất... ơ... ơi...! Tiên sinh tưởng là tôi chưa lâm cái thứ nạn ấy hay sao? Đầu tiên, tôi thử kể chuyện cổ tích cho lũ trẻ nghe, chủ yếu là tôi kể cho mình nghe, thính giả chỉ là thứ bày tạm như mõ đá của quý vị Tì kheo nọ trong núi Hổ-khâu thế thôi. Nhưng theo điển cố "ngoan thạch điểm đầu", khi thuyết pháp xong, Tì kheo như thói quen, hỏi "Hiểu không?" thì đá nọ răm rắp gật đầu! Chao ôi! Gầm mà thấy thèm! Tự kỷ ám thị đến thế thì quả là một thứ uy lực thâm hậu, một thứ hạnh phúc. Còn tôi, tuy kể với con người nhưng nào có mong gì chúng hiểu nghĩa là tôi cố sức diễn cảm, nháy mắt với đứa này, xoa đầu, vuốt tóc đứa khác, vỗ vai, nâng cằm, bẹo tai... cố lôi chúng tham gia vào chuyện tôi kể, nhưng quái lạ, những lúc chúng đeo theo nhại giọng, nghịch phá, ném đá vào tôi, tôi trừng mắt đe dọa, giậm chân quát nạt, đáng lẽ chúng thất sắc mới phải, thì

trái lại chúng ré lên cười thích thú. Còn khi tôi ôn tồn, thân thiện như thế thì chúng lại giương mắt tội nghiệp, sợ sệt đến thất thần. Tôi bẹo má, day tai vài đứa cho chúng dạn dĩ lên thì chúng lại rùng mình, chuồi thoát tay tôi, đùn cục lại với nhau, lấm lét xì xào rồi ù té chạy như bị ma đuổi. Có đứa còn bổ chửng, khóc thét lên. Bố mẹ chúng, thậm chí có khi chỉ là người lớn bên đường chạy đến đỡ dậy, ném tới tôi những cái nhìn đầy ác cảm, lẩm bẩm những gì như là nguyền rủa. Có lẽ họ coi tôi là thứ phù thủy, dẫn dụ trẻ con để moi gan, lấy mật luyện ma dược không chừng!

Người đàn ông tặc lưỡi:

– Gay go đến thế lận ư? Quả là khó ngờ thật!

Lão chuyển sang giọng mơn trớn, gạ gẫm:

– Tiên sinh à? Hay là tiên sinh xuất vốn làm một mùa bánh Trung Thu đi. Tôi xin tích cực đảm nhiệm mặt kỹ thuật, công xá hoàn toàn không thành vấn đề. Được trò chuyện hằng ngày cùng tiên sinh là đủ.

Người đàn ông giẫy nẩy:

– Việc sản xuất bây giờ không đơn giản đâu nị ạ. Nguyên vật liệu khi có ít, khi không có, giá cả bấp bênh tùy tiện, đóng góp thì vô thiên lủng: đóng góp có biên lai cho công quỹ, đóng góp không biên lai cho "tư quỹ", đóng góp phi danh nghĩa càng tệ hơn, tốn hơn: tốn rượu, tốn thức nhắm, tốn công niềm nở giả tạo, tốn công dọn trước, dẹp sau... kiếm mười đồng, chưa chắc mình tiêu nổi một đồng. Đã thế, trong giao dịch chẳng có lấy một chút hơi hướng tình nghĩa, toàn là chèn ép, bắt chẹt, lợi dụng, lạm dụng, trâng tráo trở mặt hằng ngày, nghĩ thật chả ham chút nào... Nếu nị chỉ có thích chuyện trò với nhau thì cứ lâu lâu đàm đạo một lần thế này cũng đủ. Lâu lâu, không có nghĩa là thường xuyên đấy nhé!

Lão bánh bò gật đầu uể oải:

– Vâng. Tôi hiểu. Cám ơn tiên sinh vô ngần. Tạm biệt tiên sinh nhé!

– Vâng. Hẹn dịp khác. Người đàn ông đáp có chút ái ngại.

Lão xốc lại hộc bánh, thui thủi đi, không rao nữa. Trông lão có vẻ thật lạ. Người đàn ông nhìn theo mãi cho đến khi cái dáng thất thểu của lão khuất bóng.

*

Lão về đến căn lều trong hẻm thì nắng chiều cũng vừa tắt. Người đàn bà lão nhắc đến trong phần cuối câu chuyện đang đứng chờ trước cửa.

Cuộc chuyện trò vừa qua như còn đọng lại vị ngọt ngào trong cổ họng lão. Lão nhoẻn miệng cười, chậm chạp gỡ chiếc hộc bánh ra khỏi vai. Cái dây mới bị nối lại thành ra ngắn đi, bánh lại còn nhiều nên lão phải cúi đầu, khổ sở kéo sợi dây ra khỏi cổ nhưng cái nút nối thắt vẫn lì lợm níu vành tai lão đỏ nhừ.

Mụ vợ không nói không rằng, tiến thẳng đến chộp hộc bánh giật mạnh bằng thứ sức khỏe lạ lùng. Sợi dây vải bục ra. Cảm thấy nguy hiểm, lão bước lùi thật nhanh nhưng một trận mưa bánh bò cũng kịp thời xối lên đầu, lên cổ, lên ngực lão. Tiếp theo là cái hộc gỗ bay xẹt qua ngang tai lão, kèm theo một tràng chửi the thé bằng tiếng Tàu, nực nồng mùi rượu.

Lão quay lưng rảo bước, vừa đi vừa ngoái lại, cười sằng sặc như một kẻ hóa rồ. □

Toàn bộ sách THẾ UYÊN ở hải ngoại:

1- Những hạt cát, truyện ngắn giá $4.00
2- Đoạn đường chiến binh, đoản văn $5.00
3- Tiền đồn, truyện dài $7.50
4- Về miền đất hứa, dịch Exodus, 2 tập $24.00
5- Ngoài đêm, truyện ngắn, ấn bản tại Hoa Kỳ $7.00
6- Sàigòn sau 12 năm, truyện ngắn, đoản văn $10.00
7- Con đường qua mùa đông, truyện ngắn, đoản văn $11.00
Đặt mua tại:
Xuân thu, P.O. Box 97
Los Alamitos, CA 90702, USA
(Bưu phí nội địa Mỹ và Canada do nhà xuất bản chịu)

DU TỬ LÊ

TRÙNG TU

*

hiu quạnh trùng tu từng cuộc đời
người trùng tu mãi giấc mơ khuya
mây trùng tu những cơn mưa muộn
tôi đợi trùng tu một cửa về.

KHÍ HẬU

*

trái tim có lúc còn không thật
nói gì khí hậu một con sông
chỉ riêng kỷ niệm là nghiệm cẩn
sống chưa chan trong hạt máu cuồng.

HOÀNG LIÊN

cho đến cuối cuộc đời

*

Mùa Xuân đã đến lúc nào không hay. Những chùm hoa lục nhạt nở đầy trên đám lá xanh của cây nhãn cổ thụ và không khí ấm hơn hẳn những ngày cuối năm mưa dầm không dứt. Những ngày nắng ráo và se sắt lạnh đầu Xuân này có lẽ là khoảng thời gian đẹp nhất của Huế: mùa hè gay gắt nóng với gió lào hung hãn chưa đến và mùa đông rét mướt đã qua rồi.

Nắng sớm đã lên, vượt qua hàng rào dâm bụt và chảy tràn trên mảnh sân rộng bằng đất nện. Bài vở đã làm xong, Tuấn đem một cuốn Tam Quốc Chí ra ngồi đọc dưới gốc nhãn cạnh cái chuồng ngựa bỏ trống từ khi con ngựa ô được bán đi. Dài gần bốn thước, rộng hai thước rưỡi với sườn nhà bằng tre, mái lợp tranh và nền lát gạch, chuồng được cất dưới bóng cây nhãn sum suê, gần một cây khế thấp đang trổ những chùm hoa tím nhạt. Tuấn theo học trường Quốc Tử Giám, hồi đó có nhiệm vụ tuyển chọn một số thanh niên có bằng tiểu học và đào tạo họ thành những công chức phục vụ chính phủ Nam Triều.

Trong không gian yên tĩnh, tiếng chuông leng keng quen thuộc của những chiếc xe kéo vang lên sắc gọn trên con đường đất mới được tráng nhựa gần một năm nay và được đặt tên là đường Bộ Học. Tuấn bỗng lắng tai: giữa tiếng rao lanh lảnh của một người đàn bà bán bánh bèo bánh nậm, có tiếng gõ lóc cóc đều đặn trên mặt đường như tiếng ngựa chạy. Vụt đứng lên, tay vẫn cầm cuốn sách, Tuấn bước nhanh ra cổng. Một người đàn ông khoảng ngoài 50, đội một cái nón rộng vành bằng lông chim màu đen, gò ngựa đứng lại trước hai cánh cổng mở rộng, cúi xuống hỏi:

– Đây có phải là nhà ông Phán Kinh không?

– Dạ thưa phải.

Người kỵ mã lực lưỡng, đôi vai nở nang, hơi mập với bộ râu quai nón đen láy, từ lưng ngựa nhảy xuống và dắt con ngựa trắng vào sân. Từ trong nhà trên, ông Phán thong thả bước ra. Người khách lạ cẩn thận dùng dây cương buộc con ngựa vào gốc cây mai già, bỏ nón xuống:

– Bác vẫn mạnh? Hôm nay chủ nhật, biết bác rảnh, nên tôi đem con Hạc lên cho bác. Tôi ra đi từ sáng tinh mơ, giờ mới lên đến đây. Trên tỉnh lộ, Hạc nó chạy nước kiệu khá nhanh, nếu không, cũng phải đến trưa mới tới nơi. Hãy để nó nghỉ ngơi cho ráo mồ hôi rồi cho nó uống nước.

Ông Phán không mời khách vào nhà ngay mà đến gần con ngựa đang phì phò thở và phe phẩy cái đuôi dài. Hạc không cao lớn, không dài đòn; thân hình nó tầm thước với bộ ngực nở, bốn chân rắn rỏi và cái đuôi thật dài. Đặc biệt, cái bờm của nó rậm và dài, rủ xuống bên phải và che gần kín cái cổ gân guốc. Toàn thân màu trắng, đuôi và bờm phớt màu ngà, nó có dáng đứng hùng dũng với đầu ngẩng cao và đôi mắt sáng long lanh. Đứng sau lưng ông Phán, Tuấn trầm trồ khen ngợi:

– Nó đẹp thật.

– Hạc nguyên là một con ngựa đua – người khách lạ nói thêm – rất dữ, khi phật ý có thể cắn và đá. Nhưng nó rất khôn, mến chủ. Không phải bất cứ ai nó cũng cho ngồi trên lưng nó: nó chỉ cho chủ và những người quen thuộc cưỡi.

Ông ta đến sát bên mình Hạc, nghiêng người mở sợi dây thang đỏ buộc chặt quanh bụng nó, nhấc bộ yên da và tấm chăn lót trên lưng Hạc ra. Tuấn đưa tay đỡ lấy bộ yên gác lên hàng rào cây rồi gọi anh Phong, người kéo chiếc xe tay nhà, để anh này đem tấm chăn đi giặt.

Ông Phán bảo Tuấn:

– Chú bảo chị Ba nấu nước pha trà và làm cơm. Anh mời bác Chánh ở lại nhà chơi hôm nay.

– Thôi, xin cám ơn bác. Tôi chỉ xin một chén nước rồi đi ngay vì còn phải ghé thăm một người bạn và trở về quê sớm. Đến mùa lúa tháng sáu, mời bác về làng tôi đánh chim cu. Tôi mới mua được một con mồi khá lắm.

Ông Chánh bước lại gần con tuấn mã, ôm lấy cổ nó vỗ về:

– Con ở lại. Có dịp, sẽ lên thăm con.

Rơm rớm nước mắt, giọng úng lại, ông quay qua ông Phán:

– Tôi biết bác là người thích chơi ngựa và thương yêu ngựa, nên mới để con Hạc lại cho bác. Đối với người khác, thì dù trả giá cao hơn, tôi cũng không nhường lại.

Hình như hiểu rằng nó sắp phải xa chủ, Hạc nghiêng đầu nhìn ông Chánh và dậm mạnh chân xuống đất. Ông Phán mời khách vào nhà uống nước. Tuấn và Phong đứng lại quan sát con ngựa mới mua. Tuấn nhận xét:

– Con Hạc này không lớn hơn con ngựa ô trước đây nhưng nó khỏe mạnh, hùng dũng hơn.

– Nhưng nó không cao lớn bằng con ngựa ô của ông Nghè.

– Chắc Phong biết con ngựa ô của bác Nghè là một con ngựa lai giống Pháp. Nó cao lớn thế mà nước kiệu không hay, lại không dai sức. Lúc nó chạy, đầu không cất cao lên mà cứ chúi xuống đàng trước, bởi vì nó nguyên là một con ngựa kéo xe. Cưỡi loại ngựa đó chẳng thú vị gì. Lông nó cũng mượt, nhưng cái đuôi lại ngắn. Tôi thích hai đôi chân gân guốc và cái đuôi dài của con Hạc này.

Ông Phán và người khách đã quay trở lại. Ông Chánh bùi ngùi đứng nhìn con Hạc một lúc khá lâu rồi mới âu yếm ôm lấy cổ nó, vuốt ve mặt và bờm nó, rồi kề má mình vào sát má ngựa:

– Thôi con ở lại.

Chào tạm biệt ông Phán và Tuấn, đội cái nón lông lên đầu, ông Chánh bước nhanh ra khỏi cổng.

*

Nuôi và cưỡi ngựa là một truyền thống khá phổ biến trong đại gia đình ông Phán, nhất là trong giai đoạn mà cái xe đạp – có thời trong văn chương được ví von gọi là con ngựa sắt – chưa được nhập cảng vào đất nước chúng ta, và cả chiếc xe kéo cũng chưa được sử dụng. Ngoài ngựa ra, chỉ có võng và cáng được dùng làm phương tiện di chuyển trên những con đường đất chật hẹp bụi bặm vào mùa hè và lầy lội vào mùa mưa.

Ông Phán thường nhắc đến con ngựa Lem màu trắng lốm đốm chấm xám của ông cụ nội, một võ tướng đã từng xông pha nhiều năm trên những chiến trường miền Trung và Bắc Việt Nam dưới triều Tự Đức. Đó là một con chiến mã được mua từ tỉnh Phú-yên, nơi nổi tiếng sản xuất được nhiều ngựa hay. Phi nước đại bụng gần sát đất, Lem có nước kiệu rất êm và có

thể đặt những bước chân chính xác trên những đường ruộng nhỏ hẹp ở thôn quê. Cụ thân sinh ông Phán là một người thầy thuốc, nên thường xuyên cưỡi ngựa đi thăm con bệnh hay viếng bà con bạn bè trong những vùng lân cận của làng quê. Đến đời ông Phán và những anh em trong họ, ngựa vẫn còn được ưa chuộng: họ chơi ngựa tương tự như bây giờ chúng ta chơi xe hơi. Họ tìm mua ngựa tốt, xem tướng ngựa rất kỹ, theo dõi tính tình và thói quen của ngựa. Và rồi đến lúc họ nuôi ngựa không chỉ để thỏa mãn nhu cầu đi lại; cưỡi ngựa trở thành một môn thể thao. Cùng với ngựa, họ còn nuôi chó săn, và dùng ngựa để đi săn. Đến lượt ông Phán, ngay trong thời gian cư ngụ hẳn trong những nơi thị tứ, ông vẫn thích nuôi ngựa. Vào những ngày nghỉ việc, ông thường cưỡi ngựa đi đến những vùng nông thôn hay đồi núi để viếng vườn tược của anh em trong họ, để đi tảo mộ vào những dịp thanh minh hay cuối năm âm lịch.

Hạc là con ngựa thứ hai kể từ khi ông được thuyên chuyển về Huế. Từ khi còn bậc tiểu học, Tuấn đã quen với vóc dáng của con ngựa ô hiền lành với bộ lông hung hung đỏ, tiếng hí vui nhộn, tiếng đuôi quất mạnh để đuổi ruồi muỗi và mùi mồ hôi đặc biệt rất dễ nhận thấy của nó. Tuấn đã mải mê nhìn ngắm bộ yên bằng da vững chắc và bóng loáng, và mơ đến những con chiến mã oai hùng trong những truyện võ hiệp Tàu. Khi đọc Tam Quốc Chí, Tuấn lại thích thú những con Đích Lư, Xích Thố. Anh theo dõi và chú ý đến việc nuôi nấng và chăm sóc ngựa của Phong, từ việc cắt cỏ, mua khoai lang và lúa cho ngựa ăn... cho đến những buổi Phong dẫn ngựa đi tắm sông hay cắt gọt móng chân cho ngựa bằng cái chàng sắc bén của thợ mộc. Nhưng chưa bao giờ không khí trong nhà sôi nổi và hào hứng cho bằng những ngày đầu tiên Hạc đến với gia đình ông Phán. Tàu ngựa được quét dọn sạch sẽ, cái áng cỏ được lau rửa kỹ lưỡng, và yên cương được đem ra nắng hong phơi cho hết ẩm mốc. Tuấn thổ lộ với Phong:

– Phong biết không, Hạc nguyên là một con ngựa đua của một vị hoàng thân, được bán đi bán lại vài lần rồi mới vào tay ông Chánh. Chánh là chánh tổng. Ông là một nhà giàu có, ruộng cò bay thẳng cánh. Ông đã thôi làm chánh tổng từ vài năm nay, cho nên bây giờ người ta gọi ông là ông Chánh cựu. Mấy năm gần đây, gia đình ông ta có sa sút đi vì bị mất mùa liên tiếp và vì mấy đứa con trai ông không chịu làm ăn mà chỉ cờ bạc quanh năm suốt tháng. Theo ông Chánh kể lại thì khi nào trên đường đi

mà Hạc gặp một con ngựa khác thì nó phải vượt lên, bỏ xa con ngựa kia lại đằng sau cho đến khi không còn nghe tiếng vó hoặc tiếng lục lạc của con vật đồng hành nữa mới chịu chạy chậm lại. Có lần nó dám rượt theo một chiếc xe đò chở đầy hành khách.

Sáng nay, chủ nhật, từ 6 giờ, Phong đã cho Hạc ăn thêm một lon lúa và rửa một ít khoai lang để sẵn trong một cái rổ tre. Yên và cương đã được hạ xuống từ xà nhà và đem ra ngoài sân. Từ mấy hôm trước, Tuấn đã báo cho mấy người bà con ở đường Âm Hồn và đường Lục Bộ biết rằng hôm nay sẽ đem Hạc ra cưỡi thử.

Người đến chơi trước tiên là Thiết, một người em họ của ông Phán và của Tuấn. Khoảng ngoài 30, cao gầy, rắn chắc, nước da đen sạm. Thiết đã từng làm thừa phái ở các phủ, huyện thuộc hai tỉnh Bình-định và Quảng-ngãi và mới được thuyên chuyển về bộ Lại một vài năm trở lại đây. Dựng chiếc xe đạp hiệu Hirondelle cạnh hàng rào, Thiết bước vào như một cơn gió và nói với ông Phán đang ngồi uống nước trà:

– Nghe anh cho gọi, em đến ngay. Biết tiếng con ngựa anh mới mua, em thích lắm. Mấy năm trước ở các tỉnh đàng trong, em cưỡi ngựa cũng nhiều, nhưng chưa gặp con nào thiệt hay.

– Cũng chưa biết ra răng. Bữa ni thử cho nó chạy ít vòng đã.

Có tiếng người nói ở ngoài sân:

– À, chú Thành đã đến rồi.

Thiết nhìn ra:

– Thành cũng mê ngựa lắm. Vào đây, Thành.

Thành là con trai lớn của ông Nghè Tín, anh họ ông Phán. Anh vừa đỗ bằng thành chung năm ngoái và đang chuẩn bị thi vào ngạch thư ký Tòa Sứ. Dạo này, anh có nhiều thì giờ rỗi rãi, nên đều đặn chơi bóng tròn mỗi buổi chiều, và buổi sáng thường cưỡi con ngựa ô cao lớn của ông Nghè đi vòng quanh hoàng thành. Nhưng Thành không vào trong nhà. Anh đứng lại bên cạnh Hạc, xem Tuấn và Phong thắng yên cương cho nó. Anh gật gù:

– Con Hạc này đẹp thật, đẹp hơn con ngựa ô đằng tôi.

Ông Phán và Thiết cùng bước ra. Thiết đề nghị:

– Mời anh chạy trước một vòng cho bọn em xem.

Ông Phán đến gần Hạc, vỗ nhẹ vào cổ nó, tháo sợi dây cương buộc Hạc

vào cây mai lớn đang ra lá xanh non, tròng dây cương qua cổ nó, cho chân trái vào cái chân đăng rồi nhẹ nhàng nhảy lên lưng nó. Thiết ngạc nhiên kêu lên:

– Anh không cần roi ư?

Tuấn đỡ lời:

– Không cần phải giục nó đâu!

Ngồi thẳng mình trên lưng ngựa, giữ dây cương cho vừa tầm, ông Phán lái Hạc từ từ tiến ra khỏi cổng. Gặp đường cái, ông nới lỏng dây cương; Hạc cất cao đầu, phóng nước kiệu. Mọi người đứng lại trước cổng nhìn theo bóng người và ngựa xa dần. Thiết phê bình:

– Tiếng đồn không sai. Nước kiệu nhẹ mà êm, không xóc.

Thành góp thêm ý kiến:

– Con Hạc này, phải cho nó vùng vẫy trên đường trường mới thú.

Chỉ khoảng 15 phút sau, ông Phán đã trở về, gò con Hạc đứng trước cổng, nhảy xuống đất và trao dây cương cho Phong. Như chưa chạy phỉ sức, Hạc dậm chân, lắc đầu làm nổi bắp thịt dài ở cần cổ. Ông Phán mời Thiết:

– Chú thử một vòng đi.

Thiết nhận lấy vòng dây cương từ tay Phong, bước lại gần Hạc và định choàng dây cương qua cổ nó thì Hạc chồm lên và đưa hai chân trước ra đe dọa. Hai chân trước được hất cao lên, ống chân cong lại như muốn chụp lấy đầu Thiết. Cùng một lúc, nó hí lên một tiếng dài dữ tợn, để lộ hai hàm răng trắng nhởn. Thiết lùi lại, tay vẫn giữ chặt dây cương. Lúc Hạc bỏ chân trước xuống đất, Thiết bần thần quàng cương qua đầu nó, nhưng nó đã kịp thời nhảy lên và tránh ra xa. Thiết đành phải buông cương xuống. Phong đến gần Hạc, vỗ về nó và giữ cho nó đứng yên. Tuấn giải thích:

– Tánh nó như vậy đó. Nó không muốn cho một người lạ nào đến gần.

Nhưng Thiết không chịu thua. Anh bàn với Phong:

– Hãy để cho nó nghỉ ngơi một lúc. Rồi anh choàng cương vào cổ nó và giữ nó lại. Tôi sẽ thừa lúc nó không để ý mà nhảy lên lưng nó.

Phong đồng ý và một lát sau, khi cương đã nằm đúng chỗ và Hạc đứng yên, quay mặt ra phía đường cái. Thiết len lén đến gần, nắm lấy mép yên và nhảy ngay lên. Trong chớp mắt, Hạc quay đầu, vụt phóng đi trên mặt

đường nhựa rồi cất cao vó trước lên. Người Thiết bật ngả ra đằng sau, tay vẫn giữ chặt lấy dây cương. Đột nhiên, Hạc hạ hai chân trước xuống rồi tung hai vó sau lên và hất anh Thiết ngã kềnh trên bãi cỏ bên đường. Tuấn và Thành chạy lại đỡ Thiết đứng lên trong khi Phong đến nắm lấy dây cương. Mọi người nhao nhao hỏi:

– Có sao không?

– Không sao. Sẽ thử lại keo khác.

Thiết đứng thẳng người, phủi bụi bám vào quần áo. Bỗng anh kêu lên:

– Chiếc nhẫn cưới của tôi rơi mất đâu rồi!

Tuấn và Thành tìm quanh, trên bãi cỏ, rồi bước xuống con mương lớn được đào sâu cạnh con đường để cho nước thoát trong mùa mưa. Không biết từ lúc nào, những người trong xóm đã kéo nhau ra tụ tập đông đảo hai bên con lộ. Họ chỉ trỏ, cười nói, bàn tán sôi nổi:

– Con ngựa đẹp thật!

– Mà cũng bất kham!

– Nuôi làm gì loài thú dữ ấy! Có ngày mất mạng vì nó.

– Tội nghiệp cho ông ấy. Bị té như thế chắc đau lắm.

– Hôm trước tôi thấy anh Tuấn cưỡi nó chạy vòng quanh thành. Có sao đâu!

Phong đã kéo Hạc về lại trước cổng. Nó bình tĩnh phe phẩy cái đuôi dài, ung dung như không có việc gì xảy ra. Trong ánh nắng sớm, giữa tiếng đối thoại ồn ào của những người lớn, trẻ em hàng xóm và những khách qua đường dừng chân lại xem, Thành trầm ngâm suy nghĩ. Cho đến lúc này, anh im lặng quan sát phản ứng dữ dội của Hạc và cách đối phó của Thiết. Một lát sau, anh lẳng lặng đi vào trong sân, và bưng rổ khoai ra. Khi Tuấn tìm lại được chiếc nhẫn vàng của Thiết, Thành đang đứng cạnh Hạc, đút cho nó ăn một củ khoai. Nó nhe hai hàm răng trắng, nhai nghiến ngấu củ khoai sống kêu giòn giã trong miệng nó. Thành vỗ về nó, vuốt ve cái bờm màu ngà, tựa vào hông nó rồi trong lúc không ai ngờ, hất dây cương qua đầu nó và nhảy lên lưng nó. Hạc chồm lên, cất vó trước rồi vó sau, nhưng Thành vẫn nằm rạp trên lưng nó, ôm chặt lấy cổ nó, hai chân kẹp cứng vào bụng nó. Hạc nổi giận, quay lại, lồng lên và chạy ngược về phía bức thành kiên cố của kinh đô Huế, chắn ngang con đường cái, cách cổng nhà ông

Phán khoảng 300 thước. Không ai bảo ai, đám đông ù chạy theo giữa tiếng reo hò inh ỏi của đoàn trẻ em nghịch ngợm. Trước mặt mọi người, Hạc phóng nước đại cho đến cuối đường rồi rẽ qua phải khi gặp con đường đất men bờ thành. Thành vẫn nằm vững trên lưng nó. Nhưng khi mọi người đuổi kịp thì thấy Thành nằm lăn dưới đất, cạnh một gốc cây, hai tay xuýt xoa ôm lấy chân trái. Hạc đứng bên cạnh anh, quay đầu nhìn đám đông, chiếc dây cương buông thõng trên cổ.

Tuấn và Phong cùng đỡ Thành ngồi dậy trên bãi cỏ. Thành kéo ống quần chân trái lên, chỉ vào bắp vế bị xây xát một quãng dài, máu tươi tươm ta lốm đốm:

– Con Hạc này bản lãnh lắm. Khi biết không thể hất ngã tôi được, nó lồng lên, vụt chạy nhanh, rồi đến chỗ này, nó tạt vào để chân trái tôi cọ mạnh vào gốc cây. Hoảng quá, tôi phải buông nó ra và nhảy xuống đất. Nhưng nó rất khôn. Nó đứng ngay lại bước qua một bên để khỏi đạp lên người tôi.

Tuấn dìu Thành chậm rãi bước đi; Phong dẫn Hạc trở về nhà. Trong không khí huyên náo của đám khán giả đứng lố nhố ven đường, một ông lão buông thõng một câu:

– Ngựa hay có chứng!

*

Những sự kiện xảy ra hôm chủ nhật được đồn đãi rộng rãi khắp phường Thái- trạch, nơi ông Phán cư ngụ. Những toán học sinh trong phường không thể chờ đợi đến chủ nhật sau để xem người lớn cưỡi ngựa. Sau giờ học buổi chiều, các em thường rủ nhau đến đứng ngoài hàng rào dâm bụt, dưới gốc nhãn cổ thụ để nhìn ngắm Hạc, kể cho nhau nghe những nhận xét của người lớn liên quan đến con tuấn mã và thêm thắt những chi tiết có vẻ hoang đường. Hằng tuần, vào chiều thứ bảy, những trẻ em ở những ngôi nhà lân cận thấp thỏm chờ Phong đưa Hạc đi tắm trên con sông đào chảy song song với đường Hàng Bè. Sau mấy tuần lễ nuôi dưỡng Hạc, Phong đã quen thân với nó. Anh chỉ ngại khi tắm xong, Hạc khỏe hẳn ra và trong lượt về, nó tế nước kiệu lớn, mặc dù con đường Hàng Bè không lúc nào vắng bóng xe cộ. Nhưng dù chạy với tốc độ cao, không bao giờ Hạc

đụng phải những chiếc xe đạp, xe kéo hay những người bán hàng rong đi nhẩn nha ngay giữa mặt lộ. Anh giải thích:

– Bắt chước anh Thành, tôi nằm rạp trên lưng nó, ôm chặt lấy cổ nó, mặc cho nó chạy, và không còn biết trời đất gì nữa. Nó quá quen đường về, tôi không cần phải lái nó.

Khi thoáng thấy bóng Hạc xuất hiện trên con đường đất chạy dọc theo bức thành kiên cố, các em reo to lên, gọi nhau nhìn Hạc sải chân chạy về. Tiếng vó ngựa dồn dập dội vào những phiến gạch rêu phong của dãy thành cổ vang lên như âm hưởng hào hùng của một thiên anh hùng ca.

Hơn hai tháng sau khi Hạc về với gia đình ông Phán, Phong bỗng có một sáng kiến: để khỏi mất công cắt cỏ hằng ngày, anh đề nghị thả Hạc tự do ăn cỏ trên một bãi cỏ gần nhà, rộng hơn một sân đá bóng, nằm giữa hai con đường Lục Bộ và Bộ Học, trước mặt bộ Kinh-tế và Tôn-nhơn phủ ngay trước Hoàng-thành, xế cửa Hiển-nhơn. Anh nói rõ thêm:

– Nó dữ như rứa, không ai dám đến gần để phá phách nó.

Ông Phán đồng ý. Thế là ngay hôm sau, từ sáng sớm, Phong đưa Hạc đi ăn cỏ, đến chiều tối mới dẫn nó về. Thỉnh thoảng vào buổi chiều, từ trường Thượng Tứ trở về nhà, một số học sinh rẽ vào bãi cỏ để ngắm nhìn Hạc. Không bị giam hãm trong chuồng chật hẹp, Hạc tung tăng chạy nhảy trên bãi cỏ mênh mông. Được sống tự do giữa thiên nhiên, nó nhún nhảy bước đi, phe phẩy cái đuôi dài, đầu ngẩng cao, cái bờm tung bay trong gió lộng và ánh nắng chiều rực rỡ. Với dáng điệu oai hùng của một con chiến mã khi xung trận, Hạc gợi nhớ đến những bức tranh Tàu cổ vẽ những đàn ngựa hoang dũng mãnh.

Nhận thấy Hạc khỏe hơn rõ rệt, mình đẫy đà, lông mượt hẳn ra, ông Phán, vào những ngày nghỉ việc, thường cưỡi Hạc đi thăm viếng bà con: một người chú ở Tuần, một người anh họ ở gần lăng Thiệu Trị hoặc gia đình bên ngoại ở Nam-phổ. Những hôm ông Phán không đi đâu, Tuấn đưa Hạc lên con đường đất dọc bờ thành, dưới hàng mù u xanh um trước cửa Ngọ Môn để cho Hạc phi nước đại trên con đường vắng và chạy mãi đến khu Xã-tắc mới trở về. Trong những cơ hội đặc biệt ấy, đám học sinh trong xóm đều có mặt để xem Hạc biểu diễn.

Cuộc sống của Hạc kéo dài đều đặn như vậy hơn hai năm thì ông Phán

được lệnh thuyên chuyển ra Hà-tĩnh và không thể đem Hạc đi theo. Ông rất lấy làm tiếc, nhưng chưa tìm được một giải pháp để giải quyết vấn đề. Đúng vào lúc ấy, một người bà con bên ngoại đang giữ chức tri phủ Triệu-phong, thuộc tỉnh Quảng- trị, ngỏ ý xin ông cho mượn con ngựa quý một thời gian: Hạc sẽ rất cần thiết cho những cuộc hành hạt của ông. Ông Phán không thấy gì trở ngại. Một người lính lệ của phủ Triệu-phong được cất cử vào Huế và trong suốt một tuần lễ, lưu lại nhà ông Phán để chăm sóc và làm quen với Hạc.

Một buổi sáng đầu hè nắng ráo có gió Lào thổi ào ạt, người lính lệ chuẩn bị đưa Hạc đi Quảng-trị. Ông Phán cẩn thận dặn dò một lần cuối cùng:

– Từ đây ra đến ngoài đó, mất 70 cây số. Đường xa, phải cho nó đi thong thả và nhớ cho nó nghỉ ngơi từng chặng một. Đến xế chiều ra đến nơi là vừa.

Người lính lệ đứng tuổi tỏ vẻ tự tín:

– Cháu đã bàn kỹ với anh Tuấn và anh Phong rồi. Vả lại, cháu quen con đường này lắm. Cháu đã tính trước những nơi dừng chân.

Tuấn và Phong kiểm soát lại yên cương, lúa và khoai đem theo để Hạc ăn dọc đường. Như linh cảm được đi xa một chuyến, Hạc không đứng yên. Nó quay trái, quay phải, cái đuôi vẫy không ngừng. Tuấn tựa vào lưng nó vỗ về:

– Cố gắng đi đến nơi bình yên nhé. Rồi sớm trở về đây.

Ông Phán lặng lẽ đến gần, vuốt cái bờm dài, vỗ vỗ vào cái cổ của Hạc rồi ra hiệu cho Phong dẫn Hạc ra cổng. Người lính lệ đi theo Phong. Phong dùng tay trái choàng dây cương qua đầu Hạc, tay phải vịn vào mép yên, giữ cho Hạc đứng yên và bảo người lính lệ:

– Anh Cường nắm lấy dây cương và lên yên đi.

Cường vụt nhảy lên lưng Hạc và nó phóng ngay ra khỏi cổng. Kẹp chặt hai lưng vào hông Hạc, gò cương lại, người kỵ mã cố giữ cho Hạc khỏi lồng lên. Nhưng nó vẫn tế nhanh, tiếng vó giòn giã nghe xa dần rồi cả người lẫn ngựa mất hút sau một khúc rẽ quanh.

*

Tuấn và Phong giữ im lặng một lúc khá lâu. Trong không khí nặng nề

của căn phòng hẹp, tiếng thở dài não nuột của Tuấn như dội lại từ một nơi xa xôi nào. Phong lắc đầu, quay qua nhìn người đàn ông ngồi bên cạnh:

– Thật tôi không hiểu. Anh nói cho rõ hơn.

Người đối thoại, một người bà con mà Tuấn gọi bằng anh, nhíu đôi mày, cố nhớ lại:

– Tôi không gặp anh Cường được lâu. Khi biết tôi sắp vào Huế thăm chú Tuấn, anh ta có nhờ tôi tin cho chú Tuấn biết là con Hạc đã lăn ra chết một lúc sau khi về đến công đường phủ. Quan phủ giận dữ la rầy Cường và không ngớt thương tiếc con ngựa hay. Anh Cường cho biết anh ta đã cho Hạc ăn uống đầy đủ ngay sau khi về đến phủ.

Phong tỏ vẻ ngờ vực:

– Sau một ngày trời nó mệt nhọc như rứa mà cho nó uống nước ngay thì không được. Phải cho nó nghỉ ngơi và chờ cho nó ráo mồ hôi đã.

– Cường kể lại rằng khi ra khỏi thành phố Huế thì Hạc theo quốc lộ mà phi nước đại. Cường chỉ biết nằm rạp trên lưng nó, mặc cho nó chạy. Tôi không nghe anh ta nói là anh ta có ngừng lại ở dọc đường. Có lúc Hạc đuổi theo mấy chiếc xe đò cũ kỹ. Như vậy, nó chạy một mạch ra đến Triệu-phong chăng?

Tuấn góp ý:

– Tôi đoán rằng sau khi Hạc đã mệt, chạy chậm lại, anh Cường mới điều khiển được nó và đưa nó về đến phủ lỵ. Đúng là một thiên lý mã. Anh có biết người ta chôn cất Hạc ở đâu không?

– Quan phủ đã cho mai táng con tuấn mã trên bãi cỏ đàng sau tư thất. Thương tâm quá. Thật là sinh ư nghệ, tử ư nghệ.

Phong nói xen vào giọng có vẻ trách móc:

– Thà nó đau ốm hay bị tai nạn. Đàng này nó chạy cho đến chết. Anh Cường không biết cho nó nghỉ ngơi, cũng không biết chăm sóc cho nó khi nó đến đích.

Tuấn ngẩng đầu lên, nhìn về phía chuồng ngựa trống trải, ngậm ngùi:

– Từ trước, tôi chỉ nghĩ rằng Hạc có cốt cách của một chiến sĩ. Không ngờ nó còn là một nghệ sĩ. Hạc đã kết thúc cuộc đời bằng một công trình nghệ thuật tuyệt vời. Và như một kịch sĩ trút hơi thở cuối cùng trên sân khấu. □

HOÀNG XUÂN SƠN

ĐỢI XE CHIỀU BA MƯƠI. CẢM

*

Co ro
hình tuyết xô về
trên môi đóm lửa
dài lê thê rồi
bây giờ
xe cộ nằm nơi
mà người cứ lội
hút đời sân, si
cuối năm rồi đấy chứ gì
nghe trong toan tính
bấc, chì gọi nhau
một giờ
tuyết vẫn trắng phau
một đời xổ tóc
bạc màu khói hương

LÃO MAI

*

Mai về
hương bưởi hương cau
trộn hương xoài mít
dậy màu
đất xưa
đứng im
một khoảng trưa,
chờ
nghe chim gõ mõ
tụng tờ kinh yên
về thôi
trút hết lụy phiền
cùng cây mai lão
xóa tên bụi lầm

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

ra đi và tập làm thi sĩ

*

Tôi có một cô em thi sĩ. Và vì là thi sĩ nên nó sống hết sức nên thơ. Một hôm, nó nói với tôi:

– Chị à, em có người yêu. Người yêu em là một người đàn ông có vợ. Và vì em biết chắc em chẳng thể nào lấy được anh ta, cũng như anh ấy cũng chẳng thể nào bỏ được vợ, chính vì vậy mà em mới yêu.

Thật đúng là một cuộc tình thơ mộng. Nó còn bảo thêm, Em kính anh ấy như một người anh, yêu anh ấy như một người tình và tin anh ấy như một người bạn. Nhớ đến nhau cho trời bớt lạnh, nghĩ đến nhau cho ấm áp cuộc đời, tin nhau vì chẳng có hẹn hò giao kết nên chẳng sợ sẽ có một ngày phải thấy bộ mặt tối tăm tráo trở lọc lừa.

Bây giờ trời đang bắt đầu sang thu. Những lá xanh đã bắt đầu đỏ ối, hoặc đỏ rực, hoặc hồng đào in lên tươi thắm trên nền trời. Những buổi chiều có mây bầu trời có hơi ảm đạm một chút, nhưng không sao, đây đó, từng lùm cây đỏ vàng trang điểm, tuy nắng chiều có hơi yếu ớt nhưng vũ trụ chung quanh vẫn còn ấm áp lắm. Chỉ còn đôi ba tháng nữa, từng trận gió se lạnh sẽ ào ạt cuốn về, lôi theo tất cả lũ lá vàng lá xanh lá đỏ bỏ lại một bầu trời trống vắng tan hoang. Rồi tiếp đó, tiếp đó nữa, những trận tuyết sẽ đổ ập xuống như một mảng trời hồng bỗng nhiên bị sập, đây đó phủ đầy góc nọ trời kia.

Cô em thi sĩ của tôi đi ra đi vào ngây mặt nhìn lá vàng lá đỏ và hình như trong cái đầu thơ mộng của hắn đang có đôi điều có thể viết thành ba bốn câu thơ.

Tôi nói với nó:

– Có khi tao thấy đàn ông cũng sexy. Có người thì sexy ở đôi vòng tay rắn chắc khiến mình nghĩ ngay đến một vòng tay ôm, có người thì sexy ở cái eo thon trẻ trung khỏe mạnh vì cái bụng chưa phát tướng làm quan, có người sexy ở cái vai chở mưa che nắng và đặc biệt có người chỉ thấy sexy ở cái đầu! Hèn chi kinh Phật nói mấy người thành Phật hay Bồ Tát, xung quanh đầu đều phát ra hào quang.

Tôi chưa biết mặt người yêu của cô em thi sĩ nhưng tôi đoán chắc chàng hẳn là một kẻ có cái đầu rất là khêu gợi, rất sexy và dưới mắt nhìn của nó chắc là nó phải thấy được vòng hào quang nào đó. Tôi nghĩ đến một pho tượng Phật xấu xí như hình vẽ Bồ Tát Bồ Đề Đạt Ma răng khuyết, chân gãy, tai đeo một chiếc bông như bọn "rợ", ảnh nào cũng phục phịch dữ tợn xấu xí, nhưng có hề gì, Bồ Tát đã từng là cái cảm hứng vô biên của bao nhiêu thế hệ con người.

Mọi người cũng hay nói đến đôi mắt từ ái của Đức Phật Tổ. Nhưng tôi thường tò mò xem từ tranh tới tượng, tôi ít khi thấy Người nhìn ai, thường chỉ là nhìn xuống hoặc nhìn mông lung hoặc mắt khép hờ. Cho nên tôi tin rằng đàn ông mà đeo kính thì lại càng sexy vì dường như nó che bớt cái nhìn bạo tàn thô lỗ nhìn như bóc quả chuối theo kiểu đàn ông *ngày nay* nhìn đàn bà. Tôi nói *ngày nay* có lẽ không được công bình cho lắm, vì có lẽ từ thuở hoang sơ, bước ra khỏi cái hang của mình, đàn ông đã được cái thiên phú nhìn đàn bà như thế và nếu điều đó đúng, thì tôi có quyền đoán tiếp là đàn bà là người đầu tiên trên trái đất này cảm thấy xấu hổ vì sự trần truồng của mình, xấu hổ vì mình được nhìn như một đối tượng của ham muốn và thỏa mãn nhục tình.

Gian nhà của gia đình chúng tôi ở lúc nhỏ cũng không xa lắm một dòng sông. Điều đó cũng vui nhưng qua mùa đông gió bão thì lại biến thành một đại họa. Dòng nước trắng xóa rồi đục ngầu nửa như màu xám của mây nửa như màu đỏ quạch của đất, mênh mông trùm lấp góc biển chân trời. Làng nước tôi ngập chìm trong biển nước, những cọng lúa thất thanh ló đầu lên kêu chới với, nửa mái nhà tranh thì tuyệt vọng nhìn nhau. Những đêm hôm

trước đó mưa đổ một trận mưa dữ dội sập trời lún đất, ba mẹ tôi theo kinh nghiệm lâu đời mặc cho gió bão kêu gào, tom góp chút gạo mắm, vài cái mền dày, áo ấm lùa hết gia đình con cái súc vật lên trên đường quan. Vì không dám căng lều hay vải bạt dưới gốc cây vì sợ trời đánh, chúng tôi ngồi chùm hụp chơ vơ trên lề đường bên bờ ruộng lúa chịu đựng cơn kinh hoàng sấm sét của trời đất và sau đó là tiếng gầm rú dữ dội của muôn vàn thác nước ầm ầm từ nguồn xa kéo về. Mưa gió tạnh, chúng tôi đã nhóm được bếp lửa bên lề đường để sưởi ấm, một con chim nhỏ lông cánh ướt mẹp lẩy bẩy cũng được chúng tôi nhặt vào ủ cạnh bếp lửa. Cô em thi sĩ của tôi lúc đó cũng run lên như chim.

Má tôi quở:

– Con nhỏ này chắc nó có gốc rét. Ngồi gần bếp lửa mà sao run bần bật vậy con?

Khi đã lớn rồi, nhắc chuyện đó để hỏi hắn thì hắn đáp:

– Không phải em có gốc rét cũng không phải lửa không đủ ấm mà dạo đó em run hoài là vì... sợ. Sợ nước mênh mông, sợ trời sập, sợ sét đánh và cuối cùng sợ cái tàn bạo phũ phàng.

Tôi chỉ lớn hơn hắn có một tuổi, cũng coi như đồng trang lứa đi mà sao dạo ấy tôi không hề biết sợ. Ngược lại còn thấy hơi ngất ngây vì được "thay đổi không khí", được khỏi đến trường sắp hàng ngay ngắn để nghe thầy gọi lên bảng mà trống ngực đánh thùm thụp, được khỏi một mình cong đít thổi nồi cám heo khói bay mù mịt, được khỏi quét lá dọn rác trong vườn trong khi bọn bạn bè đang đánh thẻ, nhảy dây hoặc vẽ cò cò náo nhiệt ngoài sân... Và nồi cơm nhỏ vừa khê vừa nhão dẫu nấu trong chiếc nồi đồng hút đầy sức nóng, xới bằng một cái que bẻ vội bên đường vì lúc chạy lụt chiếc đũa cái xới cơm rớt trôi đâu mất, chỉ có cơm với muối bên bờ một ruộng lúa nước bạc tràn đồng, mùi gạo thơm, mùi bùn tanh tanh như trong nước đang có những con cá chết lụt phơi bụng trắng hếu, mùi áo quần ẩm mốc bốc hơi và cuối cùng mùi lá tươi cháy lẫn lên thành khói trong cơn rít của gió lạnh ngày đông trống trải, đó là tất cả các mùi mà cô em thi sĩ của tôi ngày đó đã nghe ra được, kể cho tôi nghe, nên những trận chạy lụt như thế lại càng thêm thú vị.

Tôi vẫn là đứa xốc vác trong nhà, có lẽ tôi ham chạy lui chạy tới quá, nhặt cái này dọn cái kia, có lẽ bận rộn quá nên tôi rối mù. Cô em thi sĩ tôi

thì ngược lại, hắn cứ ngồi yên bên bếp lửa mà run, có lẽ vì vậy hắn bỗng thính tai hơn tôi.

Tôi vẫn thường cám ơn đời bởi những điều nhỏ nhặt.

Khi gia đình tôi rời dòng sông với dòng nước xanh êm đềm mỗi mùa hè trong trẻo (nơi tôi và những đứa bạn học vẫn ngụp lặn ôm theo cái phao là một khúc cây chuối để tập lội), mùa đông dòng nước lũ lại phũ phàng kéo về cuốn theo nó những hoa màu, tôm cá hiền lành, những chó mèo gà vịt vô tội chưa kịp chạy trốn (cô em tôi đã từng thấy một con vịt bé xíu hai chân với hai mái chèo non dại cuống quít lội theo dòng nước lũ, chúng tôi hãi hùng nhưng nào có làm được gì để cứu vịt đâu), bỏ dòng sông thay đổi vì đất trời tráo trở, gia đình tôi dọn về một làng nhỏ tuy nằm bên đường lộ nhưng trông cũng tiêu điều vì quanh năm gió biển sau rừng thổi tới xác xơ.

Mẹ dọn một căn quán lá, bán ít thức ăn khô như bánh tráng nướng ăn với tán đường đen, bánh khoai chiên dòn có rắc mè đường, thuốc lá và vì dựng bảng là Quán Dừa nên mẹ tôi nổi tiếng với món nước dừa tươi. Những chuyến xe đò vun vút đầy khói xăng thơm ngát mỗi lần đậu lại đổ khách và giải khát hay mỗi lần nổ máy um trời để hùng dũng từ giã ra đi đều làm tung lên một lớp bụi mù mông muội. Chính ở đó, lần này thì tôi không nhớ rõ là cô em hay tôi, đứa nào đã bịa ra trò chơi này trước, cả hai chị em đều khoan khoái căng phổi ra mà hít cho đầy cái mùi khói xăng và mùi bụi. Có khi nổi hứng chúng tôi còn hò reo chạy đuổi theo tiễn xe và hành khách một quãng xa quá quán cho tới khi người tài xế nhấn một hồi còi te te te làm giật nẩy mình như ra hiệu từ giã mới chịu quay về. Nhưng cái trò chơi rình bắt chim sẻ trên bãi cát và đi ngược lại bóng trăng để xem trăng còn đuổi theo mình không thì tôi nhớ như in rằng chính cô em của tôi là tác giả. Hai tôi đã có những buổi rình chờ với một cái nón lá rách trên tay, đàn chim sẻ đậu đầy trên bãi cát, có những con bạo dạn đến thật gần, vậy mà tôi vừa bước ra, sập một cái chúng đã cất cánh bay xa. Những chiều tối mãi đến khuya, mặt trăng trong sáng rồi lạnh lẽo cứ đi mãi, cúi đầu đi ngoái cổ lại vẫn trăng, đi giật lùi nhìn vào trăng như nghiêm nghị bảo nó rằng: Chúng tao thấy mày rồi đừng có hòng mà vô ích rình mò thì vẫn cứ là trăng, mệt nhoài chúng tôi bỏ cuộc chạy trốn vào nhà thì cũng vẫn là trăng. Khu rừng thông ngoài kia lao xao lên những tiếng kêu kỳ lạ, lá thông tắm mình như những cây kim lấp loáng ánh trăng, dưới gốc thông

những cái bóng mơ hồ ngày mai sẽ hết theo trăng... Chỉ có những kẻ dại dột, những tên khờ mới để cho lòng yêu thương của mình xen lẫn với sự nghi ngờ dối trá. Hai chị em tôi ngày ấy nhất quyết tin rằng sẽ có một ngày mình sẽ bắt nhốt được một chú chim sẻ, sẽ có một ngày mình sẽ nghĩ ra được một cách chạy nào đó để chạy qua mặt được bóng trăng kia.

Cuộc tình của cô em tôi với người đàn ông có vợ kia cũng không hẳn là một mối tình tuyệt vọng. Người đàn ông có hào quang quanh đầu kia (có lẽ vậy) có lẽ cũng đoán ra tình yêu ấy, nhưng, cũng như cô em thơ mộng của tôi cả hai đều không muốn tiến thêm bước nào. Không hẹn hò riêng tư, không gặp gỡ gần gũi xác thịt, không cả thề bồi kiếp trước ngày sau, nên không hề hối hận ray rứt ăn năn phản trắc hay nuối tiếc hận thù. Tôi cũng nói như thế, dù tôi không phải là thi sĩ nhưng có một cô em thi sĩ để cho mình được bắt chước thì cũng là một điều vạn hạnh lắm. Tôi nói với người bạn thân vừa gặp lại sau gần hơn hai mươi năm xa cách:

– Chúng ta cứ giữ nguyên tình bạn như thế. Tại sao lại không tin có một tình bạn thực sự giữa một người đàn ông và một người đàn bà?

Có những bến bờ không phải là kỵ cấm, không phải là đạo đức luân lý nhân gian, cũng không phải là hàng rào thực dân phong kiến hay pháp luật độc tài đảng trị nói theo thời đại, không là gì cả... Nhưng nếu bước qua, nó sẽ lôi theo một chuỗi biết bao điều tầm thường và không tầm thường, rắc rối và giản dị, oái oăm và trơ trẽn...

Huống nữa là tôi vừa mới ra khỏi một cơn biển động, sóng đã lặng, gió đã tan và bạn vừa dong chiếc du thuyền có lá buồm trong trắng rủ tôi đi một vòng trên mặt biển mùa hè xanh êm. (Ngày ấy, người ấy đến cũng với cánh buồm trắng như những con én trắng nghiêng nghiêng soi bóng với nước sông xanh. Chuyến viễn du nào lại chẳng nao nức biết bao điều hứa hẹn! Nhưng đáy biển vốn chứa muôn vạn điều bí mật cũng như lòng sông bỗng dưng nổi cơn cuồng nộ vì bọn thác lũ vô tình).

Đời sống chẳng dành riêng cho ai hết, cũng chẳng lấy hết của ai như những điều bình dị ta thường nghe nói: *Trời cho tay mặt lấy tay trái* hay *Được điều này mất điều kia*. Hạnh phúc hay đau khổ đều có cái giá riêng của nó mà mọi người sẽ được ban phát công bằng không giống như anh hát xiệc thân mến của xóm tôi ngày nọ đã từng phỉnh lờ lũ con nít khi anh làm phép từ một miếng giấy hóa ra một nắm tiền, khi đó anh thường kêu to:

Cứ từ từ em nào cũng có

Đừng chen lấn em có em không

Bọn con nít chờ mãi đến chiều tối rục rã cũng chẳng được ban phát cho cục kẹo hay đồng xu tiền nào nhưng ngày mai... lại yên tâm tụ họp và lại lo âu lẫn hân hoan chờ đợi. (Tôi đoan chắc trước khi làm người lớn, ai trong chúng ta ít nhất cũng trải qua kinh nghiệm bị lừa gạt này một lần).

Vâng, sự thơ mộng của đời sống lại rất công bằng hơn thế nữa nếu chúng ta biết ra đi và biết tập làm thi sĩ. □

DƯƠNG ĐỨC NHỰ

KHUÊ LÍ NGUYỆT

*

Lương nhân cố quốc âm thư đoạn,
Khách xứ cô thân nhật nguyệt trường.
Hối đối tàn thu khuê lí nguyệt,
Trầm tư tiết phụ tọa miên sàng.

TRĂNG TRONG KHUÊ

*

Ngóng chồng quê cũ không tin tức,
Xứ lạ bơ vơ ngày tháng vương.
Bỗng trước thu tàn trăng sáng chiếu,
Ngẩn ngơ tiết phụ tựa bên giường.

TRIỀU HOA ĐẠI

CUỐI NĂM MỘT MÌNH

*

Hôm về
mưa ở trên vai
biết tìm
ta chốn
lạc loài
đâu đây

một thân quanh quẩn
bao ngày
trăng không soi sáng
lòng này đâu trăng

hôm về
lòng những nao thầm
bạn, thù
bao kẻ đã nằm
dưới sâu
nước còn chảy mãi
về đâu
sao ta hồn vẫn bạc màu thiên thanh

hôm về
hoa lá trên cành
mải đùa gió sáng
bay nhanh dập dồn
cuối năm
ngồi uống rượu buồn
không người về để
vuông tròn cùng ta

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

mưa sương

*

Đến trưa, sương mỏng dần. Lần hồi, sương mù như bị bầu trời trên đầu cuốn hút lên để pha đục một màu sữa, đậm đặc. Bến bờ phía bên kia sông đã hiện rõ. Thấy gần và xa những đám lau lách, những ruộng bắp xác xơ cùng những hàng cây thưa lá. Cảnh vật có lẽ vẫn chừng ấy mặt mày, chẳng gì mới hơn nếu không muốn nghĩ là nó đã hư hao phần nào. Thứ chân dung đó ủ dột hiện ra sau màn sương hư ảo, một nỗi bồi hồi cũng lẩn khuất mọc chen trong mắt ngó đầy ngờ vực. Thiên nhiên như luôn chung thủy với con người? Sự chung thủy tội nghiệp...

– Hòa có chắc không?

– Ít ra thì Thương cũng nên ngồi nghỉ một lát. Nhớ là ở chỗ đó, người ta vẫn qua về bằng những chuyến đò.

– Đã lâu rồi... Mười năm chưa? Bây giờ thì chuyện thay đổi người ta chỉ tính từng ngày, có khi hơn nữa. Sáng nắng chiều mưa.

– Thương có hối tiếc không? Mình có thể quay trở về.

Thương không nói gì, những tiếng thở của nàng dội rõ vào tai tôi và chân vẫn đi tới. Tôi mong là những bước đi này sẽ đến một nơi còn giữ nguyên mọi thứ trong trí nhớ tôi. Đã đành là có thay đổi, nhưng chẳng nhiều nhặn cho bằng trên phố. Thương chưa bao giờ biết làng quê là gì cả. Nàng được sinh ra và lớn lên ở phố phường. Sáng nắng chiều mưa thường chỉ xảy ra nơi một cộng đồng hỗn tạp. Họ tranh nhau sống và hơn thua chỉ

bằng những mánh khóe lật lọng. Nhiều tiện nghi thì dường như giàu thêm gian trá.

Thương ho khan một vài tiếng. Sáng nay trời đất chi mà buồn. Chuyến đi không ẩn giấu một niềm vui ngay từ phút đầu. Chiếc xe lam chết máy trên một dộc đạo nhiều ổ gà. Hơn năm cây số dắt díu nhau đi tắt trên đường đất ẩm lạnh. Thương tuy không than van, nhưng tôi biết là nàng đã mỏi mệt lắm rồi. Đạp xe đi lao động ở một chỗ không xa trường là bao mà đã đuối sức ngồi bệt ở cỏ không màng chi tới việc cuốc đất để bị thằng trưởng lớp bắt nhận những lỗi lầm sai trái. Thương kể vậy khi cuối năm ra trường chẳng có được nhiệm sở. Và Thương giờ này, cuối cùng phải lên ngồi đó thở cho lại sức khi sự chịu đựng đã tới tận đích. Nàng ngồi trên một thân cây bị ngã trốc gốc. Trận bão từ Phi-luật-tân thổi về, tuy đã lâu, nhưng chứng tích tàn phá của nó còn đó. Nó đã đi qua nơi đây, đi hung hãn. Nó đã để lại trên mặt nhật báo những con số lớn phỏng chừng về một nỗi mất mát, thiệt hại đủ thứ. Con người là loại động vật bị thua lỗ nhiều điều trước tai ương của đất trời. Hoặc ngược lại, họ rất giỏi kể lể kêu gào để bi thảm hóa mọi chuyện. Dầu sao thì bên sông vắng, tự dưng có một chỗ ngồi thoải mái âu cũng là điều nên cám ơn. Da mặt Thương tái xanh, dưới một màu bàng bạc mây trời như thế này ý nghĩ tôi chợt buồn bã nhìn ra một diều, cơ thể nàng như đã vừa trút hết máu cho một người nào đó. Thương gầy ốm, ngồi không vọng động; mắt nàng ngó ra sông và từ nhãn quang đó tôi nhìn dủ một sự ướt át có thủy triều dâng lên ở trong.

– Hòa có lộn chỗ không? Nhìn đi. Có thấy chiếc đò nào đâu?

Không có chiếc đò nào thật. Con đò, thường nó không lớn và đơn sơ lộ rõ nếu trôi một bên những con đò xuôi ngược trên dòng sông chảy quanh thành phố. Ở đó, những mùa hè bãi học của tuổi thơ, gia đình cho tôi đi cùng với người chị về làng thu tiền lúa, ủy quyền cho ông chú chân lấm tay bùn trông coi. Chị tôi bảo đi đò cho mau, chớ đi ngã kia thì phải mất thêm một tiếng để chạy vòng tới cái cầu xi măng thường hay bị dặt mìn. Vì thế, trong trí nhớ tôi vẫn nhạt nhòa một sự tưởng tượng về cây cầu "sông Kwai" kia. Ngược lại, nó đậm nét hình ảnh những ngày đài hạnh phúc. Những con quạ lông đen mượt mỏ vàng khè. Những con chào mào đầu đội mũ nhọn có ức lông đỏ. Những con nhồng ăn ớt cho nhiều vào để hót lảnh lót tập dần ngôn ngữ loài người. Mang lên phố hù bè bạn, đứng trong lồng xổ tiếng nói

cộc cằn của ông chú: "Tổ cha mi... Đụ mạ mi..." Những lần thăm làng đó, đi và về tôi đều ngồi thu mình giữa lòng đò, nghe được đủ chuyện của người lớn. Bần giết, lường gạt, phản trắc, hận thù. Họ kể chuyện gớm ghiếc mà mặt mày cứ thản nhiên, như những việc ấy xảy ra ngoài đất nước này. Năm thì mười họa mới nghe được một chuyện dễ thương: "Có một người sang sông sơ ý đánh rơi thanh kiếm báu xuống nước. Ai cũng ngạc nhiên thấy người nọ không nhúc nhích, không lộ vẻ hối tiếc. Người mất kiếm biết vậy cả cười: không hề gì, tôi đã đánh dấu bên mạn đò chỗ cây kiếm bị đánh đắm rồi. Nó còn ở dưới đó chứ mất đi đâu được?"

– Hòa thử nhớ lại xem. Không còn một ngả đường, một cây cầu bắc ngang hay sao?

– Có cầu chứ. Thương bới mệt thì mình đi. Nhưng thật là vô lý...

– Hay là bến đò họ đã dời tới một chỗ khác thuận tiện hơn?

Tôi nghĩ lời của Thương cũng có phần chí lý. Nhưng ít ra đứng ở đây ta phải nhìn thấy bóng một chiếc đò để nghĩ là thứ phương tiện ấy vẫn còn được dùng để chở khách. Mênh mông, mênh mông một dòng sông hoang dã. Giải đất xanh đen phía bên kia bờ như muốn đoạn lìa với tôi. Nó hiện diện ra đấy mà khi nhìn thấy tôi chỉ còn trông ra những kỷ niệm. Sự hồi tưởng thì ít khi mà vui cho được. Tuổi trẻ của tôi đã đi biền biệt. Nó trốn chạy đồng thời với chiến tranh ùa tới. Súng đạn của hai phía cùng bắn ra, xua đuổi bước chân tôi càng lúc càng xa dần làng cũ. Tôi ngờ vực câu chuyện: "Một người có tiếng là đi nhiều, đi xa một hôm mỏi gót quay về quê xưa; dân làng mừng rỡ vây quanh hỏi chuyện. Người đi một ngày đàng học một sàng khôn kia nói trong xúc động: Không có một nơi chốn nào đẹp cho bằng làng ta..." Thật không? Có đúng vậy không?

– Thôi mình đi. Ngồi ở đây ngó vô vọng quá.

Thương đề nghị và Thương muốn thực hành ngay bằng động tác đứng lên, như dứt khoát rằng nàng đủ sức để đi cùng tôi cho tới hết những bến bờ. Tôi yêu Thương và tôi quý mẹ nàng. Bà nói: Chạy trời không khỏi nắng đâu, rồi sau này con sẽ thấy làm đàn bà có những cay đắng của phận đàn bà. Sự tủi cực ấy nhiều hay ít do vô phần số mình một nửa, nửa kia giao vào tay người đàn ông, đi cùng mình tới cuối cuộc đời. Và ở trên tất cả mọi ngả đường, nghị lực vẫn là "người bạn" quý nhất. Phải nuôi dưỡng nó... Câu nói đó, nửa cho Thương và nửa khác muốn tôi nghe hiểu. Một người mẹ

thương con, cũng có nghĩa là sẽ không ghét bỏ chi tới những đứa bạn của con. Tôi đến xin phép được dẫn Thương về làng tôi thăm mộ một chuyến cho biết, và bà sẵn lòng chấp thuận. Một hai ngày sống ở chốn thiếu thốn mọi tiện nghi là điều cần thiết cho con. Bà nói với Thương vậy. Để biết là nghị lực mình nó nông sâu ra làm sao. Bà nói có vẻ hơi quá, tôi giấu ý nghĩ ấy khi đeo cái ba lô lên vai. Nó chứa đựng hoa quả, tiền giả và nhang đèn vàng bạc dành cho những người đã chết. Dĩ nhiên đồ đoàn chẳng có gì nặng, nhưng không hiểu sao đã có thứ trọng lực nào đè xuống người tôi lúc ấy. Mẹ Thương tin cậy ở tôi nhiều hơn tôi nghĩ.

Tôi dốt một điếu thuốc. Ở xa, thấp thoáng hình dáng hai ba mái nhà tranh. Không có một sợi khói mỏng ẻo lả bay lên nhưng chẳng thể suy luận đó là nhà hoang. Ở phố, những người trốn đi vùng kinh tế mới nằm la liệt ăn ngủ ở vỉa hè, lề đường, dưới gầm cầu. Hình ảnh ấy chứng minh, thực sự thì khi sống con người không nhờ vả lắm vào mái ấm gia cư. Đôi khi chả cần biết tới nó cũng là một hạnh phúc. Nhưng ở ruộng vườn heo hút này... Tôi quyết định dắt Thương tới để hỏi cầu may con đường đi tới cây cầu, ngả nào là gần nhất.

Một người đàn ông chột mắt ngó tụi tôi bằng độc nhãn nhiều ghèn:

– Anh chị có tiền không?

Thương nắm lấy bàn tay trái của tôi, bóp chặt. Tôi ném điếu thuốc xuống đất và quen thói dùng chân dí dí mẩu thuốc cụt. Cũng có khi là một cảnh tỉnh.

– Đi bộ tới đó xa lắm. Đưa tiền để tui chở xe cho.

– Bao nhiêu? Tôi hỏi, không lấy gì làm hứng thú. Khuôn mặt của ông và cách nói làm tôi nản.

– Tết nhất tới bên lưng rồi, có ít đồng để tui cúng quảy là tui an tâm.

Người đàn ông chụi mắt, đầu cúi xuống như nghĩ suy lung lắm về một con số. Ông như không quen kiểu kiếm tiền loại này. Sau cùng ông gãi đầu.

– Tùy lòng hảo tâm của anh chị.

Ông quay lưng vào nhà, không quá một phút xuất hiện trở lại với chiếc xe đạp cũ kỹ, bụi bặm và đen đúa.

– Ngó vậy chớ tốt lắm. Tui treo trên giàn bếp, mấy khi mà xài tới. Tính

bán mà mụ vợ không cho, của thằng Tư thì phải giữ kỹ cho nó, học tập xong rồi khi về đặng có mà mưu sinh.

Ông tháo gỡ nốt những sợi dây còn vướng ở sườn, ở bánh xe.

– Tui đạp liều một chuyến, hối ha hối hả không thì mụ ấy biết làm trận chửi cho thúi đầu.

– Muốn qua bên kia sông chỉ biết dùng tới cầu thôi à? Đò đi đâu cả rồi?

– Nhà nước dồn đi xa ai mà biết. Tại người trên phố về đây mướn đò chở họ ra biển vượt biên nên mới ra cớ sự. Thôi, leo đại lên đi, tui chở cho, tiền bạc thì tùy lòng hảo tâm, vui thì nhiều nhiều mà buồn bực thì chút ít...

Tôi nhìn chiếc xe đạp. Tôi nhìn ông chột mắt. Tôi nhìn gian nhà tranh cửa mở toác hoác một hình chữ nhật đen thui. Tất cả đều lạ lùng khó hiểu. Tôi nhìn Thương, da nàng xanh và khuôn mặt buồn chán lộ rõ. Thương chắc đang muốn tới nơi, ăn một cái gì đó cho đỡ đói rồi tìm một chỗ để ngả lưng. Chỉ bấy nhiêu thôi. Dễ hiểu, phải không Thương?

– Sao? Anh chị chê sức già của tui à?

– Thương tính sao?

– Tùy ở Hòa. Nhưng mà làm sao để ngồi? Thương không muốn người ta cất công phải chở tụi mình đến hai lần.

Như không có nhiều thời giờ để tính toán, chiếc xe buộc phải rời đi khoảng sân đất trống trải bằng những vòng bánh quay lảo đảo. Thật là quờ quạng hết thảy mọi thứ. Bất đắc dĩ Thương ngồi phía yên sau, tôi ngồi vặn người trên sườn xe phía trước tay bấu vào ghi-đông. Một lỗ tai đón nghe tiếng hào hển của ông già một mắt thở sát rạt, nhột nhạt. Những câu nói luôn bị ngắt quãng, mệt mà chẳng chịu dưỡng sức.

– May mà họ giải tỏa đi hết mấy chiếc dò... không thì anh chị... thế nào cũng bị theo dõi... Họ đa nghi lắm... Bộ tính mượn đò âm mưu vượt biên sao.

Tôi muốn quay đầu lui nhìn chừng Thương nhưng ngại vấp phải mặt mình vào bờ môi có râu mọc lún phún những sợi bạc của ông già ngồi ngăn chia. Tôi cúi đầu xuống mặt lộ, thấy bàn chân Thương còn đong đưa phía sau. Chiếc dép nhựa quai màu xanh lục có dính bùn đất và cái ống quần đen mãi luôn rung động. Mặt nhựa đường màu xám chạy lui, lướt thướt

mang theo cảnh sắc trên đầu chiếu bóng vào mấy hố nước đọng từng vũng lớn. Con đường nhựa này có lẽ được khai sinh từ hồi Pháp thuộc. Và cũng có lẽ mãi từ đó đến nay, nó chưa hề được sửa sang tu bổ lấy một lần. Mặt mày nó có nhuốm chút thất thường, y như ông lão đạp xe. Ông ta cách biệt với thế giới loài người đã lâu chưa, mà thèm nói đủ chuyện không sợ khô hơi rát lưỡi.

– Anh chị có bà con thân nhân chi ở đây à?

– Có.

– Vùng này thì ai tui cũng biết tên. Xưng danh họ ra tui bảo đảm chở hai người tới đậu ngay chóc trước thềm nhà họ cú một.

Tôi không nói gì. Tôi bận để tâm dòm nghiêng. Xe đang chạy song song với một đồng cỏ mọc hoang. Những thanh sắt hoen rỉ cắm cao thấp ngăn chia biên giới ở bên đường, những sợi giây thép gai đoạn liền lạc đoạn gãy mất và đàng sau nó thấp thoáng những mộ bia mọc sồi sụt, nằm cách khoảng có thể đếm được bao nhiêu tảng xi măng, rời rạc bao nhiêu phần hồn có trong một thế giới đang đứng biệt lập. Dạo đó, tôi thật đáng tội. Tôi đã phạm nhiều sai trái lỗi lầm. Tôi sợ những người nằm thẳng cẳng im tiếng, sợ áo quan sợ hương đèn và luôn kiếm cớ lảng xa. Mẹ tôi, ba tôi. Không hiểu họ có trăn trối điều gì cuối cùng? Anh chị tôi tự tiện hay tuân theo thứ mệnh lệnh nào để xây đắp tính toan nơi an nghỉ cho ông bà tận một chỗ xa ngãi và hoang tàn tựa thế? Được gói thân vào lòng đất của tổ tiên để lại bộ "hạnh phúc" thiệt sao?

– Họ tính khẩn hoang trồng trọt cải thiện kinh tế chi đó mà lên kế hoạch hoài mãi không xong. Mồ mả của cha ông khi không lại biểu con cháu hồ hởi ra cày xới. Ai mà làm cho được? Chưa kể chân bước vô là đụng phải ông mìn, ổng nổ cho tan xương nát thịt. Đời thuở chi mà đau đớn oái oăm! Tui vô tội vạ đứng xớ rớ ra sao không biết mà phải để lại ở đó một con mắt. Thằng cha Quới hắn thiệt là duy tâm hơn ai hết, đi tuyên bố rằng đó chính là quả báo nhãn tiền, thời trai tráng đêm hôm đi dòm lén mấy mụ ở lỗ tắm sông nên chi bây giờ hội phụ nữ dưới âm phủ ra nghị quyết đòi ở tui cho được một con mắt nhuốm đục bụi trần.

Người đàn ông vừa nhắc đến tên chú tôi. Chú Quới thì miệng mồm lúc nào cũng vậy. Ngay cả sáo, nhồng, vẹt... con chim gì vô phước lọt vào tay chú rồi cũng dần dà bị lột lưỡi để tập ăn tục nói phét. Con thì tối ngày chửi

thề, con thì ra rả nói những chữ mà chú không thể ngứa miệng bậy bạ thốt ra: "Đả đảo bọn bây... Không đội trời chung... Ăn gan uống mật..." Thời đó mẹ tôi hay nhăn mặt, ông chú mi thiệt ba trợn. Họ thì khẩu Phật tâm xà, chứ ông ấy tau nghi e rồi cái chi cũng xà tuốt luốt. Nhãn xà, thủ xà, túc xà, khẩu xà...

– Mấy người thân của anh chị ở trong làng chắc cũng không tránh khỏi tai nạn... Như thằng Tư con tui học hành được mấy hột nơi a. Lính tráng thì đeo cho cái cánh gà bên vai là đã oai vệ lắm rồi, vậy chứ lão Quới hô hoán với cách mạng là hắn có một hoa mai ở cổ áo, dưới trướng có đủ một bọn ác ôn từng cắt máu ăn thề phải giữ cái cầu xi măng dẫn vô làng cho đến hơi thở cuối cùng. Thiệt là đoản hậu! Mụ vợ tui khóc gần mù hai con mắt mà thằng Tư cứ bóng chim tăm cá biền biệt ở miết trong rừng.

Tôi nghe khó chịu. Hơi thở lão chột càng lúc càng thấy hôi. Lưng tôi mỏi và mông bắt đầu thấy tê. Tôi ngờ vực, đầu óc nặng nề. Tôi cố quên những hình ảnh mà người đàn ông đạp xe vừa vẽ ra.

– Gần tới chưa? Tôi hỏi, giọng không giấu đi nỗi bực dọc.

– Chút xíu nữa thôi... Tui cũng mệt dữ, tuổi già quả là vô dụng... Thua xa lão Quới lăng xăng năng nổ lao động.

– Trong làng có mấy lão Quới cả thảy?

– Anh hỏi cái mới ngặt. Một là đủ kêu trời không thấu rồi, có hai lão Quới chắc đến Tào Tháo cũng bỏ chạy vất lại chiến y.

– Nói quá đáng. Người như vậy bà con ai lại chịu để yên cho. Như bác chẳng hạn, phải viết một cái đơn...

– Hắn là đứa ranh mương, nguyện dâng hết đất đai sở hụi cho nhà nước, làm đứa tay trắng tâng bốc nâng chìu ra sao mà chân được lọt vô trong Ủy ban Xã. Một thằng có chức phận như hắn thì tui phải biết đứng soi gương mà rờ lui sau ót. Mình đui một con mắt chớ có phải ba đầu sáu tay gì cho cam!

– Hồi nào xe tới gần nhà ông Quới thì bác cho tụi này xuống.

– Chi vậy?

– Bác chỉ nhà ông ấy cho tôi biết để mà tránh đi.

– Nói cũng đúng... Người lạ như anh chị về thăm làng thì phải có chút gì biếu xén để đăng ký tạm trú lâu mau. Bằng không thì họ chằm hăm mắt

như cú dòm nhà bệnh... Nói bỏ lỗi chớ tính tui như ruột ngựa, có gì để trong bụng sao nó không yên. Lợi thì ít mà hại thì vô số kể, biết thế mà sửa thân mãi vẫn không xong. Lão Quới nói tui là thành phần thiếu chất xám gì đó, tui nguy hiểm cứng đầu cứng cổ e có khi mà đúng. Thiệt chẳng nên đổ tội hàm oan cho lão.

Xe đạp qua một cái chợ thưa người nhóm. Những cái nón lá chẳng còn lành lặn chụp kín lên mặt mày, đè nặng xuống những dáng người ngồi cong lưng. Một phiên chợ vắng mặt mọi tiếng động. Tất cả như lắng đọng xuống, gây cảm tưởng là họ ngồi đó đã lâu năm mà chẳng hề có buôn bán đổi chác. Họ bất động, họ chìm khuất bên những thân cây còn mới màu sơn trắng quét phân nửa bên dưới chẳng biết với dụng ý gì. Họ cũ kỹ, lu mờ bên tấm vải đỏ tươi rói hàng chữ "Vui Xuân không quên nhiệm vụ". Chẳng biết là nhiệm vụ gì. Và đôi khi chính vì sự cần kiệm chữ nghĩa ấy khiến cho mọi người đều rụt cổ lại. Nhiệm vụ của lão Chột đã hết. Trí nhớ tôi đảo lộn một hồi rồi cuối cùng xoay đúng vòng khi nhận ra căn nhà "Lão Quới" theo tay chỉ người đạp xe thồ tình cờ. Nhiều vật lạ lẫm quá, nhìn không ra. Nó quay mòng, chóng mặt y như cái đĩa tròn có ghi số có đóng đinh đặt trên bàn xếp của thằng cha bán kẹo kéo thường đứng giữa chợ. Trật hay trúng gì thì cũng đưa tay đón nhận một đoạn kẹo cả. Trúng thì reo lên, dậm cẳng với vỗ tay; những con ruồi hoảng sợ bay chấp chới, nhìn cục đường thơm mùi va-ni được kéo oằn oại dài ra hơn chút. Mà trật thì... mới có chút xíu đã vội lanh tay ngắt ra. Những hạt đậu phộng nằm ở bên trong lấp ló chực rớt xuống.

– Tui phải tranh thủ đạp xe về đặng khóa treo lên lại chỗ cũ không thì mụ vợ...

– Hòa. Trả tiền cho người ta kìa.

Tiếng Thương khản đặc, nhắc nhở. Tôi nuốt nước miếng, moi bọc quần áo và trao cho ông già ướt đẫm mồ hôi một nắm tiền. Tuổi thơ có những giấc mơ lạ thường. Ước ao làm sao có được một cục đường lớn, nguyên vẹn của thằng cha bán kẹo kéo mà ăn cho sướng thấy tiên. Lớn lên, tiền của chính mình nằm nặng bọc lại chẳng còn tìm ra được một niềm vui để mua lấy. Ông Chột đếm những tờ giấy hôi hám bằng đôi tay run. Nó tương đương với giá hai cái vé xe lam mà hồi sáng sớm tôi mua ở bến xe nhiều sương. Tiết Xuân ẩm mát dễ chịu, trong không gian lưu trữ một thứ

gì đó làm mình dễ bồi hồi xúc động. Có khi nó biến ra gai lạnh, nó rót vào lồng ngực một dòng thủy ngân buốt nhức để vô tình môi mình mấp máy một bài hát tầm bậy, không nên có: Tết nhất làm chi, ai bày... Tết nhất mà làm chi...

Mắt người đếm tiền sáng loáng lên một cách kỳ lạ. Nó làm trôi hết những cục ghèn đọng bên khóe và thôi nhìn ra những phiền muộn đóng màng hấp háy. Tôi hơi tàn ác để nghĩ rằng phải chi con mắt bên kia của lão Chột còn lành lặn thì giờ này nó đã được hưởng ké một phần cái... le lói cuộc đời. Tiền của, vật chất. Gia đình địa chủ bóc lột. Thành phần cốt cán bần cố nông... Ngôn ngữ sao nghe lạnh lẽo, xa lạ và đe dọa quá lắm...

– Chúc anh chị vui vẻ. Năm mới phát tài, hạnh phúc.

Miệng tôi đắng. Những chữ ấy thật ấm áp, quen thuộc; nó thân tình cởi mở mà sao không làm cho môi mình cười được. Tôi nghe Thương nói nhỏ chữ cám ơn bác. Nàng quay đầu nhìn đuổi theo bóng ông Chột đạp xe lẻ loi băng qua chiếc cầu xi măng vẫn chưa có một cọng nắng đâm xuống.

– Có thể những gì ông ấy kể là cả một sự thật. Hòa có nhìn nhận vậy chăng?

– Ngồi sau, Thương nghe hết chuyện không?

– Hòa à. Có phải ông chú của Hòa là người lắm chuyện ấy không?

Thương thuộc mẫu người ít nói. Những người con gái thầm lặng thường giỏi nhận xét và luôn quan sát đúng? Tôi chưa bao giờ giấu Thương một điều gì, giữ cho nhau thứ tình yêu đẹp, điều căn bản là lúc nào cũng cần tới lòng thành.

– Phải. Thật không ngờ.

Tôi nói trong khi đón lại cái ba-lô mà Thương giành ôm giữ khi ngồi dễ dàng ở sau xe. Xuống tới nơi rồi, tôi phải đỡ lấy giùm Thương những nặng nhọc.

Da mặt Thương vẫn xanh xao. Lý ra tôi không nên rủ rê Thương đi cùng. Mấy bà bán rau ngồi gần đó ngẩng đầu lên nhìn. Trong mắt họ, chắc phát hiện ra ngay thứ nhan sắc Thương mang, không sai chạy là người từ trên phố mới về. Bạn thân của Thương cũng vì cái nét đẹp lạ thường ấy mà vượt biên hai ba bận vẫn đều bị đổ bể khi tập trung người ở một chốn xa phố phường. Chúng tôi không có âm mưu gì ghê gớm cả, nhưng lần đầu

cùng nhau đi xa, đón nhận những tia nhìn săm soi lãnh cảm ấy, tôi nghe ra nỗi bất an đứng lảng vảng thật gần.

– Chuyện chính là mình đi thăm mộ, chỉ có vậy thôi. Ngủ tạm một đêm ở đây xong mình đón xe trở lại vào ngày mai.

– Thương đâu có nói gì? Không có ý kiến.

– Tốt hơn hết mình hãy tới nhà ông ấy ngồi nghỉ rồi mọi chuyện khác tính sau.

– Không tìm mua một cái gì để làm quà?

– Cho ông ấy hưởng một phần những hoa quả mà mình đem theo cúng là đã quý rồi.

Cuối hẻm chợ có một cái giếng. Một hai đêm hè trăng sáng, tôi nhớ mình từng mặc quần xà lỏn đứng dội những cái nón sắt của lính làm gàu đựng nước mát lạnh xuống thịt da nhễ nhại loáng ướt màu trăng. Những tiếng cười lanh lảnh của mấy cô đi gánh nước vang vọng trong đêm có chó tru từ xa đáp lời:

– Cháu ông Quới cũng thiên địa lắm chứ không vừa đâu. Ưa người ta đứng tắm chung hay sao mà dội nước tung tóe qua tới bên đây?

Giờ này, bờ giếng đó đã sứt mẻ như vành một cái ly thủy tinh bị bể. Nét chữ ai khắc run rẩy con số 1957 trên thành xi măng vẫn còn, nhưng dưới nó thẳm sâu một mộ huyệt khô và tối. Những viên gạch đỏ bị đóng rêu lởm chởm, những thân cây nhỏ sống bám víu còi cọc. Tôi muốn thòng một sợi dây xuống, múc lên cho Thương một gàu nước để rửa sạch đôi chân lấm bùn nhưng không thể. Thương ném một vật gì đó xuống dưới. Nàng muốn thử lắng nghe tiếng vọng dội của mặt nước xao động trả lời?

– Hòa có nghe chi không?

– Giếng khô mà. Có nước thì đã nghe ra.

– Chắc sâu lắm?

– Có thể. Kiếm một hòn đá cho lớn thử coi. Thương vừa ném cái gì xuống vậy?

– Một đồng xu.

– Hèn gì...

– Kèm theo một lời ước nguyện.

Tôi nắm lấy bàn tay phải của Thương, cảm động. Không bao giờ, ngàn năm sau vẫn vậy, chẳng thể có một cái gì đó giết được lòng tin của con người. Tôi yêu tất cả những gì mà người ta gọi là dị đoan vớ vẩn. Tôi ghét tất cả những gì mà người ta gọi là khoa học biện chứng. Tôi muốn hôn vào môi Thương để cám ơn. Để ngăn miệng mình đừng vọt ra câu hỏi: Thương ước nguyện điều gì? Thương đẩy tôi ra cùng lúc với một tiếng nói lớn chợt bùng lên phía sau lưng tôi. Một tiếng hét thì đúng hơn:

– Phải mi đó không Hòa?

Tôi quay lại, không phải vì có người bỗng gọi tên mình. Tôi giật mình thảng thốt ngoái đầu là một diễn tả đúng đắn nhất. Có hai người đàn ông tiến tới gần. Một trẻ một già, một ốm cao xương xẩu và một thấp bé láo liên. Tên ốm cao thì trâng tráo mải nhìn Thương, người thấp bé thì chú mục quang tới riêng tôi. Như họ đã có dự trù trước, việc ai nấy làm, mỗi người "bám trụ" một mục tiêu đối tượng.

– Chú Quới hả?

– Tổ cha mi. Còn đứng đó mà hỏi. Tới lâu mau rồi? Không thuộc đường hay sao mà nhà cửa không bước vô lại ra giếng hoang mà đứng đực mặt.

– Đây là bạn của cháu. Tôi quay qua Thương, chỉ tay vô người lùn nhất bọn giới thiệu – Đó là chú của Hòa.

– Mi về chơi khơi khơi hay có chuyện chi? Ông nội mi, giờ này trổ mã vượt ông chú mi tới mấy cái đầu. Đàn ông trong dòng họ có ai cao như mi đâu?

– Cháu về thăm lại mộ. Thắp cho những người khuất mặt ít cây hương.

– Tình nghĩa dữ không. Ngoài đó cỏ mọc không trông ra mặt người. Lâu quá mi chẳng về làm tau tưởng e mi cũng lú lấp, hình hài mọc kín cỏ xanh.

– Chú dạo này thay đổi có hơi nhiều.

Ông đứng dạng chân ra, chống nạnh hai tay sau lưng.

– Hình hài tau đổi hay cái chi khác?

Người ốm cao đập tay lên vai chú tôi.

– Phải đổi chứ. Phải luôn thích nghi với thời đại mới. Phải không anh Quới?

Giọng hắn nặng nề, mà bàn tay vỗ nhịp trên vai người chú coi cũng chẳng nhẹ nhàng cho lắm. Chú tôi nhăn răng cười.

– Dạ phải.

– Cháu ruột của anh đó à? Không giới thiệu thì đố ai mà tin.

– Dạ đúng. Hồi nãy tui gọi hắn mà trong bụng cũng không tin tưởng cho mấy.

– Còn cô này? Sao xanh mặt xanh mày thế? Người nhà cả, có ai ăn thịt cô đâu?

Tia mắt hắn rớt xuống lưng chừng, dừng yên ở giữa ngực Thương. Nếu ăn thịt người được, có lẽ hắn ăn vùng thịt đó trước tiên. Tôi tìm tay Thương để nắm lấy, kéo đi.

– Mệt quá. Chiếc xe lam bị hỏng máy dọc đường. Chắc mình vào nhà nghỉ thôi chú.

Chú Quới và tên ốm cao còn đứng ở đó to nhỏ thầm thì mặc cả với nhau. Bước chân Thương dài ra, đi nhanh như hoảng sợ một cái gì đó ở đàng sau. Nàng vừa cầu xin một điều thầm kín và tựa rằng thần linh đã nổi giận xua đuổi. Tôi nhớ lời của mẹ Thương. Nghị lực là người bạn quý. Tôi chưa thực sự sống nhiều cảnh đời thăng trầm lên voi xuống chó để cảm nhận rõ về điều đó. Tôi cũng chẳng hề có được một đứa bạn nào để ví nó như thủ túc, như y phục của mình. Mọi đứa dường như đều sắm được một bộ da của con cắc kè. Xanh đỏ biến hóa tới chóng mặt tùy theo hoàn cảnh. Bởi vậy, nghị lực đối với tôi đồng nghĩa với sự thủ phận, đứng chông chênh gần với chữ hèn nhát. Cúi thấp đầu xuống, giả dại qua ải... Tôi muốn nói một đôi lời nghe cho có vẻ cứng rắn với Thương nhưng tìm ý diễn đạt mãi không ra.

– Cửa nẻo khóa chặt cả rồi... Coi kìa, đợi tau đi với chứ.

Chú Quới đuổi theo. Ông khoát một bàn tay lui sau, gửi lại cho tên ốm cao thứ lời chào không thể nói. Hắn đứng yên không phản ứng, mặt lầm lì như thể vừa uống xong cả lít rượu để đợi cơn say ùa tới.

– Tụi bây thiệt không phải phép. Chẳng chào người ta lấy một tiếng.

Chú nói. Mắt thì nhìn cái ba-lô trên vai tôi khi đứng mở cửa. Căn nhà bên trong tối hù, mùi ngai ngái của thuốc lào, mùi ẩm mốc của đồ vật tràn ra đón khách. Giữa nhà đặt để một cái bàn gỗ với ba bốn chiếc ghế không

đồng dạng đứng vây quanh. Tôi không vận dụng trí nhớ để nhìn lại những đổi thay của đồ vật. Tôi bận mở sợi dây cột thắt trên miệng ba-lô.

– Có chút ít quà mang về cho chú.

Một cái bánh chưng. Một gói trà. Ba bao thuốc lá Đồ Sơn. Tôi đặt chúng xuống mặt gỗ đã trầy trụa lớp vẹc-ni đang hứng bừa bộn những ly tách cáu bẩn. Chú Quới đi mở tung hết hai cánh cửa sổ. Ông trở lại bàn, hết vọc tay vào thứ này xong đến nâng thứ khác lên, áng chừng đang đo lường cân nhắc một việc gì khác.

– Mi thiệt bày vẽ. Dạo ni đã làm nên công trạng chi chưa?

– Công trạng? Thì cũng công nhân viên bậy bạ vậy mà. Đại khái.

– Phải phấn đấu chứ. Giọng điệu chi mà khó nghe. Cô này làm chung cơ quan à?

Tôi nói dối, xác nhận cho qua chuyện rồi kéo ghế cho Thương ngồi.

– Mệt không?

Thương lắc đầu. Cả nàng cũng dối gạt. Hai đứa đều nói láo, trước sau không đầy một giây. Hình như khi mình muốn yên thân, phương pháp hữu hiệu nhất là đừng dụng chi tới sự thật?

Sau chỗ Thương ngồi có kê một cái tủ nhỏ, thấy được hai mẩu đèn cầy cụt ngủn nằm lăn lóc, chai lít đựng nước mắm hay chứa rượu thuốc đã vơi phân nửa thứ dung dịch màu nâu đen, bốn năm cuốn sách cong góc với những trang giấy xộc xệch. Tôi với tay nhặt lên một cuốn.

– Chú dám tàng trữ văn hóa phẩm đồi trụy? Bữa nay ra giúp việc nước hay sao mà chịu khó luyện Tam Quốc Chí?

– Như vậy mà thấm tháp gì. Khi trước tau tịch thu đếm không xuể. Thủy Hử, Tiêu Diệt Lệnh, Cậu Chó, Lệnh Xé Xác... Đem biếu cho mấy anh cán bộ hết trơn rồi đó chớ. Tau cũng khôn, mấy thứ chữ ngoằn ngoèo đó như có ma nhập, giết người như chơi...

– Chú lập nên công trạng cũng nhiều dữ.

– Mi không biết thôi. Đi hỏi khắp vùng ai mà chẳng biết tên chú mi.

– Đừng lo chuyện không ai biết tới mình, chỉ nên sợ một điều là khi họ biết đến chú, họ nghĩ chú là hạng người nào thôi.

– Nói như cục cứt, ngửi không vô. Dạy sách thánh hiền cho tau đó à? Thiệt là ngứa cái lỗ tai.

Tôi lật những tờ giấy vàng xỉn. Lưu Bị, Tào Tháo, Quan Công, Triệu Tử Long... Những cái tên chạy lướt qua trong trí mà không đợi chữ nghĩa đập vào mắt nhìn. Tôi chợt nhớ ra một điều.

– Lát nữa chú dắt tụi này đi thăm mộ của Ba Mẹ, có được không?

– Tau bận việc rồi. Chiều nay ở bên Hợp tác xã có tổ chức ăn liên hoan, năm mới thắng lợi mới.

– Ngoài đó có gài mìn hay sao?

– Nói tầm bậy. Tau không có rảnh thật đó... Mìn thì tụi nó vất đâu từ ba đời vương kia. Lâu lâu xui mới nghe nổ cái rầm.

Tôi đã tin lời nói của ông chột mắt. Tôi ngó buồn rầu một vòng.

– Gần Tết sao trong nhà lạnh tanh thế này?

– Ý mi muốn nói tới cái chi? Tiền bạc tau đâu có nhiều nhặn gì mà bày vẽ. Tiền, tiền. Mả cha hắn, phải chi tau có được một nạm...

– Mấy mẫu ruộng đâu? Của chú và của Ba nữa.

– Mi biết cái con quỷ chi mà nói. Ba cái vụ rắc rối đó làm tau rụng một đống tóc đây nè. Hừ, tau mà không lanh thì giờ này mi ra thắp hương cho thằng Quới ni luôn... Mà ngay cả mi nữa, sướng ích chi mà về thăm mộ. Có tưởng nhớ thì để trong tâm can là được rồi, rình rang ra họ sinh dị nghị không tốt.

Tôi nhìn người chú. Tôi nhìn những mẩu nến cụt. Tôi muốn đốt cháy lấy nó để soi cho rõ mặt mày ông. Tự nhiên trong đầu tôi chợt thắp sáng một ngọn lửa. Tôi mở ba-lô lôi từ dưới đáy lên một gói giấy báo vuông vức. Anh tôi di tản qua Mỹ đã lâu, biết bão lụt tàn phá ở bên nhà nên có gửi tiền về nhờ tôi đi thăm lại mộ để sửa sang. Năm trăm Mỹ kim đổi khơi khơi cũng được cả ký giấy lộn ngân hàng nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

– Tiền đâu mi có nhiều dữ thần vậy?

Người chú đứng bật dậy nhìn gói giấy vừa được xé ra. Ông xiêu xiêu như bị trúng gió đột ngột.

– Nếu chú giúp cháu thì một nửa khoản tiền này là của chú.

– Giúp... Đừng nói tới chữ giúp... Mà mi muốn tau giúp chuyện gì...? Ừ, đúng rồi. Xét ra chuyện này phải nên kể là quan trọng hàng đầu. Thằng Đản mà hồi nãy mi gặp ngoài giếng đó, hắn là xếp công an ở đây. Hắn nói

tối nay có liên hoan ở Hợp tác xã Quyết Thắng và phải mời cho bằng được cô bạn mi đến dự... Hắn là thằng có máu xấu, chắc chắn sẽ mưu toan sắp đặt chuyện chẳng lành. Nghĩ tình chú cháu tau khuyên mi nên kiếm cách dắt cô này bỏ đi càng sớm càng tốt. Hắn là vua, khi xảy ra cớ sự rồi... Tau là cắc ké thì làm sao giúp hai đứa bây thoát nạn?

Ông chú nói tới sùi bọt mép. Cuốn truyện tôi cầm mềm nhão thấm ướt cả mồ hôi tay. Tôi không dám nhìn vào mặt Thương, có cảm tưởng mình đã phạm với Thương một lỗi lầm khó tha thứ. Tôi nhìn chăm những tờ giấy bạc. Những buổi học nghị quyết, giảng viên họ thật sáng mắt sáng lòng, rằng nó thuộc loại hạ tầng cơ sở quyết định thượng tầng kiến trúc. Cám ơn Tiền. Cám ơn hào quang của mày đã làm ông chú dám nói lên sự thật. Tôi gạt một nửa đống tiền sang phía người chú. Mắt ông sáng lòa làm tôi nhớ tới khuôn mặt của lão chột. Có lẽ chỉ có lão chột mới giúp mình được việc, kể cả việc xâm mình vào nghĩa trang để tu sửa hai nấm mồ của song thân.

Tôi nắm tay Thương đi như chạy ra khỏi nhà ông chú. Thời gian đang sáng, đang trưa hay đã về chiều tôi không cần biết tới. Chưa có bóng tối đổ ập xuống thì vẫn còn biết đường mà lộn ngược trở về. Những ngày cuối năm, ngày như muốn ngắn bằng đêm. Trời xám xịt, ánh sáng vừa đủ để nhìn ra những giọt nước mắt của Thương chảy xuống loang loáng. Tôi ném cuốn truyện Tàu mải cầm theo trên tay xuống lòng giếng. Ông Thánh Thán được sinh ra trong một thời đại thật có nhiều hạnh phúc. Khi làm bảng tổng kết ở cuối đời mình, người viết những lời bàn sâu sắc duyên dáng ấy suy nghĩ để nhặt ra được ông có tới mười điều vui. Thương ơi, biết tới khi nào chúng ta có được một điều vui? Thương ném xuống giếng ước một đồng xu và có phải Thương chỉ cầu mong rằng xin cho chúng tôi ngày hôm nay được tai qua nạn khỏi?

Bốn bàn chân trần chẳng còn nghe ra nỗi đau nhức trên đoạn đường có nhiều đá dăm. Nghị lực, nghị lực. Hãy vì tình yêu của mình mà lờ đi sự đổ máu bên dưới nhé Thương. Sách giáo khoa thư viết rằng: Một người đi xa trở về làng cũ được dân làng xúm xít vây quanh hỏi chuyện. Ông ấy mỉm cười: Không có chốn nào đẹp cho bằng... đẹp cho bằng... đẹp cho bằng... Tôi vừa chạy vừa khóc. □

TRẦN HỒNG CHÂU

ĐÊM MƠ GẶP TỐ NHƯ

*

Cố nhân nhập ngã mộng
– Đỗ Phủ

Đoạn trường vút nẻo mờ khuya
Trăng soi gối chiếc mây lìa cành non
Thu về đậm nhạt tấm son
Đàn vương mộng cũ lối mòn về đâu

Đoạn trường nửa gánh qua cầu
Vân xoay núi biếc vẫn màu thủy chung
Cảo thơm còn lẻ kiếm cung
Đàn say tóc trắng mịt mùng âu lo

Cúc vàng thu gọi hư vô
Trăng bên giường bệnh hải hồ là đâu
Mấy thu kinh khuyết tình sâu
Mấy trăng cổ độ vương hầu loạn ly

Tiếng đàn còn vút làn mi
Long thành cầm giả hay vì Tầm dương
Bâng khuâng ảo giác phố phường
Hương thề quanh quất đoạn trường héo hon

Sầu riêng ấp ủ tấm son
Một thiên bạc mệnh chưa mòn tuyết băng
Bóng ai lãng đãng cầm trăng
Gió thu hồng biếc một vầng quan san
Đường đời còn mãi phân vân
Thì xin ước hẹn vô vàn mai sau

Thì xin tát cạn nguồn sầu
Nghìn thu tuyệt bút điểm mầu vấn vương
Phấn hương thừa nhật nẻo đường
Nỗi tình ai cũng đoạn trường với ai

Đêm thu mộng triệu khơi miền
Đàn say bướm nhỏ ưu phiền gió trăng
Gặp Người ta lại cố nhân
Bất tri tam bách... một vần cảm thông

NGUYỄN MỘNG GIÁC

"chaka"

*

Nhân dịp một người bạn cũ vừa qua Mỹ trong chương trình HO, cụ Tuân bảo con dâu sửa soạn cho ông một bữa tiệc vào cuối tuần. Thứ bảy, khoảng sáu giờ chiều.

Chị Toàn rụt rè thưa với cha chồng:

– Thời tiết độ này tối sớm. Con sợ mời các cụ đến lúc sáu giờ, các cụ không tìm ra số nhà ta.

Cụ Tuân thấy con dâu nói phải, nên gọi điện thoại hẹn lại giờ với các bạn già. Ba giờ chiều, ờ, ba giờ chiều gặp nhau, hàn huyên chuyện cũ chuyện mới cho đến bảy giờ thì cạn, con cháu đến rước về, nghỉ ngơi ít lâu rồi còn lo uống thuốc, xem Tivi theo dõi tin tức năm châu, và vào buồng đỗ giấc ngủ.

Lại đến lượt chị Thúy lo lắng:

– Con phải làm giờ phụ ở sở sáng thứ bảy, hai giờ chiều mới ra khỏi sở. Nhưng không sao. Con ghé phố mua một ít đồ nhắm ở tiệm Tàu cũng được. Ba có cần mua tí rượu không ạ?

Cụ Tuân vui vẻ tán đồng:

– Phải đấy. Con mua cho ba một lọ Ngũ Gia Bì. Ồ không. Mấy ông ấy quen uống rượu Tây chắc không ưa Ngũ Gia Gì. Con lấy cho ba một chai Cordon Bleu. Để ba đưa tiền.

Chị Thúy từ chối:

– Thôi ba để dành dấy mà tiêu. Con có tiền. Xin phép ba con đi làm.

Cháu Linda dậy, ba nhắc cháu uống sữa và đi tắm. Con đã pha sẵn sữa để ở tủ lạnh. Anh Toàn về ba nhắc giùm con là có mấy cái hóa đơn điện thoại và bảo hiểm xe anh ấy chưa ký trả, chỉ còn một ngày nữa là hết hạn...

Con dâu đi làm ca tối, cụ Tuân một mình ở nhà ngồi nhìn ra phía cửa sổ phòng khách, đầu óc rỗng không mông lung, không biết mình đang vui hay đang buồn.

So với những bạn già ông sắp mời dự bữa tiệc cuối tuần này, ông là người may mắn. Ông góa vợ từ hồi còn ở Việt Nam, một tháng sau khi đứa con gái ông bà vượt biên và may mắn thuận buồm xuôi gió, đến được Singapore, rồi mau chóng được anh ruột bảo lãnh qua Mỹ. Toàn, con trưởng nam của ông thì đi du học từ năm 1972. Cả hai con của ông đều học hành thành tài, nghề nghiệp vững, lương cao, quan trọng nhất là may mắn gặp được những người chồng người vợ cùng nghề, cùng trình độ học thức, cùng thành phần xã hội và gia đình. Con gái ông ở một tiểu bang miền Đông lạnh lẽo nên khi được bảo lãnh sang Mỹ năm ngoái, ông quyết định về California sống với anh chị Toàn. Ông được hưởng tiền trợ cấp người già, nên khỏi phải áy náy là gánh nặng cho con cháu. Ngoài thì giờ coi sóc nhà cửa vườn tược, chơi đùa với cháu Linda, ông còn đọc báo, xem sách, xem truyền hình. Một ông bạn già khuyến khích ông viết hồi ký, vì ông đã từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong chính quyền miền Nam, biết được một số chuyện hậu trường lâu nay chưa hề được công bố trên sách báo. Ông thấy công việc ấy có ích, hấp dẫn, nhưng còn nấn ná vì chưa biết phải viết thế nào cho phải. Cuối tuần, ông sẽ đem dự định ấy ra hỏi ý kiến các bạn thân.

Nhà anh chị Toàn nằm trên lưng đồi, thuộc một khu gia cư hạng trung lưu xa cảnh chen chúc ồn ào của các khu thương mại. Bên kia cửa sổ là một vườn phủ đầy cỏ xanh mượt, ven theo hàng rào sắt là những khóm hồng đủ loại. Có những buổi chiều ở nhà một mình, mặc áo len cẩn thận, ông đứng hàng giờ vịn vào hàng rào sắt nhìn xuống chân đồi, mải mê ngắm những khu vườn bậc thang tiếp nối dưới khu vườn nhà ông, rồi tầm mắt đưa ông đến xa hơn, tới những xa lộ đầy ắp xe cộ, những tòa cao ốc tráng lệ, những khu thương xá lấp lánh cửa kính. Tất cả đều dường như xuôi chiều, trật tự, ổn cố, ngăn nắp, hợp lý... Lòng ông êm ả, khác hẳn với cảm giác bực bội mỗi lần ông đọc báo hoặc xem truyền hình. Có nhiều lúc ông nghĩ có lẽ

cuộc sống êm ả quá nên báo chí và truyền hình đã phóng đại những chuyện lặt vặt thành chuyện động trời, cho đời sống bớt phẳng lặng nhàm chán. Chẳng hạn tuần lễ này báo Mỹ làm rùm beng về chú nhỏ mười tám tuổi người Mễ tên Daniel Bernardo Ramos.

*

Cậu nhỏ Ramos không thể tưởng tượng nổi hành động kỳ cục của mình lại là đề tài bàn luận sôi nổi của năm cụ già Á-châu ở khu đồi cách nhà mẹ cậu có mười phút lái xe. Cậu không ngờ ba trong số năm cụ già Việt Nam đó (cậu không biết Việt Nam là nước nào, nằm ở đâu trên quả địa cầu) từng là nạn nhân của cậu. Những nạn nhân hể hả, không chút oán thù, nếu căn cứ vào giọng bàn cãi say sưa hào hứng của họ chiều thứ bảy ấy.

Một người bạn già của ông Tuân bất ngờ dẫn theo một người bạn lạ, nên ban đầu câu chuyện có vẻ gượng gạo, khách sáo. Chủ nhà cứu vãn tình thế bằng cách đưa ra bài báo đăng trên Los Angeles *Times* viết về cậu Ramos. Thế là buổi họp mặt rôm rả ngay.

Ông khách ở cách nhà anh chị Toàn không xa, kêu lên:

– Tại sao lại thả hắn ra? Tôi chịu, không hiểu nổi công lý của xứ này. Vẽ bậy vẽ bạ lên hàng vạn bức tường, tốn biết bao nhiêu công của mà chỉ bỏ tù hắn có năm tháng! Sáng thứ năm đọc báo biết tin hắn được thả chiều hôm trước, tôi tức lộn ruột. Tôi mất cả một buổi sáng dùng nào xăng, nào bàn chải, nào giẻ lau, nào dao cạo mới tẩy hết được mấy chữ... mấy chữ gì nhỉ?

Ông Tuân tiếp lời bạn:

– "Chaka". Tôi cũng phí mất cả buổi chiều như anh. Chaka! Hắn xịt sơn chữ Chaka lên tường nhà tôi. Chaka chữ Mễ nghĩa là gì nhỉ?

Ông Liễn nói:

– Tôi cũng có đọc bài báo đó trên tờ *Press-Telegram*. Họ giải thích Chaka chẳng có nghĩa gì cả. Nếu hắn xịt sơn tên Daniel, hoặc Ramos thì còn hiểu được. Đằng này, Chaka!

Ông Thuận rụt rè góp lời:

– Hay là biệt hiệu của hắn?

Ông Tuân cãi:

– Không. Nhà báo hỏi các bạn của hắn, chúng trả lời chính tụi nó cũng chẳng biết Chaka là cái gì.

Rồi ông giở giọng triết lý:

– Chaka không có nội dung. Chaka chỉ là một ký hiệu, chứng tỏ nó có mặt. Nó muốn mọi người nhớ là nó không vô danh. Nó có lý. Thằng bé hiện giờ chắc sướng lắm, vì báo chí nhắc đến nó cả tuần nay. So với những người liều chết leo lên tận đỉnh Hy Mã Lạp Sơn hoặc bơi thuyền độc mộc chúi xuống thác Nicagara để được lưu danh trong *Guiness Book of Records*, Ramos khôn hơn nhiều. Chỉ phải ở năm tháng tù! Rẻ chán!

Ông Thanh, người bạn lạ ông Thuận dẫn tới, từ lâu ngồi yên nhấp rượu nghe thiên hạ bàn luận, bấy giờ mới nói:

– Cậu ấy chỉ mới mười tám tuổi, chưa có gì để nhắc nhở đời, nên phải vội vã thế. Nếu Ramos sống thêm vài mươi năm nữa, vinh nhục trải qua hết, thì cậu ấy sẽ chín chắn hơn, khỏi phải mất công lén lút vất vả đến thế! Mà cũng khỏi phải dùng đến chữ Chaka vô nghĩa đến thế!

Ông Thuận thấy bạn chịu nhập vào khung cảnh chung, vui mừng hỏi:

– Còn có cách khác à? Tôi không tin. Giả thử "cụ" Daniel Bernardo Ramos sống thọ đến cái tuổi của chúng ta đây, "cụ" làm gì?

Ông Tuân bật cười:

– Viết hồi ký. Sao các anh lại cười? Tôi nói nghiêm chỉnh. Tại sao lại không viết hồi ký nhỉ? Anh Khánh từng xúi tôi viết hồi ký, ban đầu tôi ngại, nhưng càng về sau càng thấy nên lắm. Cả anh Khánh, anh Liễn, anh Thuận nữa. Các anh cứ kể những thành bại, những kinh nghiệm của đời mình một cách giản dị, trung thực, cũng đủ là bài học cho con cháu rồi...

Quay về phía người khách lạ, ông Tuân rụt rè nói:

– Còn, còn... người bạn mới đây...

Ông Thuận hiểu ý bạn, tiếp lời:

– Anh Thanh cũng nên viết hồi ký lắm. Tôi chưa kịp giới thiệu kỹ anh Thanh với các bạn. Anh là đại tá... đại tá hồi hưu (ông cười... rụt rè... lại cười, rồi tiếp) đại tá Việt Cộng thứ thiệt, bạn học cũ của tôi hồi trước. Anh vừa được cháu bảo lãnh qua đây hơn một tháng.

Ông Thanh ngồi ngay ngắn, nghiêm trang nói:

– Vâng, tôi từ Hànội sang. Tôi với anh Thuận học chung nhiều năm ở

trường Bưởi, sau đó mỗi người mỗi ngả, nay lại gặp nhau ở đây. Vâng, tôi cũng muốn viết hồi ký, chỉ sợ không ai chịu xuất bản cho.

Thấy ba người bạn kia đổi ngay thái độ, từ thoải mái chuyển sang phòng vệ thủ thế, ông Tuân vội nói:

– Anh viết trung thực thì khối người sẵn sàng in sách cho anh. Ông Bùi Tín vừa cho in cuốn hồi ký *Hoa Xuyên Tuyết* đấy, anh biết chưa? Ông ấy không chịu xin tỵ nạn, bảo còn chờ cơ hội trở về nước, huống chi anh đã qua ở hẳn bên này. Anh đã đọc *Hoa Xuyên Tuyết* chưa? Anh nghĩ thế nào về ông Bùi Tín?

Một lần nữa, câu chuyện trong phòng trở nên hào hứng. Cả phòng quay sang hỏi han, chất vấn ông cựu đại tá "Việt Cộng". Ban đầu ông Thanh đáp nhát gừng, nhưng càng về sau, ông càng tự tin, nói thoải mái, đôi lúc còn pha trò. Đời sống lớp sĩ quan bộ đội hồi hưu như ông? "Đầu đường thiếu tá vá xe. Cuối đường trung tá bán chè đậu xanh. Giữa đường đại tá rao kem". Nhiều tiếng xuýt xoa thương cảm che giấu đàng sau sự thỏa mãn đắc chí. Có lẽ ông Thanh nhận ra được điều phức tạp ấy, nên nổi lòng tự ái, ông ca tụng cảnh sống nghèo thanh bạch của thế hệ ông. Bốc đồng, ông nói:

– Chúng tôi không có gì phải thẹn với lương tâm cả. Anh Thuận còn nhớ hồi tụi mình vào Tự Vệ Thành không? Còn nhớ hồi cùng đội Võ Trang Tuyên Truyền ở khu Tư không? Đêm anh "dinh tê" tôi thao thức trọn đêm, cứ trăn trở không hiểu về thành như anh hay ở lại như tôi ai phải ai trái. Tôi bị công an làm khó dễ một thời gian, nhưng sau cũng êm. Nếu...

Ông Tuân cắt lời ông đại tá:

– Phải trái bây giờ đã rõ rồi. Bằng chứng là hiện giờ anh ở đây.

Ông đại tá định cãi lại, nhưng nhìn quanh thấy mình đơn độc, nên ông im lặng, đưa tay cầm cốc rượu nhưng không uống. Ông Thuận áy náy bênh vực bạn:

– Sự thực vấn đề không đơn giản như thế. Đêm hôm đó, hai chúng tôi nằm nói chuyện tới quá khuya. Mẹ tôi thuê người ra liên lạc dẫn tôi về Hànội. Hẹn bốn giờ sáng khởi hành. Tôi băn khoăn không biết tính sao. Vâng, hồi đó là mùa đông năm 1952. Tôi hỏi ý kiến anh Thanh đây. Thanh cũng không biết khuyên tôi làm gì. Ở lại thì vừa khổ lại vừa lẻ loi, vì người

ta bắt đầu xét nét theo dõi chỉ trích bọn tiểu tư sản. Còn "dinh tê" thì... chẳng lẽ về làm tay sai cho Pháp. Thành thực mà nói, hồi đó tôi quyết định về Hànội chỉ vì những cớ rất bình thường, không phải là một lựa chọn lớn lao.

Cả ông Tuân, ông Khánh lẫn ông Liễn đều hỏi:

– Cớ gì? Vì sao anh về?

Ông Thuận suy nghĩ một lúc, rồi chậm rãi đáp:

– Nhiều lắm cơ. Những cái cớ tôi tìm ra để dễ dàng về thành như về để chữa cho dứt cái bệnh sốt rét, về vì mẹ tôi chỉ có tôi là con một, về vì mẹ tôi đã vét hết tư trang để trả trước cho người dẫn đường... May là càng về sau, tôi càng thấy mình về là đúng. Nào "rèn cán chỉnh cơ", nào "cải cách ruộng đất"... Tôi ở thành nhưng vẫn theo dõi các vụ thanh trừng trong khu. Tôi suýt bị bắt lính hồi Pháp vét hết thanh niên Hànội để thả xuống Điện Biên, các anh biết không? May sau đó có hiệp định Genève, rồi tôi gặp ông Nhu.

Ông Khánh cười, nói:

– Hóa ra "Cần Lao gộc" cũng có thời trốn đánh nhau với Cộng-sản. Tôi mà biết sớm thì...

Thấy ông Thanh nhìn ông Khánh tò mò, thầm dò hỏi thân thế con người vạm vỡ đẹp lão nói giọng Huế, ông Tuân nói:

– Tôi quên chưa giới thiệu rõ từng người cho anh Thanh. Vâng, bọn già chúng tôi ngồi đây đều là "anh hùng mạt lộ". Anh Thuận thì anh rõ rồi. Anh Khánh là đồ đệ tâm đắc của thầy Trí Quang, cựu bộ trưởng, cựu thượng nghị sĩ. Trước 75 đừng ai mong chờ có ngày anh Thuận với anh Khánh ngồi với nhau cụng ly chạm cốc như hôm nay ở đây. Anh Liễn thì du học Mỹ từ thời 50, từng thăm nom giúp đỡ ông Diệm lúc ông ấy còn ở tu viện Maryland nhưng không chịu về làm quan to cho đệ nhất Cộng-hòa, mãi về sau mới về làm cố vấn cho ông Khánh một thời gian. Còn tôi, dân Nam-kỳ quốc, làm việc nhiều năm với ông Lộc. Anh thấy không, "ngụy" gộc cả đám! Sao hồi chúng tôi bị đi cải tạo không gặp anh? Nhiều trung tá, đại tá tới "lên lớp" chúng tôi, kể cả ông Bùi Tín nữa.

Ông Thanh đáp:

– Lý lịch tôi xấu, chỉ được giao cho việc bàn giấy. Việc ngồi chơi xơi nước. Cũng nhờ thế mà họ cho tôi qua đây.

Ông Thuận nói:

– Nhưng anh vẫn có nhiều điều cần viết ra. Những điều, những nhận xét anh kể với tôi tuần trước. Anh nên viết một tập hồi ký. Không biết chừng nổi hứng tôi cũng viết cuốn hồi ký của tôi, kể lại thời khai sinh đệ nhất Cộng-hòa, vì sao có thuyết "Cần Lao Nhân Vị", vì sao có quốc sách Ấp Chiến Lược. Người ta mạ lỵ gia đình ông Diệm quá nhiều, đã tới lúc tôi phải lên tiếng. Phải phục hồi tinh thần Ngô Đình Diệm. Xin anh Khánh cho tôi nói hết! Các anh thử nghĩ lại xem: Nếu Mỹ không giết anh em ông Diệm để đưa quân vào miền Nam, nếu tinh thần độc lập và yêu nước của ông Diệm thắng được âm mưu phá hoại và vọng ngoại, nếu...

Ông Khánh không kiên nhẫn được nữa:

– Anh đề cao ông Diệm quá đáng. Tôi đồng ý với nhiều người, cả Việt lẫn ngoại quốc, cho rằng tuy ông Diệm yêu nước, thanh liêm nhưng đã lỗi thời, không theo kịp lịch sử ngay từ khi về nước chấp chánh. Ông ta là một vị quan tốt của thời bình, không phải là một lãnh tụ giỏi cho thời loạn. Đối với Phật giáo...

Ông Liễn cắt lời ông Khánh:

– Hai anh lại cãi nhau về chuyện ông Diệm! Xét công tội một nhân vật lịch sử là điều vô cùng khó khăn, cãi nhau đến trăm năm cũng không hết. Tôi chỉ có nhận xét này: ông Diệm là người quá nhiệt tín, quá tự tin. Hồi ở Maryland, nhóm sinh viên tụi tôi cuối tuần đến chở ông ấy về nhà nấu cơm cho ông ấy ăn, rồi bàn luận chuyện thời cuộc. Thông thường, ông ấy nói liên miên hằng hai ba giờ, chúng tôi e dè góp vài ý, ông ấy nghe lơ đãng hay gạt đi, để lại nói tiếp. Tôi nghĩ ông ấy không có thói quen nghe ý kiến người khác, từ đó dễ độc tài, độc tôn.

Ông Khánh quật lại:

– Thế thì uốn éo theo thời kiểu ông Khánh mới là lãnh tụ hay sao?

– Không phải thế! Ý tôi muốn nói...

Cuộc tranh luận sôi nổi chuyển từ lãnh tụ này qua lãnh tụ khác, nhiều lúc to tiếng đến độ con bé Linda phải thức dậy, ra nấp ở cửa phòng khách tò mò nhìn ông nội và các bạn hươ chân múa tay một cách khác thường.

Chị Toàn tế nhị mang cà phê ra mời khách để nhắc nhở buổi tiệc đã đến lúc nên tàn. Mọi người hiểu ý, nhưng cố giữ ôn tồn quên đi những dị biệt, khuyến khích nhau nên làm một việc hữu ích: là viết hồi ký. Họ cũng đồng ý với nhau những nguyên tắc chung: phải tuyệt đối thành thực, không được chạy tội, không được mượn cớ viết hồi ký để đề cao mình, phải lấy cuốn *Tự Thán* của chí sĩ Phan Bội Châu làm mẫu mực.

*

Ông Tuân đưa bốn người bạn già ra cửa. Mười một giờ khuya. Đường vắng. Con cháu bận đi giải trí cuối tuần theo sở thích riêng nên bốn cụ phải tự lái xe lấy. Ông Tuân bật sáng ngọn đèn trước cổng.

Mọi người ồ lên kinh ngạc, rồi giận dữ. Trên cửa ga-ra nhà anh chị Toàn, và trên bốn chiếc xe dậu bên kia đường, đều bị xịt hàng chữ ngoằn ngoèo. "Chaka"! □

LƯU HY LẠC

Ở ĐÊM

*

ở đêm với đất chập chờn
mèo hoang động cỡn dậy triền mái hiên
ở đêm tôi ủ, tôi riêng
hồn quanh quẩn dẫm cành thiên lý tàn
ở đêm chợp mắt trễ tràng
nghe mùa hạn đổ dấu ngàn cỏ rơi
ở đêm nằm giấc tả tơi
đầu xoay trăm hướng rủ hơi hướm về
ở đêm trăn trở mê, mê
bên sông bão lắng quạnh thê thiết hờn
ở đêm đuổi bóng, bóng vờn
ngoài nam san vó ngựa cơn tung trời...

PHAN NI TẤN (N.D.)

MÂM CỖ

★

1.

Dọn ra một cỗ quê nhà
Một bầu non nước làm quà chiến tranh
Thôi đừng khóc nữa, mắt xanh
Lệ người đổ mãi lâu thành biển dâu

Vô đây tránh ngọn mưa mau
Đừng chi ngoài gió vườn sau thêm buồn
Phụ anh khiêng nước vô hồn
Tạt cho sạch mớ tang thương ra ngoài

Thôi đi ngồi xuống mảnh mai
Chiều rồi đêm tới đã dài mé sau
Đãi em, xin trộn sắc màu
Vẽ nên hực hở em sầu oán ai

2.
Đãi em đỏ bóng non Đoài
Rì rào sóng vỗ xanh hoài niềm mơ
Về lênh đênh với con đò
Mênh mông gió đẩy giọng hò xa xăm

Đãi em một cõ trăng rằm
Xót lòng lữ thứ trăng đầm đìa soi
Mở trang sử sách ra coi
Nghe hờn chữ nghĩa cũng đòi đoạn câu

Đãi em vài mấy nhịp cầu
Nhấp nhô nước chảy cái sầu trong veo
Lòng anh vốn nặng buồn đeo
Nhiều khi tưởng ngã chúi theo nỗi niềm

3.

Tháng này ngày nín như im
Đêm sâu như ấn trái tim vô hồn
Nhớ người chết dấp trên cồn
Đem vàng bạc đốt hoàng hôn đỏ trời

Muốn đào kỷ niệm mà coi
Đạp lên cát bụi sợ lòi máu xương
Ngó quanh mất chạm góc tường
Vòng hoa cườm đục màu sương sa mù

Nhớ rồi cảnh trí tháng tư
Có người nằm chết y như giấc nồng
Trời cao đất rộng hết lòng
Mở ra khép lại thành vòng hoa tươi

4.
Đãi em giọng khóc giọng cười
Đang buồn lại hóa ra vui không ngờ
Ta đi từ một bài thơ
Ngâm cuồng vài điệu phất phơ ta về

Đãi em óng mượt dường đê
Lúa thơm cô gái gánh về nhanh nhanh
Mồ hôi tới nắng long lanh
Nhỏ xuống đất thành hạt giống mùa sau

Đãi em một mối tình đầu
Cuộc tình của tấm lòng giấu thủy chung
Đời vui như cảnh tao phùng
Đôi tay nắm núu lòng cùng ngấm mê

5.
Ơn đời thổi ngọn gió quê
Thổi em biệt xứ thổi về bến anh
Con chim Xuân hót trên cành
Líu lo rụng xuống mầu xanh la đà

Mời em một chén quê nhà
Một ly non nước làm quà cuối năm.

PHAN TẤN HẢI

chàng, nàng và buổi chiều

*

Có một sợi tóc bạc lấp lánh bên trái màng tang của nàng. Chàng đoán nàng không nhìn thấy khi soi gương sáng nay. Chàng cũng không muốn nói, nhưng tự nhiên thấy hơi xót xa. Có thể chàng cũng có vài sợi bạc mà nàng nhìn thấy và chẳng hề hở môi. Đôi mắt nàng cúi xuống, tay vẫn cầm muỗng khuấy ly cà phê. Chàng ngả người ra, chân chạm chiếc va-ly nhỏ của nàng. Còn hai giờ nữa mới tới chuyến bay của nàng.

"Anh lúc nào cũng tôn trọng em. Trước kia, bây giờ và mãi mãi sau này."

Chàng đốt điếu thuốc, nhìn ra cửa kính phi trường. Trời tối âm u và hàng ngàn đèn sáng gần xa bên ngoài soi những thân máy bay lấp loáng. Nàng cười nghiêng đầu qua trái. Cái kiểu bao giờ cũng vậy. Trước kia có lần chàng bảo nàng hãy tập kiểu cười mà giữ cổ cho thẳng và nàng lại càng rũ rượi, cười phá lên và bò hẳn người qua trái.

"Anh biết em luôn luôn thích làm trái ý anh. Có điều gì vui đó trong cái ngang ngược. Nhưng như vậy làm chi nhỉ... Vài năm nữa, mươi năm nữa, nhìn lại những ngày qua rồi sẽ thấy là chúng ta đã từng yêu thương nhau biết bao. Cuộc đời vui không kể gì. Nhưng hôm nay em đi rồi biết tới bao giờ gặp lại."

Chàng xiết chặt tay nàng, úp hẳn tay nàng xuống mặt bàn. Những

đường gân xanh lộ ra trên cổ tay nàng. Bàn tay nàng mềm mại và ấm, mặc dù chàng thường gọi chúng là hai nắm gân và xương.

"Thôi mình giả bộ khóc một tí đi cho giống xi-nê. Bao nhiêu lần mình chia tay rồi mà anh chưa bao giờ thấy em khóc cả. Cứ nấc lên vài tiếng hích... hích... chẳng hạn. Không lẽ anh lại phải đạo diễn mọi chuyện cho nó lãng mạn một tí. Nếu không thì cải lương một tí cũng được. Có sao đâu. Như hồi ở Nha-trang đấy, anh nhớ suýt tí nữa em khóc thì phải... Nhưng hồi ấy tụi mình còn học trò quá."

Nàng vẫn nhìn thẳng vào mắt chàng. Vẫn cái kiểu cố ý nghiêng đầu qua trái. Lâu rồi chàng không phê bình điều đó nữa. Và cũng lâu rồi chàng đã tập không phê bình bất cứ điều gì trên đời.

"Em kỳ dị như chưa bao giờ lớn cả. Bao nhiêu năm rồi đấy. Phải chi bây giờ anh bảo em phải cười cho thật to thì anh có thể đoán là em sẽ khóc hù hụ ngay cho xem."

Chàng đưa tay xuống gầm bàn bóp nhẹ đầu gối nàng. Chiếc váy xám vừa chấm đầu gối. Chàng nhớ từng nói với nàng cách gần hai mươi năm, chỗ nào của nàng cũng toàn xương là xương. "Chưa từng có ai trên thế giới gầy như em vậy. Phải chi em nặng thêm bốn kí-lô. Chẳng hạn như hai kí trước ngực và hai kí sau mông đi." Lúc đó thì nàng mỉm cười, vòng hai tay xiết chàng thật chặt. Đó là lần đầu tiên trong đời, họ ôm nhau.

"Anh chán cái kiểu này lắm rồi. Cứ chia tay rồi gặp lại rồi cãi nhau rồi ra đi. Cũng gần hai trăm năm rồi..."

Chàng có linh cảm lần chia tay này là lần cuối nhưng không nỡ nói ra. Lần đầu ở Nha Trang. Lúc đó nàng còn là học trò để tóc quá vai, mặc áo dài trắng. Đêm từ biệt chàng theo đơn vị về Sàigòn, chàng đưa nàng ra bờ biển ngồi nghe sóng xô dạt lao xao. Họ ôm nhau nhìn ra trời đêm mặc bao nhiêu người chung quanh. Và những lần tìm nhau và xa nhau sau đó, bên này và bên kia bờ đại dương. Họ đều có những vết thương riêng, không kể cho nhau và cũng tránh không hỏi về nhau.

"Phải chi mình sống được với nhau luôn nhỉ. Tới một góc nào đó của thế giới, quên hết mọi chuyện đời, nghiêm chỉnh có với nhau một hai đứa con."

Nàng vẫn im lặng, đốt thêm điếu thuốc khác. Chàng vuốt ve bắp đùi

nàng. Đôi vớ lưới hồng nhạt màu da. Nàng khép đùi lại và nghiêng qua một bên và vẫn giữ câm lặng.

Chàng đùa, "Anh biết em đang cắn chặt môi, không dám hở ra một lời. Hở môi ra thì có thể bật khóc được. Thử coi, hở môi ra đi nào. Bây giờ em mà khóc được thì sẽ ở lại đây luôn đấy. Tại sao không cho một cái *happy ending* trong câu chuyện của tụi mình ha. Nếu không thì phải chi đêm qua chết luôn trên giường cho rồi."

Người hầu bàn nữ tới gần. Chàng vẫy tay xin thêm cà-phê. Chàng nới cổ cà-vạt cho lỏng ra một tí. Tiệm sách báo và quà tặng kế bên vắng lạ. Những chồng sách báo chen chúc bên nhau đủ màu sắc. Người bán hàng đứng sau quầy kính cầm bút tính toán. Chàng nghĩ, tí nữa phải vào mua báo cho nàng đọc.

"Em có muốn anh mua cái gì cho em lên máy bay đọc không. Báo chẳng hạn. Hay truyện của Duras đi. Anh mê bà ta từ hồi mới đọc sách đấy," tay chàng vẫn xoa nắn đùi nàng.

Chàng thấy mệt mỏi, như muốn buồn ngủ. Nàng vẫn thường than phiền cái nết buồn ngủ của chàng sau mỗi lần làm tình. "Rồi anh sẽ lăn ra ngủ cho coi, em biết mà." Những lúc ấy chàng luôn luôn chống chọi giấc ngủ bằng cách hít những hơi thở dài vào đan điền và đưa tay vuốt ve khắp người nàng. Những lúc ấy nàng lại càng đùa thêm, "Để coi em đếm từ một tới mười nha. Lần này đếm tới tám thế nào anh cũng ngủ quên trời đất."

Đêm qua chàng đưa nàng lang thang tới ba giờ sáng ở phố Georgetown. Chen chúc giữa những đám đông trên hè phố, chàng đã say gần chết. Chàng ôm vai nàng đi qua những ngã tư, ngã ba, vào những tiệm sách và ngồi ăn khuya trong một quán cà-phê dưới ánh nến. Đêm về trời thật lạnh. Nàng phải lái xe. Chàng ngủ ngay khi vừa ngồi xuống và nói líu ríu lời xin lỗi, "Em lái giùm anh. Anh hết thấy đường rồi. Nếu em không nhớ đường thì mở bản đồ mà xem. Nhớ nha. Qua cầu Key cứ thẳng vào đường 50 là gần nhất." Chàng ngả nệm lưng ra ngủ. Thỉnh thoảng chàng lầu bầu, "Anh quên nói là anh thích em để tóc ngắn như vầy lắm... Ba năm rồi nhỉ, nhớ em kinh khủng..."

"Hình như đêm qua anh say quá. Sức anh xuống rồi. Không chịu được bao nhiêu rượu nữa. Đáng lý ra tụi mình vui hơn nếu anh không uống. Anh nhớ hình như hồi sáng anh cũng xin lỗi em rồi. Cho anh xin lỗi nữa nha."

Đêm qua khi về phòng chàng đã lăn ra ngủ ngay lập tức, tới gần sáng mới tỉnh dậy. Chàng đã lay nhẹ nàng dậy và làm tình trong lúc nàng còn ngái ngủ. "Chuyện chẳng lãng mạn tí nào," chàng đã xin lỗi nàng như vậy khi đưa tay kéo quần lót nàng xuống. "Trời ơi, anh thương em biết là bao nhiêu." Chàng lập đi lập lại cả trăm lần câu nói đó. "Làm sao anh sống nổi nếu chiều nay em đi," chàng đã thủ thỉ như vậy trong lúc vẫn liên tục làm tình.

Nàng mỉm cười. Chàng thấy bồi hồi. Lần nào chia tay cũng vậy, chàng muốn khóc được còn nàng thì cứ có vẻ tỉnh như sáo.

"Em cứ đến rồi đi như một giấc mơ. Sao vậy nhỉ? Hồi gặp lại em ở Sàigòn không ngờ lại chậm rồi. Phải chi anh ra tù sớm một tí. Lúc ấy anh có làm mấy bài thơ cho em sau rồi mất cả. Hồi đó anh cũng còn ngây thơ biết là bao nhiêu. Cứ nghĩ mình sẽ làm được biết bao nhiêu chuyện lớn trên đời."

Chàng gục đầu xuống bàn, và nói thật nhỏ, "Nếu anh ngủ quên em có thể đánh thức anh dậy lúc nào cũng được. Anh sợ cuộc đời, sợ cô đơn. Phải chi có em trong đời nhỉ, bây giờ và mãi mãi. Tụi mình tuổi cũng lớn rồi." Chàng nhắm mắt lại trong khi vẫn nói thì thầm như với riêng chàng, "Cảm ơn em biết bao nhiêu. Cảm ơn em vô chừng. Anh tin là sau em, anh không có thể yêu thương ai được nữa." Chàng biết chàng đang nói dối. Chàng biết chàng có khả năng yêu thương nhiều người.

Đêm qua chàng đã nói ở quán ăn bên kia cầu Key, "Tụi mình sẽ thức suốt đêm nay đi. Chứ mai em đi rồi biết tới bao giờ lại gặp nhau." Nhưng khi ra cửa tiệm chàng đã đi nghiêng ngả rồi. Và khi tới xe thì chàng gục hẳn đầu vào mũi xe. "Không phải anh say đâu. Chỉ vì anh buồn thôi. Buồn kinh khủng, buồn vô cùng."

"Anh mệt lắm. Em có muốn nghe anh đọc mấy bài thơ mới không. Trong này có một bài anh nói về cái nết vừa cười vừa nghiêng đầu của em..." Chàng gục đầu hẳn xuống bàn.

Khi chàng tỉnh dậy, nàng đã đi. Trên bàn có mẩu giấy dằn dưới ly. Nét chữ của nàng nguệch ngoạc, "Em biết mà. Lần này thì anh ngủ được cả ở ngoài quán mà không cần em đếm. Thương anh." □

THƯỜNG QUÁN

ĐÈO NGANG

*

Màu xanh cứ dại tới chiều rủ lá
Cây đốt trong khe cửa tối rú kêu tầng
Chập chập tiếng u u trầm hỏa
Vỡ trong đá rạn vó thu không
Những chuyến đi lên băng sầu bão lửa
Những chuyến trở về đau lấp phân vân
Người mặt vượn trong ta phá nát
Núi không yên còn nước phân thân
Nhà chập choạng loét mù cửa nến
Cây phơi đầu rễ đất mộ phần
Mồ vô chủ máu non da tái
Trẻ trên ngàn đi đâu căm căm
Mưa lại sắp giết lòng cặm cụi
Đóng cho im cửa đá yêu tinh
Ôm người con gái xưa lãng mạn
Nhớ nước thương nhà thăm thẳm tình

Màu xanh cứ dại tới chiều bật nhụy
Lửa đốt tìm quanh quanh thương mình
Đã phá hết năm mươi thập kỷ
Đã chôn xong mấy vạn bình minh
Làm chi thế? Triệt xong chưa cung mệnh?
Đường ma cửa quỉ xây địa hình
Đi tất bật những người chịu chết
Gánh củi oan bẻ gập sống lưng
Bước cho hết con đường nhầm lỡ
Lên không xong xuống chẳng hé răng
Im như thế tuyệt chiều nhân thế
Lửa u u trong đá minh minh
Mây chìm nổi dãi dầm cỏ rạ
Nứớ vong thân vùi dập đảo điên
Màu thơ cũ ố vàng gối lã
Năm mươi hình đuổi năm mươi linh
Chạy vòng trận kiệt cùng di họa
Bước uy nghiêm qua cửa giảo hình
Đá nhìn đá con đường đá sắp
Sụp nón trời mảnh trăng đứng nhìn
Mảnh trăng dại trên triền nát nhụy
Cánh không còn che sao ngực mình
Con quyên ấy bết khô cổ máu.

NGỰ THUYẾT

trở về

*

"Chắc là mình phải về". Câu nói đó tôi nói nhiều lần trong mấy tuần nay, cả tháng nay, nói cho Phương nghe, cho Đạt, cho Phong nghe. Và thường là lẩm bẩm một mình cho chính mình nghe. Thỉnh thoảng, như có cơn, tôi lảm nhảm một mình giữa câu không ăn nhập vào đâu – nào là "Quý hóa quá", "Đừng có tưởng bở", nào là "Không sao đâu" hoặc "Vô lý, vô lý".

Có khi vô ý tôi bị người khác, hoặc chính Phương bắt gặp nói lẩm bẩm. Đối với họ, tôi thây kệ, họ muốn nghĩ gì cũng mặc. Nhưng với Phương thì khác, Phương làm tôi khó chịu vì cái thái độ giễu cợt, xấc xược của Phương.

– Anh phải về, nghe Phương.

– Cái anh này cứ hăm he hoài, nghe phát ớm.

Cơn giận trong tôi trào lên. Tôi định... tôi định... Nhưng thôi, cái đầu đó cứng hơn đá, đồ đàn bà sân si. Tiếng nguyền rủa gào lên âm thầm trong cổ họng thành những tiếng gầm gừ khó nghe. "Rồi đâu cũng vào đấy", "Thế là tốt".

Phương thay đổi quá nhiều. Nhớ lại ngày xưa tôi thường gọi đùa Phương là con chim bé nhỏ ríu rít. Chúng tôi như đôi chim sâu mỗi buổi sáng rời tổ ấm bay đi kiếm mồi, mong sao cho ngày mau hết để trở về quấn quít bên nhau quanh cây khế cây ổi trong mảnh vườn nhỏ, nhìn đêm êm đềm xuống dần. Phương mất hẳn nét dịu dàng. Có lẽ Phương đã bắt đầu chán ngấy tôi, xem tôi như cái cùm cần phải tháo gỡ sớm ngày nào hay ngày ấy. Liệu đàng sau bộ mặt đó, lúc thì đanh đá, lúc thì héo nhàu, đã từ

lâu vắng nụ cười, có còn sót lại một ánh lửa thoi thóp nào đủ đem lại cho tôi một nguồn an ủi nhỏ? Quá khứ và kỷ niệm có còn cài vào nhau để chúng tôi sẽ cùng nhau đi nốt những ngày còn lại của cuộc đời? Hay là tôi phải xa Phương một thời gian xem thử ra sao, hoặc là vĩnh biệt, biết đâu, trước khi quá muộn?

Nhưng tôi đi về đâu đây? Tôi chưa hề nói với Phương hay với bất cứ ai là tôi sẽ về đâu, và cảm thấy bực tức khi chẳng có ai thèm hỏi tôi định về đâu. Tôi chường mặt trước mọi người, ngày này qua ngày khác, "Lọng cọng như con cua gãy càng", nhưng lại "cay hơn con bọ xít", thường nói lên những ý định mà chính mình biết trước là không thể làm nổi. "Yên chí lớn", "Khôi hài quá". Cái điệp khúc cố hữu đó lại nổi lên.

Tôi đi vùng kinh tế mới, hay đi về quê? Buồn cười thật. Trước ngày ra khỏi trại giam, khi bắt buộc phải ký giấy cam kết đi về quê hoặc đi vùng kinh tế mới, tôi vừa giận vừa lo. Thì cứ ký cái đã để mau chóng ra khỏi chốn tù đày sớm được phút nào hay phút nấy, những chuyện lôi thôi rắc rối về sau rồi sẽ tính. Tôi lại không được phép cư trú tại Sàigòn thân yêu của tôi sao, nơi tuy tôi không sinh ra nhưng đã choán cả một phần lớn đời tôi, cả một thời trẻ, cho đến ngày mất nước, ngày mà lũ chúng tôi bị lùa vào những trại giam nằm rải rác khắp núi rừng.

Trong những tháng năm dài sống cách ly xã hội văn minh của loài người, chúng tôi mơ tưởng và thèm thuồng đủ thứ. Chúng tôi mơ về Sàigòn, nhắc nhở đến Sàigòn như nhắc đến người yêu vừa mới chia tay. Sàigòn là đề tài đầu môi chót lưỡi những lúc đi lao động dưới nắng gắt hay trong cơn mưa, những lúc nghỉ tay ngồi tụm năm tụm ba dưới cây rừng. Và nhất là khi trở về nhà giam buổi chiều tối, sau bữa ăn, "Cha tôi ngồi đọc báo, mẹ tôi đan áo dưới ánh đèn ấm cúng, bà thì kể chuyện cổ tích cho cô em bé tí của tôi nghe". Chúng tôi nằm sát bên nhau, loay hoay nghiêng mình tìm thế nằm cho được thoải mái, xương khua lộp cộp trên những tấm ván mọt, nứt, có nhiều khe, rãnh làm nơi cư trú an toàn cho loài rệp, chúng tôi nói chuyện Sàigòn. Sàigòn với "cà phê khắp chốn, hủ tiếu nơi nơi", Sàigòn của cá rô kho tộ, cá lóc nướng trui, tôm càng Ba râu, hà nàm Bảy Hổ... Sàigòn ngọt lịm trái cây tươi mát, mỗi mùa hè, từ các nơi túa về. Vâng, vẫn thường nói chuyện ăn nhậu trước. Rồi biết bao là kỷ niệm Sàigòn hiện về.

Những hàng cây sao cao vút dọc theo đường Minh Mạng chạy dài về Đại Học Xá, nơi chứng kiến chúng tôi tập làm người lớn, những hàng me hai bên đường Lê Thánh Tôn, Gia Long, Nguyễn Du... lá chuyển thành màu trong xanh như ngọc bích sau mấy trận mưa đột ngột đầu mùa làm ướt những chiếc áo dài trắng khép nép ngượng ngùng phô bày làn da trắng hồng dưới lớp lụa mỏng. Và những đêm giao thừa khói trầm ngào ngạt tỏa kín các cổng chùa, đền, miếu, âm vang tiếng mõ, tiếng chuông, tiếng trống múa lân, tiếng pháo dào dạt từng cơn xa, gần như tiếng sóng vỗ bờ, như tiếng gió reo trong lá, như tiếng mưa rơi trong vườn chuối; những đêm Noel trời se se lạnh, thành phố ngập trong ánh sáng, đèn, sao, bong bóng đủ màu, trên tháp nhọn, trên gác chuông, trong vòm cây, trong hang đá, nô nức những dòng người đổ về các nhà thờ, các vũ trường, kéo dài cho đến sáng. Sàigòn những ngày nắng chan hòa, rực rỡ, phố xá tưng bừng, tấp nập, chói lòa; những hôm mưa đến vội và đi nhanh, hàng ngàn quán ăn đầy ắp khách trú mưa, rộn rã tiếng cười tiếng nói; những đêm về mát rượi, êm đềm, rập rình tiếng đàn, tiếng trống, tiếng ca. Sàigòn bừng bừng sức sống, mở rộng đôi tay ân cần, bao dung, mời đón những đứa con của tổ quốc đến từ khắp nơi trên đất nước, nở nụ cười hiền hòa, rạng rỡ chào mừng năm châu, bốn biển. Sàigòn trong tim, trong óc, trong từng hơi thở, từng giọt máu, trong từng lời ăn, tiếng nói, từng dáng đứng điệu ngồi, của chúng tôi.

Rồi lịch sử chuyển mình. Rồi bàn cờ thế giới được sắp xếp lại, dập vùi miền Nam đau thương của chúng tôi, vượt ra ngoài tầm tay của tất cả những người nhược tiểu. Từng từng lớp lớp thanh niên lũ lượt rời xa Sàigòn lên đường nhập ngũ, tung ra khắp các vùng chiến thuật. Sàigòn sôi sục tin chiến sự, Sàigòn quấn vành khăn tang. Rồi Sàigòn quằn quại, hấp hối dưới những cơn sấm chớp chằng chịt ngang trời, những trận mưa òa vỡ ngập đất, những ngày cuối tháng tư.

Tôi trở về từ những trại giam, lòng ngổn ngang, nhìn lại Sàigòn đã mất. Lá cờ dã thay màu, bay ngỡ ngàng nhìn từng dòng người đi lầm lũi trên những đường phố hiu hắt. Và Phương của tôi, con chim bé nhỏ ngày nào của tôi, xác xơ như tàu lá chuối trong cơn mưa bão, đợi tôi về. Phương thay đổi dần trước cuộc sống gian khổ và đầy nghịch cảnh. Không thể mãi như thế này được, tôi phải làm cái gì đây? Tôi phải ngọ nguậy, vùng vẫy. Anh

bây giờ không bị thúc bách phải rời Sàigòn ngay như những ngày mới ra tù, nhưng anh phải đi, nghe Phương, tôi lẩm bẩm một mình.

Tôi, lũ chúng tôi, như con thú bị thương tìm về hang cũ lẩn tránh, nằm liếm láp vết thương, chờ ngày vồ lại tên thợ săn. Hay như con gián bị chân người dẫm phải, chạy quàng xiên hoảng hốt rồi lăn kềnh ngã ngửa không trở mình dậy nổi, vểnh hai cái râu ngu ngơ hỏi han trời đất? Hay như chiếc lá hết màu xanh, sắp rụng về cội nằm với đất? Hay như người mù sờ soạng trôi xuôi theo dòng đêm dài miên man của cuộc sống? Như gì thì gì, tôi cũng phải về, phải đi một chuyến trở về quê cũ. Suốt mấy năm trời đứng ngồi không yên, sống bám vào Phương trong khi Phương không lo nổi cho chính mình, mù quáng đến thế là cùng.

Phương đã mệt nhoài, mà nghĩ cũng lạ, Phương dường như luôn luôn có đầy dủ hơi sức để phun nọc độc mỗi khi tôi muốn nói lên dự định gì. Nhưng thế nào hôm nay tôi cũng phải nói rõ ý định của tôi. Tôi về, tôi phải về.

Tôi đi bằng xe lửa. Chiều cuối năm, mọi người vội vã, ngược xuôi, xao xác như những ngay sắp mất nước, như mấy con gà con lạc mẹ trong lúc trời tối dần chạy ngẩn ngơ tìm kiếm. Tôi đèo Phương trên chiếc xe đạp cọc cạch. Phương, một tay giữ chặt xách hành lý để trên đùi, một tay ôm choàng qua người tôi để giữ thăng bằng, và tôi thì hai tay kìm vững ghi đông gò lưng đạp xe lách qua những ngõ hẻm cong queo đổ ra đường Lê Văn Duyệt, rồi men theo con đường tắt không tên chật chội tối tăm rẽ ra đường Nguyễn Thông dẫn đến ga Hòa Hưng. Dọn nhà về xóm nghèo được mấy năm, tôi thuộc lòng các đường ngang lối tắt, từng ổ gà lồi lõm, từng tấm sắt "ấp chiến lược" nằm đột ngột chắn ngang lối đi, từng tấm đan xi măng gập ghềnh bắc qua các rạch nước đặc sệt, đen sì. Tôi gò lưng đạp, chiếc xe lượn qua đảo về tránh những chướng ngại vật, nhiều lần suýt đụng người đi bộ. Có một lần bị bà già cáu kỉnh mắng tưới: "Bộ mù hả, bộ què hả? Đạp gì dễ tào vậy". Câu mắng vô tình đó làm tôi nhớ đến anh bạn tù nằm bên cạnh sính nhạc thường hay nhại những điệu hát quen quen: "Một thằng mù xem ti vi, một thằng câm đang tập hát, một thằng què đi xe đạp, một thằng ngụy..." Hát đến đó thì bị anh em khóa mồm lại. Lúc đau bụng tiêu chảy không có thuốc chữa, hắn lại nhại điệu nhạc tình cờ lọt vào tai

khi đi lao động có dịp băng qua "khung": "Tổ quốc ơi! Sao đi cầu mãi mãi..."

Tôi nghĩ lang bang quên con đường khó đi, còn Phương ngồi đàng sau câm như hến. Chắc Phương đang nghĩ đến chuyện xảy ra khi chúng tôi ngồi lại đối diện nhau ăn bữa cơm chiều.

– Anh tính về thiệt hả? Sao chẳng nói trước. Úi dào... Mà đi đâu cũng thế thôi, chả ra làm sao cả.

Phương vừa nói vừa bĩu môi, nhún vai một cách khó thương. Tôi nói như hét:

– Bỏ cái kiểu hồ dồ đó đi. Tôi nói chuyện này nhiều lần rồi, có nghe không?

– Nói cái lối đó ai mà nghe được. Cà chớn.

Cơn giận bốc lên ngùn ngụt, tôi chồm qua khỏi bàn ăn định thẳng tay tát vào mặt Phương. Phương sững sờ, mặt tái mét. Tôi kìm lại được, thuận tay gạt các món ăn nằm lỏng chỏng trước mặt. Vẻ đanh đá, láo xược trong từng cử chỉ hằng ngày của Phương tan biến nhanh chóng, thay vào đó là đôi mắt lặng lẽ nhìn tô chén đổ vỡ, đôi mắt mệt nhọc buồn như mắt trâu nằm trên khuôn mặt hốc hác có hai nếp nhăn hằn rõ nét bên khóe miệng, và mái tóc lòa xòa cắt ngang lâu ngày không uốn trông giống tóc thím xẩm già hàng xóm, đổ xuống hai vai che một phần cái cổ gầy gò, xanh xao, trong khi hai bàn tay mân mê đôi đũa tre, những ngón tay khẳng kheo bần thần, run rẩy. Phương như người mới ốm dậy, mới trên ba mươi tuổi mà đã héo hắt, dờ dẫn, già khọm. Phương không còn là Phương của mọi ngày, như có một tấm màn vô hình bao phủ lấy, trông lạ lùng, xa vắng.

Tôi nhìn mông ra cửa, kín đáo quan sát Phương. Cơn giận của tôi vừa mới bùng lên đã bị tảng băng làm tắt rụi. Tôi cảm thấy hụt hẫng, mơ hồ nhận ra rằng mình vừa đứng trên bờ vực thẳm, lao đao muốn ngã. Tôi đứng dậy khỏi bàn ăn, ngồi ghé xuống cái sạp đóng bằng ván thông dùng làm giường ngủ đặt cạnh đó, loay hoay sắp lại hành lý gồm vài bộ áo quần, chiếc khăn lông cũ kỹ, cái bàn chải đánh răng đã cùn, nhúm muối gói trong mảnh giấy báo cũ dùng thay kem đánh răng, và cục xà phòng Cô Ba đang còn nguyên trong hộp giấy. Tất cả được cho vào trong cái bị xách tay

nhỏ. Tôi lấy cục xà phòng ra khỏi bị, để lại cho Phương dùng trong mấy ngày Tết.

Phương đã lấy lại bình tĩnh, ngồi xuống đất, lui cui nhặt mảnh chén vỡ, lấy khăn lau lại bàn, lau sàn nhà, rồi nhìn tôi cười gượng:

– Để tôi xới chén cơm khác anh ăn.

– Khỏi cần. Không đói.

Tôi trả lời cộc lốc, nhưng thật ra tôi không có chủ tâm làm như thế. Một lần nữa Phương phá cái không khí im lặng, khó chịu.

– Anh đi kẻo trễ. Em theo anh ra ga.

Buổi chiều cuối năm, sân ga đèn vàng lờ mờ, rác rến bẩn thỉu nằm rải rác mọi nơi không người quét dọn, mùi mồ hôi, mùi nước tiểu nồng nặc. Hành khách và người đi tiễn đưa đều mang bộ mặt khẩn trương, bồn chồn: người thì mong kịp về quê ăn Tết, kẻ muốn trở lại nhà ngay để sắm sửa hoặc chuẩn bị lần cuối. Con tàu cũ kỹ, tối tăm có trên hai mươi toa nằm dài lầm lì bỗng rú lên một hồi còi giục giã. Phương vội dúi vào túi áo sơ mi của tôi một xấp bạc giấy, dặn đi dặn lại rằng ngay lúc lên xe tôi phải tìm đến toa vệ sinh để thay cái quần xà lỏn khác có cái túi khâu bên trong, giấu xấp tiền vào đó, lấy kim băng cài lại cẩn thận. Sau câu chuyện xảy ra hồi chiều, Phương vội giấu cái túi an toàn ấy vào một chiếc quần cũ, và nhét nó vào cái xách tay khi tôi đèo Phương sau xe.

Còi hụ lên hồi thứ nhì rồi từ từ chuyển bánh. Phương quay ngoắt người lại, dẫn xe đạp đi, không nói gì thêm. Đôi vai gầy của Phương rung rung theo bước chân đi mau. Phương đang khóc?

Đoàn tàu tăng tốc độ. Bỗng tiếng pháo nổ vang ở cổng chính nhìn ra sân ga, khói tỏa mù mịt. Phương đi về phía đó, dáng đi nghiêng nghiêng bên chiếc xe đạp, lúc hiện lúc khuất theo ánh lửa lóe lên từ tràng pháo dài chấm đất. Tiếng pháo dứt, và Phương chỉ còn là cái bóng khuất nhanh vào đêm tối. Con tàu dài chạy nối đuôi sau lưng tôi, ngoảnh lại tôi chỉ còn thấy mấy toa cuối lướt nhanh. Tôi kịp nhảy lên chân đáp được vào một bậc thang, một tay xách bị, một tay nắm chặt chấn song ở cửa ra vào. Tôi quay đầu lại nhìn lần chót, chẳng còn thấy gì, chỉ thấy dâng lên trong hồn một cảm giác tuột dốc xuống vực sâu thăm thẳm có Phương đứng trên bờ nhìn theo ngơ ngác.

Tôi vào toa nào đây? Điều đó không thành vấn đề. Tôi, cũng giống như một số đông người khác, thuộc loại hành khách lên đại bất cứ toa nào, chờ khi người soát vé đến, cứ dúi vào hắn một số tiền bằng nửa tiền vé chính thức là xong. Thật ra đi mua vé chính thức vào thời điểm cuối năm như thế này thì ai mà bán, dù còn khối vé. Phải mua vé chợ đen, giá gấp đôi, gấp ba. Tốt hơn hết là mua vé vào cổng để tiễn đưa, rồi lên tàu biến thành hành khách. Có điều phiền phức là chẳng ai có được chỗ ngồi đàng hoàng, phải chen chúc nhau như nêm. Một số hành khách dã chiếm chỗ nằm bằng cách lấy chiếu hay bị lát hay giấy báo cũ lót trên lối đi giữa hai hàng ghế dài dọc theo hông toa tàu. Những kẻ táo tợn hơn, mặc mọi tiếng la ó phản đối, mắc võng giăng ngang toa tàu ngay trên đầu người khác. Lại còn có một ít người, có lẽ là người đi tàu chuyên nghiệp, nhảy thót lên kệ để hành lý trên trần, kẻ ngồi gập người buông thõng chân đu đưa, kẻ nằm co ngủ ngon lành. Những người may mắn thì ngồi yên ổn trên băng ghế dài, dựa lưng vào hông toa tàu nhìn quanh trong tư thế đề phòng bọn bất lương.

Trời đã tối hẳn. Không trăng. Con tàu ngược ra miền Trung chạy ào ào trong đêm, bánh sắt nghiến trên đường rầy tạo thành nhịp điệu chập chùng càng lúc càng nhanh. Thỉnh thoảng một hồi còi rú lên những tiếng thở gấp. Trời đất mịt mùng. Ánh lửa lập lòe khi ẩn khi hiện ở những làng xa chập chờn chạy lùi như ma trơi, như những bóng cô hồn gọi về những đêm chiến tranh có hỏa châu sáng lạnh treo lủng lẳng trên vòm cao, có những lần đạn đạo quẫy mình như rắn lượn từ những chòi canh hoang sơ yểm trợ cho một công sự phòng thủ cô quạnh đang bị kẻ địch tấn công vùi dập. Ôi! Thọ đã chết! Thung đã chết! Thi bị chôn sống! Nam không còn...

Ngồi ghé trên thành cửa sổ toa tàu, tôi nhìn mông ra ngoài, mặt bị sây sát mấy chỗ vì bị cành cây chìa ra sát đường xe lửa quẹt phải. Tôi không đến ngay nhà cầu như Phương dặn. Phương, Phương, em đó hả? Tôi nhắc tên Phương lòng bùi ngùi như những lần trong trại giam, những buổi sáng chủ nhật, thức giấc trước những bạn tù trong lán, nghĩ đến Phương những ngày mới quen nhau, đến những chuyến xe đò Minh Trung sáu chỗ ngồi nuốt trọn 300 cây số đường từ Sàigòn lên Đà-lạt đưa tôi lên thăm Phương bất cứ lúc nào tôi có dịp, đến con đường lên trường Đại học đón Phương về, không chịu về nhà ngay, cùng nhau đi trên con đường đã đi nhiều lần, con đường dốc thoai thoải một bên là rừng thông, một bên là triền đất chạy

xuống thung lũng trồng đủ loại rau cải, cà chua, xà lách, khoai tây, tay nắm tay, nhìn về tương lai, Phương sắp tốt nghiệp Đại học, tôi làm ở Bộ Ngoại giao, sắp vào Thủ Đức học khóa quân sự 10 tháng. Rồi chúng tôi lấy nhau. Rồi vận nước xoay chuyển lạ lùng, con người miền Nam tự do chúng tôi lênh đênh chưa từng thấy trong lịch sử giống nòi.

Phương, Phương. Tôi bàng hoàng giật mình sau cơn mê. Phương cũng vậy, phải không em?

Tôi đi về đâu? Chuyến xe không đưa tôi đến ngày mai, mà lại ngược về quá khứ. Từ ngày mất nước, bạn bè mười người không còn được một. Đứa chết trong tù, đứa trong bụng cá, đứa mất tích, đứa còn nằm trong trại giam, đứa lêu bêu trên giải quê hương không một chỗ dung thân, đứa lao đao thất tán khắp mười phương trên quả địa cầu này. Tôi nhất định không chịu ra đi. Đi hết thì còn ai? Tôi cũng không muốn cho hai đứa con của chúng tôi đi nhưng cuối cùng tôi phải nhượng bộ Phương, cho chúng đi tìm tương lai, thế mà đã hơn một năm không được tin tức gì của chúng. Phương càng ngày càng thất thần, tôi càng ngày càng cáu kỉnh. Miền Nam tan hoang. Bên ngoài thế giới đưa tay vẫy gọi chúng tôi ra đi bằng cách này hay cách khác; bên trong bạo quyền giăng đủ mọi cạm bẫy để lùa chúng tôi ra khơi, nếu không, đí đầu chúng tôi vào vũng bùn đen. Những người ra đi bung ra khỏi mảnh đất thân yêu mà trông giống như những con bọ chét phóng ra khỏi con chuột đang nằm chết cháy. Những người ở lại quẫn chân quẫn trí trên bãi cát lầy mênh mông, càng ngọ nguậy càng bị lún sâu. Máu của miền Nam chúng tôi chảy cạn dần, những huyết cầu hiếm hoi còn lại khô héo dần. Chúng tôi làm cái gì đây khi nhìn quanh chỉ thấy hoang liêu tịch mịch.

Đoàn tàu vẫn lao vào vũng tối mênh mông, hồi còi chốc chốc gào lên thê thiết. Tôi sắp đến đâu đây? Đến Sông Mao, Mường Mán, Tháp Chàm rồi Nha-trang? Sông Mao của những người lính chiến dãi dầu. Mường Mán với những em bé "Chú chú mua hột gà luộc đi, mười đồng mười hột mười gói muối tiêu, đi". Tháp Chàm có đường tàu rẽ lên Đà-lạt, những người Hời da xám xịt đầu chít khăn rằn cuộn tròn ngồi dài dài bán thuốc dấu, mật ong dọc theo đường rầy. Và Nha-trang, mùa đông biển đầy, sóng gào thét muốn chồm lên nhà Bưu điện, những người lính Việt-nam Cộng-hòa, Mỹ, Đại-hàn thuộc mọi binh chủng không biết từ đâu tấp nập

về. Những ngày cũ ấy... Hôm tôi đưa hai đứa con về miệt Cần-giờ trên chiếc ghe chở than đước chui rúc luồn qua những con lạch nhỏ trong Rừng Lá, rồi trở về theo ngả Vũng-tàu, cũng thấy bãi biển cát trắng phau, dù đủ màu, rồi cũng Long-thành xe ghé lại mua mua bán bán khô nai, sầu riêng, chôm chôm, mít, cũng quẹo trái về xa lộ Biên-hòa để trở lại thành phố cũ. Buồn ghê! Đất nước của chúng tôi có còn đó hay không? Đoàn tàu có tiếp tục mang tôi về thăm những chốn cũ nào đây nữa, những Bồng-sơn, Tam-quan những Sa-huỳnh, Đức-phổ, rồi dần dà ra vùng Trà-kiệu, Nông-sơn, Đà-nẵng, rồi luồn qua khỏi những hầm dài cho tôi được thấy lại dáng núi quen quen, dòng sông tuổi nhỏ, kìa núi Túy-vân có người đẹp, kìa núi Bạch-mã có Dinh xưa, rồi Cầu-hai cá biển rồi dâu Truồi, Hương-thủy ngọt ngào, để tiến về kinh thành đầy ắp kỷ niệm, rập rờn ngọn cờ trên kỳ đài vĩ đại. Cờ bay!

Thôi, thôi... Phương của anh, anh sẽ dừng lại ở ga gần nhất, đổi tàu, chạy ngược trở lui. Em nói đúng, đàn bà vẫn có đầu óc thiết thực hơn đàn ông, anh đi đâu cũng não nề thế thôi. Anh trở về với em, tìm cách chia sẻ nỗi khổ của hai đứa. Cố nhiên là anh không bao giờ dự phần vào cái gọi là "công nhân viên", "giai cấp xung phong tiên tiến", mà có muốn dự vào cũng không ai cho. Anh sẽ bắt chước Nghị đi khắp hang cùng ngõ hẻm kiếm mối hàn xô nhựa, hàn thau nhựa, vá dép cao su. Mùa nắng anh đạp xe thồ, bán cà rem cây trong những xóm bình dân, khi mùa mưa sắp tới anh lên Xóm Mới Gò-vấp bắt dế cho vào lồng kẽm, đem đến các trường Tiểu học bán cho học trò. Anh làm được gì nữa để vực em ra khỏi cuộc sống đọa đày? Em cứ bảo anh đi, anh không còn nề hà, cố chấp gì nữa đâu. Hai người cùng chia nỗi khổ thì nỗi khổ sẽ vơi đi một nửa, phải không em? Hai con kiến chạy bên nhau vẫn vững tâm hơn mỗi con chạy một đường, vì em với anh là hai con kiến quẩn quanh hoài trên khúc củi lìa rừng trôi giạt trên dòng nước lũ. □

Tranh Trần Sa

PHẠM CHI LAN

ngày đau của lá

*

Phi trường C., chuyến bay 1671 đáp xuống vào khoảng 11 giờ 30 tối. Tôi dò đường đến phi trường đón Quân vào giữa đêm thứ sáu nơi thành phố lạ này. Buổi tối phi trường vắng ngắt, chẳng còn chuyến bay nào cất cánh. Chỉ còn một vài chuyến đến trễ, như chuyến bay tôi đang chờ đợi. Ngồi một mình nơi hàng ghế trống, tôi nghĩ không biết Quân có mừng khi gặp lại tôi ở thành phố thân thuộc một thời của anh.

Khi tôi nói tôi sẽ có một chuyến công tác ở một thành phố nhỏ gần đây, Quân bảo anh sẽ đến với tôi vào cuối tuần, nhân tiện thăm lại thành phố cũ và đưa tôi đi xem ngôi trường anh đã từng học. Tôi nói với Quân tôi cũng muốn đi thăm lại những nơi chốn kỷ niệm của anh, những nơi chốn xa lạ mà tôi không hề dự phần vào, nhưng muốn chia sẻ như cùng tìm lại một kỷ niệm.

Chuyến bay đến trễ giờ, Quân mệt mỏi từ phi cơ bước ra với túi xách cầm tay. Tôi đưa chìa khóa xe cho anh và cùng đi bộ ra bãi đậu. Đã quá nửa đêm thành phố chìm trong vẻ vắng lặng ngủ yên. Quân hỏi tôi em đã nhìn thấy mùa thu lá vàng chưa. Lá vàng nhiều lắm, lá rơi cùng khắp trông thật nên thơ, nhưng buồn quá. Thành phố của anh quả là buồn vào mùa này. Ở đây mùa thu vàng úa rõ ràng chứ không xanh tốt như thành phố miền nam của tôi. Thung lũng về đêm lành lạnh, đèn đường hắt những ánh sáng vàng èo uột như những ánh nhìn buồn bã. Có khoảng không im lặng trong xe, chúng tôi chẳng trao đổi gì nhiều sau phút gặp gỡ. Tôi nghĩ phút gặp mặt đáng lẽ phải mừng và bộc lộ nhiều hơn, nhưng có lẽ Quân còn đang mệt và tôi thì cũng ngại ngần. Tôi đổ thừa tại chuyến bay đến muộn,

chẳng phải không có sự cảm động của phút hội ngộ hay có khoảng cách ngại ngùng nào ở giữa chúng tôi. Sự bào chữa có tác dụng làm cho lòng tôi yên ổn.

Thành phố thức giấc với vẻ chậm rãi của một buổi sáng cuối tuần lười biếng. Ánh sáng ban mai yếu ớt len vào phòng qua khe hở của tấm màn cửa, vùng bóng tối chưa quen trong cái nhìn rụt rè của đầu ngày. Tôi tỉnh dậy với giờ giấc quen thuộc hàng ngày, ra cửa nhìn xuống những lòng đường vẫn còn ngái ngủ. Sương mờ lạnh bên ngoài lớp cửa kính, sương phủ một lớp mỏng trên những mặt đường, trên những mái nhà san sát phía dưới. Tôi muốn đánh thức Quân dậy để ngắm bình minh lên ở rặng núi phía đông. Nhưng tôi để yên cho anh ngủ. Ngày hôm nay còn dài và chúng tôi sẽ có cả ngày cho chương trình đi chơi thăm viếng. Khoảng trời phía trên trong hơn và lạnh, ngoài đường xe cộ thưa thớt vài chiếc chậm chạp di chuyển trên những con lộ vắng im. Từ tầm nhìn nơi cửa sổ, tôi nhìn thấy một đàn chim bay theo hình chữ V đang thiên di về phía nam trốn lạnh. Những con chim soải cánh thản nhiên bay trên vùng trời mà chúng sắp sửa bỏ đi, chúng vô tư bỏ đi tìm một nơi khác yên ổn và ấm áp hơn vùng lạnh lẽo này. Ý nghĩ gọi Quân dậy lại đến với tôi. Cùng lúc ý nghĩ có Quân ở trong phòng chợt làm tôi dừng lại ngập ngừng với những cảm xúc xao động trong lòng. Quân đã ở đây và đêm hôm qua... Nhắm mắt lại, tôi nhớ đến cảm giác hơi ấm trong vòng tay anh, một thứ cảm giác êm ái nồng nàn như nhấp giọt rượu ngọt đã lên men cay. Chợt tôi lại có cảm nghĩ như anh vẫn còn ở xa tôi hàng mấy ngàn dặm, như cảm giác của ngày hôm trước. Có lẽ cảm giác xa xôi đã luôn ở trong lòng, khiến cảm tưởng anh đang ở gần bên còn làm tôi ngờ ngợ. Quân cựa mình hỏi em dậy làm gì sớm thế. Tôi nói tôi sợ một ngày chóng hết, nên dậy sớm để có cảm tưởng ngày dài hơn.

Khuôn viên trường nằm trên một ngọn đồi nhìn xuống thung lũng mở rộng phía dưới. Từ trên cao có thể trông thấy hết cả khung cảnh của thành phố. Những tòa nhà cao tầng và mái nhà thờ nổi rõ trong lòng thung lũng mờ lạnh khói sương buổi sáng. Dãy núi trùng điệp hiên ngang chiếm một góc trời. Trên những ngọn núi cao nhất, tuyết phủ trắng trên chỏm đầu như những chiếc nón sáng rực. Cảnh hùng vĩ chợt làm tôi ngây ngất. Thiên nhiên ở đây làm tâm hồn nhạy cảm và cảm thấy thoải mái với khoảng không gian lồng lộng bát ngát chung quanh. Thiên nhiên bao dung như

vòng tay nhân từ của người mẹ. Nhưng thiên nhiên rộng lớn quá làm tôi thấy mình nhỏ bé lại, giống như cảm giác bơ vơ trước một khung cảnh xa lạ không quen thuộc. Quân ngừng xe trước một quán ăn Tàu nơi cửa trường. Chúng tôi là khách đầu tiên bước vào trước giờ mở cửa. Bà chủ quán tươi cười chào. Khuôn mặt tròn và đôi mắt một mí như tất cả những khuôn mặt đàn bà Trung-hoa đon đả chào khách mở hàng. Có lẽ bà tưởng chúng tôi là những sinh viên chăm chỉ vào trường sớm cuối tuần. Quán nhỏ chật chội với những bàn ghế kê sát cửa và lối đi. Tôi chọn một bàn nơi góc nhìn ra phía ngoài đường, luôn luôn là một góc khuất có nhiều bóng tối nhìn ra ánh sáng. Cánh cửa mở rộng lùa gió lạnh buốt vào trong quán. Quân đứng đọc *menu* trước quầy, có lẽ đang chọn món ăn. Tôi nói với Quân em chỉ muốn một ly cà-phê nóng và một tô súp. Quân bảo anh cũng muốn như vậy và gọi hai phần giống nhau. Những chiếc lá bay tơi tả ở ngoài đường làm thành một cơn lốc xoáy nhỏ. Đối diện ở phía bên kia đường một hội trường nhỏ trông như nhà nguyện cho sinh viên. Trước sân yên vắng, chắc chưa tới giờ họp lễ. Ở đây không khí yên tịnh và chậm rãi, nhịp sống thong thả hơn là tôi có thể tưởng ở một khuôn viên trường giữa khóa học đang mùa bận rộn.

Người đàn bà chủ quán bưng đến hai tô súp nóng, miệng cười cởi mở. Tôi nói cám ơn và ngạc nhiên với tô súp to quá khổ. Bà cười giả lả rồi lui vào phía sau. Tô súp hoành thánh nghi ngút khói. Bàn tay tôi lạnh buốt thèm ủ trong một hơi ấm và cánh cửa mở toang vẫn mời gió lạnh ùa vào. Quân nói em ăn đi rồi anh đưa đi xem quanh trường. Bao năm rồi mà nơi này vẫn không hề thay đổi. Cảnh vật có lẽ ít thay đổi hơn con người. Chỉ có con người làm thay đổi cảnh vật thì đúng hơn.

Quân chỉ cho tôi xem những nơi chốn quen thuộc của anh. Đây là *physics building* nơi anh đã miệt mài bao năm. Tòa nhà đó là trường Nghệ-thuật Âm-nhạc. Hí trường này nơi anh vẫn thường đi nghe nhạc hòa tấu cổ điển, con dốc này anh đã lội bộ bao nhiêu lần. Đường vào thư viện thật nhiều cây, hai hàng cây với những cành lá ôm choàng lấy nhau phủ kín con đường. Một vài tòa nhà cổ kính xây cất dễ cả trên trăm năm vẫn còn sừng sững với thời gian rêu mốc. Những dốc đồi nằm phơi mình trong sương, vài con đường đi bộ im lìm chìm trong những đám lá. Khuôn viên êm đềm yên tịnh, một vẻ yên tịnh làm xao động lòng người.

Những luồng gió lao xao làm những chùm cây úa vàng rụng lá tơi tả. Cảnh hiu hắt của mùa thu khuôn viên trường chợt làm lòng tôi chùng lại. Tôi nhìn thấy hình ảnh Quân đi lang thang đơn độc trên những con đường dốc quanh trường với túi sách trên vai, lá khô tràn ngập trên những lối đi và gió mang những cơn lạnh se sắt của mùa đông xứ người. Một Quân trẻ trung du học của hai mươi năm về trước. Ngày đó có bao giờ anh nghĩ đến một ngày của hai mươi năm sau anh trở về nhìn lại những dấu chân đã đi qua, những hình bóng kỷ niệm một thời đã khuất. Có bao giờ anh nghĩ đến một ngày trở về quê hương với những khuôn mặt mừng rỡ của người thân ra đón anh ở phi trường. Có bao giờ anh cảm thấy cô độc rời xa mái ấm gia đình. Một thoáng xót xa dấy lên trong lòng, tôi bỗng muốn đưa tay nắm lấy tay anh. Nhưng tay tôi vẫn thu lại để yên trong lòng cảm giác lạnh cắt. Nhìn sang Quân, mặt anh tư lự chìm trong cảm nghĩ riêng. Tôi muốn nói với anh hãy ngừng xe lại một nơi nào, chúng mình đi dạo một vòng. Nhưng ý nghĩ vẫn không nói thành lời. Ý nghĩ vẫn nằm yên trong lòng im lặng. Khoảng không im lặng quen thuộc ở giữa chúng tôi.

Ngày đó khi Quân còn là sinh viên du học đến đây lần đầu, tôi đang làm gì, tôi đang ở đâu. Lúc đó tôi là đứa con gái nhỏ biết buồn rất sớm, đứa con gái vẫn thường ngồi nhìn mông lung ra ngoài trời nơi cửa sổ một ngôi trường nội trú ở ngoại ô Sàigòn. Những bà sơ áo trắng dòng Saint Paul và những đứa trẻ tật nguyền chợt hiện về lũ lượt trong đầu tôi. Có bao giờ tôi kể cho Quân nghe về tuổi thơ buồn tẻ và nhiều bất trắc của tôi. Tôi chưa kể cho Quân nghe và anh cũng chưa có dịp nhìn thấy những cuộc đời đau thương ở một nơi chốn cách xa nửa vòng trái đất. Anh ở xa quê hương ngút trời những ngày tăm tối nhất. Anh không có mặt những ngày tháng đau đớn của một đất nước mang nhiều bất hạnh. Thời gian anh sống ở nơi sinh thành ra anh ít hơn những năm dài lưu lạc, cũng giống như tôi lớn lên trưởng thành ở một nơi không bao giờ nhận mình là một phần tử hòa đồng trong cuộc sống. Trong chúng tôi có những khoảng trống mà thời gian và cuộc đời không thể lấp đầy. Tôi băn khoăn tự hỏi sự gặp gỡ muộn màng của chúng tôi, hay một tình-yêu-không-thể-phân-tích-giải-bày này có khỏa lấp cho nhau chút thiếu vắng nào trong lỗ hổng to lớn của đời sống. Tôi tự trách mình là người hay đặt ra những câu hỏi không có câu trả lời, tự làm khổ chính mình với những suy tư luôn đè nặng trong lòng.

Một phiến lá lay nhẹ và những chiếc cánh nạm vàng bay tới tấp. Quân dừng xe trên một con đường đồi, trước một ngôi nhà gạch hai tầng cũ kỹ. Nơi này là cư xá sinh viên ngoại quốc, cánh cửa kia là phòng trọ cũ của anh, mọi sự không hề thay đổi. Chúng tôi xuống xe đứng ần ngần trước cửa sổ căn phòng của anh. Cơn gió lạnh từ trên đồi đổ xuống, đám lá cây lại se mình chao động. Quân đi vòng ra phía sau ngôi nhà và tìm thấy cái cột bóng rổ vẫn còn ở sân sau. Anh nói ở khoảng sân này những buổi chiều anh ra chơi bóng rổ với mấy người bạn. Tất cả như vẫn còn đây. Một thoáng xúc động gợn lên trong ánh mắt anh, những hình ảnh cũ như đang trở về trước mặt. Tôi biết anh đang dao động bởi những kỷ niệm xưa nơi khung cảnh này. Tôi ngồi yên để mặc anh trầm tư trong im vắng. Một thoáng yên lặng qua đi, chúng tôi bỏ lại ngôi trường trên đồi và những con đường ngập đầy lá úa.

*

Thành phố nằm chót vót trên một ngọn núi với những con đường tuột dốc nhỏ hẹp ngoằn ngoèo. Chiếc xe mướn bốn máy leo dốc một cách mệt nhọc. Tuyết rơi trắng xóa đọng trên những mái nhà, ngọn núi ngất ngưởng phủ đầy tuyết và những con đường trượt tuyết đã dọn phẳng sửa soạn cho mùa chơi tuyết sắp tới. Ở trên đây không khí thoáng nhẹ, gió lạnh nhưng trong lành và dễ chịu. Quân cho xe đi vòng quanh thành phố, chỉ dừng lại ở hai trạm đèn lưu thông duy nhất. Những cánh rừng chỉ còn trơ xương và cành khô trắng hốc trông tiêu điều lạnh lẽo, ẩn nhẫn trong một giấc ngủ đợi chờ. Đó là rừng cây bạch dương, Quân chỉ cho tôi xem những thân cây đứng trơ trọi trên một sườn đồi. Một vài cánh chim chao lượn trên không, khung cảnh trống vắng hiu hắt như một bức tranh thiếu mầu sắc. Anh đưa em đến chỗ này, mình có thể dừng xe lại và đi bộ dọc những quán hàng. Hai bên đường những hàng quán và những tiệm ăn, quán cà-phê tấp nập. Phố núi cao yên tịnh mà có một con phố sầm uất thế này, tôi thắc mắc hỏi Quân. Đó là khu phố của du khách đến chơi tuyết, mùa đông ở đây nhộn nhịp lắm chứ không đìu hiu như em tưởng. Thị trấn là một *tourist attraction* của tiểu bang này. Ở đây có những *ski resort* chỉ có dân trưởng giả mới đến đây chơi trọn mùa đông. Con đường dốc chật chội xe cộ đậu sát hai bên lề, những quán hàng không khí ấm áp bên trong trông thật lôi cuốn. Tựa như

cảnh một thành phố lưng chừng miền núi ở vùng quê Âu-châu. Quân tìm được một chỗ đậu xe bên lề đường trước một quán cà-phê Ý.

Ly cà-phê trước mặt và khung cảnh lạnh lẽo bên ngoài làm quán có cảm giác ấm cúng hơn Ngoài cửa một thân cây co ro lá úa nhiều mầu, có trái xanh nhỏ như những trái táo tàu đang rung nhẹ trong gió. Một trái táo rụng xuống sân gạch gây tiếng động nhẹ ở ngoài sân. Con chó của ai chạy ra sân đưa chân khều khều mảng tuyết trắng dưới gốc cây một cách nghịch ngợm. Cảnh êm đềm và thật hồn nhiên, Quân và tôi cùng nhìn ra sân và mỉm cười vu vơ. Chúng tôi gọi một thứ bánh kem mùi cà-phê có sô-cô-la đổ trên mặt. Vô tình lại gọi trùng một món. Quân bảo món bánh này gọi là *mud-pie*, trông như màu bùn nhưng ăn ngon tuyệt. Tôi gật đầu đồng ý, sô-cô-la vẫn là mùi vị ưa thích của tôi. Chất lạnh của kem thấm vào lòng, len lỏi vào da thịt hòa với cái lạnh bên ngoài tạo một thứ cảm giác thú vị. Tách cà-phê không được đậm đà, nhưng khung cảnh ấm cúng nên cảm thấy thoải mái dễ chịu.

Lơ đãng nhìn ra xa, tôi lại thấy màu vàng úa quen thuộc của lá cây nhuốm bệnh. Cánh rừng xơ xác phía sau quán trông tiêu điều thảm đạm như một bức tranh đầy cảm tính. Những cành cây khô gẫy và lá chết nằm lẫn lộn với tuyết ngập đầy trên mặt đất. Lá trên cây se sắt co lạnh. Có lẽ lá đang đau bệnh những ngày đổi màu, những cơn gió lạnh của mùa thu xứ tuyết đang soi mòn dần từng tế bào sống của lá. Lá đang trải qua thời kỳ đau khổ chống trả với nỗi sợ hãi của sự sống sắp sửa mất đi, trước cái chết nghiệt ngã của số phận. Chu kỳ tàn úa của lá nhanh như một cơn gió nhẹ thổi qua, lá nhuốm đau, đổi màu rồi rùng mình rơi về nguồn gốc. Lá chết nhẹ nhàng bình yên, nhưng sứ mạng của lá để cho những sinh vật biết rằng sự sống là một hạnh phúc. Lá đau khổ đóng vai trò cho hạnh phúc hiện diện. Hạnh phúc là sự sống, sinh vật phải nên tận hưởng sự may mắn của mình.

Rồi trong một phút bất chợt, tôi lại muốn hỏi Quân những câu hỏi mà tôi biết anh cũng không có câu trả lời, nhưng tôi ao ước vô cùng được hỏi. Tôi muốn kể anh nghe rằng có một thứ vô cùng khan hiếm trong đời sống mà con người dù nhiều quyền lực hay tiền bạc cũng không thể tìm mua dễ dàng. Tình yêu là một thứ xa xỉ phẩm ít người có thể kham nổi. Người ta tin ở một tình yêu cần thiết cho đời sống. Người ta biết giá trị của nó, song

người ta khó có thể có nó bởi nó ở cách xa đời sống quá. Quả thật tình thương yêu là một cái gì quá cần thiết vượt ra ngoài những nhu cầu đời sống. Nhưng không có chúng người ta vẫn có thể hít thở một không khí tự nhiên, vẫn sống một cuộc sống bình thường, vẫn trôi theo cùng với dòng thời gian mệt mỏi, vẫn nghe tiếng tim mình đập thở một nhịp đập đều đặn. Những nhịp đều đặn vang động từ một khoảng không im lìm, xoáy vào đời sống khô cằn tạo nên những tiếng kêu đau nhức, trăn trở cầu cứu. Tiếng kêu từ bờ vực thẳm báo động đời sống có những điều bất an, có những điều thiếu sót chẳng biết là những thiếu sót gì. Người ta sống cô độc trong chiếc vỏ an toàn. Người ta hòa mình vào một khối cô đơn tập thể. Nhưng bầu không khí trong quán ấm cúng tự nhiên thế này, tôi sợ lại phải đối diện với những ý nghĩ bất an và một không khí nặng nề, tôi cất những ý nghĩ vào lại trong lòng, lặng yên thưởng thức chiếc bánh mùi sô-cô-la hợp khẩu vị.

Ngọn núi phủ đầy tuyết trắng phía xa bỗng như sáng rực trước mặt. Tôi chợt ao ước muốn đưa tay chạm vào ngọn tuyết trắng ngần ấy. Chỉ cần đưa một ngón tay chỉ vào đỉnh núi là tôi có thể tưởng như đang cầm được ngọn núi. Ảo giác này cho tôi có cảm tưởng như quả núi đang nằm gọn trong bàn tay, như trái núi đang ở thật gần. Nhưng cái khoảng cách từ bàn tay và ngọn núi kia thì thật xa vời vợi. Lời nói nào chợt vang lên trong đầu, "*From a distance, you look like my friend. Are you my friend?...*" Từ một khoảng cách tất cả đều có thể trở thành bất cứ điều gì con mắt tôi muốn nhìn thấy, mặc dầu những vật thể có thể chỉ là những ảo ảnh mơ hồ không có thật. Từ xa con mắt không thể nhìn thấy đích thực hình ảnh của một vật thể, nhưng con mắt của tâm hồn rộng lượng và có thể kéo gần lại khoảng cách, cảm xúc có thể làm tâm hồn cảm thấy như không có khoảng cách nào. Cảm xúc vẽ một hình ảnh đẹp trong thị quan của tâm hồn. Và cái cảm giác mà thị quan tâm hồn cảm nhận được thật là cái đẹp, là điều ý nghĩa. Cảm xúc làm cho tâm hồn thăng hoa thì cảm xúc mang vai trò quan trọng hơn cái khoảng cách trở ngại kia. Ngọn núi ở trước mặt, ngọn núi đứng cao ngạo nghễ thách đố với thiên nhiên, nhưng sao ngọn núi có một vẻ cô đơn cách biệt. Tình yêu cũng giống như một ngọn núi lừng lững đó, tôi có thể trông thấy đỉnh núi từ xa nhưng không thể đến gần, không thể leo lên tới đỉnh chót. Cái đẹp từ xa sẽ không còn đẹp nếu tôi đã lên được tới nơi. Cảnh đẹp hùng vĩ làm tâm hồn tôi rung động. Ước ao phải chi tôi có thể cất cảnh

đẹp đó vào lòng, như một vật không thể biến dời. Như thể cất giữ mãi một tình yêu thần thánh hóa, không phai mòn và suy suyển. Không bị ảnh hưởng bởi điều gì. Như nhìn ngắm ngọn núi từ một khoảng cách im lặng. Trang trọng và trân quí. Tình yêu là ngọn núi cao vợi, là những gì hiểm trở khó khăn, là những hạt kim cương cứ nhìn ngắm chiêm ngưỡng từ một tầm nhìn, nhưng đến gần thì chúng sẽ chỉ là những giọt nước mắt.

Ý nghĩ nói với Quân về vấn đề mông lung ảo thực của tình yêu và lý tưởng vẫn còn nằm im trong đầu tôi. Những gì đẹp quá vẫn thường làm cho tôi sợ. Những gì đẹp thường quá mong manh. Giọt sương trong ngần buổi sáng chỉ một cơn nắng lên là tan biến. Cầu vồng rực rỡ thoắt hiện rồi tắt trong buổi chiều tàn. Tôi sợ những gì mong manh ở đời sống. Tôi sợ hãi những lý tưởng vỡ tan và niềm ê chề của thất vọng. Mặc dầu luôn khao khát tìm gặp cái đẹp của lý tưởng, nhưng đường như những cái đẹp đó ở một nơi chốn nào rất xa, ở ngoài đời sống lẫn lộn với những cái quanh quẩn tầm thường. Tôi không có đủ can đảm tìm kiếm. Tôi chờ đợi nó tìm đến với tôi. Một cái đẹp bình dị đơn sơ, nhưng thật và khiêm tốn nhất. Bằng một lẽ gì không rõ, tôi và Quân không còn nhắc đến khoảng thời gian ngày xưa, thuở tâm hồn còn rung động tự nhiên, khi tình yêu được lọc qua một lăng kính vô tư không đắn đo cân nhắc, thuần khiết trong sự bao dung rộng lượng cho nhau. Với một nỗi nhớ bồi hồi khó tả, tôi không quên mảy may một chi tiết nào trong cuộc tình lạ lùng này. Như một nỗi nhớ quay quắt ám ảnh. Như có gì vừa thoát khỏi tầm tay hụt hẫng. Dẫu sao niềm hạnh phúc là những điều trân quí còn được nâng niu cất giữ trong một góc khuất tâm hồn.

Chúng tôi lại bỏ thành phố núi và đi lang thang trên những con đường đèo gió lộng heo hút. Buổi chiều sương xuống nhẹ, những hạt sương li ti như những hạt bụi mơ màng trong không khí thấm lạnh. Quân hỏi tôi em đã mệt chưa, nơi chốn của anh chỉ có thế đấy, đi dăm phút lại về chỗ cũ. Nơi chốn này buồn và lặng lẽ như một thành phố cao nguyên ở quê hương mình. Có phải anh muốn nhắc đến thành phố Đà-lạt, em chưa hề biết đến Đà-lạt nhưng nếu thành phố ấy hiền hoà dễ thương như nơi này thì em sẽ yêu Đà-lạt của mình. Tôi nói với Quân tôi không mệt, tôi chỉ buồn sao ngày mùa đông chóng tàn. Quân cười nhẹ, chăm chú nhìn thẳng con đường phía trước. Mặt trời từ sau đám mây trên núi lấp ló chiếu ánh sáng

yếu ớt vào thung lũng đã tối mờ, như còn luyến tiếc những giờ phút còn lại của ngày. Chỉ được một phút thôi, rồi mây đen lại che lấn mất mặt trời. Thung lũng phủ mầu bóng tối. Một ngày đã hết.

*

Bóng tối yên lặng, Quân kéo tôi sát vào lòng và đưa tay luồn vào trong tóc. Tôi dựa sát vào anh, cảm nhận hơi ấm từ thân anh truyền sang ấm dịu. Tâm tưởng tôi ngưng đọng trong cảm xúc lạ, hòa tan trong từng đợt cảm giác ngây ngất dịu dàng. Nỗi cảm xúc ngọt lịm mông lung, tôi ngơ ngác với chính mình, như chưa từng trải qua những giây phút khai phá của đời sống. Ở ngoài kia ngọn núi tuyết trắng vẫn sáng rực nơi chân trời. Tôi muốn kéo gần lại khoảng cách, tôi muốn nắm trọn ngọn núi trong lòng bàn tay, tôi muốn chinh phục chiều cao của thiên nhiên. Khuôn mặt Quân gần sát, chúng tôi nhìn nhau trong bóng tối im lặng, khoảng cách thu ngắn lại. Tuyết có lẽ vẫn đang rơi ở ngoài kia. Khung cửa kính mờ mờ hơi nước, nhạt nhòa những hình ảnh. Tay tôi tìm gặp tay Quân, đan những ngón vào nhau ấm áp. Tôi muốn nói nhỏ với anh, có một nơi trong thân thể tôi luôn cảm thấy lạnh. Chỉ là một phần tử nhỏ của thân thể, nhưng hành hạ cả người tôi đau đớn. Tôi mở thân tôi ra cho anh soi ấm cả vùng lạnh lẽo ấy. Rồi màu vàng úa bệnh hoạn của những chiếc lá đong đưa. Những tinh thể tuyết trong ngần như những hạt ngọc bay tung toé khắp bầu trời. Cánh rừng chơ vơ những thân cây xơ xác. Phần tử của thân thể yếu ớt đập những nhịp sai lạc. Nhịp đập đánh thức cảm giác. Tất cả yên lặng nhường chỗ cho yêu thương khơi dậy từng tế bào cảm xúc. Tất cả hình ảnh vỡ tan dưới da thịt trong suốt soi thấu từng ý nghĩ xôn xao. Tôi gọi thầm Quân ơi, Quân ơi ôm em thật chặt. Một giây phút của đời sống có bằng thiên thu của đời người. Tôi chợt ao ước trong phút giây này, chúng tôi có thể sống thật nhất cho mình, và cho nhau. Tôi muốn nói với Quân lời yêu thương cần thiết hơn bao giờ, và muốn nghe từ anh câu nói đã nằm yên từ trong lòng im lặng. Sự im lặng chỉ ý nghĩa khi làn sóng phát đi có âm hưởng trả lời. Sự im lặng sâu kín, chìm trong nỗi cô đơn vời vợi của nhau. Nhưng đồng thời tôi lại muốn lặng yên chẳng nên bộc lộ điều gì. Vì lời nói cũng chỉ là thừa trong vùng cảm giác mênh mông không còn giới hạn. Thời gian không gian ngưng đọng, ở lại trong tôi cùng với những ảo tưởng mong manh nhất của hạnh phúc và khổ đau.

*

Và ngày lại lên thêm một lần nữa. Tuyết đang xuống mù mịt trên núi, tuyết trắng che phủ cả dãy núi phía đông, trời và đất lờ mờ một màu trắng đục không còn phân biệt. Thành phố dưới thung lũng cũng lất phất những bụi tuyết long lanh trong bầu không khí ẩm lạnh. Tuyết rơi không lạnh, nhưng mang vẻ buồn như những ngày cô độc bó gối ngồi nhìn mưa bụi bay mà không biết làm gì cho hết thì giờ. Lại đi một vòng quanh thành phố, thành phố vẫn còn ngủ kỹ im lìm trong những chăn gối ấm. Quân đi tìm lại những con đường quen thuộc ngày xưa, vô tình trở lại con đường vào trường ngày hôm qua. Anh bảo muốn nhìn lại ngôi trường thêm một lần nữa. Một màu trắng xóa chiếm trọn hết khuôn viên, cành cây gãy đổ nằm lăn lóc trên những lối đi ngập đầy xác lá. Đêm qua chắc có một trận bão tuyết lớn trên này, tội nghiệp những cành khô đổ gẫy. Tuyết lấp mồ cho những xác lá khô héo lẻ loi nằm trên đường. Quân dừng xe trước cửa trường đối diện quán ăn hôm qua, trước một căn nhà nhỏ nhiều cây im lìm bóng tối. Nhà này của một người bạn già ngày xưa của anh, không biết ông ta có còn ở đây. Tôi nói anh vào thử gõ cửa hỏi thăm xem. Anh tần ngần một giây rồi bảo thôi vì anh sợ phải nghe tin một người quen không còn ở trên đời. Cứ mỗi lần nghe tin một người vừa ra khỏi cuộc đời lại cảm thấy mình cô độc hơn.

Chúng tôi trở lại trên những lối đi cũ, hôm nay đổi khác với một màu trắng bao phủ. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy cảnh vật nhiều mầu trắng như trước mặt. Quân dừng xe, chạy ra bốc một nắm tuyết ném lên ngọn cây khiến tuyết rơi lả tả như những bông gòn rụng. Anh nghịch tuyết hồn nhiên như một đứa trẻ lâu ngày không được trông thấy tuyết. Tuyết lất phất rơi bám trên người trên tóc, rồi tan như những hạt nước mắt long lanh vỡ. Màu trắng lấn át mọi ý nghĩ trong lòng, ý nghĩ trắng xoá bởi cảm giác của những phút còn lại, chợt bơ vơ như những hạt bụi mong manh luồn qua những ngón tay. Một màu trắng lung linh nhạt nhòa, rồi sẽ theo vào một nơi yên tịnh nhất trong vùng ký ức. Tôi vào xe, im lặng cho đến lúc Quân hỏi tôi em có muốn ghé vào một quán nước nào trước giờ ra phi trường. Tôi gật đầu. Vâng, một ly cà-phê cuối cùng ở thành phố mang niềm đau của lá. □

LA TOÀN VINH

KHÔNG ĐỀ

*

Mai về
cát
bụi
mơ màng
xuối tay
trút hết
những oan nghiệt này
giã từ
vũ trụ mới hay
náu nương
cùng giọt
sương mai mù mờ
Mai về
Lối ngõ
vàng hoa
vàng màu áo
ẩn
Hạnh
Hoa
Tâm
Từ.

TRẦN LONG HỒ

bên này sóng

*

Tiếng gọi quen thuộc của cha Trung từ bên ngoài vọng lại. Giọng trầm ấm lẫn với gió biển như tiếng reo báo thức từ mấy ngày nay. Tôi bước ra ngoài. Buổi sáng bắt đầu với gió biển dìu dịu, và sóng biển lăn tăn vừa vặn đập vào bờ. Từ cuối chân trời mặt nước xanh phẳng lì đã dừng lại để từ đó một vầng hồng rạng rỡ phá tung màu xám nhạt của đêm còn sót lại. Những tia sáng nguyên sơ xô giạt mấy đám mây còn rụt rè xếp nếp rồi vầng hồng tỏa một vệt sáng chạy dài trên mặt biển. Xa quá, chưa có ánh nước lấp lánh, chưa có mây cao và biển thấp, chưa có đất trời chia nhau ngôi vị. Chỉ có một tròng trứng đỏ nở ra từ bờ chia biển trời huyền hoặc. Như thế, mỗi ngày từ sáng tinh sương, tôi chứng kiến trời đất làm chuyện khai sinh. Tôi không chán và dĩ nhiên trời đất cũng đồng tình chuyện đó cho đến khi có tiếng gọi của cha Trung. Chính tiếng trầm ấm ấy lẫn với gió biển xôn xao ngoài kia mới thật sự báo hiệu một ngày bắt đầu.

Cha Trung đang đứng phía sau túp lều, bỏ hai bàn tay vào túi áo ấm. Ông đội cái mũ nỉ xám trùm cả đầu xuống tận chân mày. Đôi mắt ông đang nheo lại vì gió biển. Tôi bước đến gần, cha có lạnh lắm không? Ông cười gật đầu, độ rày tôi cảm thấy yếu đi, sáng không mặc áo ấm chịu không nổi. Tôi ái ngại nhìn ông, có lẽ cha làm việc nhiều quá, sáng nay cha ghé qua trạm xá đi. Tôi định như vậy, nhờ anh ghi cho cái toa thuốc chớ tôi ngại chích lắm. Tôi cười, cha uống thuốc đủ rồi đâu cần phải chích.

Cha Trung và tôi đi dài theo bãi cát. Hàng ngàn túp lều đủ màu sắc và kích thước trải dài mút mắt trên bãi. Số người tị nạn đã lên hơn bảy ngàn

người, các *barracks* không còn đủ chỗ nữa. Những túp lều đó được dựng lên vội vã từ một tuần nay. Lều của tôi cũng nằm trong tình trạng đó. Nó được dựng cặp theo thành một chiếc ghe cũ đã gần sập. Chiếc ghe này bị người ta kéo bỏ trên bãi không biết tự lúc nào. Lúc tôi đến nó đã nằm ngả nghiêng ở đó. Không ai chú ý đến nó, nhưng tôi tìm thấy ở nó một điểm tựa chắc chắn để chống lại các cơn gió mạnh thường xuyên thổi tốc lên từ biển. Túp lều của tôi chỉ là tấm ni-lông được căng ra với mấy thanh cây mỏng manh, nhưng nhờ chiếc ghe cũ che chở phía sau nó trông vững chắc hơn các chiếc khác.

Chúng tôi đi lần về phía đầu trại, chỗ mấy quán cà phê dựng tạm bợ trên bãi cát. Tôi quen cha Trung chỉ mới hơn một tuần lễ, dịp ông lên khám bệnh trên bệnh xá. Cha năm nay trên bốn mươi, đi tu từ nhỏ hiện đang ở trong nhà thờ của trại. Cha là một người trong ban xã hội giúp đỡ cho dân rất đắc lực. Tôi cảm thấy thân mật ngay với cha sau lần đầu khám bệnh đầu tiên. Có lẽ lý do quan trọng nhất, tôi nghĩ, cha là một linh mục nhưng không nói quá nhiều về đạo, không nhân dịp thuận tiện bất cứ lúc nào để giảng đạo cho tôi, như những người khác thường làm. Tôi không có đạo nào hết, có vài dịp vào nhà thờ, nhiều lần vào chùa, đôi lần viếng tòa thánh Cao Đài ở Tây-ninh, thường nghe lời ca giảng đạo Hòa Hảo. Nhưng tôi vẫn còn là kẻ đi rong chưa bị đạo nào bắt giữ. Có chăng... là đạo vợ chồng. Về phía cha Trung, cha rất thân thiết với tôi ngay từ đầu, có lẽ vì tôi nghe kỹ lời cha khai bệnh và chăm sóc sức khỏe cho cha rất tận tình. Tôi gọi cha vì mọi người trong trại đều gọi cha như vậy, xưng là tôi, không phải con như tất cả mọi người khác.

Đôi khi tôi muốn gọi cha là anh, như sự thân mật giữa chúng tôi đã có. Nhưng điều đó không thể, vì cha là một linh mục. Tuy cha chưa bao giờ mời tôi vào nhà thờ nghe giảng nhưng tôi vẫn biết cha là một linh mục. Nếu có nói về Chúa cha nói như một người bình thường tin tưởng Chúa. Cha gọi tôi là anh, xưng tôi, chớ không phải tiếng cha như thông lệ của một linh mục. Chúng tôi rất tự nhiên với nhau, quả thật tự nhiên đến độ không ngờ. Do đó tôi không cảm thấy cha là một linh mục, trái lại, tôi nghĩ cha là người bạn rất chân thật với tôi. Cha là một người tốt, dĩ nhiên, không thể chối cãi được. Có người nói cha tốt vì cha là linh mục. Có thể. Nhưng đúng hơn, cha tốt, vì cha là cha Trung, thế thôi.

Tôi nhớ sau lần đầu gặp ở bệnh xá, cha hỏi, anh có đi uống cà phê với tôi không? Tôi gật đầu, đi với cha đến quán cà phê ở đầu trại, tôi không hề nghĩ trong túi tôi chẳng có đồng xu nào. Tôi không ngại ngùng với một người mới quen chỉ vài tiếng đồng hồ. Có lẽ đó là một thói quen tôi đã cưu mang từ lâu và đã thành một cố tật. Điều đó xấu hay tốt tôi không nghĩ đến.

Chúng tôi chọn một cái bàn nhỏ trong quán. Cha ngồi trên cái rương cũ, tôi ngồi trên cái ghế nhỏ bị mọt ăn loang lổ.

Bên ngoài cát trải dài trắng xóa, nước biển xanh biếc, và bầu trời trong vắt. Cha mời tôi một điếu thuốc Thái, hút rất đậm đà. Cha kẹp điếu thuốc giữa ngón cái và ngón trỏ, ngón giữa lòn bên trong búng nhẹ tàn. Mấy ngón tay cha đóng nhựa thuốc vàng lợt. Cha nhấp từng hớp cà phê nhỏ, chậm chạp, và nhẹ nhàng. Cha giống bọn chúng tôi quá, bọn thích đi rong và đam mê đủ thứ chuyện trên đời. Cha ngồi đó với tôi, cũng cốc cà phê đen, phì phà thuốc, và nghe những bản nhạc tình êm dịu. Ngoài kia tín đồ trong trại qua lại dập dìu. Cha tỉnh táo quá, tôi cảm thấy mình nhỏ nhoi trước cung cách ấy. Bây giờ tôi khâm phục cha. Cũng chính tôi, nhớ ngày nào ở trường Vạn Hạnh, tôi đã cảm thấy khó chịu vì chuyện một nhà sư hút thuốc lá lại còn búng tàn rất chuyên nghiệp nữa. Đã có lúc tôi phải đứng lên, lại ngồi xuống, suýt chút nữa tôi đã đến nói với nhà sư đừng làm như vậy, ném điếu thuốc đi và sám hối. Bây giờ, nghĩ lại, tôi thật đáng ghét và tội nghiệp cho nhà sư ấy vô cùng.

Sau buổi uống cà phê, trên đường trở về lều, cha nhét vào tay tôi một số tiền. Tôi mở ra, năm trăm *bath*, tiền Thái. Cha nói, anh đi mua tấm ni-lông căng lại lều đi, cái tấm nhựa rách đó làm sao che nổi nắng mưa. Nhưng cha cũng cần tiêu xài, tôi nói. Cha cười hiền hậu, tôi ngủ trong nhà thờ, vả lại ở trại cũng hai tháng rồi, đã được người quen giúp đỡ, anh mới vào trại được vài ngày mà. Tôi cảm thấy xấp tiền của cha nặng quá, tôi muốn nhét nó trở lại vào túi cha mà không sao nhấc tay lên nổi. Tôi nhìn cha yên lặng. Cha Trung cười, đừng bận lòng về những tiểu tiết đó. Tôi nói, cám ơn cha, cám ơn cho cả hai chuyện, món tiền và lời dạy bảo của cha.

*

Sáng hôm nay như thường lệ chúng tôi vào một quán cà phê trên bãi cát khoảng giữa trại. Cha Trung đưa tôi một điếu thuốc rồi yên lặng nhìn

ra khoảng nước biển mênh mông. Cha đăm chiêu không nói gì, nếp nhăn trên trán và hai khóe mắt của cha càng nổi đậm hơn. Tôi cảm thấy hình như cha muốn nói điều gì nhưng chưa thể mở lời được. Tôi không biết mình phải và nên nói gì. Rồi cuối cùng, tôi im lặng, đó vẫn là món sở trường của tôi từ bao lâu nay, tốt hay xấu tôi không muốn suy nghĩ và không cần nghĩ đến.

Cha Trung dụi điếu thuốc xuống gạt tàn, lại mồi một điếu khác. Cha hỏi, từ trước đến giờ anh có làm điều gì mà anh không thích hay không? Tôi đáp, có rất nhiều chuyện cha à. Cha Trung nói, tôi chỉ muốn nói chuyện mà anh nghĩ quan trọng cho cuộc đời kìa. Tôi gật đầu. Cha nhìn tôi như muốn tìm kiếm điều gì trong đầu tôi mà cha hy vọng có thể giải quyết được vấn đề cho mình. Tôi nhìn cha, ngần ngại đáp, có nhiều chuyện nhưng không biết có quan trọng đến đời mình hay không?

Cha Trung vẫn nhìn mông lung ra nắng vàng trên bãi cát, những đợt sóng bạc vẫn liên tục vỗ vào bờ. Ông ngồi đó mà hình như tâm hồn ông để một nơi xa xôi nào.

Tôi nhìn cha Trung. Ông vẫn ngồi yên lặng. Tôi muốn nói một điều gì đó, bất cứ điều gì để phá tan bầu không khí nặng nề chung quanh hai người. Nhưng tôi không thể làm gì được. Tôi đốt một điếu thuốc, rít một hơi, để xuống, rồi lại cầm nó lên. Cha Trung vẫn lặng thinh, ông không hút thuốc nữa, cứ nhấp từng ngụm cà phê. Tôi nhìn cha, tôi cảm thấy sốt ruột lắm.

Cha Trung bật quẹt mồi thuốc. Điếu thuốc không bị hút đã tắt ngúm tự lúc nào. Cha thở dài không nói gì, yên lặng nhìn tôi.

Đột nhiên cha Trung vò bao thuốc bỏ xuống cát, cha hỏi, anh có vào bệnh xá không? Tôi đáp, có, hôm nay chỉ còn anh Phước thôi, phải có hai người, ít nhất, mới khám cho xuể số lượng bệnh nhân đông nghẹt trong trại. Lần đầu tiên tôi thấy cha có vẻ bứt rứt trong lòng lắm. Cha không nói ra, nhưng tôi biết cha muốn nói một điều gì đang được giấu kín trong lòng cha.

Nhưng sự yên lặng vẫn kéo dài. Cha im lặng và tôi cũng không nói gì. Một lúc sau cha nhìn tôi rồi ngần ngại nói, chiều nay chúng ta gặp lại nhau được không? Tôi gật đầu như một cái máy. Cha cũng gật đầu. Tôi trả tiền

cà phê, chào cha hẹn chiều gặp lại. Tôi đi đến bệnh xá còn cha Trung trở về nhà thờ.

Buổi chiều chúng tôi trở lại quán cà phê đó. Cha Trung móc ra hai gói thuốc để lên bàn. Tôi cũng lôi ra hai gói khác. Tôi nhìn cha ngụ ý, chiến trường đầy hứa hẹn ác liệt và trường kỳ. Cha hiểu ý tôi, cười hiền hậu, anh không những trị bệnh bên ngoài mà còn xoa dịu được tâm bệnh, anh hiểu tôi rất nhiều. Tôi nhìn cha, không biết ông có tỉnh táo hay không? Tôi đã làm gì đâu? Ngoài chuyện im lặng, miệng ngậm câm như hến ra tôi chẳng làm gì cả. Thế ra, im lặng đôi khi cũng giải quyết được vấn đề sao?

Tôi mồi thuốc rồi rít một hơi dài. Cha Trung không hút, có lẽ ông muốn chiến trường kéo dài đến khuya. Trong thái độ lặng thinh trông ông có vẻ can đảm hơn tôi gấp trăm lần.

Cha Trung vẫn nhìn tôi nhưng ánh mắt ông thật lạ lùng. Một lúc lâu sau cha lặng lẽ mồi thuốc, lần này trông cha tỉnh táo hơn. Trái lại sau một khoảng thời gian chờ đợi tôi trông mệt mỏi như tên bại binh không còn mảnh giáp.

Cha Trung đăm đăm nhìn khói thuốc quyện trên gạt tàn, điếu thuốc đã tắt ngúm nhưng ông vẫn còn dụi nó trong ấy. Cha nói, anh có muốn nghe chuyện của tôi không? Tôi nhìn cha, gật đầu. Tôi chẳng biết câu chuyện cha sắp nói là chuyện gì. Nhưng tôi không dám hỏi gì thêm. Khuôn mặt cha nghiêm trọng một cách kỳ lạ, hai phần thịt dưới mắt ông giật liên hồi, đôi môi ông tái xanh. Tôi cảm thấy cha sắp xưng tội. Trời ơi, tội nghiệp cho cha, trước mặt cha là một tên hư đốn. Tôi nhìn quanh, không có người nào ở gần cho tôi có thể san sẻ sự áy náy trong lòng.

Trong lúc tôi đang loay hoay trong tình trạng bất ổn cha Trung từ tốn nói, cách đây hơn hai mươi lăm năm...

*

Tôi nhớ, lúc tôi mười bảy tuổi, đang học lớp đệ nhất. Tôi là một đứa con trai nhút nhát nhất trong những tên gọi là nhát trong trường. Tôi chưa bao giờ dám nhìn thẳng vào mặt một người con gái nào. Ngay cả chuyện nhìn ảnh một thiếu nữ trên báo hay đọc những bài thơ tình của Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương, hay Hàn Mạc Tử, tôi cũng cảm thấy xấu hổ. Còn cha mẹ tôi, ông bà nhất quyết muốn tôi phải trở thành một linh mục. Ông bà

chỉ có tôi là đứa con độc nhất. Cả hai đều cảm thấy hãnh diện vô cùng nếu có đứa con là linh mục.

Tôi không tha thiết về điều cha mẹ tôi mong muốn, nhưng không quyết liệt có thái độ ghét bỏ nó. Trong những môn học tôi lại không thích triết và thần học, tôi chỉ thích văn chương thôi, nhất là thi ca tiền chiến. Cha mẹ tôi biết như vậy. Ông bà kiểm soát tôi rất kỹ về mọi thứ, bài vở trong trường, sách giải trí, quần áo, và ngay cả thư từ. Họ cho tôi biết là tôi đã được ân sủng của nhà thờ và là người được tin tưởng để trở thành linh mục. Ông bà nói rằng sẵn sàng chết bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, trong bất cứ tình huống nào để cho tôi đạt được điều ông bà mong muốn. Trước ý muốn mãnh liệt của cha mẹ, tôi không hề dám phản kháng dù cả trong ánh mắt. Tôi ngoan ngoãn nghe theo lời dạy bảo của ông bà.

Nhiều đêm tôi khóc về sự yếu ớt của bản thân mình khi nhìn những tập thơ giấu kỹ dưới đáy rương. Tôi cảm thấy nao lòng vì một dáng áo dài mảnh mai hay rung động khi nghe những bài tình ca của Văn Cao và Phạm Duy. Tôi chỉ sống thật với tôi, về đêm, trong căn phòng bé nhỏ ấy. Khi có ai gõ cửa, hay khi tôi bước ra khỏi phòng, tôi trở thành một người khác, một chuẩn linh mục. Cha mẹ tôi rất hài lòng về tôi, hội đạo cũng hãnh diện về tôi. Nhưng có một người thù ghét tôi thậm tệ, khinh bỉ tôi vô cùng tận. Người đó chính là tôi. Ngày nào tôi nói về giáo lý càng hay, được nhiều người cảm phục, thì đêm đó tôi đau đớn không cách nào chịu nổi. Tôi phải tự đánh vào ngực mình, tôi không dám tự đánh vào mặt, vì sợ có người ban ngày thấy được dấu vết. Thế rồi càng lúc trong người tôi có rất nhiều vết bầm, có lúc đau đến nỗi tôi không thể thở mạnh được, hay nhức nhối khi tôi xoay người hay vô tình chạm phải đồ vật chung quanh. Khuôn mặt tôi càng lúc càng trở nên nghiêm trọng, dáng dấp tôi trông chẳng khác nào thân cây biết đi. Mọi người khâm phục tôi nhiều hơn và vì thế tôi càng tự cảm thấy đau đớn đến không thể chịu đựng nổi.

Tôi sống như thế đến một ngày kia trong buổi cơm chiều, cha mẹ tôi cho biết chủ nhật tới sẽ có một người đến ở chung trong nhà. Cô ấy tên là Trang, con của một người bạn của ba tôi. Họ là tín đồ rất ngoan đạo và khâm phục gia đình tôi. Gia đình họ ở Cần-thơ, Trang đang học lớp đệ tam hết năm sẽ lên đệ nhị và thi tú tài một. Gia đình Trang muốn nàng tá túc trong một gia đình nề nếp ở Sàigòn để tiện việc học hành và tiến thân lên

đại học. Tôi làm như không để ý đến việc đó nhưng tôi cảm thấy nôn nao một cách kỳ lạ. Tôi không hiểu tại sao tôi hồi hộp đến như vậy. Tuần lễ đó thật dài, ngày qua thật chậm. Tôi trông đợi ngày chủ nhật. Để làm gì? Tôi biết rất rõ tôi đợi một người con gái tôi không hề biết mặt và hoàn toàn không hiểu chút gì về người đó.

Tôi biết cha mẹ tôi chuẩn bị đón tiếp người bạn cũ rất cẩn thận. Hình như ông bà không hề quan tâm về những chuyện có thể làm tôi xao lãng việc trở thành linh mục. Có lẽ ông bà cũng như bạn bè trong hội đạo đều tin tưởng tôi trọn vẹn. Nhưng tôi chưa bao giờ tin tưởng tôi chút nào. Suốt đêm thứ bảy đó tôi không hề chợp mắt và tôi cứ nôn nao, bứt rứt suốt ngày chủ nhật. Tiếng động ngoài ngõ hay lời nói chuyện lớn tiếng của cha mẹ tôi ngoài phòng cứ làm tim tôi đập lên thật mạnh. Tôi cảm thấy ngột ngạt với không khí trong phòng. Tôi muốn ra ngoài phụ giúp cha mẹ nhưng tôi không dám làm điều đó.

Đến chiều có tiếng nói cười rộn rã bên ngoài, tôi biết họ đã đến. Rồi có tiếng gõ cửa và ba tôi gọi tôi ra ngoài. Tim tôi càng đập mạnh hơn và hai đầu gối cứ run lên không thể kềm lại được. Có lẽ mọi người chờ khá lâu đến khi tôi bước ra phòng ăn. Tôi thấy Trang ngồi giữa mẹ tôi và mẹ cô, còn một ghế trống giữa cha và mẹ tôi. Cha tôi muốn ngồi gần người bạn cũ. Tôi cúi đầu chào hai bác đó và Trang. Tôi cảm thấy mặt tôi nóng rần lên tận mang tai, hai chân run như không thể bước được nữa. Trang ngồi đấy, yên lặng, dáng nhỏ nhắn. Tóc cô dài xõa ngang vai, mặt thon nhỏ, da trắng như trứng gà bóc. Đôi mắt cô to đen láy, chân mày đậm, mũi cao, và đôi môi hồng thật nhỏ.

Tôi chỉ nhìn thoáng qua rồi bước đến ngồi xuống ghế. Tôi chỉ biết cha mẹ Trang cùng trạc tuổi cha mẹ tôi, có vẻ hiền hậu, thế thôi, tôi không hề để ý mặt họ như thế nào.

Mọi người bắt đầu ăn, tôi cũng làm như vậy. Mấy người lớn nói chuyện về tôi, về Trang, về đạo một cách say mê. Làm như không những họ muốn biến tôi thành linh mục mà Trang cũng sẽ thành một *ma soeur*. Không ai chú ý đến tôi, thật thoải mái nhiều hơn tôi dự tưởng. Tôi cắm cúi ăn, nhưng tôi không biết đang ăn món gì. Có một lần tôi vừa ngẩng đầu lên chạm phải mắt Trang. Tôi cảm thấy run cả người, suýt chút nữa đôi đũa bị vuột rơi

xuống bàn. Trang nhìn tôi mỉm cười thật ngây thơ. Tôi cảm thấy xấu hổ về hành động của mình, về những ý nghĩ đang xoay chuyển trong đầu.

Sau bữa cơm chiều cha tôi và cha Trang vẫn say sưa nói chuyện, hết về đạo lại nhắc kỷ niệm ngày xưa. Mẹ tôi dẫn mẹ Trang và Trang đi xem các phòng. Bà bảo tôi đi theo. Tôi gật đầu vâng dạ. Tôi đi sau lưng Trang như người mộng du. Mái tóc đen mượt và dáng áo dài mảnh mai ấy như thu mất hồn tôi tự lúc nào...

Cha Trung im bặt nhìn ra ngoài biển. Chiều đã xuống hẳn, mặt trời nổi đỏ ối ở chân trời. Gió thổi càng mạnh, sóng càng lớn vỡ ầm ập vào bờ. Tóc cha Trung lòa xòa phủ xuống chân mày. Nếp nhăn trên trán, hai bên khóc mắt càng nổi đậm hơn. Trông cha hết sức tiều tụy và thảm não.

Cha lấy một điếu thuốc, tôi mồi lửa cho cha. Anh biết không, cha nói tiếp, phòng Trang ở cuối hành lang, cách phòng cha mẹ mới đến phòng tôi. Nàng học buổi chiều, tôi học buổi sáng. Buổi trưa khi tôi về ăn cơm thì Trang đã ăn xong rồi và trở vào phòng để chuẩn bị đi học. Chúng tôi chỉ gặp mặt nhau ở buổi cơm chiều. Tôi muốn nhìn Trang nhưng sợ nàng và cha mẹ tôi biết. Những khi có mặt mọi người, tôi lạnh lùng như pho tượng. Trang liếng thoắng nói chuyện, đôi khi hỏi tôi vài vấn đề gút mắt trong lớp học. Tôi trả lời ậm ờ, không lộ vẻ ân cần chút nào. Cha tôi thấy vậy rất vừa lòng về cách cư xử của tôi, ông không hề có chút thắc mắc nào. Nhưng mẹ tôi có vẻ dể ý thái độ tôi, trong ánh mắt của bà tôi biết bà đang lo lắng về lập trường của tôi. Có lần tôi nghe bà lo lắng về chuyện Trang ở trong nhà sẽ ảnh hưởng sự chuyên cần học tập của tôi. Nhưng cha tôi gạt phăng đi, ông nói chúng nó là con nít, chỉ là bạn nhau thôi và ông khăng khăng cho rằng không có gì lay chuyển được ý chí tôi. Thật là cha tôi lầm to. Lòng tôi mềm như một hơi khói, chỉ cơn gió thoảng nhẹ cũng có thể tan đi. Nhưng tôi cũng lầm nốt, qua mấy mươi năm hơi khói ấy chỉ chập chờn chứ không tan được. Điều gì giữ nó bền chặt đến như vậy? Nay tôi mới hiểu đó chính là sự yếu đuối của tôi. Đó là một thái độ dưới hình thức nào đó, không phản kháng và chấp nhận sự an bài của người khác, đã giữ lòng tôi lắc lư nhưng không ngã suốt hơn hai mươi lăm năm. Nhưng bây giờ... Cha Trung ngập ngừng, lại tiếp.

Các phòng trong nhà đều có cửa sổ trông ra mảnh vườn nhỏ phía sau, phía trước phòng chỉ có cửa ra vào. Sự thèm thuồng nhìn Trang càng lúc

càng mãnh liệt, đêm nào tôi cũng nằm mơ thấy dáng Trang khi nói, khi cười, khi nũng nịu, hờn dỗi. Nàng cũng biết tôi chỉ làm bộ lạnh lùng thôi. Nàng biết tôi kín đáo chìu chuộng nàng mọi việc. Nàng hay hỏi tôi một số bài tập ở trường nàng đã biết rồi và tôi không thể giải được. Ngược lại tôi không bao giờ nói chuyện với nàng lâu trước mặt cha mẹ. Nhưng hằng đêm tôi lẻn ra sau vườn đứng im trong bóng tối nhìn Trang qua khung cửa sổ. Tôi có thể đứng hàng giờ chỉ nhìn dáng nàng ngồi nghiêng bên bàn học với mái tóc xõa ngang vai. Trong bóng tối, tôi thấy Trang rõ nhưng ngược lại nàng có nhìn ra không thấy được tôi. Từ đó, tôi có thể trở về phòng dễ dàng khi có tiếng chân cha mẹ tôi đi sang tìm tôi. Chuyện như thế kéo dài gần hai năm cho đến khi Trang lên năm đệ nhất.

Tôi không rõ Trang có biết tôi đứng trong bóng tối nhìn nàng hay không. Có nhiều lúc tôi thấy nàng đứng dựa vào thành cửa sổ hàng giờ chỉ để ngắm mấy tàu lá chuối phất phơ. Những đêm trăng sáng tôi lại đứng lui ra sau vách. Tôi cảm thấy thời gian của đêm là phần thưởng quí báu cho tôi, và chưa bao giờ tôi cảm thấy mỏi mệt vì chuyện đứng hàng giờ như vậy. Tôi không còn tự đánh vào thân thể mình nữa nhưng tôi vẫn sống với kiểu người hai mặt như vậy.

Có một lần trong đêm khi mở quyển kinh thánh tôi thấy một mảnh giấy ai kẹp trong ấy. Nét chữ mềm mại tôi đoán ngay của Trang. Tôi cảm thấy tim đập loạn lên, gấp quyển kinh rồi mở ra lại, Trang chỉ viết vài chữ "Tại sao anh muốn trở thành linh mục?" Đọc xong hàng chữ đó tôi choáng váng cả người ngã vật xuống giường. Tôi cảm thấy vừa run vừa vui mừng khôn xiết. Tôi ấp mảnh giấy vào hai bàn tay rồi lại đặt nó lên ngực. Đêm đó tôi không ra ngoài vườn nhưng tôi cứ nhắm mắt lại là thấy ngay dáng Trang dịu dàng và thân ái. Tôi cũng lấy làm lạ sao mảnh giấy ấy có thể được đặt vào quyển kinh của tôi. Tôi luôn giữ nó bên mình. Trang chưa bao giờ nói chuyện riêng với tôi. Nhiều nhất chỉ là vài câu đối đáp trong nhà bếp hay bên bàn ăn. Tôi nhớ chiều đó mưa lâm râm, khi vào nhà bếp, trước khi máng chiếc áo mưa lên vách tôi có để quyển kinh lên bàn ăn. Nhưng chỉ vài phút thôi, như vậy Trang đã bỏ mảnh giấy vào quyển kinh khi cô đi ngang qua. Trời ơi, không lẽ Trang đã giữ mảnh giấy ấy ấp ủ trong nhiều ngày chỉ chờ dịp để đưa cho tôi. Cô đã suy nghĩ về tôi từ lâu rồi sao? Tôi nằm im nhắm mắt lại cảm thấy tê dại vì niềm vui vừa thoáng

hiện trong đầu. Tôi lại suy nghĩ có nên trả lời cho Trang không? Nếu trả lời thì giải thích làm sao? Nếu viết trả lời xong làm sao trao cho Trang. Cô vẫn ngồi bên cửa sổ hằng đêm nhưng tôi không thể bước ra đó được.

Rồi một tuần trôi qua tôi vẫn chưa trả lời. Tôi thấy Trang nhìn tôi trìu mến hơn hay chính tôi tự cảm thấy như vậy. Tôi thấy Trang để quyển sách vạn vật trên bàn hai ba lần trong vài ngày qua khi cô sang nhà bếp uống nước. Tôi viết vào một mảnh giấy lén bỏ vô quyển sách đó, một câu trả lời đến bây giờ tôi vẫn còn bứt rứt, "Tôi không muốn làm buồn lòng cha mẹ tôi." Một câu trả lời không nói được chút gì lòng tôi. Câu trả lời nói rõ tánh hèn yếu và nhút nhát của tôi. Tại sao tôi không nói những gì tôi suy nghĩ trong lòng lúc ấy. Tôi tự thù ghét tôi không nguôi sau khi tôi trả lời cho Trang. Nhưng tôi không cảm thấy gì khác lạ từ phía nàng. Tôi hay giả vờ để quên cuốn kinh thánh trên bàn, nhưng suốt cả tháng trời vẫn không có gì từ phía Trang. Một hôm tôi được mảnh giấy thứ hai, "Chẳng lẽ anh đứng ngoài bóng tối ấy cả đời hay sao." Đọc xong tôi cảm thấy một luồng hơi lạnh chạy dọc theo xương sống đến bủn rủn tay chân. Vậy Trang đã biết tôi đứng trong bóng tối ngoài vườn nhìn nàng từ lâu rồi. Nàng không hề giận tôi, nàng vẫn ngồi đó, đứng tựa cửa cho tôi nhìn rõ. Nàng đã cho tôi một niềm tin, tôi cảm thấy mạnh dạn hơn.

Cho đến đêm hôm đó, trong quyển kinh của tôi không phải là một bức thư tình nữa mà là một mảnh giấy ngắn gọn, "Em chờ anh đêm nay bên cửa sổ." Bỗng dưng tôi cảm thấy lo sợ, tôi không dám xé bỏ mảnh giấy vào thùng rác, tôi nhai nuốt nó vào bụng. Tôi không dám bước ra ngoài vườn, tôi ở trong phòng liếc chừng về phía phòng cha mẹ tôi. Đến khi ánh đèn từ phòng cha mẹ tôi tắt hẳn tôi mới bước ra sau vườn.

Bên phòng Trang không còn ánh đèn nữa, nhưng dưới ánh trăng mờ tôi thấy cửa sổ vẫn mở và dáng nàng đang đứng dựa bên cửa. Nàng mặc áo ngủ trắng, tôi còn thấy cánh tay áo bay lất phất theo gió. Tôi cảm thấy một luồng hơi nóng dồn lên từ phía bụng. Tôi nhận thấy lần đầu tiên tôi can đảm đến như vậy. Tôi bước nhẹ đi lần về phía đó. Trang ngồi bên bàn chống hai tay nhìn ra ngoài, đôi mắt cô tròn đen lóng lánh trong đêm, nước da trắng càng làm cô thêm kiều diễm. Tôi đứng bên ngoài cửa sổ. Trang đưa bàn tay ra ngoài. Tôi nắm lấy tay nàng. Bàn tay mềm ấm. Tôi cảm thấy như có điện chạy từ đó sưởi ấm suốt cơ thể tôi. Như thế, tôi cảm thấy

đủ quá rồi. Tôi không mong muốn gì hơn nữa. Vài tuần lễ trôi qua, đêm đó...

Cha Trung không nói nữa, ông tự bật lửa mồi thuốc. Tóc ông lòa xòa phủ xuống trán, gió biển vẫn thổi lên lồng lộng và sóng càng mạnh hơn. Một số bụi nước bắn lên mặt ông và sau gáy tôi. Nhưng tôi không cảm thấy sóng ấy lớn nữa, tôi cảm thấy rất nhiều cơn sóng lớn hơn đang bộc phát trong lòng cha Trung. Ông ngồi đó, yên lặng, nhưng lòng ông biển động.

Cha Trung nói, tôi không biết nên nói tiếp với anh hay không? Tôi đáp, nếu cha cảm thấy không nói sẽ làm lòng cha khỏe hơn thì thôi vậy. Cha Trung yên lặng một chập, dụi điếu thuốc xuống bàn, tôi nghĩ nên nói tiếp.

Đêm đó, khi tôi nắm bàn tay Trang, nàng nói anh vào trong này đi. Tôi nhìn Trang, khuôn mặt nàng trắng nhạt với đôi mắt đen lóng lánh trong đêm. Tôi nhìn nàng, dịu dàng và thân thương quá. Tôi nhìn nàng với cả lòng tôi yêu mến dạt dào. Tôi nhìn nàng, thấy cả một bầu trời mến thương rộng mở. Không còn kinh thánh, không còn nhà thờ, không còn tượng chúa, không còn ràng buộc. Nhưng tôi nhìn nàng, sau đó, bóng cha mẹ tôi hiện ra sừng sững, nghiêm nghị, và buồn rầu. Tôi im lặng đứng ngoài cửa sổ. Bàn tay Trang xoay lại, những ngón tay mềm mại đan vào tay tôi. Bàn tay kia tôi nắm lấy tay nàng đang đặt trên thành cửa.

Tôi mồi lửa cho điếu thuốc đã tắt ngấm trên tay cha Trung. Ông im lặng cúi đầu nhìn xuống bàn. Mi mắt dưới của cha giật liên hồi và đôi môi tái mét đang run lên. Tôi nhìn cha, bây giờ, như thấy ông, ngày nào, đứng run rẩy bên khung cửa sổ cạnh người yêu. Tôi tôn trọng sự im lặng ấy. Tôi tôn trọng giờ phút quan trọng của một đời người. Đối với tôi giờ phút quan trọng không phải ở buổi lễ nhà thờ hay ngày ra mắt hai họ. Đó chính là giờ phút giữa hai người, chứng kiến nhau, và tự quyết định cho đời nhau. Vì chính nó quan trọng tự nó, không có hành hương lễ lộc, không có kèn trống xôn xao, không có tuyên bố trịnh trọng, không có giấy trắng mực đen, không có chữ ký, không có con dấu, và không có một ai khác xen vào. Chỉ nó xảy ra giữa hai người. Lại vì thế, sự phản bội, nếu xảy ra, là một điều không thể tha thứ được.

Những cơn sóng, không phải từ ngoài biển, chính từ lòng cha đã tràn ngập vô tôi. Những ngày của đôi tay nắm và ánh mắt nhìn. Những ngày

lòng đau khi vắng tin và niềm vui khi hạnh ngộ. Những ngày đó trở về. Còn cha, ông ngồi đó bên kia. Và tôi, bên này, lao đao theo sóng vỗ.

Sau một lúc im lặng thật lâu, cha Trung với giọng trầm buồn, tôi muốn quay trở về phòng nhưng thủy chung điều đó vẫn nằm trong sự suy nghĩ. Tôi thấy cha mẹ tôi đứng trong bóng tối bên kia vẫy tay gọi tôi trở về, tôi nghe tiếng chuông nhà thờ rộn rã bên tai, tôi thấy dáng Chúa buồn rầu trên thánh giá. Tôi đứng đó lâu lắm, không biết bao lâu. Tôi thấy bàn tay tôi đã áp lên má nàng lúc nào không hay. Tôi cảm thấy được những giọt nước mắt nóng trên mắt Trang chạm xuống tay tôi. Cuối cùng tôi đã can đảm như chưa bao giờ tôi có được. Tôi đã chui qua cửa sổ vào phòng Trang. Chúng tôi ôm nhau, quyện vào nhau. Tôi đã đến thiên đàng, theo tôi nghĩ, thật sự với lòng mình. Từ đêm đó, chúng tôi gặp nhau mỗi tối trong phòng Trang. Cho đến một đêm chúng tôi đã đi đến tột cùng của tình yêu và hòa hợp. Tôi thu nhận tất cả tình yêu của nàng, tôi chứng kiến cả niềm đau tinh thần và thể xác của nàng trong cơn hoan lạc. Tôi kiên quyết với nàng tôi sẵn sàng bỏ hết tất cả vì nàng. Tôi không cần đến hai chữ linh mục nữa. Tôi không đếm xỉa đến mọi điều người khác gán ghép cho tôi. Nhưng tôi đã lầm... Tôi lầm về chính con người tôi. Tôi đã phản bội Trang. Tôi đã làm điều tệ hại nhất đời tôi.

Cha Trung nắm chặt cạnh bàn, mặt cha tái nhợt nhạt, và đôi mắt mở trừng như muốn tóe máu. Quả thật sóng lòng cha đã thành phong ba bão táp. Còn tôi, không còn bị lao đao sóng vỗ nữa. Tôi đã bị chìm tàu rồi.

Tôi trả tiền quán xong kéo tay cha đi ra ngoài. Trời tối hẳn, bầu trời trong đầy sao. Gió nhẹ bớt và sóng cũng im dần. Chúng tôi ngồi trên bãi cát nhìn ra biển.

Anh biết không, cha Trung nói, tôi phải chờ đến một tháng mới đủ can đảm và chờ đúng dịp cha mẹ tôi vui vẻ, và rỗi rảnh. Tôi mời cha mẹ tôi đến bàn và kính cẩn báo cho ông bà biết rằng tôi không muốn trở thành linh mục nữa. Thật là kinh khủng, tôi không thể nào độ lượng được phản ứng của cha mẹ tôi quá mức như vậy. Tôi cứ nghĩ ông bà sẽ nổi giận trách mắng tôi thậm tệ. Nhưng không, cha tôi cứ ngồi im, không động đậy, mặt tái dần như người sắp chết. Mẹ tôi thở hổn hển như sắp đứt hơi, môi tím tái, cuối cùng bà ngã gục xuống sàn nhà. Tôi vừa hối hận vừa hoảng sợ. Trang và tôi vực bà lên giường, xoa bóp và cạo gió cho bà.

Sau đó cảnh nhà buồn tẻ như nhà mồ. Cha mẹ tôi khuyên nhủ tôi hằng ngày. Trang không dám ra khỏi phòng nữa. Cha tôi phải xin nghỉ một tuần lễ. Tôi bị ông bà chất vấn, vặn hỏi, rồi giải thích khuyên nhủ cả ngày lẫn đêm. Nhưng tôi không thể nghe lời cha mẹ tôi được. Tôi phải giữ Trang lại với tôi. Tôi phải đi theo con đường tôi yêu thích. Cha mẹ tôi báo cho cha mẹ Trang biết rồi nàng bị mang đi bất ngờ trong buổi sáng tôi đang ở trường. Lúc tôi trở về nàng đã đi mất không còn một tung tích gì để liên lạc được. Tôi nhìn căn phòng trống, nhớ Trang đau đớn ngậm ngùi.

Nhưng tôi không thể giữ vững lập trường được lâu. Cha tôi không ăn, không ngủ được, rồi bệnh nặng phải vào nhà thương. Tôi được biết ông bị bệnh phổi rất nặng, tình trạng mỗi ngày một suy yếu dần. Tôi đi thăm ông mỗi ngày. Ông chỉ muốn một điều, tôi biết, nhưng tôi không thể làm theo được. Tôi không muốn nói dối ông. Tôi muốn sống thật với lòng mình. Hơn một tháng sau có người bạn mang đến cho tôi biết tin Trang đang ở Cần-thơ, tôi cất kỹ địa chỉ nhưng không trả lời nàng. Trong hội đạo và nhà thờ vẫn không biết những gì thay đổi trong gia đình tôi, họ chỉ biết cha tôi già yếu bị bệnh nặng, thế thôi. Rồi những gì phải đến đã đến, đêm cuối cùng tôi và mẹ đến thăm cha tôi trong nhà thương. Ông tiều tụy và kiệt sức lắm rồi. Ông chỉ yêu cầu tôi một điều trước khi nhắm mắt, và tôi đã gật đầu ưng thuận. Như vậy là xong đối với cha mẹ tôi, ông bà đã yên lòng. Nhưng đối với tôi không thể xong được. Sau đó tôi đã trở thành linh mục, một ông cha gương mẫu được sự thương yêu và kính cẩn của con chiên. Mẹ tôi cũng mất hai năm sau đó. Trang bặt tin, tôi không hề biết nàng ở đâu và cũng không còn lý do gì để liên lạc với nàng nữa.

Cha Trung yên lặng nhìn ra khoảng tối mênh mông trước mặt. Có tiếng chân người bước trên cát đang đi lại gần. Tôi nhận ra Thúy, dáng nàng mảnh mai lướt thướt trên nền trời xanh đậm. Nàng mang ra hai ly trà nóng và chiếc mền rách cũ. Thúy hỏi, trời bắt đầu lạnh sao chúng mình không trở vào lều. Tôi đáp, không lạnh lắm đâu ngồi ngoài này nói chuyện thích hơn. Cha Trung nói, chị Thúy ngồi lại đây nói chuyện cho vui. Cảm ơn cha, tôi nói. Tôi đưa ly nước trà cho cha Trung và phủi khoảng cát bên cạnh cho Thúy. Tôi ngồi giữa, Thúy bên phải và cha Trung bên trái. Chiếc mền cũ được trùm lên ba người. Ngoài kia dãy đèn tàu lưới đêm sáng đều

đặn một góc biển. Sao bên trên vẫn nhấp nháy không ngừng. Cha Trung hớp một ngụm nước trà, giọng khàn và ấm.

Mọi người vẫn tưởng cuộc đời tôi như thế là xong. Cuộc đời một linh mục gương mẫu trong nhà thờ. Nhưng chưa xong với tôi, lòng tôi luôn luôn diễn ra một chiến trường gay go, lâu dài, và gian khổ hơn hai mươi năm. Tôi vẫn nghĩ về Trang mỗi ngày. Sau này tôi biết được Trang vào trường y khoa và đã tốt nghiệp bác sĩ. Tôi đã làm cho nàng đau khổ quá nhiều.

Một cơn gió lạnh thổi lên làm cha Trung ho lên sù sụ. Tiếng ho như cha cố sức đẩy mạnh những thứ chướng ngại đang đè chặt trong buồng phổi. Âm thanh nhỏ khàn đục ấy như pha lẫn chút pha lê vỡ. Tôi đặt bàn tay lên lưng cha. Mong cha đẩy đi hết những chướng ngại không những trong phổi mà còn cả trong cuộc đời để cha có thể đạt được những gì cha mong muốn.

Cha Trung nói, nếu tôi có phải chết để nàng được yên vui tôi cũng cam lòng. Nhưng cha chết không thể giải quyết được gì, tôi nói. Thúy hỏi, cha biết chị ấy bây giờ ở đâu không? Tôi biết, cha Trung đáp, tôi còn giữ bức thư mới nhất của nàng gởi từ Úc. Thúy lại hỏi, chị ấy vẫn chưa lập gia đình phải không cha? Tôi nhìn Thúy, ngụ ý nàng đi hơi nhanh rồi. Cả hai đều mỉm cười. Cha Trung đáp, nàng vẫn ở vậy.

Tôi bắt sang chuyện khác, có lẽ chúng tôi sẽ được chuyển trại sau cha một tuần. Cha nói, ngày mai tôi đi rồi. Cha nhìn tôi với ánh mắt hết sức buồn bã. Tôi cởi áo ấm đưa cho cha Trung, chúng tôi có mền này rồi cha mặc áo kẻo lạnh. Cha nhìn chúng tôi không nói gì lẳng lặng để tôi khoác áo lên người. Ông nói, thôi anh chị về nghỉ. Chúng tôi đáp, chúc cha ngủ ngon. Cha Trung cười hiền hậu, tôi cũng nghĩ như vậy. Cha uống hết phần nước trà, trao ly lại cho tôi, không biết đến khi nào tôi mới gặp lại anh chị. Tôi đáp, có lẽ lâu nhưng thế nào cũng gặp lại cha, Mỹ và Úc không phải là xa với phương tiện giao thông bây giờ.

Cha Trung đứng yên trên bãi cát cố cài nút áo lại để che bớt gió lạnh. Tôi hỏi, ngày mai mấy giờ cha đi? Đúng tám giờ xe sẽ khởi hành, cha đáp. Tôi có mấy người bạn thân từ thuở nhỏ đang ở Úc, tôi sẽ viết giấy giới thiệu cho cha để họ tiện việc sắp xếp chỗ ở trong thời gian đầu. Tôi chỉ sợ làm phiền cho các anh ấy, cha đáp. Không sao, các anh ấy thân với tôi như ruột thịt, bạn từ thời còn tắm sông ở truồng, một anh ở Sidney, một anh ở

Melbourne. Cha Trung vẫn cúi đầu nhìn xuống mũi giày đang xủi dưới cát, ông có vẻ lưỡng lự như muốn nói điều gì.

Gió lạnh từ biển càng thổi lên nhiều. Thúy co ro nép vào người tôi. Chúng tôi quấn cái mền lại cho ấm. Cả hai vẫn im lặng chờ đợi. Cha ngẩng đầu lên nói, khi anh viết giấy cho các anh bạn nhớ viết anh Trung thay cho cha Trung nghe. Cảm ơn cha, tôi nói. Cha Trung hỏi, sao anh lại cảm ơn tôi? Tôi đáp, cám ơn cha đã quyết định sớm, nếu không sợ những lời trong thư có điều sơ xuất làm phiền lòng cha. Tôi cám ơn anh mới phải, anh hiểu tôi nhiều hơn tất cả những gì tôi thố lộ với anh. Cha xiết chặt bàn tay tôi và bắt tay Thúy. Ông nói, thôi anh chị đi nghỉ, sáng mai còn gặp lại nhau mà.

Cha Trung quay lưng đi, dáng cha thấp, gầy gò xa dần trên bãi cát. Tôi ôm chặt Thúy vào người. Nàng nói khẽ, tội nghiệp cho cha.

Ngoài kia những con sóng biển vẫn liên tục đập vào bờ. Hàng đèn ghe lưới đêm còn sáng rực một góc trời. □

VẠN GIẢ

LẠI MỘT LẦN XUÂN

*

quê nhà khắc khoải tin xuân
Quê người xuân đã lưng chừng nỗi vui
Soi gương nhân dáng ngậm ngùi
Vàng câu hò hẹn trôi xuôi đợi chờ
ghi thêm một tuổi vào thơ
Đau thêm một tuổi trở cờ năm nao
Đón xuân trang trọng cúi chào
Quay lưng giấu giọt lệ trào ngang mi.

NGUYỄN MẠNH TRINH

KHÚC HẠNH PHÚC NGƯỜI BIỂN LẬN

*

Với nhau. Lòng dựng trường sơn núi
Tận cùng dáng nắng có mưa tan
Đợi nhau, hiên cũ lầm hơi bụi
Cứu rỗi mộng người điệu thở khan

Ở đây. Kỷ niệm giong tiền kiếp
Rụng lá đôi vai tủa tiếng người
Trong tâm thất giấu lời ly biệt
Nụ môi cười có đóa hổ ngươi

Tạm sống. Nhịp cầu treo sinh tử
Khuya thầm giọt giọt lụn nến rơi
Thơ âm vọng hồi chuông báo tử
Ngữ ngôn đau hiu quạnh dáng ngồi

Trí nhớ. Dạ hương nồng tóc cũ
Trời đất dừng trong khúc khổ hình
Tự vấn – thiên đường hay quỷ phủ
Tâm kinh giấy trắng vẫn làm thinh

Phục sinh. Nước thánh đem rửa tội
Mượn xác tân tòng xương tủy khô
Tưởng tượng lửa reo thời thống hối
Chẻ hai tóc sợi cuộc mong chờ

Thua hơn. Đầu ghềnh chan sóng vỗ
Mượn chơi mặt nạ buổi đao binh
Nặng sương chiều úa đành tấc cỏ
Thất lạc hồn nhau điệu quỷ kinh

Và ký ức. Cũng hoài biển lận
Của chắt chiu hạnh phúc riêng dành
Mốt mai trong hốc tim bỏ trống
Thoáng ngọc máu bầm mấy tính danh

HUỲNH LIỄU NGẠN

EM ĐI ĐÂU UỔNG MỘT ĐỜI HUẾ TRÔNG

*

nghiêng vai chiều lại xuống rồi
anh về tả ngạn kịp trời mưa dông
đò đưa qua dó cũng gần
để anh đợi mấy trăm lần gặp em
thôi mà đời đã không tên
mà trăng thành nội đã lên cao rồi
mấy năm một bóng bên trời
em đi đâu – uổng một đời Huế trông.

MÙ SƯƠNG HUẾ MÙ SƯƠNG ANH

*

mù sương Huế – mù sương anh
mùa xuân mưa ngọn trâm anh bên cầu
ngập ngừng chăng ánh điện câu
mà trông phố thị đục ngầu tháng năm
qua cầu em vọng mù tăm
nghe mưa loáng thoáng lâm thâm không lời
mùa xuân nép một góc trời
nhớ thương xứ Huế đơn côi rất nhiều.

TRẦN SA

tình đầu

*

Mỗi ngày bố cho tôi một vài đồng để tiêu vặt. Tôi có một cái ví đầm nhỏ màu nâu. Tất cả những đồng bạc bố cho trong gần bốn tháng trước ngày gặp Uy, tôi cất ở trong cái ví đầm ấy. Xấp bạc cộm dần. Thỉnh thoảng tôi đem ra đếm lại. Tôi vuốt từng tờ giấy bạc. Tôi tưởng tượng tôi sẽ đưa Uy đi ăn bún, ăn phở, ăn mì, xem xi-nê, dạo sở thú và chúng tôi sẽ thật vui, thật hạnh phúc. Hạnh phúc? Hả? Cái danh từ nghe là lạ. Nhưng đó là thư của Uy. Uy viết, nghĩ đến lúc tụi mình gặp nhau, Uy nghĩ chắc là hạnh phúc lắm. Tôi cũng thấy nôn nao, kỳ cục. Mong cho đêm qua nhanh, ngày ngắn bớt. Nè Uy, Uy có giống như trong hình? Uy vừa mới gửi cho Trầm một lô hình chụp ở Huế, mặt Uy trong những tấm hình này lại hơi khác với tấm ảnh Uy gửi cách đây vài tháng. Uy có vẻ ít người lớn hơn. Uy cười toe. Tấm hình kia Uy ngồi chống tay lên cằm, có vẻ suy nghĩ gì đó ghê lắm.

Mấy tháng, chờ đợi gặp Uy chao ơi là dài. Tôi vẫn học hành đàng hoàng, nhưng nhiều lúc thấy mình không... bình thường nữa. Tôi cười nhiều, nói nhiều nhưng ăn ít và ngủ không trọn giấc. Tôi dành việc bóc lịch hằng ngày. Mỗi lần đưa tay lên xé đi một tấm lịch, tôi cười và kêu thầm, Uy ơi, Uy ơi!

Lúc Uy đến – trời ơi lúc Uy đến! – Uy từ ngoài đường đi bộ vào, đứng nhìn cái bảng số trước nhà, ngắm căn nhà, rồi vuốt tóc, lững thững đi vào. Tôi thấy hết. Tôi đã ngồi chờ Uy suốt ngày chúa nhật hôm đó, ở cái ghế kê nơi hàng hiên, khuất sau những chậu hoa lan. Lúc đó tim tôi muốn nhảy ra khỏi ngực. Tôi chạy vụt vào nhà, chui vào phòng riêng, soi lại mặt mày,

chải lại mái tóc. Có nên đánh thêm một chút má hồng không? Thôi. Uy có lần viết, Uy không thích con gái trang điểm quá đậm, trông ghê. Tôi nghe Uy hỏi tôi ở ngoài phòng khách, chị Thu trả lời, "Để chị đi kêu con Trầm. Chắc nó mừng lắm. Viết thư từ mấy năm bây giờ mới gặp nhau hén!" Chị vào phòng. "Sao mà trốn trong này? Bạn từ Huế vào thăm kìa. Cái mặt nó coi cũng dễ thương. Nó nói giọng Huế đặc sệt hà". Làm như chị cũng đang hồi hộp như tôi vậy. Tôi thầm thì, "Em nên đem trái dâu lên mời Uy liền không? Hay là ra chào xong mới mời Uy ăn dâu sau?" Tôi không đợi chị Thu trả lời nữa, chạy vút xuống bếp. Tôi đã ướp dâu với đường và rượu Rhum để sẵn ở tủ lạnh để chờ Uy từ sáng đến giờ. Với lại tôi đang cần có cái gì đó cầm ở tay khi ra gặp Uy nữa. Tôi sẽ nói gì với Uy đầu tiên? Viết thư cho Uy, tôi nói đủ thứ chuyện trên đời, nhưng mà bây giờ sắp đối diện với Uy, tôi lại muốn á khẩu rồi đây.

Uy đang ngắm những bức tranh và hình gia đình trên tường, thấy tôi từ bếp đi lên thì quay lại. Mắt Uy sáng lên, nhìn tôi từ trên xuống dưới, miệng cười tươi ơi là tươi.

"Trầm? Uy nè..."

"Trầm có nhận được thư Uy báo tin vào Sàigòn hôm nay. Mời Uy ngồi chơi".

Trời. Tôi làm bộ bình thản hay thế thì thôi.

"Nhà Trầm đẹp ghê hỉ. Hoa từ đầu ngõ vào!"

"Bố Trầm trồng đấy".

Uy đăm đăm nhìn tôi. Mắt Uy có gì đó làm tôi bối rối. Uy kêu lên nho nhỏ.

"Mắt Trầm màu nâu! Ở trong hình, Uy không thấy được".

Và Uy tiếp tục khám phá mặt mũi dáng vóc tôi bằng mắt. Đôi mắt biết cười.

*

Năm đó chúng tôi mười bảy tuổi. Sau này tôi sẽ bảo con gái tôi thận trọng hơn tôi ngày ấy. Bảo nó không nên yêu đương quá sớm. Ít ra phải học đại học rồi mới được có bồ. Mười sáu mười bảy là tuổi đáng sợ. Bồng bột, mãnh liệt, vũ bão, điên cuồng trong tình yêu. Hay là chỉ có tôi và Uy mới thế.

Uy ở lại Sàigòn một tháng hè. Nhà người cậu ruột của Uy ở trên đường Trương Minh Giảng. Suốt tháng đó tôi trốn học hè để đến với Uy, đi chơi với Uy. Bố không biết tôi trốn học. Sáng tôi ra khỏi nhà sớm. Chiều tôi về, rút êm vào phòng đóng cửa nằm ôn lại những gì Uy và tôi với nhau.

Cậu mợ Uy đi làm việc suốt ngày. Họ chưa có con cái. Cả căn nhà yên tĩnh chỉ có Uy và tôi thôi. Hai đứa viết thư cho nhau từ mười ba tuổi. Chuyện gì cũng kể cho nhau nghe cả. Uy có một tuổi thơ kinh hoàng. Ba Uy nghiện rượu và mê đánh bạc. Mẹ Uy thì ngoại tình. Uy nói Uy lớn lên giữa không khí hỗn loạn trong một căn nhà lúc nào cũng nặng nề không khí sát phạt, trác táng, say sưa, ghen tuông, cãi vã.

Cho đến lúc ba mẹ Uy bắt đầu xem nhau như kẻ thù thì Uy không thể nào chịu đựng được nữa. Uy đi lang thang. Uy trốn vào trong sách vở. Uy nổi loạn phá phách trong trường học. Ngày ba Uy tưới xăng đốt mẹ Uy đến chết, Uy không chảy một giọt nước mắt nào hết. Uy thức trắng nguyên mấy đêm bên cạnh quan tài của mẹ với một cây dao mài thật sắc, thề hễ gặp mặt ba Uy là Uy sẽ giết ông ngay. Nhưng sau đó Uy chưa gặp lại ông lần nào. Ông sẽ còn ở trong tù cho đến ngày Uy trưởng thành.

"Trầm ơi. Cả người mẹ Uy cháy nám. Không còn sợi tóc nào cả. Và thân thể máu mủ cứ chảy ra nhầy nhụa ngay cả khi mẹ không còn thở nữa".

Hai năm rồi Uy vẫn còn bị hình ảnh đó ám ảnh. Uy lớn hơn tuổi của Uy nhiều lắm. Tôi cùng một tuổi với Uy, nhưng nhiều lúc thấy mình thật nhỏ trước Uy.

"Tuổi thơ của Trầm thì bình thường thôi. Bố mẹ Trầm thương nhau. Họ thương con. Bố làm việc siêng năng, về đến nhà thì chăm hoa trồng kiểng. Mẹ ở nhà bếp núc khâu vá dạy dỗ con cái".

"Thảo nào Trầm hay cười".

"Uy cũng cười vậy. Mấy tấm ảnh mới đây gửi cho Trầm, Uy cười tươi thấy mồ".

"Ừ. Uy cười lại rồi. Vì Uy có Trầm. Và Uy muốn ông bà ngoại Uy vui".

Tôi cảm động. Mắt tôi đỏ lên. Uy ôm tôi vào người. Lần đầu. Cảm giác lạ lùng. Người Uy ấm. Tôi cảm thấy được những bắp thịt Uy căng cứng và

cả những cái xương sườn của Uy đang áp sát vào người tôi. Uy ghì môi lên môi tôi làm tôi vừa kinh hoảng vừa ngây ngất. Uy dạy tôi hôn, mà ai dạy Uy hôn? Nhưng tôi không còn suy nghĩ gì được nữa. Môi lưỡi Uy nóng, mềm mại. Tay tôi chới với nửa không biết để đâu nửa muốn ghì lên vai lên lưng Uy, còn tay Uy thì chà xát mê muội trên người tôi rồi Uy kêu lên như ngày đầu thấy mắt tôi nâu.

"Trầm thơm ngát! Người Trầm sao mà mềm như nhung".

Uy đè tôi ngã xuống sàn gác gỗ. Uy cuống quít khám phá ngực tôi, áp mặt vào đó. Tôi van Uy và van tôi, cảm thấy cả hai đang sắp làm chuyện tội lỗi tày trời.

"Thôi, đủ rồi Uy. Thôi nhé! Trầm sợ..."

"Uy cũng sợ!"

Uy nói. Và buông tôi ra. Nhưng chỉ được vài giây, Uy lại ôm xiết tôi vào người. Hai môi như có điện từ.

Hai đứa chỉ mới tội lỗi có một nửa. Vậy mà đêm về tôi cũng đọc kinh và cầu Chúa tha tội, cầu Chúa giữ gìn tôi. Đọc kinh xong, tôi nằm ôm gối nhớ Uy tàn bạo. Mười mấy tiếng đồng hồ nữa mới gặp lại Uy. Sao mà lâu! Tôi vẫn còn bềnh bồng say say với thứ cảm giác mạnh mẽ Uy đem đến cho tôi. Chị Thu nằm ngủ khò không biết tôi trăn trở. Cả nhà không ai biết tôi đang thay đổi quan trọng: Tôi đã biết hôn, đã đụng chạm thân mật thân xác người khác!

Và mẹ ơi, con sẽ không kể được với mẹ như đã từng kể mẹ nghe bất cứ điều gì xảy đến cho con. Làm sao con kể mẹ nghe đây để được mẹ giải thích tại sao.

Tôi nhắm mắt với niềm xấu hổ lẫn hiếu kỳ khi nhớ đến, trong lúc Uy hôn và vuốt ve chà xát thân thể tôi, phía dưới tôi ra ướt một cách kỳ lạ, kỳ cục. Điều này tôi chưa từng thấy ở mình. Buồn cười.

*

Sau này Uy vẫn còn nhắc, và nói, Uy vẫn giữ hai cuốn truyện Trầm mua cho Uy khi mình ghé vào tiệm sách. *Để Tưởng Nhớ Mùi Hương* và *Bảy Thỏ Ngày Sinh Nhật*. Uy nói, Uy nhớ Trầm trả tiền bằng giấy một đồng, đưa cho người bán sách cả cọc tiền giấy một đồng! Hôm đó sinh nhật Uy. Trầm và Uy đi xem phim có Alain Delon đóng, cái kết cuộc thật đau đớn

làm Trầm gục đầu bên vai Uy mà khóc, ướt cả chiếc khăn tay. Phim kể một luật sư yêu người thân chủ bị bệnh tâm trí và phạm tội giết chồng. Người đàn bà điên nặng. Anh luật sư yêu nàng quá nhiều và không chịu được thấy nàng cứ bị cơn bệnh dày vò hành hạ. Anh đưa nàng lên đồi, cả hai đứng tựa đầu nhau nhìn mặt trời lặn cuối chân trời. Rồi anh kề súng sát màng tang nàng, kề đầu mình sát đầu nàng, bấm cò. Phim chấm dứt trước khi cả hai đều ngã xuống.

Ra khỏi rạp hát, mắt tôi còn đỏ hoe.

"Uy thấy lúc Alain Delon khóc vì thấy cô ấy nổi cơn điên la hét tự hành hạ mình không? Cặp mắt ổng đẹp dễ sợ, ửng đỏ từ từ rồi long lanh màn nước mắt. Ổng yêu cô ấy quá nhỉ?"

Uy nhìn tôi, ánh mắt lạ.

"Mình cũng yêu nhau nhiều như thế, phải không?"

Lần đầu tiên Uy nói chữ yêu. Yêu? Yêu? Yêu? Mình yêu nhau à? Tôi thấy hơi choáng váng. Tôi thấy hạnh phúc. Tôi bắt đầu hiêu hiểu về hai chữ hạnh phúc. Nhưng tôi lại lắc đầu.

"Trầm đâu có biết. Để Trầm xem. Từ nhỏ đến lớn, có biết yêu là gì đâu!"

"Uy nghĩ là Uy đang biết yêu". Uy nói, giọng cương quyết. Tôi chợt để ý là Uy cao hơn tôi nửa cái đầu.

Tôi đề nghị:

"Bây giờ mình đi ăn nhé!"

Uy bâng khuâng, buồn buồn:

"Vậy Trầm không biết là có yêu Uy không..."

Tôi rủ Uy vào một tiệm ăn nổi tiếng. Uy lúng túng khi thấy bàn có trải khăn ăn, có cắm hoa. Và anh bồi bàn thì mặc sơ mi trắng bỏ vào quần tây đen, mang giày. Lúc này thì Uy nhỏ hơn tôi. Tôi chững chạc gọi thức ăn, y hệt như bố mẹ tôi, khi họ dẫn con cái đến đây vậy.

"Trầm thường đến tiệm này hả?"

"Vâng. Với bố mẹ Trầm".

Trong suốt hai tuần bên nhau, lần đầu tiên Uy trở chứng.

"Nhà Trầm giàu có quá. Trầm ở trong một biệt thự xinh đẹp và đầy

hoa. Còn Uy thì không bố mẹ gì hết, ông bà ngoại thì già, nhà nghèo xơ xác. Hai đứa không nên... yêu nhau tí nào!"

"Giàu nghèo quan hệ gì chứ?"

"Sao lại không? Nếu bố mẹ Trầm biết họ sẽ cấm cho coi".

"Họ sẽ cấm! Nhưng tại vì tụi mình còn nhỏ quá, chứ không phải tại nhà Uy nghèo".

"Trầm không dám yêu Uy vì Uy nghèo! Sau này Trầm sẽ gặp nhiều người giàu có hơn Uy, có tương lai hơn Uy. Thành ra bây giờ Trầm chỉ muốn coi Uy là bạn thôi". Uy nói quyết đoán.

Tôi nghẹn lời. Không phải như vậy. Nhưng tôi không biết làm sao giải thích. Tôi thương Uy, tôi nhớ Uy, nhưng tôi nghĩ yêu là một điều bí mật bí ẩn thuộc về thế giới của những ai lớn hơn chúng tôi vài ba tuổi trở lên. Tôi im lặng. Uy lầm lì.

"Vậy thôi. Uy và Trầm đừng viết thư nữa vậy".

"Uy vô lý không chịu được".

"Ừ. Con nhà nghèo khi nào lại chẳng vô lý hơn con nhà giàu!"

"Viết thư cho nhau ba năm tự nhiên rồi không viết nữa!"

"Viết chi nữa cho khổ. Uy gặp Trầm rồi là Uy khổ. Huế Sàigòn thì xa lắc xa lơ. Trầm đẹp, giàu, thiếu gì người thích. Nếu Trầm không yêu Uy, Uy đâu có cách nào giữ Trầm. Mà nếu yêu Trầm rồi bị Trầm bỏ, Uy lại khùng lên như ba Uy thì thật đáng ghê tởm!"

Tôi tròn mắt. Uy nói rành rọt như một người đàn ông vậy. Cái gì trong đầu Uy? Uy mới mười bảy tuổi. Tại sao lại nghĩ xa đến thế? Cái gì xảy ra cho hai đứa tôi đây? Tại sao không chỉ là đôi bạn nhỏ chơi trò viết thư thơ mộng nhẹ nhàng thôi?

Hai đứa ăn uống miễn cưỡng. Ăn xong Uy giành trả tiền. Rồi Uy bảo nhức đầu, về, không muốn dạo phố nữa như hai đứa đã tính từ sáng. Tôi khóc trên đường về, sau lưng Uy. Mùi tóc, mùi thân thể của Uy thoang thoảng và tôi cố dằn ý muốn áp mặt vào đó. Uy lạnh lùng lái xe. Ban nãy Uy còn nổi cơn đòi đi về một mình bằng xe bus, nói "Uy quen đạp xe đạp, lái Honda sợ không rành".

Đến trước nhà cậu mợ Uy, Uy trả xe lại cho tôi, đứng thọc tay túi quần nhìn lơ đãng ngoài đường, nói chậm chạp.

"Cám ơn Trầm cho Uy hai tuần khá đẹp. Chắc mai hay mốt Uy về Huế lại rồi, Trầm khỏi phải đến chơi với Uy nữa! Thôi Trầm về đi".

Mặt tôi nóng lên. Về thì về! Vĩnh biệt thì vĩnh biệt chứ! Người gì mà khùng, vô lý không chịu nổi! Tôi rồ ga, phóng xe vụt đi, không nói tiếng nào. Tôi lái xe như điên cuồng qua những con đường, nghĩ sẽ đốt hết những cái thư của thằng con nít ấy, những tấm ảnh cười toe hay chống cằm gì đó nữa. Uy là một đứa ranh con lỗ mãng kỳ cục.

Con nít mà đòi hôn đòi yêu. Mà yêu thì yêu chứ tại sao phải giàu hay nghèo gì đó nữa. Tại sao lại nói Huế Sàigòn xa lắc yêu nhau mất nhau khổ sở vân vân. Sao mà biến mọi điều trở thành phức tạp cho nhức đầu. Nhức đầu đáng đời. Chẳng ai thương.

*

Chẳng ai thương?

Tối đó tôi khóc thút thít sau khi chị Thu đã ngủ. Tôi khóc vì tức, vì tiếc, vì tội. Tôi tức Uy bướng bỉnh kỳ quặc, tiếc cho mối tình – bạn? yêu? Ôi tôi mù mịt không hiểu nổi – tiếc cho những lá thư không còn được tha thiết viết và mừng rỡ nhận, và tội cho đời Uy. Uy lớn lên trong nghèo khổ, sống trong những tan vỡ và ám ảnh đau đớn, Uy phải khùng thôi. Uy không còn mẹ, Uy thù cha, Uy không có anh em, có ai thương Uy ngoài ông bà ngoại nữa không? Rồi Uy sẽ ra sao?

Tôi không thương Uy thật không?

Tôi đâu có đốt thư Uy như tôi nghĩ lúc chiều. Ba năm. Gần một trăm trang thư chứ ít sao. Uy vẽ chim vẽ bướm vẽ hoa trên cả những bì thư trang thư nữa. Những tờ giấy viết thư rất đẹp. Uy kể là Uy phải nhịn ăn quà để mua giấy viết thư thật đẹp cho tôi. Và, trong cả trăm trang thư ấy, là cả cuộc đời, ý nghĩ, cảm xúc của Uy kể lể cho tôi nghe. Tôi đâu có đốt được dễ dàng như thế.

Nghĩ đến Uy ngồi cô đơn trên chiếc xe đò trở về Huế, qua những con đường khô khan bụi bay mù mịt và đôi mắt Uy như sa mạc... tôi lại thấy đau nhói ở tim. Đáng lẽ Uy trở về với những nụ cười chứ. Cuộc gặp gỡ này tôi chờ cả mấy tháng nay, tôi còn để dành tiền để đưa Uy đi chơi, làm Uy vui cơ mà. Uy vô lý lắm, nhưng tôi cũng ích kỷ quá, phải không, tôi tiếc gì những lời yêu thương ngọt ngào với Uy vậy.

Không. Nhưng mà có gì không ổn, Chúa ơi! Uy là một đứa trẻ nguy hiểm dù đáng thương. Dính vào Uy có thể mang đến nhiều bất trắc cho đời tôi sau này. Chưa chi tôi đã mơ hồ thấy như thế. Không phải sao, chỉ mới hai tuần mà Uy đã làm những ngày sống của tôi quay tít mòng trong ngất ngây hạnh phúc lẫn phiền muộn.

Thôi vậy. Ngày mai Trầm sẽ không đến tìm Uy. Và ngày mốt. Cho đến ngày Uy về.

Thôi vậy. Trầm sẽ không viết thư.

Trầm sẽ quên Uy. Như vậy đi, Uy nhé.

Ước gì Uy đã không dạy cho Trầm hôn, đã không làm Trầm xúc động đến như vậy. Quên Uy hơi khó, Uy ơi.

Tôi cắm mình chạy về phía đường Trương Minh Giảng mỗi buổi sáng đi học, mỗi buổi chiều trở về, dù có vài lần thật tình muốn quẹo về phía ấy. Tôi cố gắng nhai nuốt những ngữ vựng Anh văn một cách khó khăn. Bố mẹ muốn tôi đi du học, bắt tôi chuẩn bị kỹ về sinh ngữ ngay từ bây giờ. Trong hai năm nữa tôi phải học dữ dội để lấy tối thiểu bình, nếu không được là ưu hoặc tối ưu. Trước sau gì tôi cũng không còn gặp Uy nữa mà.

Nhưng đến ngày thứ tư, sau hôm đó, tôi dừng xe trước nhà cậu mợ Uy vào buổi sáng. Tôi gõ cửa. Cậu mợ Uy đều đi làm rồi, như thường lệ. Gần năm phút mới có người mở cửa. Uy. Uy lườm lườm nhìn tôi.

"Sao Trầm không đi học? Trốn học nữa, phải không?"

Tôi tức uất lên. Tôi trốn học vì ai cơ chứ?

"Sao chưa về Huế cho rồi? Còn ở đây làm cái gì chứ?" Tôi trả đũa.

"Ơ hay, Trầm là chủ nhân của cái đất Sàigòn này đó à?"

"Còn Uy là bố Trầm à?"

Hai đứa đứng trừng mắt nhìn nhau đến cả phút. Rồi Uy nói.

"Đứng đó hoài sao? Vào đi".

"Vào thì vào. Sợ gì".

"Uống nước chanh muối nghe? Hôm nay trời nóng ghê Trầm hỉ?"

A. Bắt đầu ngọt ngào rồi đó. Bắt đầu nói lại tiếng Huế. Khi Uy nổi cơn với tôi, Uy nhái giọng nửa Nam nửa Bắc của tôi, nghe rất chướng tai. Dân Huế giả giọng nghe kỳ khôi vô duyên không chịu được.

Uy làm nước chanh, mang hai ly đến cạnh tôi, ngồi xuống sát bên cạnh tôi. Sát đụng người tôi. Tôi vừa uống gần hết ly nước chanh là Uy vươn tay kéo cả người tôi vào Uy. Tay Uy thô bạo xiết thân tôi như muốn làm gãy cả những chiếc xương mảnh mai của tôi. Uy hôn tôi cuồng nhiệt. Tôi đáp lại nồng nàn.

Tôi tưởng hai đứa cũng chỉ sẽ tội lỗi một nửa thôi và tối về tôi chỉ phải đọc kinh sám hối chứ không phải đến nhà thờ xưng tội. Tôi la lớn khi Uy – Trời ơi là Uy! – muốn kéo váy tôi xuống.

"Không! Không! Không được!"

"Tại sao không? Trầm yêu Uy mà? Uy yêu Trầm mà. Tụi mình sẽ lấy nhau. Uy sẽ cưới Trầm".

"Lấy nhau cái gì? Cưới nhau cái gì? Còn nhỏ xíu. Uy và Trầm còn phải đi học đến mười năm nữa!"

Uy đè chặt tay tôi vùng vẫy, vẫn tiếp tục cởi y phục tôi ra. Tôi vung tay tát vào mặt Uy.

"Hiếp Trầm hả?"

Uy vung tay tát lại vào mặt tôi. Nháng lửa. Tôi thấy đom đóm xanh xanh vàng vàng bay lơ lửng trước mắt. Uy gằn giọng.

"Yêu Trầm chứ không phải hiếp Trầm!"

Tôi nhắm mắt, buông xuôi hai tay. Sức kháng cự của tôi chỉ có ngần ấy thôi. Không phải kháng cự Uy, mà là tự kháng cự mình. Kháng cự với sự thôi thúc muốn cắn vào cái trái cấm của tình yêu.

Chúng tôi yêu nhau. Sau này thì tôi biết Uy rất vụng về, thiếu kinh nghiệm, như chỉ mới ân ái lần đầu hay lần thứ hai gì đó thôi. Nhưng hôm đó thì tôi thấy Uy như một người lớn, sành sõi, và tôi chẳng biết chi chi cả. Tôi chỉ biết nhận những cái hôn vùi mê man nóng bỏng của Uy, cái cảm giác vừa đau đớn vừa khoái lạc thể xác Uy mang đến cho thể xác tôi. Tôi chỉ biết ôm chặt lấy lưng Uy và kêu Uy Uy Uy ơi.

Uy hỏi, khi cơn mê đắm dịu dần.

"Trầm có giận Uy không? Có tiếc không?"

Tôi không trả lời. Tôi ôm chặt lấy Uy. Uy hôn khắp người tôi.

"Uy yêu Trầm. Uy muốn Trầm sẽ là vợ của Uy. Khi Uy hai mươi tuổi, Uy sẽ cưới Trầm".

"Hai mươi tuổi, Trầm không còn ở Việt Nam nữa. Trầm đi Mỹ hay đi Pháp mất rồi".

"Du học hở?"

"Ừ".

"Có chắc không?"

"Chắc. Bố Trầm chắc chắn vậy".

"Đừng đi Trầm ơi".

"Trầm thương bố lắm Uy không biết đâu. Trầm hứa với bố rồi. Trầm không làm bố buồn được".

"Làm Uy buồn thì được?"

"Uy. Đừng làm Trầm khổ tâm được không? Trầm sẽ đi, nhưng rồi sẽ về. Bảy tám năm nữa mình cưới nhau, còn trẻ thấy mồ".

"Trầm không công bình với Uy".

Và Uy vò tóc. Tôi biết Uy rồi. Uy sẽ còn vò tóc bứt tai như thế hoài. Uy sẽ yêu tôi và sẽ làm tôi khổ hoài. Nhưng tôi yêu Uy. Vâng, tôi yêu Uy. Tôi đã chấp nhận Uy. Đến với Uy hôm nay, nghĩa là tôi chịu gánh cái oan nghiệt lẫn trộn trong hạnh phúc như vàng thau vậy. Vàng thau gì cũng được. Vàng thau gì cũng yêu.

Đến bây giờ tôi vẫn còn yêu Uy. Mười bảy năm rồi đó.

Tôi rời Việt Nam được mấy tháng thì nghe tin miền Nam bị Cộng sản chiếm. Năm trước khi lên đường, tôi về Huế hai lần, sống với Uy như vợ với chồng. Hai lần, đủ để tôi nhớ quay nhớ quắt mười mấy năm. Khoảng hai năm sau ngày "giải phóng", Uy bỏ học. Uy viết thư, kể, ông bà ngoại, ông bà ngoại quá già, không buôn bán gì được nữa, Uy phải nghỉ học, xin làm việc ở hợp tác xã làm chiếu. Uy cay đắng trong thư, "Trầm ơi, bây giờ Uy hát vọng cổ hay lắm nghe, Uy hát bài Tình Anh Bán Chiếu rất mùi, Trầm có biết bài Bát Cơm Chan Máu không, bài này cũng hay nữa. Có nhớ ngày xưa mình nói chuyện giàu nghèo không? Trầm sắp làm bà gì gì đó rồi. Còn Uy là anh công nhân làm chiếu mỗi tháng không kiếm đủ gạo nuôi ông bà ngoại. Ha ha. Trầm lấy chồng bên đó đi. Uy kiếm một cô cũng làm chiếu bên nay cho có cặp".

Tôi gửi cấp tốc tiền về cho Uy, tiền tôi làm đêm và cuối tuần ở một

tiệm ăn, "Uy không được viết như vậy nữa. Yêu Trầm thì phải mạnh mẽ, can đảm chờ Trầm, hoặc đi tìm Trầm".

Uy bị ở tù vì số tiền ấy, lá thư ấy. Ôi Uy của tôi. Uy không có chút may mắn nào cả trên đời phải không Uy? Bàn tay chỉ tay của Uy vạch ngang vạch dọc nát như tương nhưng chẳng có đường nào là đường may mắn hết. Tôi tiếp tục làm thêm, tiếp tục gửi tiền cho ông bà ngoại Uy chạy chọt Uy ra khỏi tù. Uy tiếp tục vượt biên. Lần thứ hai, Uy bị công an bắn bị thương và lại vào tù. Lần này, Uy đã già dặn – già cỗi thì đúng hơn – trong thư.

"Ngày xưa có lần Uy bảo Trầm không công bình với Uy. Nhưng bây giờ Uy thấy Uy không công bình với Trầm. Uy là một tai nạn cho trầm. Uy thay đổi ý định rồi. Uy sẽ ở đây, không đi đâu nữa hết. Ở đây mà nhìn, mà cảm, mà chia cho tới tận cùng cái khổ đau của dân tộc. Ông bà ngoại khổ vì Uy nhiều quá, Trầm cũng khổ vì Uy nữa, Uy không muốn làm ai khổ nữa hết. Trầm ơi, yêu nhau không nhất thiết phải sống bên nhau. Yêu nhau là mang hạnh phúc, cái đẹp đến để tặng nhau. Uy không có khả năng mang hạnh phúc đến tận tay Trầm để trao, thì sẽ chờ đợi được biết Trầm có hạnh phúc, bất cứ ai là người tặng. Biết Trầm hạnh phúc là Uy vui".

Uy dứt khoát như thế bằng cách đi lấy vợ. Uy đã có một con. Uy gửi hình đứa con gái của Uy sang cho tôi xem. Nó giống bố. Đôi mắt đẹp. Chiếc mũi cao. Cái miệng cười có duyên. Uy chuyển nghề, đi chụp ảnh dạo. Nhưng thỉnh thoảng Uy cũng lại gửi cho tôi nhiều tấm ảnh nghệ thuật rất độc đáo. Có tấm chụp một đứa bé áo rách co ro ngồi bên tủ bán thuốc lá nhỏ xíu, bên cạnh cái đèn dầu hiu hắt ở góc đường vắng tanh đầy rác rưởi. Đẹp xót xa ứa nước mắt.

Tôi cũng có hai đứa con, một trai một gái. Con trai tôi tên Uy, con gái tôi tên Ái. Tôi có hạnh phúc với chồng. Nhưng tôi vẫn yêu Uy. Như Uy vẫn yêu tôi. Suốt đời. Suốt đời. Một thứ tình yêu không có nhau mà cũng chẳng mất nhau. □

NGỮ AN

NGÀY ĐÓ

*

ngày đó tóc biếc vườn xanh
em đi hái lá hoa chanh gội đầu
anh từ dạo đó đi đâu?
để buồn hoa lá phai màu tóc em

VÍ DỤ

*

ví dụ còn chút chi mộng mị
thì về nằm ngủ dưới chân mây
đôi khi em có về lay động
tỉnh ra lạnh bóng ở nơi này
ví dụ đêm dài ngồi đối bóng
thì còn ly rượu dỗ dành nhau
chỉ sợ em trở về bất chợt
rượu nhân gian không chuốc cạn tình sầu
ví dụ cuộc đời này như ý
anh đâu cần phải ví dụ lung tung
khi đó thơ sẽ thành giấy vụn
rượu sẽ thành ánh mắt giai nhân.

KHÁNH TRƯỜNG

vào đời

*

1.

Tôi có một cố tật: khi đối diện với bất cứ người nào, tôi cũng luôn luôn nhìn thấy những cái "giả" ở họ, dù kẻ đó là bậc chân tu đạo hạnh hay tên giang hồ đâm thuê chém mướn. Dĩ nhiên những cái "giả" tôi nhìn thấy không hẳn bao giờ cũng xấu. Chẳng hạn cô cháu gái vừa chớm dậy thì của tôi, vẫn thường được tôi cho theo tham dự những buổi tiệc tùng. Giữa chốn trai thanh gái lịch, cô ăn uống nhỏ nhẹ, nói năng từ tốn, phong thái trâm anh. Điều này "giả" một cách trắng trợn so với hình ảnh tôi bắt gặp chiều nay trong góc bếp, cô dậm chân dậm cẳng, háy nguýt đay nghiến như một bà dì cay độc với cô em nhỏ, chỉ vì *con quỷ* (chữ của cô) vừa *táp* (cũng chữ của cô) mất ly chè cô đã giấu tận góc trên cùng tủ lạnh. Không thể phủ nhận cái "giả" này nó buồn cười một cách rất dễ thương, nó làm cho cuộc đời trở nên thơ mộng, nó là hương hoa ướp thơm đời sống, nó là tiếng chim trên cành cao ngoài khung cửa sổ mỗi sớm mai sau giấc ngủ đầy, là dáng mây muôm màu giữa xanh thẳm chiều tà, là bóng trăng ngoài bãi bờ âm vang tiếng sóng. Đẹp lắm những cái "giả" vô tội đó. Và hẳn là chẳng thiếu ở khắp mọi nơi trên trần thế này.

Nhưng không phải vì vậy mà ta quên rằng có biết bao nhiêu cái "giả" khác làm cho đời sống trở nên tồi tệ, tởm lợm một cách thái quá. Không may mắn chút nào, tôi đã nhìn thấy những cái "giả" khốn nạn đó gần như ở bất cứ nơi nào nếu tôi có cơ hội tiếp xúc với con người.

Thuở mới đặt chân lên đất Mỹ, tôi ký cóp dành dụm mua được một chiếc xe cũ, đường sá luật lệ còn mù mờ, khả năng lái xe còn lạng quạng, tôi gây tai nạn. Quen với những luật rừng tại xứ sở mẹ đẻ, lại không có bảo hiểm, tôi sợ mất ăn mất ngủ. Đọc báo, thấy nhiều văn phòng *phụ tá pháp lý* chuyên lo tai nạn giao thông, tôi tìm đến. Một ông tự giới thiệu cựu luật sư, từng hành nghề tại Việt Nam trước 75, niềm nở tiếp tôi. Ông tỏ vẻ trắc ẩn

trước một anh *new refugee* quê mùa ngớ ngẩn, hứa sẽ giúp đỡ hết lòng. *Mình đồng hương với nhau, người cũ đùm bọc người mới, đó là bổn phận*. Sau khi khẳng định một cách dứt khoát như thế, ông cựu luật sư đi ngay vào vấn đề: *Theo lời anh kể thì phần lỗi về mình rồi đó, nhưng không sao hết, luật lệ ở xứ này cốt nắm thằng có tóc, trọc đầu coi như huề, cùng lắm nhận trả góp mỗi tháng 25 đồng, rồi cũng xong. Duy có điều xe của anh bị cảnh sát "tô", giấy tờ rắc rối phiền phức lắm, lại phải nộp phạt, trả tiền chỗ đậu... Theo tôi tính cũng phải mất trên năm trăm mới lấy được xe về*. Ông dừng lại ngước mắt nhìn tôi, tia nhìn đầy ắp xót xa, rồi khẽ lắc đầu nhỏ giọng: *Anh chắc đang lãnh trợ cấp, tiền bạc không nhiều, thôi thì tôi sẽ ứng trước giúp anh. Giờ có bao nhiêu đưa tôi, số còn lại tôi cho anh trả góp mỗi tháng năm chục không tính lời. Như vậy là đẹp cả đôi bên. Anh nhẹ lo mà tôi cũng có cơ hội làm được một việc thiện.* Nói xong ông ta đưa ra một xấp giấy tờ, tươi cười giải thích, *Thủ tục thôi, bên Mỹ cái gì cũng rành mạch, quy củ. Cái này là giấy ủy quyền tôi lãnh xe hộ anh, cái này biên lai các phí khoản, cái này giấy nợ anh sẽ trả hàng tháng...* Tôi nhìn ông cựu luật sư, tôi nhìn vẻ mặt rất thông tuệ trí thức, tôi nhìn mái tóc cắt tỉa công phu không một sợi thừa, tôi nhìn chiếc áo lụa thẳng nếp, cái cà-vạt màu xanh sẫm nhã nhặn, áo vét-tông khoác ngoài thời thượng, tôi còn nhìn chiếc đồng hồ mỏng dính trên cổ tay ông, chiếc đồng hồ hẳn bằng vàng và hẳn phải rất mắc tiền. Từ chiếc đồng hồ, tôi không thể không nhìn hai bàn tay đang đan vào nhau, đặt ngay ngắn trên mặt bàn, hai bàn tay trắng hồng, thuôn đẹp như tay đàn bà, chứng tỏ chủ nhân của chúng suốt đời chỉ làm việc bằng đầu óc và chữ nghĩa, lòng tôi dâng lên một cảm giác khó tả, vừa tủi thân vừa ngưỡng phục. Ngày xưa, ở Việt Nam, một người có địa vị phẩm trật như ông ấy, cỡ tôi làm gì có cơ hội được ngồi ngang hàng, được niềm nở đón tiếp thế này? Xứ sở tự do văn minh có khác, nhân phẩm của mỗi người được tôn trọng đến mức đáng kinh ngạc! Không đợi ông cựu luật sư nhắc lại lần thứ hai, tôi sung sướng cầm bút ký ngay vào những chỗ trống do ông chỉ, và móc hết túi trên túi dưới còn được hai trăm tiền tươi, tôi đưa ông trăm rưỡi, chỉ giữ lại năm chục để gặm hamburger hầu cầm cự đến kỳ "lương" mới. Tôi cảm ơn ông ta rối rít, ra đón xe bus về nhà trọ, lòng rưng rưng cảm động. Đất lạ, quê người, gặp được đồng hương tốt bụng như thế quả là trúng số cá cặp!

ngon của tôi ngoài bốn trăm đồng (ngót một tháng rưỡi tiền trợ cấp!) Ông ta chỉ mất trên dưới một tiếng đồng hồ đến nơi "tô" xe, nộp ba chục tiền chỗ đậu, thêm sáu chục tiền phạt rồi gọi tôi tới mang xe về! Vậy đó, cái tình người rất "thật" của ông cựu luật sư với chính đồng hương mình! Dĩ nhiên chẳng phải chỉ có tôi là trường hợp cá biệt. Mười sáu năm nay, có bao nhiêu "thằng mán thằng mọi" đặt chân đến xứ sở văn minh này? Có bao nhiêu những tờ giấy xanh thấm đẫm mồ hôi nước mắt chui vào trương mục của ông cựu luật sư? Không cần phải có một trí tưởng tượng phong phú, chúng ta cũng dễ dàng tìm ra đáp số! Ngày nay, thỉnh thoảng tôi vẫn thường gặp lại ông tại những nơi hội họp của các chức sắc cộng đồng, nhìn khuôn mặt thông tuệ sáng rỡ dưới ánh đèn, nghe giọng nói có khi nghẹn ngào xúc động, có lúc phẫn uất bi ai về số phận lầm than của đồng bào ông tại các trại tị nạn. Ông kêu gọi, ông van lơn, ông mỉa mai cay đắng, ông muốn mọi người hãy cùng ông nghiêng mình xuống, hy sinh một phần thật nhỏ cái no đủ hiện tại cho những phần số bất hạnh kia... Và để kết luận, ông nhấn mạnh: "Đó là bổn phận, là tình thương, là nghĩa cử mà chúng ta, những người may mắn hơn họ, bắt buộc phải nghĩ đến, nếu còn chút lương năng..."

Làm sao chữ nghĩa của tôi không trở nên hôn ám cho được?

Một anh bạn làm thơ nói với tôi: "Mày là một thằng viết văn tiêu cực". Chữ "tiêu cực" ở đây được hiểu như là chuyên khai thác cái mặt trái sần sượng của cuộc đời. Anh bạn khuyên tôi: "Bên cạnh cái xấu, đời sống nào thiếu những điều tốt đẹp, sao mày không phô diễn để làm gương cho đời?"

Nghĩ cho cùng thì người bạn tôi không phải không có lý. Lời khuyên của hắn, như một lực đẩy, đã mở tung cánh cửa dĩ vãng. Phía sau cánh cửa này, là hàng nghìn hàng trăm những bĩ cực và vinh quang, những mất mát và thành tựu, những rủi ro và may mắn, những giả trá và chân thực... Tất cả đã làm nên cuộc đời tôi. Bốn mươi ba năm trôi qua, tưởng chừng như một giấc mơ! Vào những lúc tôi sắp sửa bước thêm một bước nữa vào miền đất hoang lạnh của tuổi già, như buổi chiều cuối năm năm này, thường, lòng tôi chợt lắng xuống. Và tôi muốn gởi đến tất cả mọi người, những người thương, những kẻ ghét, lời xin lỗi của tôi, rằng, đúng như người bạn làm thơ nói: Lẽ ra tôi không nên thù hằn cuộc đời, lẽ ra tôi phải cư xử bao dung hơn, rộng lượng hơn, yêu mình, yêu người hơn. Lẽ ra tôi phải... tôi

phải... Bởi vì, nếu đời sống chỉ gồm toàn những xấu xa tiêu cực, thì có lẽ ngày hôm nay, tôi đã trở nên một con người khác. Chính cái phần tốt đẹp của cuộc đời đã cứu rỗi tôi, đã đẩy tôi về phía của ánh sáng, đã cho tôi cơ hội vươn lên làm một người lương thiện.

2.

Tôi rời gia đình năm mười ba tuổi, bởi một lý do chẳng tốt đẹp gì: Cha tôi có vợ kế sau ba năm ngày mẹ tôi qua đời.

Người đàn bà này không tốt nhưng cũng chẳng xấu. Đó là một mẫu đàn bà bình thường, sinh ra để làm vợ. Bà ta đôi lúc thương yêu bọn tôi – tôi và ba đứa em – rất mực, nhưng cũng thường khi keo kiệt, khó chịu. Điều đó lẽ ra sẽ bình thường nếu tôi không thương mẹ thái quá. Vì thương mẹ, tôi ghét bà ta cay đắng. Cái ghét trở nên tệ hại vào một hôm chỉ vì bà ta cản không cho cha tôi mua một cái áo ấm mà tôi thích. Lý do bà ta nêu ra khá chính đáng: chiếc áo tôi đang dùng còn rất tốt. Nhưng đối với một đứa trẻ mười ba tuổi, làm sao nó hiểu nổi cái điều chính nhiều người đã sống gần trọn cuộc đời vẫn chưa chắc đã hiểu, rằng sống trong một xã hội còn nghèo đói, thì nhu cầu làm đẹp là một xa xỉ không cần thiết, đôi khi còn phương hại – vật chất lẫn tinh thần – cho nhiều người khác. Vì vậy, đợi cha tôi đi làm, tôi tìm cách "kiếm chuyện". Kết cuộc, bà ấy tặng tôi một cái tát, nhẹ thôi, nhưng mà nó khiến tôi điên tiết. Tôi rống lên:

"Dì không có quyền đánh tôi."

"Tao dần nát xương mày ra chứ không có quyền à?"

"Dì không có quyền. Mẹ tôi còn chưa bao giờ đánh tôi nữa là bà."

"Mẹ mày, lúc nào cũng mẹ mày. Tốt lành lắm đấy. Đồ đĩ ngựa."

Thật tình tôi không hiểu lắm ba chữ "đồ đĩ ngựa" nó biểu tỏ điều gì. Nhưng chắc hẳn phải hết sức xấu xa. Đồ đĩ ngựa. Bà ta dám chửi mẹ tôi "đồ đĩ ngựa". Tôi lồng lộn:

"Còn bà. Bà là gì. Đồ... đồ... giựt chồng..."

Quả giận quá hóa ngu. Mẹ tôi chết, ba tôi lấy bà ta danh chính ngôn thuận. Giựt chồng thế nào cơ chứ? Câu nói vừa thốt ra khỏi miệng, tôi đã hiểu ngay mình sai, nhưng, mặc kệ. Ai cho phép bà ta xúc phạm đến mẹ tôi? Mẹ tôi, người đàn bà đã lìa bỏ chúng tôi ba năm trước, người đàn bà,

mà trong trí óc non nớt của tôi, đồng nghĩa với hy sinh, tận tụy, chịu đựng triền miên. Ba tôi bản chất phóng khoáng, ông lắm bạn bè, thích tụ hội ăn nhậu, thời gian ở với gia đình chiếm không quá một phần ba thời gian rong chơi bên ngoài. Mẹ một mình lo toan mọi công việc, kể cả những công việc lẽ ra phải do tay đàn ông đảm trách: bản lề cánh cửa tủ sút ốc, bậc thang gỗ dẫn lên gác long đinh, nền xi-măng vỡ một khoảng lớn phải vá, cái chân bàn vặn vẹo chực ngã nếu không chấp thêm thanh gỗ... Mẹ tôi bao thầu hết, không một lời than vãn. Bà thức khuya, dậy sớm, quần quật như con sen cái ở, mọi người trong nhà (kể cả chúng tôi, những đứa con của bà) đều xem chuyện đó là bình thường, là nhiệm vụ tất nhiên. Cho đến khi bạo bệnh cướp bà ra khỏi đời sống, chúng tôi mới bàng hoàng kinh ngạc. Thiếu bà, mọi điều trở nên tồi tệ, thiếu bà, gia đình như căn nhà thiếu mất cột chống trung tâm, chực ngã sụp bất cứ lúc nào. Tình trạng này kéo dài ba năm, cho đến khi ba đưa người đàn bà kia về, và buộc chúng tôi gọi bằng mẹ. Người mẹ mới tuy có thể thay thế mẹ ruột tôi lo toan khá tươm tất công việc gia đình, nhưng chẳng thể so sánh được với mẹ tôi. Vì vậy, lòng ân hận và kính trọng tôi dành cho mẹ càng tăng trưởng theo tuổi đời. Làm sao tôi chịu đựng nổi bất cứ một người nào khác xúc phạm đến bà? Đồ đĩ ngựa! Làm sao bà ta lại dám dùng thứ ngôn ngữ tởm lợm này gán ghép cho mẹ tôi?

Có lẽ quá bất ngờ trước câu nói hỗn hào, dì tôi đứng chết trân, hai mắt mở trừng nhìn tôi trân trối, khuôn mặt bà tái xám, hai bàn tay nắm lại, run bần bật. Phải một lúc lâu bà ta mới thốt được nên lời:

"Trời. Mầy dám ăn nói với tao thế à. Đồ mất dạy."

Đã lỡ phóng lao, tôi không thể dừng.

"Mất dạy vậy đó, làm gì tôi?"

Bà ta nhào đến, túm tóc tôi vít xuống, tát tới tấp vào hai má tôi. Lần này thì bà ta đánh mạnh thật, đau thật. Tôi vùng thoát, vụt chạy xuống bếp. Cơn điên trong tôi bùng vỡ, máu sôi trào. Vớ vội cây dao gài trên chái bếp, tôi lao lên nhà trên, phóng tới...

"Á... Á..."

Bà ta bật kêu, hốt hoảng. Tôi tiếp tục phóng tới, phạng thẳng cánh lưỡi dao to bản về phía người đàn bà. Chẳng hiểu lưỡi dao trúng chỗ nào, chỉ

thấy bà ta lạng người qua một bên, ngã ngồi xuống nền xi măng, máu tuôn đỏ thẫm khuôn ngực... Tôi vất con dao vào góc nhà, phóng chạy ra ngoài, vượt qua đường, dông thẳng vào con hẻm dẫn ra nghĩa địa sau lưng phố chính.

Băng qua đám mồ mả, tôi chui nhanh vào ngôi miếu nhỏ khuất sau tàng cổ thụ chằng chịt rễ phụ tận cuối nghĩa địa. Nơi này không mấy ai đặt chân tới vì cỏ lau cao ngút đầu, trông hoang dại như rừng. Chỉ có tôi và vài thằng bạn thân là thường lai vãng, vì quanh ngôi miếu mọc rất nhiều hà thủ ô. Loại rễ củ này bọn tôi vẫn chia nhau đào, mang về bán cho lão Tàu già ngoài phố lấy tiền tiêu vặt. Nghĩa địa rộng mênh mông, bụi bờ lau lách rậm rạp, dẫu biết tôi trốn ở đây cũng chẳng thể nào tìm ra, huống hồ bà ấy có lẽ đang lịm chết trên vũng máu.

Chiều xuống, đêm dần lên. Gió thổi ào ào khua rộn tiếng lá trên vòm cây cổ thụ. Tôi ngồi thu mình trong góc tối, vừa đói vừa sợ. Ngôi miếu hoang phế, âm u, khí lạnh bám trên da thịt gây gây. Tôi rùng mình nghĩ đến những hồn ma bóng quế lát nữa đây sẽ hiện lên. Càng nghĩ càng sợ. Tôi muốn trở ra phố, tìm đến nhà vài đứa bạn quen, nhưng tôi còn đủ trí khôn để suy luận: chắc chắn ba tôi đang lùng sục ráo riết ở những nơi đó, và dĩ nhiên bố mẹ chúng cũng đã rõ chuyện. Tìm đến nhà bọn chúng nào khác gì trói thân nộp mạng. Không hiểu tình trạng của bà ấy thế nào? Vết dao trúng ở đâu? Có nguy hiểm đến tính mạng? Ba tôi đã mang bà ấy vào nhà thương? Tôi bắt đầu cảm thấy hối hận. Đứa con trai "nối giõi" của ông vừa gây nên một tội lỗi tày trời. Sự việc xảy ra ngoài tiên liệu của ông, đã đành, mà ngay chính tôi, thủ phạm, cũng còn chưa hết bàng hoàng kinh ngạc. Tôi đã hành động rồ dại như thế ư? Làm sao tôi có thể hành động như thế? Tôi linh cảm, từ nay, giữa tôi và ông sẽ mãi mãi cách ngăn bởi một vực thẳm khó thể lấp đầy. Đêm xuống sâu hơn. Tiếng dế rỉ rỉ, tiếng ếch nhái ềnh oang, tiếng lá khua lào xào, tiếng gió luồn qua mái ngói rêu cũ u u... Hàng trăm thứ tiếng động mù mờ vây quanh cùng với bóng tối trở nên đen đặc đầy đe dọa. Tôi run lên. Và rồi tôi khóc, lúc đầu còn thút thít, sau lớn dần. Tôi vừa khóc vừa gọi mẹ không ngớt, cầu mong bà linh thiêng phù hộ cho tôi "tai qua nạn khỏi". Nhưng chính tiếng khóc của mình càng làm tôi hoảng loạn hơn. Một con vật (chuột, sóc?) leo qua chân tôi, phóng vụt vào góc tối dưới bệ thờ, tôi giật bắn người, niềm kinh khiếp khiến tôi nghẹt thở.

Tôi vùng đứng dậy, chạy cuống ra khỏi ngôi miếu, bước thấp bước cao giữa đám mồ mả hoang vu. Đến đầu con hẻm, tôi thở phào nhẹ nhõm. Nhưng không thể về nhà, cũng chẳng thể đến bạn bè. Đi đâu? Tôi tự hỏi. Lục túi còn được ba đồng, tôi ghé mua một khúc bánh mì, vừa đi vừa ăn. Thành phố chìm dần vào khuya, các cửa tiệm đã khép cửa, những vỉa hè đã vắng người qua lại. Tôi đi, vô định. Tôi đi, nhìn chiếc bóng hết thu ngắn lại đổ dài trên mặt hè, lòng quặn lên một nỗi tủi thân khôn tả. Tôi đi, qua mọi con đường trong thành phố, cuối cùng bước chân run rủi thế nào lại lạc đến sân ga. Nhìn con tàu lù lù dài ngoằng, nhớ đến hình ảnh bà dì ngã ngồi trên vũng máu, hình dung khuôn mặt đằng đằng sát khí của cha, tôi chợt nảy ra ý định trốn thoát khỏi nơi này. Ý định nhanh chóng biến thành quyết định. Tôi leo qua dãy hàng rào sắt chỗ nhiều bóng tối, lọt được vào bên trong. Dợi tiếng còi rúc khởi hành, tôi lên tàu, tìm một chỗ khuất, phía sau những đống hàng hóa ngổn ngang, ngồi bó gối nhắm mắt đợi tàu chạy.

Vậy đó, trên chuyến tàu đêm xuyên Việt, tôi thực sự bước chân vào đời, bằng số tuổi mười ba non khờ và một kiến thức vừa qua khỏi tiểu học.

Suốt hai ngày đêm nhịn đói nhịn khát, trốn chui trốn nhủi mấy tay soát vé, tôi đặt chân lên thành phố sương mù. Lần được xuống sân ga, người tôi lao đao muốn ngã. Đói. Tôi đói quá. Mắt mờ mịt một màn sương trắng, miệng khô dắng. Lạnh nữa, lạnh xé da cắt thịt. Chẳng hiểu bằng cách nào tôi đã ra khỏi sân ga, đã vào được một cây xăng. Những vốc nước trong phòng vệ sinh giúp tôi hồi tỉnh. Đứng dựa lưng vào tường, tôi nhìn hoạt cảnh về đêm của một thành phố xa lạ. Sương mù như khói bốc lên từ mặt đất, phủ mờ dãy nhà bên kia đường. Thỉnh thoảng vài cặp trai gái băng ngang, họ ép sát vào nhau trong những chiếc áo dạ dày, tôi có cảm tưởng họ đang bước đi trên mây, vì sương mù đậm đặc đến độ che kín nửa phần dưới của thân thể họ. Tôi run bần bật, hai hàm răng va lập cập vào nhau không cách chi kềm giữ, mặt rát bỏng, đa mặt tê điếng, hai tay đút sâu vào túi quần vẫn cóng lạnh, đau nhức ở những đầu ngón.

Tôi đã mê đi trong phòng vệ sinh vào lúc gần sáng – hình như thế – vì lạnh, vì đói. Cho đến khi hồi tỉnh thì mặt trời đã lên cao, nắng xua tan lớp sương mù. Khí hậu ấm được đôi chút. Tôi lần đến vòi nước, uống thêm một bụng nữa rồi lảo đảo bước ra ngoài.

Bên ngoài, trong sân cây xăng, một dãy trên mươi chiếc taxi đậu đón

khách. Vài thằng bé trạc tuổi tôi đang dùng những miếng giẻ ướt lau xe. Xong việc, mấy gã tài xế cho chúng ít tiền. Tôi nghĩ, có lẽ nên bắt chước bọn chúng. Trở lại phòng vệ sinh, tôi cởi chiếc áo may-ô mặc bên trong nhúng nước rồi lần đến một chiếc taxi chưa có người lau. Vừa lau được nửa phần đầu xe, tôi chợt té ngửa vì một bàn tay từ phía sau nắm tóc tôi giật ngược. Và rồi những nắm đấm vũ bão rơi xuống tấm thân yếu lả. Tai tôi ù đi, loáng thoáng tôi nghe thấy tiếng chửi thề, tiếng quát hỏi:

"Mày là ai?"

Tôi nằm sóng soài trên mặt đất lạnh, cố ngóc đầu ngước nhìn. Lờ mờ giữa những vòng ngũ sắc chấp chới, tôi thấy một khuôm mắt đen đúa cúi xuống, với hai con mắt long sòng sọc.

"Dạ... Em từ miền Trung lên đây... Em... đói..."

"Ai cho mầy dành mối?"

Lao nhao chung quanh nhiều lời phụ họa:

"Đánh chết mẹ nó đi."

"Bẻ răng cho nó nhớ đời."

Tôi sợ điếng người, lắp bắp:

"Dạ... Em không biết... Các anh tha cho..."

Một gót chân phóng thật lực vào ngực. Tôi bật lăn mấy vòng, nghẹn thở.

"Tha con củ cặc, muốn bẻ răng không hử?"

Thằng đầu nậu – sau này tôi biết hắn làm đầu nậu tại bến xe này – quát lớn với lũ đàn em:

"Đủ rồi."

Hắn nắm ngực áo tôi lôi dậy, dí sát mặt vào mặt tôi:

"Lần đầu, tao tha. Tái phạm chết mẹ mày nghe chưa?"

"Dạ..."

"Cút."

Hắn đẩy tôi té nhủi... Tôi bò vào góc tường dựa lưng ngồi thở hắt. Tôi không cảm thấy đau dù trận đòn hội đồng vừa qua khá nặng, chỉ thấy mệt lả, chân tay gần như bại liệt không thể nhích động. Có lẽ tôi lại sắp ngất. Tôi nhắm mắt, cầu mong cái chết đến mang tôi đi. Bởi quả tình sự tuyệt

vọng trong lòng tôi đã lên đến mức cùng cực. Chết. Nếu chết được ngay thì đỡ khổ biết bao nhiêu.

Bỗng một mũi giày đá vào bắp đùi. Tôi mở choàng mắt. Thằng đầu nậu đã đứng trước mặt từ bao giờ:

"Mặt con xám ngoét. Tử đến nơi rồi con ạ."

Tôi dương mắt nhìn nó, không còn sức trả lời.

Thằng đầu nậu quay ra nói lớn với một đàn em:

"Tứ, chạy vào chợ mua tao tô cháo."

Rồi cúi xuống:

"Đi nổi không?"

Tôi lấy hết sức bình sinh gượng dậy. Chưa đứng lên hẳn đã ngã chúi. Thằng đầu nậu đưa tay chụp vai tôi:

"Bám chặt vào tao đồ chó chết."

Nó dìu tôi đến căn nhà phía sau trạm xăng. Gọi là nhà thật ra không đúng. Đó là một túp lều được vá víu bằng ván thùng, carton, tôn thiết cũ, dựa lưng vào vách tường một nhà mồ, nằm giữa rừng thông giao lá không nhìn thấy bầu trời. Túp lều có lẽ là hậu cứ của đám "lục lâm" này.

"Nằm đây đi, ôn con."

Hắn đẩy tôi nằm xuống manh chiếu cũ bẩn. Dù mệt lả, sắp chết đói đến nơi, nhưng tôi cũng nhận biết trong giọng nói hằn học của thằng đầu nậu có ẩn chứa một thứ tình cảm tương lân. Lần đầu tiên dấn thân vào chốn giang hồ, tôi hiểu thế nào là tình nghĩa. Không phải thứ tình nghĩa ngon ngọt đãi bôi đầy toan tính tôi sẽ gặp nhan nhản trong cuộc đời. Loại tình cảm này nó trần trụi, thô nhám, nhưng trung thực và chơn chất biết chừng nào. Tôi cảm động rưng rưng. Tôi biết, ấn tượng của ngày hôm nay sẽ mãi mãi tồn đọng trong trái tim tôi. Tôi cũng linh cảm nó sẽ là một thứ kim chỉ nam dẫn dắt tôi suốt đời.

Buổi chiều, nhờ tô cháo và nhờ được ngủ vùi một giấc trong tấm chăm rách ấm áp, tôi choàng tỉnh giữa tiếng nói cười lao xao, đầu óc nhẹ hẳn. Tôi ngồi dậy. Thằng đầu nậu nhìn tôi:

"Khỏe chưa con?"

"Dạ... Khỏe."

"Vất mẹ tiếng dạ đi. Giờ mày tính sao?"

"Em không biết, các anh cho em theo..."

"Tụi tao không nuôi nổi mày đâu. Về mà ôm vú mẹ cho yên chuyện."

Tôi chợt thấy tủi thân cùng cực, nước mắt ứa ra. Tôi lắp bắp:

"Các anh cho em theo... Mẹ em chết rồi..."

Thằng đầu nậu im lặng. Tôi nhìn nó cầu khẩn. Nước mắt tiếp tục trào ra hai bên khóe.

Một đứa chợt lên tiếng:

"Đưa hắn lại dì Năm đi anh Hai."

Thằng đầu nậu tán đồng:

"Ừ nhỉ, mày có lý."

Rồi quay qua tôi:

"Này, làm nghề dắt mối không?"

"Dắt mối...Em không biết..."

Cả bọn cười hô hố. Một thằng oắt trạc tuổi tôi lên tiếng:

"Dắt mối là đứng đường, thấy thằng to đầu nào đi qua chạy theo tán tỉnh, dụ nó vào động du dương với mấy chị thợ chọi."

"'Động' là cái gì?. 'Thợ chọi' ra làm sao?" Tôi mới nghe lần đầu trong đời một nghề ngỗng xa lạ như vậy.

Thấy vẻ mặt ngơ ngác của tôi, thằng đầu nậu lắc đầu ngao ngán:

"Mày *nai* quá con ạ. Thế này thì sống sao đặng."

"Anh giải thích rõ rõ cho em hiểu. Thợ chọi là thợ gì?"

Thằng oắt lúc nãy lên mặt:

"Đụ mẹ, ngu như bò. Thợ chọi là đĩ, biết chưa con?"

À, bây giờ thì tôi hiểu, dù chỉ mù mờ. Bà ấy đã gọi mẹ tôi là "con đĩ ngựa", vì ba tiếng này mà tôi trở thành thằng bụi đời! Hẳn nhiên một nghề ngỗng như vậy chắc chắn chẳng tốt lành gì!

"Không khá phải không anh?" Tôi hỏi.

"Ừ, không khá. Đụ mẹ nhục lắm. Mấy con mẹ tú bà nó chửi như chửi chó, còn bắt bưng nước giặt khăn mờ người. Nhưng mày đang đọi. Rán chịu nhục ít lâu đi con."

"Em chịu được." Tôi quả quyết, trong đầu vẫn chưa hình dung nổi cái nghề tôi sắp được giới thiệu nó ra làm sao.

Thằng đầu nậu cùng lũ đàn em đưa tôi đến một con hẻm nhỏ nằm sau lưng đường Y.K. Con hẻm chạy lăng quăng trong rừng thông, hai bên mái lá lụp xụp. Trước những khuôn cửa tối om, bọn con gái lớn có nhỏ có ngồi lóng ngóng nhìn chúng tôi, mặt mày chị nào cũng bạc nhược, xanh tái, tóc tai rối bù, phấn son tre trét loang lổ. Thằng đầu nậu dẫn tôi vào trình diện một mụ đàn bà có khuôn mặt gầy trơ xương, nhìn bà ta, tôi liên tưởng ngay đến chiếc đầu lâu thường được vẽ cắm ở những nơi nguy hiểm, với hai nhánh xương tréo phía dưới.

"Bà Năm, tụi tui lượm được thằng oắt này ngoài bến xe, bà nhận không?" Thằng đầu nậu nói.

Người đàn bà nhìn tôi từ đầu đến chân, hai con mắt ti hí vàng đục. Bà ta hất hàm, chẳng hiểu hỏi tôi hay hỏi thằng đầu nậu:

"Bụi hả?"

"Mới bụi được mấy ngày, ngoài nẫu lên." Thằng đầu nậu trả lời.

Người đàn bà ngoắc tôi lại gần:

"Tên chi?"

Tôi nói tên. Bà ta tiếp tục tra vấn lý lịch. Tôi thật thà kê khai. Cuối cùng người đàn bà gật đầu:

"Rồi, ở đây với tao, nhưng gắng chịu thương chịu khó nghe chưa."

Nhìn vào mắt bà ta, tôi hiểu trong câu dặn dò đã ngầm ý răn đe. Tôi quay qua thằng đầu nậu, hắn vỗ vai tôi, cười:

"Êm nhé. Thôi, bọn tao chẩu."

"Cảm ơn mấy anh."

"Cảm ơn con củ cặc. Rán mà lo lấy thân."

Nói xong hắn quay lưng cùng lũ đàn em đi ra. Tôi nhìn theo bọn chúng, lòng vừa mừng đã có được một nơi ăn chốn ở, vừa lo không biết sẽ thế nào đây nay mai.

3.

Khu xóm không lớn, chỉ trên dưới hai chục nóc gia đâu mặt qua con

kiệt nhỏ, đầu kiệt dẫn ra đường Y.K., cuối kiệt là ngọn đồi thấp, với những cây thông thân to, cao vút. Ngọn đồi đổ xuống thung lũng phía bên kia bốn mùa xanh mướt hoa màu. Mỗi đơn vị gia cư ở đây là một động điếm, gồm toàn loại điếm mạt hạng trong bậc thang giá trị... điếm. Đó là những chị tuổi tác đã qua thời xuân xanh, đã lăn lóc bao năm trong nghề, đã bệnh tật nghiện ngập cùng mình; hoặc những đứa con gái vừa lạc chân vào chốn bùn nhơ, nhưng nhan sắc còn rất xa mới đến được mức trung bình.

Căn nhà tôi đang ở quá chật. Phòng khách – cũng là buồng ngủ của bà Năm – tương đối rộng rãi đôi chút, kê được một chiếc giường cá nhân, vài ba chiếc ghế dựa sát vách đối diện. Trong góc, gần đầu giường, một chiếc bàn gỗ tạp trên để chiếc khay với bốn năm cái ly vàng cáu, cạnh đó, vỏ một trái dừa khô dùng làm giỏ dựng ấm nước. Từ phòng khách xuống nhà dưới phải qua một khung cửa không có cánh, được che kín bằng tấm vải hoa bẩn đến độ đã gần như mất hết màu sắc. Một cầu thang gỗ ọp ẹp ngay phía sau bức màn dựng gần như thẳng đứng, đưa lên căn gác lửng thấp tè. Đây là nơi "di khách", gồm ba phòng nhỏ. Dùng chữ "phòng" thật ra có hơi ép. Căn gác chiều ngang độ ba thước, chiều dài khoảng sáu thước, ngăn làm ba bằng hai tấm ny-lông, mỗi "phòng" chỉ vừa đủ chỗ kê một chiếc giường thước tư, một chiếc ghế tựa gỗ tạp, ngoài ra không có vật dụng gì khác. Nơi này ngoài giờ tiếp khách, còn là "phòng ngủ" của "chị em ta".

Tôi không có chỗ ngủ nhất định. Ban ngày, tôi đứng chào khách từ sáng đến khuya ngoài đầu hẻm. Về đến nhà, sau khi ăn vội bữa cơm tối và bê một thau khăn to tướng nồng nặc mùi tinh khí ra sàn nước phía sau giặt giũ, tôi trở vào, sẽ ngủ ở bất cứ "phòng" nào còn trống trên gác. Có bữa, khách bao đêm hết chỗ, tôi ôm mền chiếu xuống nhà dưới ngủ trên nền xi măng.

Bà Năm tuy mặt mày dữ dằn nhưng tương đối dễ chịu, có lẽ một phần nhờ tôi có dáng thư sinh hiền lành, lại thật thà. Nhiều lúc khách "đi" xong, dúi cho tôi ít tiền lẻ, thay vì bỏ túi, tôi đưa cho bà ta nhờ giữ giùm. Thật tình tôi cũng không biết tiêu xài vào việc gì, cơm nước đã no đủ, bọn điếm lại ăn quà vặt luôn miệng, và rất hào sảng, thường thảy cho tôi khi gói xôi, khi cái hột vịt lộn, lúc tô bún riêu, chén đậu hũ gánh rong. Ở vào tuổi tôi, ngoài cơm ăn áo mặc, nhu cầu nếu có cũng chỉ quẩn quanh chuyện ăn uống vặt vãnh, nào biết chi hơn?

Nhưng tôi sẽ không biết chi hơn thật, nếu sống trong môi trường khác, nếu vẫn tiếp tục làm một đứa con ngoan của gia đình, khổ nỗi ở đây, giữa vũng lầy đọa lạc này, dù đời sống vật chất không đến nỗi nào, tôi vẫn có cảm tưởng mình đang già đi nhanh chóng, và tệ hại nhất, tâm hồn bị hoen ố đến mức đáng sợ.

Làm sao không hoen ố cho được khi mỗi ngày, tôi thường xuyên chứng kiến cái phần bản năng thú vật nhất trong mỗi con người được tỏ lộ công khai không cần che giấu.

Một hôm, đang ngon giấc, tôi giật mình choàng tỉnh vì phía bên kia tấm màn ny-lông tiếng la của chị Thơm – một chị điếm nhan sắc tương đối khá nhất của khu nhà thổ – vang lên chói lói. Nhảy vội xuống giường, tôi lao qua "phòng" chị.

Dưới ánh sáng tù mù của bóng đèn tròn treo lơ lửng trên nóc nhà, một thằng dàn ông đang đè chị Thơm nằm căng ngửa trên mặt nệm nhàu nát. Cả hai đều trần truồng. Thằng dàn ông to lớn, những bắp thịt nổi cuồn cuộn. Chị Thơm vùng vẫy cố thoát ra, nhưng sức lực chị bao lăm hơi so với thằng đàn ông! Hắn vừa thở vừa cười hềnh hệch:

"Má Năm nhận tiền đủ rồi. Em Hai không chìu anh, đâu có được."

"Không... Tui đâu phải trâu chó. Cái gì cũng một vừa hai phải thôi chớ. Từ đầu đêm đến giờ... Bộ tui là đất đá chắc?"

Cảnh này, tôi vẫn thường chứng kiến hằng ngày. Bọn khách chơi đôi khi muốn "xứng đáng đồng tiền bát gạo", thường dùng thuốc hoặc uống cho say ngất ngư trước khi nhập trận. Ngoại trừ những chị điếm già dày dạn chiến trường, cắn răng cho qua cơn "bĩ cực", còn thì đa phần đều "chào thua", nghĩa là phải kêu gọi đồng nghiệp thế chỗ. Qua đối đáp, tôi biết chị Thơm từng đề nghị đưa người khác thay thế nhiều lần, nhưng thằng dàn ông không chịu. Hắn nhất định chỉ "đi" với chị. Hắn cho rằng chị là người khá nhất trong khu này, và bà Năm đã "hợp đồng" với hắn, nếu chị không phục vụ đến nơi đến chốn, hắn sẽ lấy lại trọn số tiền đã đưa cho bà ta.

Tôi thấy mặt nóng bừng. Vào những lúc tủi thân, tôi thường tìm lên ngọn đồi sau nhà, ngồi dưới một gốc thông, âm thầm vùi mặt khóc. Và lần nào cũng thế, thấy vắng tôi, chị Thơm đi tìm, để rồi sau đó chị ôm tôi vào

lòng, cả hai cùng tỉ tê tâm sự, cùng nhỏ những giọt nước mắt đắng cay. Đời chị cũng là một thảm kịch lớn. Chiến tranh đã cướp mất của chị cha mẹ và ba đứa em, chiến tranh xua đuổi chị ra khỏi ruộng đồng, lưu lạc đến thành phố này, để rồi rơi xuống đáy bùn đen.

Thằng đàn ông vẫn tiếp khóa chặt tay chân chị Thơm. Hắn nhấp nhổm phía trên thân thể chị, hùng hục như một con thú, mặc cho chị giẫy giụa la hét. Qua khe hở dưới nách thằng đàn ông, tôi nhìn thấy hai dòng nước mắt của chị bò nhếch nhác trên gò má. Chị nhìn tôi, tia nhìn van lơn, cầu cứu, tia nhìn xoáy vào tim tôi, như một mũi khoan nóng, khiến toàn thân tôi run lên. Tôi phóng đến, vơ chiếc ghế tựa chỗ góc tường, đập thật lực xuống tấm lưng trần trùng trục của tên đàn ông. Hắn "ối" lên một tiếng lớn, vật người qua bên rồi nhanh như sóc, vùng nhảy xuống giường, lao về phía tôi. Hai bàn tay hắn vươn tới, nắm lấy cổ tôi. Hắn vừa siết vừa nghiến răng:

"Đồ chó! Mày dám đánh ông à..."

Cổ họng đau nhói. Hai mắt tôi trợn ngược, chiếc lưỡi thè ra khỏi hốc miệng mở rộng. Tôi nghẹt thở. Chị Thơm cũng đã lao xuống khỏi giường. Chị bấu lấy hai cánh tay thằng đàn ông.

"Thả ra! Thả ra! Chết thằng nhỏ..."

Nhưng thằng đàn ông đã như con thú điên, hắn hất chị ngã chúi vào góc nhà, tiếp tục siết chặt hai bàn tay quanh cần cổ gầy nhom của tôi. Khi tri giác sắp sửa rời bỏ tôi thì bỗng thằng đàn ông ngã vật ra sau, dãy đành đạch. Tôi cũng té xuống sàn gác, rũ liệt. Chung quanh tôi loáng thoáng có tiếng chân chạy sầm sập lên cầu thang. Và tiếng hét lanh lảnh của bà Năm. Tôi cố quay đầu nhìn thằng đàn ông, hắn nằm sấp sóng soài, chỗ gần thắt lưng, máu trào ra như suối quanh lưỡi dao ngập đến cán. Đó là vũ khí chị Thơm thường giấu dưới gối mỗi lần "đi khách".

4.

Tôi ngồi co ro trong lòng chiếc ghế. Phía dưới, ngoài khung cửa sổ, thằng đầu nậu và bọn đàn em đứng lố nhố. Tôi nói:

"Thôi, chia tay. Hy vọng sẽ có ngày gặp lại."

Thằng đầu nậu gật đầu:

"Ừ, đi đi, cũng chẳng cần gặp lại làm gì. Bọn tao chúc mày may mắn."

Chiếc xe chuyển bánh, rời chỗ đậu. Tôi ngoái nhìn lui, nhìn những cánh tay đưa lên vẫy chào và cảm thấy mắt cay xè. Từ hôm chị Thơm đâm thằng đàn ông đến nay đã hơn mười ngày. Trước khi theo người cảnh sát ra khỏi nhà, chị Thơm nhìn tôi, bình tĩnh:

"Em rán tìm cách thoát khỏi chỗ này. Đời em còn dài, đừng bỏ phí..."

"Còn chị... Tại em..."

"Đừng lo cho chị. Như thế này chưa chắc đã xui dâu em. Ở tù vừa có cơm ăn có áo mặc vừa đỡ cực tấm thân. Đây là địa chỉ của chị, sau này có dịp em về quê chị chơi..."

Chiếc xe ra khỏi thành phố, bắt đầu leo đèo. Hai bên rừng thông xanh ngắt. Sương mù chưa tan, dưới lũng sâu, một màu sương đậm đặc như khói bốc lên ngùn ngụt. Con đường hẹp, thẫm màu, khuất lấp sau những khúc quanh. Phía trước, trên cao, mặt trời có lẽ đang khó nhọc vùng thoát khỏi bầu trời xám phủ trùm.

Chị Thơm, em đã nghe lời chị, đã chọn cho mình một hướng đi khác. Đời em sau này thế nào chưa biết, nhưng chắc chắn hình ảnh chị, ơn cứu mạng của chị, những tháng năm tù tội chị đang gánh... em sẽ mãi mãi không quên, không bao giờ quên. Nó là lực đẩy để em vươn lên, lớn dậy, để em không bao giờ là một thứ thú hoang chỉ sống thuần bằng bản năng, cho dẫu cuộc đời đày đọa thế nào chăng nữa. Và những người bạn nhỏ của tôi, tô cháo nóng, túp lều dựa lưng vách nhà mồ, manh chiếu rách, tấm chăn cũ, ánh mắt lạnh lùng nhưng ấm áp tình thương, và những bàn tay đưa cao vẫy chào... Tôi cũng sẽ không quên.□

Tìm đọc:

THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG

Tùy bút của Trần Hồng Châu

An Tiêm xuất bản

NGUYỄN ĐỨC

năm mới chuyện cũ:
giải thưởng văn hóa nghệ thuật toàn quốc năm 1971

*

Dưới thời Đệ nhị Cộng hòa, hằng năm vẫn có một giải thưởng dành cho các bộ môn Văn hóa Nghệ thuật gọi là giải thưởng Văn hóa Nghệ thuật Toàn quốc. Cơ quan đứng ra tổ chức cuộc thi này là phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa, mà người đứng đầu là cụ Mai Thọ Truyền, pháp danh Chánh Trí.

Có một dạo, giải Văn hóa Nghệ thuật này, khi công bố, đã gây nên một dư luận xôn xao, kéo dài nhiều ngày tháng, với những vụ tố cáo, biện minh, cải chính, đi đến cả đôi chối... Từ một giải thưởng Văn hóa Nghệ thuật, dần dần, những sự kiện đi ra ngoài tính cách văn hóa nghệ thuật.

Giải thưởng được phát ngày 4 tháng 2 năm 1972, giải thưởng dành cho năm 1971, nhưng mãi đến giữa tháng năm, những cuộc tranh luận, đôi co vẫn còn kéo dài trên báo chí.

"Ăn cơm mới, nói chuyện cũ", đầu năm đầu tháng, giở lại những tài liệu cũ, tìm hiểu những "hậu trường" của một giải thưởng văn chương, gọi là "ôn cố tri tân".

*

Giải thưởng hạng nhất về thơ năm 1971, được trao cho thi sĩ Trần Dạ Từ với tập "*Thuở Làm Thơ Yêu Em*".

Sau khi giải thưởng phát xong, trên nhật báo *Sóng Thần*, nhà văn chủ nhiệm Chu Tử đã đưa ra nhận xét:

"Giải văn chương năm nay có một sự vận động bẩn thỉu nhất là giải thơ. Vì Trần Dạ Từ lãnh giải mà Trần Tuấn Kiệt còn nằm trong tù..."

Nhận xét của Chu Tử đưa ra ba dữ kiện, chỉ có một dữ kiện liên quan đến văn chương là "Trần dạ Từ lãnh giải nhất về thơ", còn hai dữ kiện kia, "sự vận động bẩn thỉu nhất" và "Trần Tuấn Kiệt còn nằm trong tù", không liên quan gì đến văn hóa, nghệ thuật hết.

Trên tờ *Khởi Hành* (số 145, ngày 23-3-72), nhà thơ Thanh Tâm Tuyền cũng đã lên tiếng về giải thơ, với tư cách là Thư ký của Hội đồng chấm giải tiểu ban thơ, trong bài viết "Về giải thơ năm 1971 của phủ Quốc vụ khanh", nhà thơ Thanh Tâm Tuyền đã cho rằng: *"Kết quả được công bố hoàn toàn bất hợp lệ đã được tạo ra do sự bội tín của ông Vũ Hoàng Chương với sự toa rập của một số người và ban tổ chức"*. Đó là *"một sự lường gạt có toan tính, sắp xếp..."* *"Người ta đã cố tình lấp liếm sự vô lý bất hợp lệ của tờ biên bản do ông Chương nạp"*.

Lời tố cáo này hơi nặng, với những từ ngữ buộc tội cứng rắn: *bất hợp lệ, bội tín, toa rập, lường gạt có toan tính, sắp xếp...* những từ ngữ dành cho tòa án, hơn là cho lãnh vực văn chương.

Được biết ban giám khảo giải thơ gồm có các nhà thơ Vũ Hoàng Chương (trưởng tiểu ban), Thanh Tâm Tuyền (thư ký), Hà Thượng Nhân, Nguyên Sa, Mộng Tuyết. Và người đại diện cho cơ quan tổ chức giải thưởng Văn hóa Nghệ thuật phủ Quốc-vụ-khanh, là giáo sư Võ Long Tê.

Ông Lê Phương Chi, liên tục trên hai số tuần báo *Đời* (127 và 128, ngày 13-4 và 20-4) và tạp chí *Bách Khoa* (số 369, ngày 15-5) đã cố công tìm hiểu các sự kiện và phỏng vấn các nhân sự liên hệ, đã tóm tắt tất cả những "bí ẩn" liên quan đến giải thưởng về thơ 1971 như sau:

Ngày 18-1, Hội đồng chấm giải họp tại nhà thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Phương pháp chấm giải, do thi sĩ Thanh Tâm Tuyền đề nghị, đã được chấp thuận: bỏ phiếu kín làm hai vòng. Vòng đầu, mỗi thành viên được đề nghị ba tác phẩm và tác phẩm nào được hai phiếu sẽ được vào vòng hai. Ở vòng hai, mỗi thành viên đề nghị một tác phẩm, tác phẩm nào được ba phiếu trở lên sẽ trúng giải.

Đề nghị đầu phiếu thật minh bạch, công bình, ít nhất là về phương pháp. Nếu có tư túi, vì tình cảm hay vì lý do nào khác, thì chỉ riêng cá nhân với cá nhân mà thôi.

Việc đầu phiếu lại không diễn tiến đúng như vậy. Sau khi các thành viên trong ban giám khảo viết xong phiếu vòng đầu, chưa kịp khui phiếu, thì thi sĩ Hà Thượng Nhân chận lại. Ông đứng lên kêu gọi hội đồng "nên vì tình văn nghệ mà phát giải cho thi sĩ Trần Tuấn Kiệt [thi tập *Niềm Hoan Lạc Thần Linh và Ngục Tù*, lúc ấy đang bị giam giữ ở quân lao, coi như là một cách vận động hữu hiệu để cho Trần Tuấn Kiệt được thả, về xum họp với gia đình trong dịp Tết."

Lời kêu gọi của thi sĩ Hà Thượng Nhân được bàn cãi sôi nổi và sau cùng được hội đồng chấp nhận một cách vui vẻ, đầy "tình văn nghệ".

Chuyện như vậy, tưởng là xong, tưởng là giải thưởng sẽ trao cho thi sĩ Trần Tuấn Kiệt. Nhưng, ở đời, vẫn có những cái cắc cớ. Đã thỏa thuận như vậy, nhưng cuộc bầu phiếu vẫn tiếp tục, để thử coi "kết quả xem sao".

Kết quả, vòng một Trần Dạ Từ được bốn phiếu, Vi Khuê được ba, Trần Tuấn Kiệt chỉ có một.

Vòng hai, Trần Dạ Từ được ba phiếu (đạt tiêu chuẩn trúng giải), Vi Khuê được hai.

Biên bản được thành lập là giải thơ trao cho Trần Tuấn Kiệt theo sự kêu gọi của ông Hà Thượng Nhân và theo đề nghị của ông Thanh Tâm Tuyền "*để Trần Dạ Từ nhường cho Trần Tuấn Kiệt*". Biên bản được tất cả thành viên trong hội đồng ký và trao cho thi sĩ Vũ Hoàng Chương, để thi sĩ đệ nạp cho ban tổ chức.

Tới đây lại tưởng là xong. Nhưng, ở đời, chuyện cắc cớ vẫn còn hoài. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương *đã gom góp và giữ tất cả các phiếu bầu.*

Qua một đêm suy nghĩ lại, thi sĩ Vũ Hoàng Chương cho rằng biên bản đã làm là "*lấy tình cảm thay cho lẽ công bằng*", nên ông mời tất cả các giám khảo đến họp tại phủ Quốc vụ khanh (ngày 20 tháng 1) để làm lại biên bản đúng theo kết quả của hai vòng bỏ phiếu. Phiên họp chỉ có ba người: Vũ Hoàng Chương, Nguyên Sa, Mộng Tuyết và biên bản chỉ có ba chữ ký. Hà Thượng Nhân và Thanh Tâm Tuyền vắng mặt và sau đó, không chịu ký vào biên bản.

Thế là một vụ văn chương chữ nghĩa bắt đầu lùm xùm trong tiếng múa lân lùng tùng của những ngày chuẩn bị Tết.

*

Những người liên hệ đã lên tiếng qua báo chí và qua cuộc phỏng vấn của ông Lê Phương Chi:

– Thi sĩ Vũ Hoàng Chương (trên tuần báo *Đời* số 127, ngày 13 tháng 4): "*... Tiễn mọi người ra về, tôi càng suy nghĩ càng thấy băn khoăn vì chuyện làm của hội đồng vừa rồi. Vì tình cảm mà lấy giải của người này trao cho người kia, nếu sau này Trần Dạ Từ sẽ làm tung câu chuyện này lên thì tai hại biết đâu là lường được, tôi lại là chủ tịch hội đồng này. Nếu cứ cái đà lấy tình cảm thay cho lẽ công bằng cứ thành tiền lệ rồi diễn tiến mãi, thì giải văn chương còn nghĩa lý gì nữa...*"

– Thi sĩ Thanh Tâm Tuyền (báo *Khởi Hành* số 143, ngày 23 tháng 3): "*... Sau này, ông Chương, khi tôi hỏi về thái độ của ông tại sao trong phiên họp ông không chịu nói, ông bằng lòng ký biên bản xong lại bội tín ngay hôm sau, ông nói là đã ký vì bị áp lực. Tôi không hiểu ai làm áp lực ông. Tôi nghĩ ông đã bị áp lực của nhân nghĩa. Các ông không đủ can đảm lên tiếng khi người ta mang nhân nghĩa ra dọa, các ông làm điều nhân nghĩa vì sợ hãi và rồi phản ứng bằng âm mưu gian trá...*"

– Thi sĩ Nguyên Sa (tuần báo *Đời*, số 128, ngày 20 tháng 40): "*... Thanh Tâm Tuyền mượn Trần Tuấn Kiệt để loại Trần Dạ Từ và giải tỏa nỗi ấm ức Bùi Giáng không được giải...*"

"*... Mình làm sai, mình biết là sai và sửa chữa kịp thời, đâu phải mình khăng khăng bảo thủ hoặc ngoan cố ngụy biện để đổ tội cho người khác. Trong đời, có ai tránh những lúc bị dồn vào thế kẹt, có phải không?...*"

– Thi sĩ Hà Thượng Nhân (tuần báo *Đời*, số 128, ngày 20 tháng 4): "*...Tôi nghĩ đáng trách chung hội đồng. Chuyện không đáng gì mà các anh làm um sùm. Tôi có cảm tưởng này, anh em văn nghệ sĩ mới được người ta trao cho một chút quyền mà đã lộn xộn, làm lùm xùm như vậy. Nếu chẳng may quyền hành lọt vào tay anh em văn nghệ sĩ, thì đất nước chúng ta sẽ ra sao? Thế mà chúng ta hằng ngày cứ đòi Chân, Thiện, Mỹ mà vẫn tị hiềm nhau, không lấy tình thương bao la mà chịu đựng nhau, thì đừng trách chủ nghĩa này, chủ nghĩa nọ đã từng sát phạt nhau vì chánh kiến...*"

– Thi sĩ Mộng Tuyết (tạp chí *Bách Khoa*, số 369, ngày 15 thámng 5): "... *Tôi thắc mắc tại sao đã cho Kiệt giải rồi, lại còn bỏ phiếu làm chi. Và các anh Thanh Tâm Tuyền, Hà Thượng Nhân sao không bầu cho Trần Tuấn Kiệt. Dù là nói bỏ thử chơi xem ai thắng, cũng cứ bỏ cho thơ của người mà mình cho rằng hay. Tại sao lại bỏ cho Trần Dạ Từ để gây ra rắc rối...*"

"... *Về anh Chương, tôi nghĩ ảnh nên triệu tập một cuộc họp như anh Thanh Tâm Tuyền đã đề nghị, như vậy ảnh khỏi mang tiếng. Còn anh Thanh Tâm Tuyền viết bài tố cáo anh Chương trước công luận, tôi nghĩ như vậy là quá đáng. Nghe nói anh Hà Thượng Nhân tiết lộ cho Trần Dạ Từ biết chuyện đáng lẽ phải giữ kín như đã hứa với nhau, nếu có như vậy, anh Hà Thượng Nhân cũng đáng trách. Anh Nguyên Sa, tôi thấy ảnh có vẻ vô tư trong việc này...*"

– Giáo sư Võ Long Tê (tạp chí *Khởi Hành*, số 148, ngày 13 tháng 4): "... *Ban tổ chức giải thưởng rất phiền lòng được biết rằng trong hội đồng chấm giải bộ môn thơ 1971 đã xảy ra một cuộc vận động trao giải thưởng cho một thi sĩ vì lý do tình cảm đặc biệt thay vì chân giá trị của tác phẩm dự giải...*"

– Thi sĩ Trần Dạ Từ (tạp chí *Bách Khoa*, số 369, ngày 15 tháng 5): "... Anh em bảo tôi là anh Thanh Tâm Tuyền đã về Sàigòn chấm thi và có tuyên bố ở vài nơi rằng: 'Thằng Trần Dạ Từ mà dự giải sẽ bị đá văng ngay..." Cuối năm, phần vì túng tiền, phần cũng muốn kiểm chứng coi thi sĩ Thanh Tâm Tuyền có nói vậy không – và có nói dọa đá thật thì ổng đá ra sao, đá được không – nên chỉ trong vòng một tuần tôi in xong tập thơ và dự giải..."

"... *Báo chí, văn giới, đã ơn sòm không biết bao nhiêu về xì-căng-đan giải thưởng văn chương này. Nhưng lạ thay, cho tới nay, chẳng thấy ai, chẳng thấy báo nào, dù báo xưng là văn học nghệ thuật, thèm đề cập, giới thiệu hay phê bình dăm ba chữ về chính những tác phẩm đã làm nên kết quả các giải thưởng ấy. Phải chăng, sinh hoạt văn chương của chúng ta đã tới hồi không còn dựa trên tác phẩm, mà chỉ còn được chú ý theo kiểu rình rập thằng này, con kia, phe này phái nọ và những xì-căng-đan quanh đó...*"

– Thi sĩ Trần Tuấn Kiệt (tạp chí *Bách Khoa, số 369, ngày 15 tháng 5): "... Tôi hoàn toàn tin tưởng bài viết của anh Thanh Tâm Tuyền là một bài viết đứng đắn nhất...*"

"... *Tôi cũng từng ký vài lần vào biên bản để giúp cho các việc tranh đấu*

văn nghệ, mà tôi không nghĩ đó là ân nghĩa bao giờ. Riêng vụ của tôi, anh em đã nêu lên điều ân nghĩa và chuyện tôi bị tù để cố tình đánh tráo một sự thật. Mà cái sự thật đó, tôi cũng không bận tâm cho lắm..."

"... Tôi nghĩ rằng, Trần Dạ Từ lãnh giải cũng rất xứng đáng, nhưng riêng tôi, nếu giải thơ năm nay mà sử dụng cả tình lẫn lý, thì nên trao cho anh Bùi Giáng hơn..."

(Thi sĩ Trần Tuấn Kiệt đã được giải nhất về thơ năm 1969 và đã ra khỏi quân lao trước Tết, do sự can thiệp và vận động của hội Bút Việt).

*

Nói về các giải thưởng văn chương trước đây, nhà văn Mai Thảo, cũng đã có thời làm chủ tịch ủy ban chấm giải bộ môn văn, trong lúc khề khà trà dư tửu hậu, phát biểu bằng một giọng khinh bạc cố hữu:

– Ối, thằng nào nghèo thì cho nó ấy mà. Tiền chánh phủ chớ có phải là tiền ai đâu?

Lời phát biểu nghe không êm tai, nhưng nói lên một sự thật.

Ông Trần Dạ Từ tỏ ý buồn vì "người ta" không lưu tâm tới tác phẩm, chỉ lưu ý tới tác giả. Đó cũng là sự thật. Ban giám khảo chỉ nói, "Bỏ phiếu cho Trần Dạ Từ", "Bỏ phiếu cho Vi Khuê". Trong bao nhiêu cuộc tranh luận trên báo chí, Vi Khuê được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, nhưng tác phẩm của bà là gì, không thấy nói tới. Và chính ông Trần Dạ Từ, ông đã gởi tác phẩm dự thi vì túng tiền và vì một lời thách thức của ông Thanh Tâm Tuyền, không thấy một chút động lực văn chương chữ nghĩa trong đó.

Những người liên hệ trong vụ lùm xùm giải thưởng thơ năm 1971, ngoài thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã ra người thiên cổ, đều còn sống sau hơn hai chục năm biển dâu thay đổi. Bà Mộng Tuyết đang ở Pháp. Các ông Nguyên Sa, Hà Thượng Nhân, Thanh Tâm Tuyền, kẻ trước người sau đến Hoa Kỳ. Ông Trần Dạ Từ tị nạn ở Thụy Điển rồi qua Hoa Kỳ. Chỉ riêng ông Trần Tuấn Kiệt còn ở Việt Nam.

Chuyện hai chục năm, "để thì cũ", giở ra không phải làm cho mới, mà là để biết một vài khía cạnh của sinh hoạt văn học nghệ thuật trước đây. Biết để vui, để ngậm ngùi và để rút tỉa một vài kinh nghiệm cho tương lai...□

THƯ TÍN

Chị Nguyễn Thị Hoàng Bắc (Virginia): Nhà xuất bản An Tiêm vừa cho biết sẽ ấn hành tập truyện của chị vào đầu năm 92 này. Phục chị thật. Bận bịu như thế (lại còn bận tâm nữa) mà vẫn sáng tác nghiêm chỉnh, đều đặn. Cứ làm việc như thế chắc độc giả xa gần chẳng bao giờ thất vọng đâu, chị nhỉ. Thân.

Trần Long Hồ (Virginia): Với trọng trách mới trong Văn Bút miền Đông, vẫn mong anh còn thì giờ cho việc sáng tác.

Anh Huỳnh Hữu Ủy (Texas): Đã gửi những số Văn Học cũ đến anh. Mừng anh đến được bến bờ tự do và giới hội họa Việt Nam hải ngoại lại có thêm một họa sĩ và một nhà viết phê bình hội họa đặc sắc. Nguyên Khai vẫn nhắc đến anh luôn. Thân.

Anh Ngọc Khôi (Pháp): Mỗi lần có tấm bưu thiếp gửi về tòa soạn từ những góc trời xa xôi, giở ra, y như rằng là do anh gửi. Cảm ơn anh đã không quên anh em Văn Học dù là đang lúc nhàn du. Thế còn trong lúc làm việc, sáng tác thì sao? Mong nhận được những sáng tác mới của anh. Thân.

Chị Trần Mộng Tú (Washington): Trong phong bì chỉ thấy có lá thư mắng mỏ còn thơ thì không thấy đâu. Chẳng lẽ thơ đã theo gió bay lên rừng thông núi tuyết mất rồi? Thân.

Anh Ngô Lê Từ (California): Cảm ơn mối thịnh tình anh dành cho Văn Học. Đọc qua vài số báo, anh sẽ thấy ngay khuynh hướng và chủ trương của các anh em trong ban chủ biên. Anh em quan niệm con đường đang đi, với điều kiện vô cùng eo hẹp và khó khăn tại hải ngoại, vẫn là con đường lâu bền nhất trong việc đóng góp được chút gì cho dân tộc và đất nước. Mong được anh cổ động trong thân hữu để Văn Học có thêm nhiều độc giả mới. Thân.

Chị Phạm Thị Ngọc (Taxas): Điểm chị nêu rất đích đáng và hợp lý. Tuy nhiên, câu "Muốn được dính vào gốc..." có thể giải thích được phần nào thắc mắc của chị chăng? Không thấy *Thế Hệ* xuất hiện nữa, cũng hơi thắc mắc, nhưng hiểu. Đang chờ truyện ngắn mới nhất của chị, không kịp cho giai phẩm Xuân thì số tân niên vậy. Thân.

Anh Hoàng Khởi Phong (Texas): Mấy ngày qua anh hắt hơi nhảy mũi hoài không phải vì bị trúng gió cảm mạo gì đâu mà vì tụi tui bên đây réo anh như gọi đò đó. Đầu năm nếu phải tránh nạn nước lụt Texas, ghé về miền Nam Cali nắng ấm thì nhớ gọi anh em một tiếng. Thân.

Anh Tạ Quốc Tuấn (Texas): Bài đến quá muộn cho giai phẩm Xuân. Thật tiếc. Đành chờ đến số tân niên vậy. Mong sự cộng tác lâu dài của anh. Hiện chúng tôi không có địa chỉ hoặc điện thoại của thi sĩ anh hỏi. Sẽ hỏi anh MT và thư riêng cho anh sau. Thân.

Cô Vũ Minh Ngọc: (Cali): Nói chung người ta không nên tìm niềm vui trên nỗi đau khổ của kẻ khác như thế. Cám ơn cô về những bài thơ "í à" đầu xuân. Đọc thơ và hình dung ra nụ cười của cô khiến cho người ta dù lòng có nặng nề đến đâu, cũng thấy năm mới đầy vui tươi phấn khởi. Dù sao gã chán chường kia cũng cứ tin rằng đây nhất định không chỉ là tình trạng tạm thời và thoáng qua mà thôi. Thân.

CHIA BUỒN

Được tin thân mẫu anh Nguyễn Văn Khanh là Cụ Bà:

NGUYỄN VĂN TƯỚC

Nhũ danh **Philomena VŨ THỊ HẬU**

Sinh quán Phương Vĩ, Bắc Ninh

Đã từ trần ngày 10-12-1991 tại Arlington, Virginia, USA

Hưởng thọ 60 tuổi

Xin chia buồn cùng anh Nguyễn Văn Khanh và Cầu chúc linh hồn cụ sớm về nước Chúa

Ban Chủ biên Tạp chí Văn Học

TRONG SỐ NÀY

- **HUỲNH HỮU ỦY**
  một loại tranh tôn giáo dân gian miền nam . . . . . .trang 2
- **KHOA HỮU** *thơ* . . . . . .trang 17
- **QUỲNH GIAO**
  khúc ca xuân bất hủ của phạm duy . . . . . .trang 22
- **KHẾ-IÊM** *thơ* . . . . . .trang 25
- **VÕ ĐÌNH**
  nói chuyện vẽ . . . . . .trang 26
- **PHẠM VIỆT CƯỜNG** *thơ* . . . . . .trang 34
- **THẾ UYÊN**
  khi người mỹ làm thơ về việt nam . . . . . .trang 37
- **TRỊNH Y THƯ** *thơ* . . . . . .trang 42
- **LÊ BI** *thơ* . . . . . .trang 43
- **NGUYỄN MẠNH TRINH**
  phỏng vấn cuối năm . . . . . .trang 44
- **TRẦN MỘNG TÚ** *thơ* . . . . . .trang 71
- **VÕ PHIẾN**
  đối thoại về kiện cáo . . . . . .trang 75
- **TRỌNG LAI**
  lão pánh pò . . . . . .trang 86
- **DU TỬ LÊ** *thơ* . . . . . .trang 114
- **HOÀNG LIÊN**
  cho đến cuối cuộc đời . . . . . .trang 115
- **HOÀNG XUÂN SƠN** *thơ* . . . . . .trang 126
- **NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC**
  ra đi và tập làm thi sĩ . . . . . .trang 128
- **DƯƠNG ĐỨC NHỰ** *thơ* . . . . . .trang 133
- **TRIỀU HOA ĐẠI** *thơ* . . . . . .trang 134

- **HỒ ĐÌNH NGHIÊM**
  mưa sương . . . . . trang 135
- **TRẦN HỒNG CHÂU** *thơ* . . . . . trang 150
- **NGUYỄN MỘNG GIÁC**
  "chaka" . . . . . trang 152
- **LƯU HY LẠC** *thơ* . . . . . trang 159
- **PHAN NI TẤN (N.D.)** *thơ* . . . . . trang 160
- **PHAN TẤN HẢI**
  chàng, nàng và buổi chiều . . . . . trang 164
- **THƯỜNG QUÁN** *thơ* . . . . . trang 168
- **NGỰ THUYẾT**
  trở về . . . . . trang 170
- **PHẠM CHI LAN**
  ngày đau của lá . . . . . trang 180
- **LA TOÀN VINH** *thơ* . . . . . trang 190
- **TRẦN LONG HỒ**
  bên này sóng . . . . . trang 191
- **VẠN GIẢ** *thơ* . . . . . trang 205
- **NGUYỄN MẠNH TRINH** *thơ* . . . . . trang 206
- **HUỲNH LIỄU NGẠN** *thơ* . . . . . trang 208
- **TRẦN SA**
  tình đầu . . . . . trang 209
- **NGỮ AN** *thơ* . . . . . trang 220
- **KHÁNH TRƯỜNG**
  vào đời . . . . . trang 221
- **NGUYỄN ĐỨC** *năm mới chuyện cũ:*
  giải thưởng văn hóa nghệ thuật toàn quốc năm 1971 . . . . . trang 236

Bìa: ĐINH CƯỜNG

Phụ bản: NGỌC DŨNG, TRẦN SA, KHÁNH TRƯỜNG

mỗi đầu tháng nhớ đón đọc

NHÂN VĂN

tờ báo đã hiện diện tại hải ngoại liên tục 11 năm nay

•

chủ nhiệm: THƯỢNG VĂN
P.O. Box 53658 San Jose, CA 95153, usa

Bạn không bằng lòng với chủ trương của:

tập san NHÂN VĂN

xin tìm đọc:

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

phát hành hai tháng một kỳ

•

chủ biên KHÁNH TRƯỜNG
P.O. Box 277 Garden Grove, CA 92642, USA

bạn đã có chưa?
tập truyện

CHỖ TIẾP GIÁP VỚI CÁNH ĐỒNG

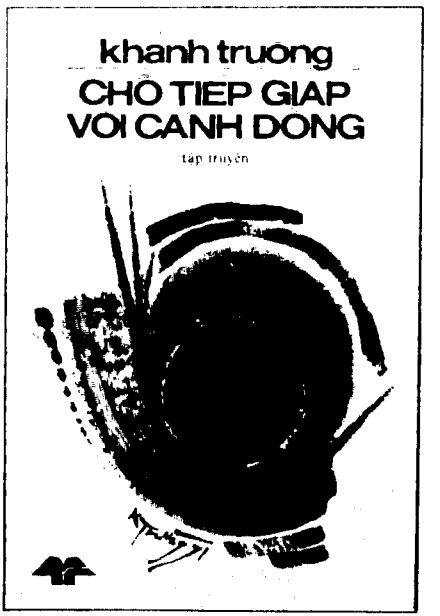

những truyện ngắn dữ dội, tàn bạo,
nhưng không kém thơ mộng
giá 14 Mỹ kim

•

Tân Thư & Thời Văn
P.O. Box 277 Garden Grove, CA 92642, USA

KỶ NIỆM 36 NĂM TIẾNG HÁT DUY KHÁNH

Video TRƯỜNG SƠN 1

- **"XUÂN NÀY CON KHÔNG VỀ"**, cuốn video thực hiện rất công phu với âm thanh nổi tuyệt hảo và hình ảnh sáng đẹp nhất.
- **"XUÂN NÀY CON KHÔNG VỀ"**, cuốn video độc nhất diễn đạt trọn vẹn tinh ý nội dung từng bài ca gây xúc động mọi người.
- Đón Xuân tha hương, không gì ý nghĩa bằng thưởng thức và tặng nhau video **"XUÂN NÀY CON KHÔNG VỀ"** với những ca khúc ăn khách nhất.

Xuân NÀY CON KHÔNG VỀ

1.- Xuân Này Con Không Về — Trịnh Lâm Ngân
2.- Những Chiều Không Có Em — Trường Hải
3.- Sương Trắng Miền Quê Ngoại — Đinh Miền Vũ
4.- Tình Đời — Minh Kỳ
5. Gót Phiêu Du — Thanh Sơn
6.- Kẻ Ở Miền Xa — Trúc Phương

Liên Lạc:
TRƯỜNG SƠN PRODUCTIONS
10181 Westminster Ave, # 12
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 530-6575

ĐÃ PHÁT HÀNH

Nhà Xuất Bản
AN TIÊM

•

GIỚI THIỆU
SÁCH MỚI

MỘT TRANG ĐỜI

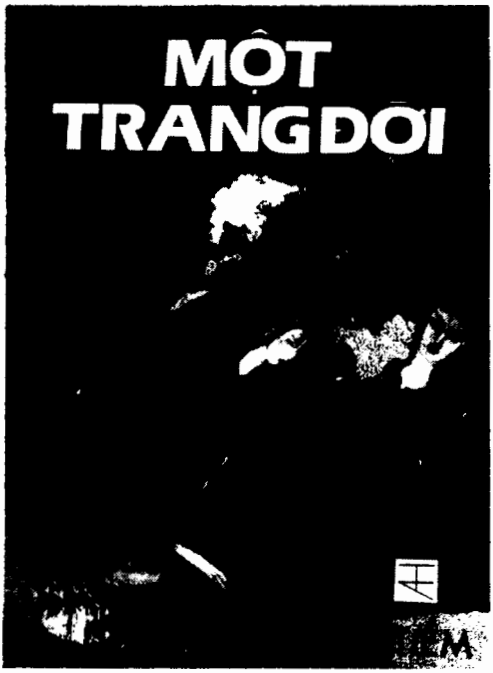

tập truyện PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN

...Bằng lối văn say mê, đôn hậu, tác giả đưa người đọc tìm thấy lại quê hương, bằng hữu, những kỷ niệm êm đềm qua những trang đời...

...Từng trang đời dở đọc để mà vừa đau vừa thương đời... một khúc hát sâu lắng cho một mùa xuân đang về.

Xin tìm mua ở các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301,
Westminster, CA 92683 USA

Muốn mua máy Computer?
và đánh được chữ Việt?
hoặc khi máy bị Problem?

Xin gọi: **(714) 891-7656**

Chúng tôi hoàn chỉnh các dịch vụ:

✔Software? ✔Hardware?

khi máy Computer của quý vị bị Problem.

❒ Nếu muốn

Đánh thư từ bài vở
bằng tiếng Việt
trên máy điện toán.
VNI Word Processor

$35

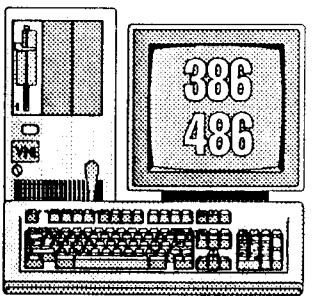

VNI-CorelDraw
Trình bày quảng cáo,
Flyer, Brochure với
trên 50 kiểu chữ Việt
đẹp và lạ.

$80

Công Ty Điện Toán

VNI

15103 Moran St., Westminster CA 92683
(ngay trung tâm Little Saigon)

(714) 891-7656

TRÂM ANH – THE PERFECT BRIDE

(714) 638-8209

(714) 373-1345

13802 Brookhurst # 1A Garden Grove CA 92643 USA
(đối diện Target, cạnh Rainbow Donut)

•

CHUYÊN BÁN và CHO THUÊ ÁO CƯỚI với các hãng nổi tiếng như ILLISA, MARY, ALFRED ANGELO và TUXEDO với CHRISTIAN DIOR, PIERRE CARDIN, AFTER SIX...
Ngoài ra chúng tôi còn bán sỉ các áo cưới và áo phù dâu, dạ hội nổi tiếng đẹp nhập cảng từ Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan...
Nhận cung cấp sỉ đồ cưới cho các tiệm đồ cưới trong vùng và gửi hàng đi khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, Canada bằng UPS

•

GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG, TIẾP ĐÃI NỒNG HẬU

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - mau cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM
thứ bảy: 9 AM - 1 PM
Tel: **(714) 641-0263**
Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTER

Tel: (714) 648-0325
Fax: (714) 648-0326

1714 E. Mc Fadden Ave. Suite O
SANTA ANA, CA 92705
Store Hours: Mon - Sat: 9AM - 7PM

- Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
- Nhận Visa & Master Card & Trả Góp
- Nhận gửi đi xa qua UPS
- IBM COMPATIBLE 100%
- AT 286-12 / Super VGA / 40Mb HD $1195
- AT 386 SX / Super VGA / 40Mb HD $1425
- AT 386-25 / SupeR VGA / 40Mb HD $1750
- AT 386-33 / Super VGA / 40Mb HD $1995

(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

Đặc Biệt

- Laser Jet printer memory upgrade:
- 1 Mb $165 / 2 Mb $235 4 Mb $375

Cuốn sách đã được độc giả chờ đợi từ lâu.
Tuyển tập truyện ngắn:

NGÀY QUANH QUẨN

của **Trần Long Hồ**

Do nhà xuất bản Minh Văn ấn hành.
Sách in đẹp, trang nhã, với bìa 4 màu của Đinh Cường, tựa của Hồ Trường An, phụ bản của Đinh Cường và Ngọc Dũng, Nguyễn Đình Hùng trình bày.
Quí vị có thể tìm mua sách tại các nhà sách trong vùng hay liên lạc thẳng về:

Nhà xuất bản Minh Văn
P.O. Box 221076
Chantilly, VA 22022
ĐT/FAX: (703) 204-9239

Giá mỗi cuốn là $10.00 US tại Hoa Kỳ, ngoài Hoa Kỳ là $12.00 US. Chi phiếu xin đề MINH VĂN.

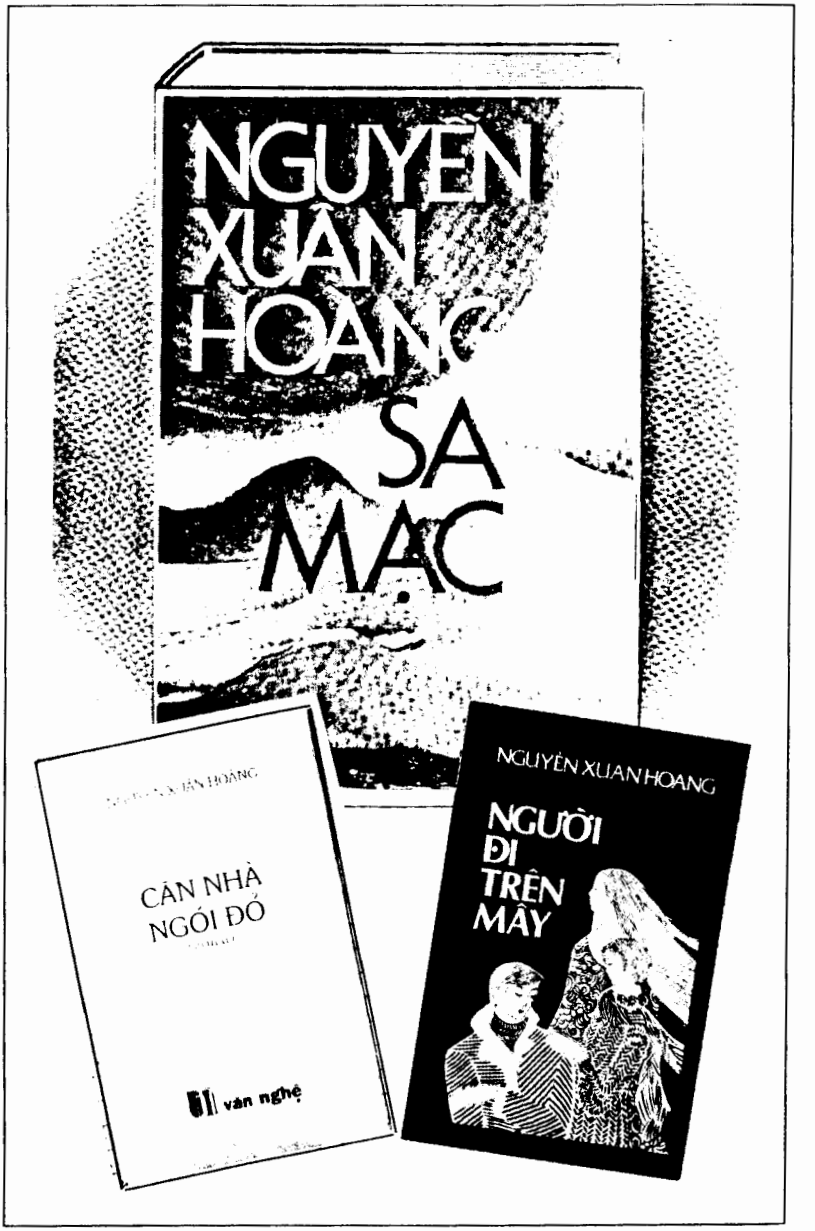
NGUYÊN XUÂN HOÀNG
SA MẠC
CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ
văn nghệ
NGUYÊN XUÂN HOÀNG
NGƯỜI ĐI TRÊN MÂY

DELTA AUTO SALE INC.

9055 GARDEN GORVE BLVD.,
GARDEN GROVE, CA 92644

TEL: (714) 539-2830

- **CHUYÊN BÁN CÁC LOẠI XE NHẬT, MỸ**
- **GIÁ RẺ, XE TỐT, FINANCE DỄ, NHANH**

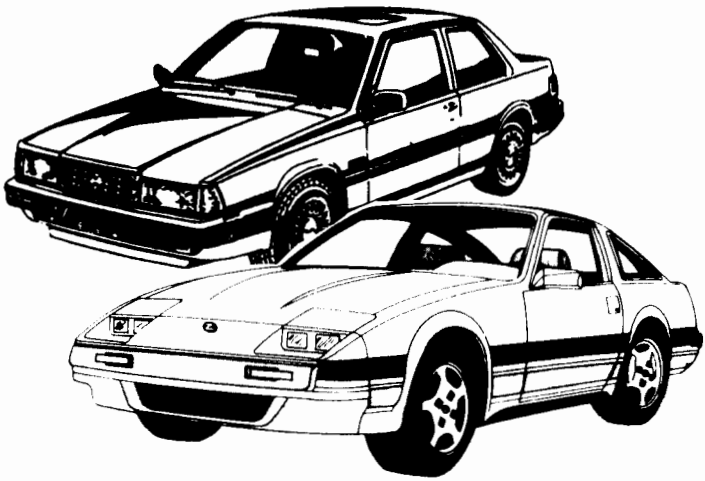

GIỜ LÀM VIỆC:
7 NGÀY TRONG TUẦN
TỪ 9AM ĐẾN 7PM

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

THƯ MỤC HỒNG LĨNH

ĐANG IN:

- **Bến Không Chồng** *Dương Hướng*
- **Tướng Quân** *Truyện phóng tác theo Shogun (Trọn bộ 4 cuốn)*
- **Ác Mộng** *Truyện dài Ngô Ngọc Bội*
- **Hành Trình Ngày Thơ Ấu** *Dương Thu Hương*
- **Quãng Đời Đánh Mất** *Dương Thu Hương*
- **Người Tình (The Lover)** *Marguerite Duras*
  Phạm Việt Cường chuyển ngữ
- **Emily L.** *Marguerite Duras, Phạm Việt Cường chuyển ngữ*
- **Truyện Ngắn Nam Cao**

ĐÃ IN:

- **Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma** *Nguyễn Khắc Trường*
  Giải nhất văn xuôi 1991
- **Chuyện Tình Kể Trước Lúc Rạng Đông** *Dương Thu Hương*
- **Em Còn Nhớ Hay Em Đã Quên** *Tập nhạc Trịnh Công Sơn*
- **Một Cõi Đi Về** *Tập nhạc Trịnh Công Sơn*
- **Sự Lừa Dối Hào Nhoáng** *Phóng tác theo The Bright & Shining Lie của Neil Sheehan*
  Giải thưởng Pulitzer 1988 và National Book Award
- **Tác Phẩm và Dư Luận** *Nguyễn Huy Thiệp*
- **Nỗi Buồn Chiến Tranh** *Bảo Ninh*
  Giải nhất văn xuôi 1991
- **Chiếc Chìa Khóa** *Junichiro Tanizaki, Phạm thị Hoài dịch*
- **Mê Lộ** *Phạm Thị Hoài*

Nhà Xuất Bản HỒNG LĨNH
9601 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 531-7223 Fax: (714) 531-1107

Lần đầu tiên tuyệt phẩm HỒN VỌNG PHU của LÊ THƯƠNG
được trình bầy với hòa âm, phối khí cho dàn đại hòa tấu
và hợp ca bốn giọng bởi nhạc trưởng LÊ VĂN KHOA

NGƯỜI CHINH PHU VỀ

Cassette $7.50 ▪ CD $12.00
Ngoài Hoa Kỳ thêm $1.00 cước phí.

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

Một kết hợp âm thanh phong phú
từ tiếng gọi rộn rã *LÊN ĐƯỜNG*
đến nét uyển chuyển thiết tha
AI XUÔI VẠN LÝ
và kết thúc hùng tráng bằng
NGƯỜI CHINH PHU VỀ

Qua nét hòa âm đầy nghệ thuật
giữa nhạc tính Tây phương
và ngũ cung Việt Nam

Một gửi gấm trân trọng
đến người nghe của

BAN HỢP CA
THÚY DƯƠNG

• Hồn Vọng Phu I, II, III, □ *Lê Thương* • Nguyệt Cầm □ *Cung Tiến* • Nhạc Chiều Năm Đó □ *Lê Văn Khoa* • Tìm Đâu □ *Nguyễn Hiền* • Giọt Lệ Cho Ngàn Sau □ *Từ Công Phụng* • Lời Tình U Mê □ *Vũ Tuấn Đức* • Chán Nản □ *Văn Phụng* • Gót Hồng □ *Vũ Tuấn Đức / Thùy Hạnh*

TỔNG PHÁT HÀNH:
SOUNDTECH PRODUCTIONS
P.O. Box 18897,
Yorba Linda, CA 92817-8897,
Tel: (714) 385-1756

NGƯỜI CHINH PHU VỀ, một tuyển chọn những ca khúc lừng danh và những sáng tác, hòa âm mới nhất của Vũ Tuấn Đức và Thùy Dương

CƠ SỞ XUẤT BẢN ĐẠI NAM HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

NHỮNG TÁC PHẨM GIÁ TRỊ MỚI XUẤT BẢN

• BỘ VIỆT SỬ TÂN BIÊN của soạn giả Phạm Văn Sơn

- Cuốn I: Thượng Cổ Và Trung Cổ Thời Đại	$16.00
- Cuốn II: Trần Lê Thời Đại	$20.00
- Cuốn III: Nam Bắc Phân Tranh	$16.00
- Cuốn IV: Từ Tây Sơn Mạt Diệp Đến Nguyễn Sơ	$16.00
- Cuốn V: Việt Nam Kháng Pháp Sử	$16.00
- Cuốn VI: Việt Nam Cách Mạng Cận Sử	$16.00
- Cuốn VII: Chế Độ Pháp Thuộc Tại Việt Nam	$16.00

• BỘ QUÂN SỬ VIỆT NAM do Bộ TTM/QLVNCH soạn

- Quân Sử I: QLVN Dưới Các Triều Đại Phong Kiến	$16.00
- Quân Sử II: QLVN Chống Bắc Xâm Và Nam Tiến	$25.00
- Quân Sử III: Quân Dân Việt Nam Chống Tây Xâm	$28.00
- Quân Sử IV: QLVNCH Trong Giai Đoạn Hình Thành	$28.00
- Cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân 1968	$28.00

• TỰ ĐIỂN, SÁCH VĂN HỌC VÀ TRIẾT HỌC

- Tự Điển Danh Nhân Thế Giới *Trịnh Chuyết soạn*	$18.00
- Tự Điển Pháp-Việt *Đào Văn Tập soạn*	$25.00
- Việt Ngữ Chánh Tả Tự Vị *Lê Ngọc Trụ soạn*	$22.00
- Tự Điển Truyện Kiều *Đào Duy Anh soạn*	$22.00
- Bộ Sử Việt Nam *do một nhóm giáo sư soạn, bộ 2 cuốn*	$20.00
- Việt Nam Tân Tự Điển *Thanh Nghị soạn*	$28.00
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư *Ngô Sĩ Liên, Nhượng Tống dịch*	$14.00
- Rèn Luyện Tâm Thuật Huyền Linh *Phạm Công Thiện*	$10.00
- Bảy Đại Triết Gia Trung Quốc Đời Chu Tần *Ngô Quân*	$8.00

• TIỂU THUYẾT

- Theo Ánh Tinh Cầu *Tùy bút của Toàn Phong*	$15.00
- Giá Tự Do *Truyện vượt biên của Nguyễn Ang Ca*	$15.00
- LL12 Nữ Điệp Viên *Truyện gián điệp của Huỳnh Dung*	$16.00
- Những Chuyện Tình Trong Cung Cấm *Đoàn Văn Thông*	$12.00
- Lối Bướm Đường Hương *Truyện Hồ Trường An*	$12.00
- Những Bí Mật Trên Dãy Hy Mã Lạp Sơn *Thinh Quang*	$12.00
- Băng Nhi *Truyện Quỳnh Dao, Ngô Quân dịch*	$10.00
- Một Kỷ Niệm Đẹp *Hồi ký Nguyễn Tấn Hưng*	$10.00

Thư Mua Sách, Tiền Bạc xin gửi về

DAINAMCO

P.O. Box 4279 GLENDALE, CA 91202 - USA

Giá 7 Mỹ Kim